

Đoàn Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đăng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường (scan từ microfilm của Đại Học Cornell).

522
1651

VĂN-HOÁ

NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHÓ-THÔNG

文化



Tập XII, Quyển 7

Số 83 (tháng 7, 1963)

NHA VĂN-HOÁ
BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

VĂN-HOÀ

NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG

Loại mới - Tập XII - Quyển 7

Số 83 (Tháng 7 năm 1963)



NHA VĂN-HOÀ
BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG
NHA VĂN-HÓA BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN
Loại mới — Tập XII — Quyển 7
Số 83 (Tháng 7, năm 1963)

Mục-lục

Thông-diệp của TÔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA nhân dịp
Lễ Song-Thất (7-7-1963).

I. Văn-hóa Việt-Nam

Ý-thức thân-thoại với tín-nguỡng vật-linh	NGUYỄN-ĐĂNG-THỰC	967
Dự-phóng làm văn	NGUYỄN-VĂN-TRUNG	975
Giọt-lệ sĩ-phu đầu thế-kỷ chúng ta	PHẠM-VĂN-SƠN	989
Vấn-đề văn-hóa dân-tộc	NGUYỄN-ĐÌNH-THI	995
Sương-Nguyệt-Anh, Sương-Nguyệt-Ánh hay Nguyệt-Anh thị ?	ĐÔNG-HỒ	1005
Lâm-tuyền kỳ-ngộ	PHẠM VĂN ĐIỀU	1013
Viếng đền thờ và mộ-phần họ Trương-Minh ở Gò-vấp	TRƯƠNG-BÁ-PHÁT	1026
Thi-ca của ĐÔNG-VIÊN, MAI-ĐÌNH, VIỆT-NHÂN, AN-ĐÌNH, BÙI THẠCH-ẤN, TẶNG-CHI, HOÀI-QUANG, ĐÔNG-MINH, ĐÀN-QUẾ, SƠN-MAI, THƯỜNG-TIÊN, TRỌNG - ĐỨC, ĐÔNG - XUYỀN, HỒNG - THIÊN, BẠCH - LĂNG, v. v...		

II. Văn-hóa Thế-giới

Chính-sách "Phú-quốc cường-binh" của thời Minh-Trị duy-tân	ĐOÀN-VĂN-AN	1045
Giáo-dục tráng-niên ở miền Nam Ý-Đài-Lợi (<i>Bản dịch của Phùng-Ngọc</i>)	ANNA LORENZETTO	1053
Quay về biên cả (<i>tiếp-theo</i>)	THÀNH-TÂM	1061
Nhân-sinh hệ-lụy (<i>Bản dịch của Nguyễn-Huy-Đôn</i>)	W. SOMERSET MAUGHAM	1069

N153841

107

914

III. Tin-tức Văn-Hóa

Tin trong nước	1087
Tin ngoài nước	1126
Tin sách, báo	1133

IV. Tranh-ảnh

Thủ-bút của nữ-sĩ Nguyễn-Thị-Khuê, biệt-danh Suong-Nguyệt-Anh.
Đền thờ và mộ-phần họ Trương-Minh ở Gò-vấp (4 ảnh).

V. Phụ-trương

Vấn-đề triết-học trong Đạo Lão (Nguyên-tác bằng Anh-văn)	F. RAYMOND IREDELL	1141
Khảo-cứu về "đấu nặng" trong tiếng nói miền Bắc Việt-Nam (Nguyên-tác bằng Anh-văn)	JEAN DONALDSON	1151
Bài thơ Nhân-loại (Kèm bản dịch Pháp-văn của Nguyễn-Khắc-Kham)	ĐÔNG-HỒ	1156
Chính-chiến (Kèm bản dịch Pháp-văn của Nguyễn-Khắc-Kham)	ĐÔNG-HỒ	1158

CULTURE

MONTHLY REVIEW

PUBLISHED BY THE DIRECTORATE OF CULTURAL AFFAIRS
DEPARTMENT OF NATIONAL EDUCATION

Vol. XII, No. 7

July 1963 (Fasc. 83)

Contents

Message of the PRESIDENT OF THE REPUBLIC OF VIETNAM
on Double Seven Day 1963.

I. Vietnamese Culture

Myths and Totems	NGUYỄN-ĐĂNG-THỤC	967
Why write ?	NGUYỄN-VĂN-TRUNG	975
The scholars' Plight at the Beginning of this Century	PHẠM-VĂN-SƠN	989
On National Culture	NGUYỄN-ĐÌNH-THI	995
Suong-Nguyệt-Anh, Suong-Nguyệt-Ánh or Nguyệt-Anh thị ?	ĐÔNG-HỒ	1005
Wondrous Encounter	PHẠM VĂN ĐIỀU	1013
Visit to the Truongs' Tombs in Govap	TRƯƠNG-BÁ-PHÁT	1029
Poems by ĐÔNG-VIÊN, MAI-ĐÌNH, VIỆT-NHÂN, AN-ĐÌNH, BÙI THẠCH-ẤN, TẶNG-CHI, HOÀI-QUANG, ĐÔNG MINH, ĐAN-QUẾ, SƠN-MAI, THƯỜNG-TIÊN, TRỌNG-ĐỨC, ĐÔNG-XUYỀN, HỒNG - THIÊN, BẠCH - LĂNG, v. v.		

II. World Culture

Japan's Policy under the Meiji	ĐOÀN-VĂN-AN	1045
Adult Education in South Italy (Vietnamese translation by Phùng-Ngọc)	ANNA LORENZETTO	1053
Return to the Sea (continued)	THANH-TÂM	1061
Of Human Bondage (Vietnamese translation by Nguyễn-Huy-Đôn).	W. SOMERSET MAUGHAM	1069

III. Cultural News

Vietnam News	1087
World News	1126
Publications Received	1133

IV. Figures and Illustrations

Handwriting of Mrs. Nguyễn-Thị-Khuê,
alias Sương-Nguyệt-Anh.
Temples and Tombs of the Truongs in Govap

V. Supplement

Philosophical problems presented by Taoism	F. RAYMOND IREDELL	1141
A study of the "nặng" tone in the northern dialect of Vietnamese	JEAN DONALDSON	1151
Poem to Mankind (With French translation by Nguyễn-Khắc-Kham)	ĐÔNG-HỒ	1156
Warfare (With French translation by Nguyễn-Khắc-Kham)	ĐÔNG-HỒ	1158



CULTURE

REVUE MENSUELLE D'ÉTUDE ET DE VULGARISATION

PUBLIÉE PAR LA DIRECTION DES AFFAIRES CULTURELLES
SECRETARIAT D'ÉTAT À L'ÉDUCATION NATIONALE

Nlle Série — Vol. XII, No. 7

Juillet 1963 (Fasc. 83)

Table des Matières

Message du PRÉSIDENT DE LA RÉPUBLIQUE DU VIETNAM à l'occasion
du Double Sept 1963.

I. Culture vietnamienne

Mythe et Totems.	NGUYỄN-ĐẮNG-THUC	967
Pourquoi écrire ?	NGUYỄN-VĂN-TRUNG	975
Situation des lettrés au début de notre siècle	PHẠM-VĂN-SON	989
A propos de la Culture Nationale.	NGUYỄN-ĐÌNH-THI	995
Sương-Nguyệt-Anh, Sương-Nguyệt-Ánh ou Nguyệt-Anh thị ?	ĐÔNG-HỒ	1005
Rencontre merveilleuse	PHẠM VĂN ĐIỀU	1013
Visite aux tombeaux des dignitaires Trương à Govap	TRƯƠNG-BÁ-PHÁT	1029
Poèmes de ĐÔNG-VIÊN, MAI-ĐÌNH, VIỆT-NHÂN, AN-ĐÌNH, BÙI THẠCH-ẤN, TẶNG-CHI, HOÀI-QUANG, ĐÔNG-MINH, ĐAN-QUẾ, SON-MAI, THƯỜNG- TIÊN, TRỌNG-ĐỨC, ĐÔNG-XUYỀN, HỒNG-THIÊN, BẠCH-LĂNG, v. v.		

II. Culture internationale

Politique de "Richesse et Puissance" au Japon sous le règne de Meiji	ĐOÀN-VĂN-AN	1045
Education des Adultes dans le Sud de l'Italie (Traduction de Phùng-Ngọc)	ANNA LORENZETTO	1053
Recours à la mer (suite)	THANH-TÂM	1061
Of Human Bondage (Traduction vietnamienne de Nguyễn-Huy-Đôn)	W. SOMERSET MAUGHAM	1069

III. Nouvelles culturelles

Nouvelles du Viet-Nam	1087
Nouvelles du monde	1026
Livres et Périodiques	1133

IV. Planches et Gravures

Autographe de Mme Nguyễn-Thị-Khuê,
alias Sương-Nguyệt-Anh, femme de lettres.
Temples et tombeaux des dignitaires Trương à Govap

V. Supplément

Problèmes philosophiques dans le Taoïsme (Texte original en anglais)	F. RAYMOND IREDELL	1141
Etude du ton «nặng» dans le dialecte du Nord Viêt-Nam (Texte original en anglais).	JEAN DONALDSON	1151
La Poésie de l'Humanité (Avec traduction française de Nguyễn-Khắc-Kham)	ĐÔNG - HỒ	1156
Guerres et Conquêtes (Avec traduction française de Nguyễn-Khắc-Kham)	ĐÔNG-HỒ	1158



THÔNG - DIỆP

CỦA TỔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
nhân dịp lễ Song-Thất
(7-7-1963)

Đồng-bào thân mến,

Với ngày Song-Thất hôm nay, chúng ta bước vào năm thứ mười của cuộc cách-mạng quốc-gia. Đã là một cuộc cách-mạng, và lại là một cuộc cách-mạng quốc gia, dĩ-nhiên dân-tộc không khỏi va chạm một số tư-tưởng, tổ-chức và kỹ-thuật của các lực-lượng bảo-thủ và phản cách-mạng tại quốc-nội cũng như tại quốc-tế.

Bởi thế cho nên trước tình-thế khẩn-trương do giặc xâm-lãng Cộng-sản gây ra, trước nạn chia rẽ và chậm tiến trầm-trọng của thực-trạng lịch-sử, đồng-bào bất cứ nam-nữ già trẻ hãy đứng lên cương-quyết đảm-đương lấy vận-mệnh nước nhà, đấu-tranh biến-cải vận-mệnh đó để mà theo chiều hướng nguyện-vọng chính của dân-tộc Việt-Nam, một dân tộc bất khuất, đã từng hy-sinh xương máu để tồn-tại và tiến-bộ.

Năm vừa qua, nhờ cuộc cách-mạng toàn-diện của quốc-sách Ấp Chiến-Lược và binh-thu, chủ-nghĩa chiến-tranh mới, chúng ta đã đạt được những thắng-lợi vẻ-vang trong nhiệm-vụ diệt tà, trừ-bạo để bảo-vệ củng-cố và đẩy mạnh bước tiến của dân-tộc không sờn lòng. Chúng ta cần gia-tăng đến cực-độ khả-năng chiến-đấu để tiến tới thắng-lợi cuối cùng và hòa-bình thật sự.

Cuộc chiến-tranh hiện-tại là cuộc chiến-tranh toàn-diện, toàn-dân, toàn-quân. Do đó, sự đoàn-kết của mọi thành-phần, của mọi tầng lớp nhân-dân là nhu-cầu thiết-yếu, là sự-mạng thiêng-liêng.

Nên trong giai-đoạn quyết-liệt này, tình đoàn-kết dân-tộc càng phải thắt chặt, và nếu có những sự hiểu lầm nào, thì phải đồng-tâm dàn xếp trên căn-bản lương-tri và ái-quốc. Bởi vậy, những vấn-đề liên-quan tới Phật-giáo đã được giải-quyết trong tinh-thần trách-nhiệm, mặc dầu Cộng-sản quốc-tế và tay sai cố-kết với những bọn đầu-cơ chính-trị phát-xít ăn-nắp dưới danh-nghĩa dân-chủ đã cố-tình lợi-dụng cơ-hội để xúi giục chia rẽ bên trong, đầu-độc dư-luận bên ngoài. Song quốc-dân đã sáng suốt đề-phòng, và, đặt quyền-lợi tổ-quốc và của sự thật lên trên quyền-lợi riêng tư của mọi người hay mỗi giới đã bắt đầu tự-giác và giác-ngộ đối với những mưu-mô phản-quốc phản-dân của chúng.

Đồng-bào hãy nỗ-lực hoàn-thành chính-sách Ấp Chiến-Lược, theo kế-hoạch và thời-hạn đã định. Chính-sách Ấp Chiến-Lược không phải chỉ nhằm mục-dịch bảo-vệ an-ninh cho thôn-quê làng xóm mà và cả một cuộc vận-động đời sống mới cho toàn-dân sớm thoát khỏi tình trạng chậm-tiến, để mỗi người cùng với mọi người, hưởng-thụ những quyền-lợi tự-do dân-chủ chính đáng, những thỏa-mãn kinh-tế, văn-hóa, tôn-giáo, xã-hội cần-thiết, do chính mình

tạo lập ra bằng tinh-thần và ý-chí tự-túc, tự-giác, tự-lực mưu-sinh. Con số 5.917 Ấp Chiến-Lược đã do hưởng-ứng và cố-gắng của đồng-bào và của các dân-tộc Bạn xây-dựng cho non 10 triệu dân vận-động đời sống mới, bảo-đảm điều-kiện cả nước cho quân-đội anh-dũng của ta, nói lên một cách hùng-hồn sự thắng-lợi căn-bản và triển-vọng toàn-thắng của ta.

Đi đôi với cao-trào xây-dựng, củng-cố và phát-triển Ấp Chiến-Lược về phạm-cung như về lượng, đồng-bào hãy thể-hiện đứng-đắn chính-sách «chiêu-hồi» để làm sáng tỏ chánh-nghĩa quốc-gia và tinh-thần công-bằng, bác-ái của chủ-nghĩa nhơn-vị, luôn luôn tìm cách hạ thấp mức-độ chiến-tranh vì tôn-quí và tiết-kiệm xương máu đồng-bào, đồng-thời thanh-toán chiến-tranh tại nước nhà mở đường đi đến thống-nhất. Mới bốn tháng nay, đã có 7.000 người quy-chánh, chứng-tỏ chính-sách chiêu-hồi là một vũ-khí sắc bén lũng-đoạn tinh-thần và hàng ngũ địch, đem thắng-lợi về cho chánh-nghĩa quốc-gia. Nhưng trước khi chiêu-hồi địch về với ta, cần phải chiêu-hồi ta về với chánh-nghĩa. Bởi đó phong-trào lãnh-mạnh-hóa bản-thân và lãnh-mạnh-hóa quy-chế, do một công-cuộc soát xét lại toàn bộ từ tư-tưởng đến tổ-chức và kỹ-thuật, đã phát-động và đang bành-trướng mạnh-mẽ, từ dưới lên trên, từ trên xuống dưới.

Đứng trước những thành-quả vĩ-đại như thế, không ai trong chúng ta có thể tưởng-tượng được rằng, công-nghiệp, sự-nghiệp cách-mạng do mồ-hôi nước mắt và xương máu của toàn-dân đã đổ ra trong mấy năm trời, có thể trong một ngày bất cứ với lý-do hay áp-lực nào phải tiêu-tan được.

Đồng-bào thân-mến,

Tin-tưởng vào thắng-lợi cuối cùng của dân-tộc, thành-kính tưởng-niệm anh-linh của mấy vạn chiến-sĩ Dân Quân Chính nam nữ đã hy-sinh vì Tổ-quốc, chúng ta hãy thể-cùng tở-tiên cùng non sông chúng ta sẽ tiếp-tục tranh-đấu cho đến thắng-lợi cuối cùng, để giải-phóng lãnh-thổ, giải-phóng con người Việt-Nam, vận-động một đời sống mới tự-do, công-bằng và nhơn-đạo.

Xin Ông Trên phù-hộ chúng ta.



NGUYỄN-ĐĂNG-THỤC

Trưởng-Ban Triết-Đông
Đại-học Văn-khoa Sài-gòn

Ý-thức thần-thoại với tín-ngưỡng vật-linh

Thần-thoại có liên-hệ đến sự hiểu biết đầu tiên của người ta về chính mình và về hoàn-cảnh. Đối với nhân-loại cổ-sơ, không có đến hai hình ảnh về thế-giới, một khách-quan và một chủ-quan như chúng ta quan-niệm ngày nay, mà chỉ có một hình-ảnh hỗn-nhất.

Tư-tưởng nhân-loại dù ở trình-độ ấu-trì cũng là phương-tiện hành-động hiệu-nghiệm cho người ta, nó giúp cho người ta tiên-liệu và sáng-tạo công-cụ kỹ-thuật. Thế-giới, vũ-trụ trước đây vô ý-nghĩa thì bắt đầu có ý-nghĩa với hoạt-động tư-tưởng.

Ý-thức thần-thoại thuộc vào cơ-cấu của sự nhận-định vị-trí giữa người với vũ-trụ. Sự nhận-định ấy quyết-định cho cuộc sinh-tồn của nhân-loại trong hoàn-cảnh của nó. Ngay từ buổi đầu, sau khi nhận định vị-trí đối với hoàn-cảnh, nhân-loại bèn ly-khai khỏi cảnh hỗn-nhất, mất cảnh thiên-đường (Thiên-thai lạc lối). Và chỉ vì muốn nhớ lại, muốn trở lại cái thiên-đường nguyên-lai ấy để lại thấy được quân-bình cho tâm-hồn mà có thần-thoại xuất-hiện ở tất cả các xã-hội bình-dân.

Cái ý-nghĩa sinh-tử của thần-thoại, bảo-đảm cho sự sống, trong sự sống, giải-quyết mối lo-âu, sống-chết khiến cho thần-thoại phần nhiều đượm màu tình-cảm. Thần-thoại trước hết là một bầu không-khí tình-cảm trong sự cầu tìm thỏa-mãn những nhu-cầu cơ-bản. Ở đây là bản-năng điều-động, bản-năng sinh-tồn, ăn uống, sinh-lý. Bởi vậy mà cơ-cấu thần-thoại còn gần với cơ-thể sinh-lý của nhân-loại trong vũ-trụ, tuy đã có manh-nha những khuynh-hướng, siêu-hóa để làm nảy nở văn-hóa với văn-minh sau này.

Max Müller trong *Nouvelles études de Mythologie*, nói về thần-thoại để cố tìm ý-nghĩa chân-chính của nó, có viết:

[Tập XII, Quyển 7 (Tháng 7, 1963)]

« Cỗ gỡ mối cái kho thần-thoại đồ-sộ truyền lại từ đời nọ sang đời kia, người ta thường lầm coi như là một hệ-thống, một toàn-bộ có thứ-tự, có tổ-chức xây-dựng cả một lần theo kế-hoạch định trước, kỳ-thực nó chỉ là một mớ nguyên-tố, một tổ-hợp những khái-niệm xung-đột tứ-tung trước khi kết-tinh thành một thể-thức có ít nhiều điều-lý ».

Và Levy Brühl, trong (*Les fonctions mentales dans les sociétés inférieures*-Alcan 1928), giả-định cho những thần-thoại là « sản-phẩm của tinh-thần sơ-thủy đã xuất-hiện ra khi nó cố-gắng thực-hiện một sự tham-gia không còn cảm thấy trực-tiếp, khi nó cần đến trung-gian, đến môi-giới để bảo-đảm lấy sự thông-đồng không còn sống động. » « Cái điều người dân sơ-thủy chú ý, kích động ở họ những cảm-xúc, ấy là những yếu-tố thần-bí bao-phủ nội-dung của thần-thoại ».

Vậy thần-thoại hay ý-thức thần-thoại trước hết là một hình-thức cốt-yếu để hướng-dẫn, một hình-thức tư-tưởng, hơn nữa một thái-độ sống-dộng, một tâm-trạng ở trình-độ phức-thể được người ta cảm-xúc, sống trước khi được giải-thích và công-thức-hóa vào lời nói. Nó là lời nói, cử-chỉ, hình-tượng hoạch-định sự-khện tại trong lòng người còn hồn-nhiên như đứa trẻ. Đây là thái-độ sống hồn-nhiên « đồng đồng vắng lai » 憧憧往來 (易傳): Hồn-nhiên qua lại giữa nội-giới với ngoại-giới, tâm với vật, chưa đối-lập nội-giới với ngoại-giới. Khi đứa trẻ đứng vào cái bàn mà ngã, nó quay lại đánh cái bàn, cho cái bàn làm nó đau. Cử-chỉ của đứa trẻ cũng chính là cử-chỉ của con người bản-sơ, không hành-động theo một lý-thuyết gì trước mà bỗng-bột hồn-nhiên xác-định thực-tại. Trong ngôn-ngữ của chúng ta ngày nay còn có những danh-từ thông-dụng như đầu núi, chân trời, sườn đồi hay ở tiếng Pháp chỉ về núi cũng có danh-từ 'tête', 'crête', 'dent' 'gorge' 'col', 'mamelon', 'flanc', 'côte', 'croupe', v. v. . . lấy bộ-phận của người gán cho vật. Đủ thấy chúng ta nhìn núi, sông như là người, như có 'hồn sông núi' vậy. Đây là di-tích còn lại của một tinh-tinh cổ-xưa nguyên-thủy, của một ý-thức thần-thoại, coi thiên-nhiên với nhân-văn chưa phân-khai, nhìn vũ-trụ với tinh-thần 'vạn-vật-đồng-nhất-thể' 萬物同一體, mà Trang-tử đã tuyên-bố rõ-ràng: 天地與我並生萬物與我為一 (齊物論) Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, vạn vật dữ ngã vi nhất (Tế-vật-luận) nghĩa là: « trời đất với ta cùng xuất-hiện ra đồng-thời, muôn vật với ta là một thể ».

Bởi thế mà ý-thức thần-thoại trong cử-chỉ đánh cái bàn của đứa trẻ bị dụng ngã tuân theo một thứ luận-lý tham-gia (participation) còn vô ý-thức ở chủ-động mà chúng ta coi như thần-bí, vì trái với cái lý của ta ngày nay. Cái ý-thức phi lý ấy tham-gia trực-tiếp với hoàn-cảnh chung-quanh Nhân-loại cổ xưa nhận-thức hoàn-cảnh sự vật thực-tại cũng như mình. Người ta giải-thích cái kinh-nghiệm sống động ấy bằng lý-thuyết vật linh (animiste), nó

giả-thiết một vũ-trụ-luận và một siêu-hình-học căn-cứ vào một thể-lực vô-ngã, vô cá-tính bàng-bạc lưu-thông như một sinh-khi chu-lưu 生氣周流 sinh-sinh 生生 không ngừng thông-suốt vũ-trụ vạn-vật làm cho linh-động cây cỏ, đất đá, tinh-tú và động-vật, do đấy mà nảy ra có kỹ-thuật ma-thuật, pháp-chú thần-thông, hồ phong hoán vũ mục-dịch để thu-hoạch những năng-lực thiên-nhiên rải-rác đó đây khắp cả trong trời đất. Cả đến tín-ngưỡng vật-tở đồng-hóa một nhóm người với loài thực-vật hay động-vật, con cháu Rồng-Tiên, hay mặt Trăng mặt Trời, đều là mô-tả cái thái-độ đầu-tiên của nhân-loại bản-sơ đứng trước vũ-trụ. Tham-thông, vật-linh, vật-tở đều là để mô-tả cái kinh-nghiệm cụ-thể đầu-tiên của nhân-loại trong cái ý-thức thần-thoại (conscience mythique) mà chúng ta phải thừa-nhận như là một khẳng-định toàn diện không thuộc vào một phạm-trù ngôn-ngữ nào, hay là nếu có thuộc vào phạm-trù, thì chỉ là cái phạm-trữ độc nhất là toàn-thể cụ-thể, hay là phạm-trữ đồng-nhất-tính căn-bản, bản-thể thuần-nhất, « vạn-vật nhất-thể ». Đây là một thực-thể sống-dộng toàn-diện có trước cả ngôn-ngữ, danh-từ, lý-luận, tự-tưởng vì còn ở trong cái phức-thể tiềm-thức (complexe subconscious). Bởi thế mà những sự vật thần-thoại là sự vật thật đối với tâm-lý nhân-loại thời ấy, như Schelling đã viết trong *Introduction à la philosophie de la Mythologie* rằng: « Những biểu-thị thần-thoại không phải đã bịa đặt ra hay được tùy ý thừa-nhận. Sản-phẩm của một quá-trình độc-lập với tư-tưởng và ý-muốn, đối với cái ý-thức tiếp-thụ chịu đựng chúng, thì chúng có thật không chối cãi. Dân-chúng và cá-nhân chỉ là những dụng-cụ của cái quá-trình ấy, nó vượt quá tầm-sức của chúng và chúng phụng-sự mà không hiểu ». Phải chăng đây là sức mạnh của tín-ngưỡng thúc đẩy ?

Vật-linh (Animisme)

Triết-học cận-đại tách rời siêu-hình-học với vật-lý-học. Nhưng ở tâm-lý các dân-tộc bán-khai thì vật-lý-học cổ-xưa hoàn-toàn chìm vào trong không-khí siêu-hình, cũng như siêu-hình-học của họ biểu-diễn thẳng ra vật-lý hữu-hình. Kinh Dịch viết: 形而上者謂之道形而下者謂之器 (易傳) « Hình nhi thượng giả vi chi đạo, hình nhi hạ giả vi chi khí ». Nghĩa là: « Hình đi lên là đạo lý, hình trở xuống là khí cụ. » (Dịch Truyện).

Bởi thế mà nếu tư-tưởng trí-thức suy-luận luôn-luôn đối-lập chủ-thể với khách-vật, tiềm-tại với siêu-nhiên, vật với tâm, thì tư-tưởng cổ xưa luôn-luôn đồng nhất chủ với khách, tâm với vật, siêu-nhiên với hiện-thực, vượt lên trên tất cả mâu-thuẫn giữa Ta với Không phải Ta (le Moi et Non Moi). Tuy nhiên ý-niệm bản-thể là một khẳng-định đầu-tiên và tất-yếu về thực-hữu để mà theo đây người ta tìm biểu-diễn về chính-sự tồn-tại của mình. Bởi thế mà trước khi có bản-thể-học ý-thức đã có một bản-thể-học kinh-nghiệm, từng-trải qua những

thái-độ sống, qua cử-chỉ ngôn-ngữ của mỗi người. Đây là ý-nghĩ đầu tiên về thực-tại nó định-hướng cho hoạt-động của con người trong một thế-giới phức-tạp của sự vật, khiến cho người ta không tự thấy xa lạ trong thế-giới nữa. Người xưa tìm định-hướng trong cái thế-giới của họ cũng phải có một nền siêu-hình riêng, độc-đáo để xếp-đặt vũ-trụ sự vật cho có trật-tự và thống-nhất hành-vi nhân-sinh.

Các dân-tộc Đông-Á sớm có một ý-niệm Thần-Linh 神靈 để dùng vào công việc định-hướng ấy. Tất cả thế-giới sự vật đều được nhìn qua Thần-Linh. Và dân-tộc Việt-Nam tin vào Thần-Linh như một thế-lực thần-bí, huyền-nhiệm, vô-hình, bàng-bạc khắp cả và thấm-nhuần tất cả, khiến cho sự vật trở nên thần-vật: 天生神物聖人則之. «Thiên sinh Thần-vật, Thánh-nhân tắc chi», nghĩa là: Trời sinh ra vật thần-linh, Thánh-nhân lấy làm phép-tắc (Dịch truyện). Thần sống thần núi, Thần đá thần cây. Thần-vật ấy cũng như cái 'mana' của dân Mélanésie mà các nhà nhân-chủng-học đã khám-phá thấy ý-nghĩa theo giáo-sĩ Codrington do G. Gusdorf trích-dẫn ở *Mythe et Métaphysique* trang 41 Flammariion, là: «Thế-lực hay ảnh-hưởng siêu-nhiên biểu-hiện ra để thi-hành tất cả cái gì vượt ra ngoài quyền-năng bình-thường của nhân-loại; ngoài cách-thức diễn-tiến thông-thường của thiên-nhiên». (Puissance ou influence surnaturelle... qui entre en jeu pour effectuer tout ce qui est au delà du pouvoir ordinaire de l'homme, en dehors du processus commun de la nature).

Rồi Gusdorf giải-thích thêm rằng:

«Người cổ-sơ chỉ có một mục-tiêu duy-nhất, và chữ 'mana' chỗ cái thái-độ nhất-quán của người đứng trước vũ-trụ hay là đúng hơn, đứng trong vũ-trụ. Mana tiềm-tàng trong sinh-tồn với sự bất-nhiên của nó, nhưng nó có thể ở bên chủ-thể cũng như ở bên khách-thể. Đúng hơn nữa, mana phù-hợp với một cách đối-phó của người ta với thực-tại chung quanh, khởi thủy coi như một hữu-thể trong thế-giới đặc-biệt của đời sống cổ-sơ. Ý-hướng mana không chỗ riêng cho một cảnh-ngộ đặc-biệt «tôn-giáo»: nó chỉ định một sự phân-cực (polarisation) của sự sinh-tồn trong toàn-bộ, ngoài tất cả sự gọi đến các chư-vi hay cả đến các thần-linh, dù không rõ-rệt».

Tóm lại «thế-giới cổ-sơ, như Van der Leuw đã nói rất đúng trong *L'homme primitif et la religion*, không gồm có một hàng những hữu-thể, mỗi cái chiếm một vị-trí riêng, và nhân thể mà cái nọ phủ-nhận bài-ngoại cái kia, khiến cho người ta phải đếm để chỉ định ra: thế-giới ấy gồm có những hữu-thể tham-gia cái nọ với cái kia, hữu-thể hỗ-tương tham-nhập.» (Le monde primitif, dit très justement Van der Leuw, ne se compose pas d'une série d'êtres qui occuperaient chacun leur place à eux, qui, par conséquent, s'excluraient les uns les autres et

que, pour indiquer, il faudrait compter; ce monde se compose d'êtres participant les uns aux autres, d'êtres s'interpénétrant».

Chính cái tinh-thần ấy mà Levy Brühl gọi là «tinh-thần tham-thông» (esprit de participation) vì theo ông, đối với dân cổ-sơ hay bán-khai thì «thực-hữu là tham-thông trực tiếp vào» «Etre c'est participer» (*Les carnets de Levy Brühl* p. XXI), do Gudorf trích-dẫn trong *Mythe et Métaphysique*.

Cái ý-thức tham-thông ấy chính cũng là tinh-thần thông-cảm trong kinh Dịch:

陰陽合德而剛柔有體以體天地之撰以通神明之德 (易繫辭) «Âm Dương hợp đức, nhi cường nhu hữu thể, dĩ thể thiên địa chi soạn, dĩ thông thần minh chi đức» (*Dịch Hệ-Từ*). Hai khí Âm, Dương (Mái, Trống) (Cái, Đực) mâu-thuẫn hợp đức-tính với nhau mà cái dẫn, mềm mới có thực cụ-thể để cụ-thể-hóa hiện-tượng xảy ra trong trời đất, để cảm-thông với đức-tính thần-minh.

Thần-minh tràn-ngập khắp trời đất, mà sự dung-hòa các mâu-thuẫn tương-trung cho tính-chất siêu-nhiên, giải-thích cả cho tính-chất thiện lẫn ác, nhân và bất-nhân. Thần-minh là cơ-cấu của ý-thức cơ-bản, là nguồn-gốc đầu-tiên và bất-định của tất cả ý-nghĩa hết sức mâu-thuẫn với nhau. Thần-linh hay khí thiêng là sức mạnh động-cơ để ra thần-thoại. Thần-thoại phản-chiếu thẳng cái (coincidentia oppositorum) sự gặp-gỡ của những chống-đối trái-nghịch (陰中之陽陽中之陰) «Âm trung chi Dương, Dương trung chi Âm» nghĩa là: cái «Dương trong cái Âm, Âm trong cái Dương», ấy là đặc-tính của linh-thiên thần-diệu, cho nên ông Eliade trong *Traité d'Histoire des Religions* (Payot, 1949) viết:

«Le mythe découvre une région ontologique inaccessible à l'expérience logique superficielle. Le mythe de Varuna révèle la biunité divine, la coincidence des contraires, la totalisation des attributs au sein de la divinité»: «Thần-thoại khám-phá một cõi bản-thể mà kinh-nghiệm duy-lý phủ-phẩm không tới được. Thần-thoại Varuna biểu-lộ lưỡng-tính đồng-nhất thần-linh, sự hội-ngộ của những trái-nghịch, tổng-hợp những thuộc-tính ở bên trong thần-linh» (trang 360).

Nhân-loại lúc đầu sống trong bầu không-khí thần-linh, thiêng-liêng, khi thiêng Sông Núi. Rồi dần-dần cái khí thiêng ấy bàng-bạc làm nguồn-gốc cho ý-nghĩa về giá-trị mới ngưng-đọng, kết-tinh vào một số vật, thành ra khí thiêng giới-hạn vào một chỗ nhất-định. Tất cả đời sống tin-ngưỡng, dù sơ-đẳng, cũng ngụ có sự thiết-lập một mô-nghi-lễ, công-thức thờ-phụng. Nào cảm-giới trùng-phạt, kiêng-ky, đối với cái linh-thiên phân ra khu-vực thiêng và không thiêng. Vấn-đề cơ-bản của đời sống tin-ngưỡng phù-hợp với vấn-đề phân-phối cái linh-thiên trong thời-gian và không-gian để cho nhân-loại tìm phục-hồi cái ý-thức

toàn-diện, nguyên-thủy như trở về «Thiên-dàng đã mất», «Thiên-thai lạc lối trần-gian».

Chính với tinh-thần vật-linh và ý-thức thần-thoại, đặc-tính là thực-hữu tham-thông (être c'est participer) mà người ta tìm hiểu và nhận thấy ở tâm-lý tín-ngưỡng phổ-thông của người Việt bình-dân từ Bắc chí Nam ngày nay. Giáo-si Léopold Cardière, trong *Croyances et pratiques religieuses des Vietnamiennes*, E. F. E. O., tập III, viết :

« Có tác-giả hay du-khách vội-vàng và phù-phiếm đã không nhận các dân-tộc Á-Đông có tín-ngưỡng: sự bận-tâm ở họ về vật thực-tế làm tiêu-tan mất cả lo nghĩ về cõi siêu-nhiên. Tôi có quan-niệm trái hẳn là các dân-tộc Á-Đông, nhất là dân-tộc Việt-Nam rất là tín-ngưỡng. Danh-từ tôn-giáo ngụ nhiều trình-độ, nhiều sắc-thái. Nếu hiểu tôn-giáo là tín-ngưỡng vào một Đấng tuyệt-đối vi-đại vô-biên và hoàn-toàn vô-cùng: tín-ngưỡng vào sự phối-hợp bằng tinh-thần với Đấng hiện-diện ở khắp nơi; tín-ngưỡng vào sự phối-hợp bằng hạo-khi của tâm với Đấng chi-thiện ấy, ngự-trị và bảo-vệ tất cả; tông-chi là sự nhận-biết đức-tính vô-biên bằng một nghi-lễ xứng-đáng với Ngài; hiểu như thế thì người Việt-Nam không có tín-ngưỡng. Họ không quan-niệm một đấng tối-cao, họ sống không có Thượng-đế như thế. Nhưng nếu người ta hiểu ý-nghĩa tôn-giáo là tín-ngưỡng, tín-ngưỡng về một thế-giới siêu-nhiên, ảnh-hưởng vào hành-vi nhân-sinh thì phải công-nhận rằng dân Việt-Nam có đức-tính ấy ở trình-độ rất cao.

« Có thể nói rằng người Việt sống trong không-khí siêu-nhiên. Bất cứ ở đâu họ cũng nhìn thấy ảnh-hưởng của thế-lực bi-ân hành-động vào đời sống của họ, tốt hay xấu. Bất cứ người Việt nào, thuộc về giai-cấp nào ở xã-hội đều không vượt được ra ngoài sự ám-ảnh về siêu-nhiên ấy...

« Người ta phê-bình rằng đây là sự sợ-hãi gây nên những tín-ngưỡng ấy. Bất luận, dù nguyên-nhân là một tình-cảm này hay tình-cảm khác, sự thật vẫn là người Việt tin mình cử-động, sinh-hoạt trong thế-giới siêu-nhiên. Cái siêu-nhiên ám-ảnh nó. Nó không sao thoát khỏi, ban ngày cũng như ban đêm, giấc ngủ cũng không giải-thoát được, bởi vì mộng-triệu cũng là những biểu-hiện của Thần-Linh.

« Thần-Linh ở tại khắp cả; một hòn đá lớn, một gốc cây cổ-thụ, một rừng sâu, một vực sông, ngọn núi cao, một vũng nước giữa đồng, mỗi thoi đất, thửa ruộng, một gốc âm-u, đều là cơ-sở của Thần-linh. Thần ở khắp cả, thấm-nhuần khắp cả, tất cả đều của Thần.

« Cái tín-ngưỡng vào thế-giới thần-linh ấy có thể nói đã bao-hàm lấy đời sống của người Việt, thúc-dẩy họ phải cúng lễ. Trước khi hành-động phải cầu che-chở của thần-linh, gạt những động-cơ có thể làm ngài bất bình; nếu trong hành-động thần-linh tỏ sự bất-bình tức thì phải lễ tạ.

« Sự thờ cúng Tở-tiên tuy có cao hơn nhưng căn-bản cả hai đều mật-thiết liên-quan với nhau. Tở-tiên mất đi, người ta không thấy nữa, nhưng các Người không từng bỏ gia-đình. Họ chú-y đến con cháu, phù-hộ cho hạnh-phúc hay đem cho tai-họa tùy theo sự con cháu có làm tròn nhiệm-vụ hiếu-nghĩa hay không. Hơn nữa tở-tiên ngự tại trong nhà, trên bài-vị bàn thờ ông vải. Vị nào không còn tại đấy, di-chuyển sang nhà thờ họ thì thường được mời về chia sẻ vui buồn với gia-đình. Luôn luôn người ta mời tham-gia vào các hành-vi trọng-đại của đời sống chung: ăn hỏi, cưới xin, sinh nở của một phần-tử gia-đình. Tư-tưởng tở-tiên chi-phối toàn-thê đời sống gia-đình, cũng như tư-tưởng thần-linh chi-phối đời sống hàng ngày của người Việt. Người gia-trưởng là thủ-tự việc thờ cúng ấy và truyền chức thừa tự ấy cho con trưởng. Bất hạnh cho gia-đình nào tuyêt-tự.

« Đời sống xã-hội đối với dân Việt chỉ là đời sống gia-đình mở rộng, cũng hoàn-toàn thấm-nhuần tôn-giáo. Những thần bảo-hộ mỗi đoàn-thê, chức-tước hay không chức-tước, làm ra mưa và mùa màng tươi tốt. Các thần che-chở hỏa-tai, hạn-hán, và dịch-tễ. Bởi vậy cho nên năm mụ đầu-tiên là dâng cho thần cũng như bỏ lúa gặt đầu được đoàn-thê biết ơn đem cúng. Và gặp những ngày nhất định nào trong một năm người ta cúng-tế linh-đình. Các kỳ-mục trong làng như cha chú của làng được cử ra làm chủ-tế. Và trên nữa có các quan chủ-tế trong tỉnh vua chủ-tế trong nước.

« Xem thế thì biết không có gì trong đời sống nhân-dân Việt-Nam thoát ra ngoài ảnh-hưởng tôn-giáo. Tôn-giáo chi-phối người Việt từ lúc lọt lòng, cho đến lúc chết, và cả sau khi chết rồi còn giữ trong vòng ảnh-hưởng. Khi người ta thấy gốc-rễ của những thế siêu-nhiên ăn sâu trong tâm-hồn Việt-Nam người ta không thể không nhận dân-tộc này rất tín-ngưỡng vậy. Và nếu người ta ngược trở về mấy thế-kỷ trước kỷ-nguyên Thiên-Chúa, những tín-ngưỡng vẫn như thế, tập-tục cũng vẫn thế, ít ra là ở những điểm cốt-yếu.»

Ý-kiến trên đây đã xác định rõ-ràng cái tinh-thần tham-thông (esprit de participation) ở dân-tộc Việt-Nam như Levy Brühl đã nghiên-cứu ở các dân-tộc hải-đảo Thái-Bình-dương Mélanésie hay Indonésie gọi là dân-tộc bán-khai. Tinh-thần tham-thông là một đặc-tính của tư-tưởng thần-bí vật-linh như chúng ta thấy trong ý-thức thần-thoại nói trên, nó chính là đặc-tính của tín-ngưỡng tôn-giáo. Nếu ở đây chúng ta không thấy có cái ý-niệm về một Đấng tuyệt-đối vô-hạn và hoàn-toàn đứng biệt-lập ra với người đê rồi, với lòng cảm-hứng bằng-bột hay với tinh-thần, người ta cầu phối-hợp, nếu cái ý-niệm một Đấng tối-cao không được dân-tộc Việt-Nam chú-ý, « họ sống không có Thượng-Đế », như lời Giáo-si Cardière

đã nói, thì chỉ vì cái sự phối-hợp ấy là trở về ý-thức « vạn-vật nhất-thể », trong cái vũ-trụ đạo-lý, ý-thức tham-thông thần-bi cơ-sơ vẫn còn sống-dộng hiện-tại trong tinh-thần truyền-thống của dân-tộc nông-nghiệp Á-Đông. Ở các dân-tộc nông-nghiệp, ý-thức thần-thoại chưa phân-hóa ra ý-thức danh-lý với ý-thức trực-giác, cái ý-thức hồn-nhiên cơ-sơ chưa tắt vì cuộc sinh-hoạt hàng ngày chưa phân-chia nhân-vấn với thiên-nhiên thành hai thế đối-lập đấu-tranh, cho nên nguyên-vọng cầu tìm « tái đáo Thiên-Thai » chỉ là phục-hồi bản-tính cố-hữu. Vậy thì thái-độ sống chìm trong không-khí tâm-linh hay thần-linh của các dân-tộc Á-Đông thực là một tin-ngưỡng tôn-giáo miễn sao có sự thành-tín, vào tinh-thần cõi-mở, tinh yêu cõi-mở để vươn lên khỏi giới-hạn cá-nhân chật-hẹp, vươn tới cái cao-cả mà hòa mình với vô-biên, nối cái Ta với cái không-Ta thành một Đại-Hòa-điệu :

« Linh khâm bảo-hợp Thái-hòa » 靈襟保合太和
(Nguyễn-Công-Trứ)

(Cái Linh-Thiênng sâu-kín trong lòng hợp-giữ cái Đại Hòa-điệu của Vũ-trụ).

NGUYỄN-VĂN-TRUNG
Đại-học Văn-khoa Sài-gòn

đọc-phóng làm văn

« Ngôn-ngữ là nhà ở của hữu-thể. Con người đến lập chỗ cư-ngụ trên ngôn-ngữ. Nhà tư-tưởng và nhà thơ là những người canh gác nơi ở đó. (Le langage est la maison de l'être, c'est en lui que l'homme établit sa demeure. Le penseur et le poète sont les gardiens de cette habitation).

M. HEIDEGGER

(Lectre sur l'humanisme)

Vị-trí vấn-đề

Khi tìm những giải-đáp cho câu hỏi : « Tại sao viết », người ta có thể xét về những lý-do, nguyên-nhân động-cơ thúc-đẩy nhà văn cầm bút hay xét về những lý-do, mục-đích, lý-tưởng nhà văn nhằm thể-hiện khi viết. Nhưng thực-sự chỉ trình-bày những lý-do, mục-đích mà thôi, chưa trả lời được đúng câu hỏi trên. Đã hẳn những lý-do, mục-đích nằm trong những trả lời câu « Tại sao viết », nhưng không phải chỉ có thế. Chính điều đó làm cho chúng tôi thắc-mắc và đi tìm một giải-đáp bao gồm những lý-do mục-đích nhưng vượt lên tất cả nhằm nắm được đúng ý-nghĩa cốt-yếu của việc viết văn¹.

Ví-dụ, trả lời theo nhiều nhà văn hay nhà phê-bình đã nói như viết vì muốn thoát-ly, quên đời, hay viết để tranh-đấu xã-hội, chính-trị, để phụng-sự một lý-tưởng, để tác-dụng vào cuộc sống, để phục-vụ nhân-sinh v. v... người ta sẽ thấy rằng nếu viết chỉ là nhằm thực-hiện những mục-tiêu trên, thì đã rõ người ta có thể đạt tới những mục-tiêu đó bằng nhiều đường lối, hay nói cách khác những người không phải là nhà văn cũng có thể có những mục-tiêu đó là hành-động để thực-hiện chúng. Người làm chính-trị, công-tác xã-hội, ngoại-giao hay đi tu cũng nhằm phục-vụ xã-hội,

¹ Trong cuốn *Xây dựng tác-phẩm tiểu-thuyết*, chúng tôi đã đặt vấn-đề đó (tr. 42) và thú thực là lúc đó chưa giải-quyết được ; cho nên sau khi bày tỏ một bất-mán với những giải-đáp căn-cứ vào lý-do viết, chúng tôi chỉ đưa ra giải-quyết tiêu-cực : ghi nhận viết là viết, vì phải viết.

nhân-sinh. Hoặc nếu để trốn tránh cuộc đời, thoát-ly thực-tê, người ta có thể đi du-lịch, phiêu-lưu, chơi-bời, cờ bạc hay đi tự-từ.

Vấn đề là tại sao để thực-hiện cùng những mục-tiêu trên, người ta không đi tu, làm chính-trị, cứu-tê xã-hội mà lại đi viết. Hơn nữa không viết như nhà biên-khảo, nhà hùng-biện, nhà tuyên-truyền, mà lại viết văn, viết như nhà văn, nghĩa là hiện thực những trốn lánh, tranh-đấu bằng cách tạo ra một tác-phẩm nghệ-thuật, bằng cách kể một câu chuyện, theo một lối nói gián-tiếp một ngôn-ngữ ám-chỉ.

Do đó, nếu trả lời câu hỏi «Tại sao viết», bằng những lý-do, mục-dích, tuy là đúng, nhưng chưa đúng hết, vì chưa làm cho ta hiểu được thực-sự tại sao lại viết.

Vấn đề then chốt ở đây là có nhiều cách thế để thực-hiện những mục-tiêu trên và do đó có nhiều thái-độ trước cuộc đời. Thái-độ bao-hàm một lối nhìn, một quan-điểm và một đường lối hoạt-động. Chúng tôi dùng chữ dự-phóng để chỉ thị một cách tổng-quát những điều trên.

Con người ở đời là dự-phóng. Có thể có nhiều dự-phóng căn-bản: dự-phóng chính-trị, dự-phóng biên-khảo, dự-phóng văn-ngệ... Những dự-phóng khác nhau tùy như cách thế ta hiểu đời và muốn tác-dụng vào đời. Vậy ở nguồn-gốc những dự-phóng, có vấn đề lựa chọn: vì tôi nhìn đời/ thế này và muốn tác-dụng vào đời như thế nên tôi lựa chọn sinh-hoạt chính-trị, hay sinh-hoạt văn-ngệ...

Do đó, trả lời câu hỏi «Tại sao viết» là để phục-vụ, tranh-đấu, thoát-ly v.v... chưa trả lời xác-đáng câu hỏi vì đã rõ người làm chính-trị, người biên-khảo, người du-lịch cũng có thể nhằm thực-hiện những mục-dích trên. Cho nên vấn đề là phải tìm hiểu: tại sao tôi chọn làm văn, bằng cách nói lên ý-nghĩa của sự lựa chọn đó. Dĩ-nhiên, sự lựa chọn nào cũng có ý-nghĩa cả vì đều bao-hàm một lối nhìn đời và một cách tác-dụng vào đời như một lối nhìn, một cách thế đặc-biệt.

Trả lời câu hỏi «Tại sao viết», là khai-triển, bày tỏ ý-nghĩa của lối nhìn, cách thế đặc-biệt đó.

Những lối tìm hiểu không đúng hướng

Trong những sách biên-soạn, hoặc giáo-khoa và văn-học sử, người ta vẫn thấy ít nhiều các nhà biên-soạn đều dựa vào quan-điểm phê-bình của Taine. Ở Việt-Nam, ông Nguyễn-Bách-Khoa là một trong những người đầu-tiên áp-dụng phương-pháp phê-bình đó một cách có hệ-thống mạch-lạc trong những công-trình biên-soạn văn-học của ông về Kiều hay về Nguyễn-Công-Trứ. Nhiều nhà

làm văn-học khác, tuy tuyên-bô không đồng-ý với ông Nguyễn-Bách-Khoa, nhưng trong thực-tê viết vẫn ít nhiều theo phương-pháp của ông Nguyễn-Bách-Khoa ở chỗ khi tìm hiểu một nhà văn, các vị đó đều chú-ý tìm hiểu tiêu-sử, hoàn-cảnh xã-hội, thời-đại, tư-tưởng, ảnh-hưởng giáo-dục v.v., và lấy thơ văn của nhà văn đó dẫn-chứng cho những nhận-xét của mình. Rút cục, thơ văn vẫn như là sản-phẩm của tất cả những điều kiện, yếu-tố qui-định con người, hoàn-cảnh, thời-đại của nhà văn mà thôi. Nói rõ hơn, các nhà làm văn-học không đồng-ý với ông Nguyễn-Bách-Khoa, vẫn vô tình dựa vào căn-bản lý-thuyết quan-điểm phê-bình của ông Khoa, chưa đứng ở một căn-bản lý-thuyết khác để phê-bình, một lý-thuyết đặt đúng vai-trò và giới-hạn của những hoàn-cảnh, yếu-tố qui-định trong việc sáng-tác văn-chương. Vậy ở đây, chúng tôi thiết-tưởng chỉ cần trình-bày quan-điểm của ông Nguyễn-Bách-Khoa để từ đó, đi tới một quan-điểm khác có lẽ hợp-lý hơn.

Trong cuốn *Tâm-ly và tư-tưởng Nguyễn-Công-Trứ*, ở lời tựa, ông Nguyễn-Bách-Khoa đã nhắc lại những nguyên-tắc căn-bản của quan-điểm phê-bình duy-vật máy-móc căn-cứ vào niềm tin con người chỉ là một tổng-cộng những yếu-tố xã-hội, tâm-sinh-lý, hay là kết-tính của những ảnh-hưởng đó hợp lại. Những nguyên-tắc đó là:

(1) Đời sống tinh-thần của con người là sản-phẩm của đời sống sinh-lý và xã-hội.

(2) Bản-chất (cả sinh-lý lẫn tâm-lý) của con người luôn-luôn biến-đổi theo sự biến-đổi của hoàn-cảnh xã-hội.

(3) Con người sau khi bị xã-hội quyết-định có thể ảnh-hưởng trở lại đến xã-hội, nhưng sức ảnh-hưởng này cũng vẫn bị những điều kiện xã-hội quyết-định.

Như vậy thì dù một thiên-tài, cá-nhân cũng vẫn là sản-phẩm của xã-hội. Và «sự sáng-tác dù có tính cách cá-nhân đến đâu cũng vẫn hàm một xã-hội» (T.Ribot). Căn-cứ vào những tiêu-chuẩn trên, muốn khảo-sát một tác-phẩm văn-chương hay một nhà văn, ông Nguyễn-Bách-Khoa cho rằng cần phải:

(a) Xét kỹ hoàn-cảnh xã-hội trong đó cá-nhân ấy sinh-trưởng và hành-động (nên nhớ rằng mỗi xã-hội, ở một giai-đoạn tiền-hóa, lại bị chi-phối bởi những phép-tắc riêng và bày ra một sắc-thái riêng).

(b) Khảo-sát kỹ nguyện-vọng, tâm-lý, tư-tưởng, xu-hướng cùng vai trò lịch-sử của đẳng-cấp cá-nhân ấy.

(c) Khảo-xét xem những ảnh-hưởng của cuộc xung-đột đẳng-cấp trong xã-hội đã tác-dụng đến cá-nhân ra sao và đã chịu sức phản-động của cá-nhân ấy tới chừng nào.

Tóm lại, phải nghiên-cứu tất cả cái hệ-thống xã-hội trong đó cá-nhân kia, đứng ở phạm-vi đẳng-cấp mình, đã bị hoàn-cảnh quyết-định và đã chiến-đầu để phản-ứng lại hoàn-cảnh ấy.

Như thế, tác-giả chỉ là sản-phẩm của một hoàn-cảnh gồm những yếu-tố tính-tình, truyền-thông, huyết-thông, thời-đại, giai-cấp, giáo-dục v... hay tác-phẩm bị qui-định một cách *tất yếu* bởi những yếu-tố cấu-tạo của hoàn-cảnh.

Đem những tiêu-chuẩn phê-bình đó áp-dụng vào trường-hợp Nguyễn-Công-Trứ, ô. Nguyễn-Bách-Khoa viết (trg. 216):

« Từ cái hoài bão "làm nên đảng anh-hùng đầu đầy tở" (thời-kỳ hàn-vi) qua cái triết-lý "xuất mẩu hoài tiện thị hữu quán-thần" (thời-kỳ làm quan) tới cái quan-niệm "quý nhân bất như nhân nhân quý" (thời-kỳ hưu-trí), tâm lý và tư-tưởng Nguyễn-Công-Trứ đã đi hết quá-trình biện-chứng của đẳng-cấp sĩ-phiệt, trong một giai-đoạn lịch-sử. Tâm-lý và tư-tưởng ấy đã hồi chiểu rất trung-thành cái nội-dung ý-thức ở góc thông-trị của một hiện-tượng xã-hội; cuộc tranh-đấu giữa giai-cấp quý-tộc và dân-chúng cần-lao, khoảng 1858-1778, cùng với sự phân-hóa liên-tiếp và mãnh-liệt của toàn-thể xã-hội Việt-Nam do cuộc tranh-đấu kia tạo ra ».

Vậy Nguyễn-Công-Trứ chỉ là một sản-phẩm của thời-đại, giai-cấp của ông và tác-phẩm của ông phản-ảnh sản-phẩm đó. Nó bày tỏ những mâu-thuẫn của giai-cấp sĩ-phiệt, đưa giai-cấp đó tới một thái-độ mệt-mỏi, chán-chường, thoát ly, bi-quan, không còn khả-năng lãnh-đạo và sáng-tạo.

Nhưng có biết bao người cùng giai-cấp với Nguyễn-Công-Trứ cũng bắt mãn với thời-đại, với giai-cấp của mình như Nguyễn-Công-Trứ, vì đã không đạt được những mục-tiêu, khát-vọng của nhân-sinh-quan giai-cấp là Chí làm Trai, tư-tưởng quán-thần, mộng anh-hùng sự-nghiệp v... mà chỉ có Nguyễn-Công-Trứ bày tỏ nỗi bất-mãn đó bằng lời thơ; tại sao ông không làm chính-trị, hay đi tu chẳng hạn, mà lại *chọn viết văn*, làm thơ để bày tỏ chí-hướng?

Khi Ô. Nguyễn-Bách-Khoa nói về Hồ-Xuân-Hương trong cuốn *Kinh thi Việt-Nam*, ông cũng đã coi thơ Hồ-Xuân-Hương chỉ là một sản-phẩm của những ấn-ức tâm-sinh-lý hay "là phản-ảnh của sản-phẩm đó".

« Cái óc Việt-Nam lúc nào cũng có cái hình « tực-tiêu » kia ám-ảnh. Đền nổi hình ấy đã thành cái khuôn, bao nhiêu ngoại-vật phải chiểu qua nó, rồi mới vào được trong đầu. Có thể nói người Việt-Nam trông sự-vật, tả sự-vật bằng cái "giống" (le sexe).

« Không có cái giả-thuyết cho rằng não-trạng ấy là một di-tích của một tôn-giáo thờ sự-sinh-đẻ thì làm sao mà cắt-nghĩa được nó? làm sao mà cắt-

nghĩa được Hồ-Xuân-Hương, cái thiên-tài hiệu-dám đèn cực-diêm kia? Bất kỳ tả cảnh gì, vật gì, nàng cũng tả qua một cái khung dâm - cái giống! Chúng ta ai mà chẳng đã đọc những bài « Đánh cờ người », « Đánh đu », « Dệt cửi », « Cái giống »... của nữ-sĩ có một không hai ấy.

Thật vừa lãng-lơ, vừa thi-vị, vừa chân-xác, vừa bóng bẩy, hình thì rõ mà ý lại mập-mờ, cảnh thì xa mà tình thì lại rất gần... » (trg. 172-173).

Nếu để cắt-nghĩa thiên-tài, thơ ca Hồ-Xuân-Hương, người ta chỉ nghĩ tới một tâm-tình ấn-ức, một tình hiệu-dám và coi đó là nguồn-gốc thi-ca, yếu-tố cấu-tạo văn-chương, thì tại sao có hàng trăm ngàn người thời đó cũng ấn-ức, hiệu-dám như Hồ-Xuân-Hương lại không chọn giải ấn-ức, tình hiệu-dám bằng văn-thơ như Hồ-Xuân-Hương. Ví-dụ họ có thể đi lấy chồng, làm gái điếm, thủ-dâm, loạn-dâm chẳng hạn, để được thỏa-mãn và sự thỏa-mãn đó cũng bắt nguồn từ ấn-ức, hiệu-dám.

Do đó, phải nhận rằng, ảnh-hưởng xã-hội, yếu-tố tâm-lý không cắt-nghĩa được đầy-đủ tại sao viết văn, tại sao có văn-chương. Nói như vậy, không có ý phủ-nhận ảnh-hưởng tâm lý, xã-hội, trái lại đôi khi cần nhấn mạnh vào sự quan-trọng của ảnh-hưởng qui-định. Những vấn-đề chủ-yếu vẫn là tại sao một người lại *chọn* viết văn để bày tỏ tâm-tình, khát-vọng, quan-niệm về cuộc đời mà không chọn những hoạt-động khác.

Như thế, có nghĩa là ở đây không phải vấn-đề lý-do, vì cũng cùng những lý-do, yếu-tố qui-định, người ta có thể tìm thấy nhiều hướng hoạt-động khác nhau biểu-lộ những lựa chọn khác nhau. Do đó không phải lý-do quyết-định hoàn-toàn sự lựa-chọn, mà là sự tự-do của con người.

Lý-do, ảnh-hưởng, yếu-tố chỉ là những dữ-kiện chung, là môi-trường chung cho mọi dự-phóng chính-trị, xã-hội giáo-dục, trong cùng một hoàn-cảnh, một thời-đại.

Nhiều người cùng ở trong một môi-trường giống nhau, cùng bị qui-định bởi những yếu-tố của hoàn-cảnh khách-quan như nhau, nhưng mỗi người « dẫn thân » vào môi-trường đó, nghĩa là hiệu nó và tác-dụng vào nó một cách khác nhau. Người đi làm chính-trị, người đi tu, người đi dạy học, người viết văn.

Cho nên không thể chỉ lấy những lý-do, yếu-tố ảnh-hưởng qui-định, làm đủ để giải-thích tác-phẩm văn-chương vì vấn-đề then chốt là ở chỗ *lựa chọn* viết văn như một lối nhìn và một cách tác-dụng vào đời.

Do đó, vũ-trụ văn-chương có một ý-nghĩa riêng biệt, dự-phóng viết văn cũng có một ý-nghĩa riêng biệt khác với dự-phóng chính-trị, giáo-dục chẳng hạn.

Vậy cần phải khai-triển ý-nghĩa của Dự-phóng viết văn trong cái đặc-biệt của nó, xác-định nó khác với những dự-phóng khác mới trả lời xác-đáng được câu hỏi « Tại sao viết văn », nghĩa là tại sao chọn viết văn.

Đã nói đến lựa chọn, tức là nói đến Tự-do, không bị qui-định tất-yếu như một sản-phẩm: Tôi viết văn vì tôi phải tất-yếu phản-ảnh cuộc đời, hoàn-cảnh của tôi.

Hoàn-cảnh có sự quan-trọng cần-thiết của hoàn-cảnh, nhưng tôi có thể lựa chọn trong nhiều cách thể khác nhau để biểu-lộ cuộc đời phản-ảnh hoàn-cảnh đó. Vậy lý-do lựa chọn không phải ở tại hoàn-cảnh, tuy nó căn-cứ vào hoàn-cảnh, nhưng chủ-yếu ở tại Tự-do của tôi; do đó, sự lựa chọn có tính-cách nguyên-ủy, nền-tảng vì nó bày tỏ một dự-phóng riêng biệt của ta trước cuộc đời.

Căn-cứ vào nhận-định trên, có thể rút ra một hệ-luận quan-trọng cho phê-bình văn học: người ta có quyền tìm hiểu những lý-do, ảnh-hưởng, yếu-tố cấu-tạo nên một tâm-tình của một người, ở một thời-đại trong tác-phẩm và coi tác-phẩm phản-ảnh ít nhiều thực-tại tâm-lý, xã-hội của lớp người thời-đại đó, cũng như người ta có quyền đi tìm những lý-do, ảnh-hưởng, yếu-tố qui-định những biên-cờ chính-trị, sự-kiện lịch-sử. Nhưng nếu chỉ muốn có thể, người ta sẽ có thể tìm được những lý-do, ảnh-hưởng, yếu-tố xã-hội lịch-sử, tâm-lý, chính-trị, nhưng đã bỏ quên tác-phẩm với tư-cách là văn-chương, vì một khi đã chọn nói lên, bày tỏ cuộc đời bằng văn thơ, nhà văn vâng theo một quyết-định sâu-xa hơn. Chính quyết-định đó mới là yếu-tố trụ-cột của văn-chương. Nói cách khác đó là dự-phóng văn-chương, và phải tìm hiểu dự-phóng đó mới hiểu được đúng-đắn văn-chương.

Tại sao không làm chính-trị, không viết nghị-luận, mà lại làm nghệ-thuật và tại sao làm nghệ-thuật, nhưng không vẽ, mà lại làm thơ, viết tiểu-thuyết? Luôn-luôn vấn-đề then-chốt vẫn là sự lựa chọn. Chọn viết nghị-luận có một ý-nghĩa khác chọn vẽ, hay viết văn.

Người ta có thể đồng-ý không phải những lý-do mục-đích qui-định việc viết văn nhưng là sự lựa chọn. Nhưng thiết-thực, người ta có tự-do lựa chọn không? Trên nguyên-tắc, có thể công-nhận là người ta có tự-do lựa chọn một trong nhiều cách thể khác nhau để bày tỏ cuộc đời, phục-vụ những mục-tiêu nọ, mục-tiêu kia. Nhưng trong thực-tế, nhiều khi không có nhiều cách để lựa chọn. Chẳng hạn muốn làm chính-trị, nhưng không thể làm được vì hoàn-cảnh không thuận-tiện cho nên bó buộc phải chọn làm văn. Sự thực có như vậy. Nhưng sự-kiện không có tự-do lựa-chọn ở đây không đung chạm gì tới tính-cách khác-biệt của những dự-phóng. Nếu bị bó buộc phải chọn làm văn, người ta vẫn phải

làm văn theo cách thể đặc-biệt của dự-phóng viết văn và dự-phóng viết văn vẫn khác-biệt dự-phóng làm chính-trị.

Do đó, muốn hiểu văn-chương, vẫn phải tìm khai-triển cái ý-nghĩa đặc-biệt của dự-phóng làm văn, dù được tự-do hay không tự-do lựa chọn.

Khuynh-hướng trên tìm hiểu tại sao viết bằng cách căn-cứ vào những nguyên-nhân, lý-do thúc-đẩy, qui-định việc viết.

Khuynh-hướng sau đây tìm giải-đáp câu hỏi bằng cách căn-cứ vào mục-tiêu, chủ-đích của việc viết.

Thực ra khuynh-hướng sau cũng từ khuynh-hướng trên mà ra. Nếu văn-chương là phản-ảnh xã-hội, thời-đại, nhà văn cần phải sống nhiều « lối đời », kinh-nghiệm nhiều mới hiện-thực linh-động và sâu-sắc được. Mà chỉ có thể sống nhiều nếu nhà văn tha-thiết với đời, yêu đời, đi sâu vào lòng đời, vì thế nhà văn cần có những năng-khiếu nhạy cảm để có thể lãnh-hội nhanh, sâu, trước, nhiều khía cạnh phức-tạp, tế-nhị của cuộc sống. Nhưng muốn lãnh-hội đúng-đắn, chủ-yếu cũng cần cần có lập-trường, một ý-thức khi nhìn. Lập-trường đó chỉ có thể là hướng về con người, lấy con người làm đích để mô-tả và làm cứu-cánh của viết văn, nghĩa là nhằm phục-vụ con người, phát-hiện những ý-nghĩa nhân-loại, đề-cao những giá-trị nhân-đạo, phản-kháng, chống lại những gì xâm-phạm, đe-đọa tiêu-diệt những giá-trị đó như một chế-độ bất công, một chính-sách độc-tài, một cái nhìn thiên-cận, thiên-lệch, một thái-độ cư-xử máy-móc, một tổ-chức chà đạp bóc lột con người.

Muốn đạt tới được những mục-tiêu trên, nhà văn cần phải sáng-suốt nhận-định để biết mình phải đứng ở phía nào mà bênh-vực con người như đứng về phía những người bị áp-bức chống lại áp-bức, về phía những người yêu tự-do chống lại độc-tài, phía những người nghèo khổ, yếu đuối, thấp cổ bé họng chống lại cường-quyền, uy-lực sức mạnh. Thành ra ở đây người ta xác-định những đòi-hỏi, những điều-kiện sáng-tác, qui-định sứ-mệnh của nhà văn.

Vấn-đề tại sao viết đặt thành vấn-đề viết để làm gì, và vì muốn đạt tới những mục-đích nọ, mục-đích kia mà nhà văn cầm bút. Theo lối nhìn của khuynh-hướng này, văn-học nghệ-thuật nhằm phục-vụ con người bằng cách phản-ảnh hiện-thực những khát-vọng chính-đáng của con người trong những hoàn-cảnh nhất-định hoặc là bày tỏ sự phủ-nhận hay chấp-nhận những hoàn-cảnh đó nhân danh những khát-vọng trên.

Nhà văn viết là để thực-hiện một sứ-mệnh cao-cả.

Do đó, văn-chương bao-hàm tính-chất nhân-bản, hay chứa đựng một chủ-nghĩa nhân-đạo. Nhân-bản vì văn-chương biểu-lộ một niềm tin ở con người, tôn-trọng con người chống lại mọi hình-thức chà đạp, bóc lột, bóc nghẹt, khinh-miệt con người.

Văn-chương là một sự đòi-kháng và nhà văn là một người phản-kháng. Di-nhiên nhà văn chỉ thực-hiện được sứ-mệnh trên ở một mức-độ cao nếu nhà văn tha-thiết với con người, gắn-bó nhiều với cuộc đời, đồng thời có thể cảm trước được những điều người khác chỉ mơ-hồ cảm thấy, biết trước được hướng phải tiến lên mà người khác chỉ lờ-mờ nhìn thấy.

Chính tình-cảm, niềm tha-thiết đó là động-cơ thúc-dẩy nhà văn viết. Nhà văn viết vì không thể chịu được những bức-rứt trong lòng đè nặng tâm-hồn. Phải bày tỏ, nói lên, tỏ-cáo. Do đó nguồn-gốc tình-tự và lời văn là lòng yêu sự thực, yêu con người.

Ông Đặng-Thái-Mai đã trình-bày ý-tưởng đó trong *Văn-Học Khái-Luận*:

«Xét đến công-phu sáng-tác của cá-nhân, ta vẫn thấy rằng: Xưa nay những nhà văn chỉ bình-tĩnh, phong lưu, thỏa mãn với cuộc đời, tự túc với cảnh ngộ, đều là những nhà văn dung thường. Nói theo lời Hàn-Dũ đời Đường: "Đại phạm vật bất đắc kỳ bình tác minh" (vật hễ không được thỏa-mãn thì thể phải kêu lên). Lời nói chí-lý. Trong văn-chương các nhà nho nước ta, nước Tàu xưa nay chả có gì nhạt-nhẽo hơn là các thứ văn thơ thù tạc, những bài phú, lục, tán tụng ông nọ bà kia. Tưởng nếu đem mà đốt cho hết những thứ văn nước ộc ấy đi, thì văn-học của một nước, tư-tưởng của nhân-loại cũng không vì thế mà gãy-gò, òm-yêu đi tý nào!

«Nếu khỏi óc nhà văn không có những luồng sóng bất-bình, nếu như tâm-hồn kẻ cầm bút không cảm thấy những nỗi đau-dớn thiêu-thôn của kiếp người, những điều mong-mỏi thiết-tha của thời-đại, nếu không linh-hội được tính-cách luôn-luôn biến-thiên của thế-giới, của nhân-sinh, nếu như đôi với hiện-tại với tương-lai không có một yêu-cầu, một hy-vọng tin-tưởng gì, thì cái thứ văn mơn-trớn béo tốt như dây thịt, trơn như tảng trăn hói của nhà trường-giá, cũng chỉ là một «văn chơi» mà thôi chả có ý-nghĩa gì là văn-học» (tr. 61).

Càng hiện-thực sâu sắc, càng gây được nhiều rung-động tình-tự, cảm nghĩ nơi người đọc, do đó càng làm cho người đọc thương, ghét, căm thù, thúc-dẩy họ tới hành-động. Đó là sứ-mệnh của nhà văn-học. Nhà văn chu-toàn sứ-mệnh đó và được gọi là: Tiên-tri của thế-hệ, nhà giáo-dục quần-chúng, kỹ-sư tâm-hồn v.v.. Ở đây, người ta cũng thấy lời nhìn căn-cứ vào mục-dịch văn-chương chưa trình-bày được hết ý-nghĩa đặc-biệt của dự-phóng làm văn. Nếu viết để phục-vụ con người, hay sự thật, vì văn-chương phải gắn liền với chủ-nghĩa nhân-đạo, và do đó có thể xác-định những điều-kiện sáng-tác; sống nhiều, yêu tha-thiết con người, dân thân vào đời..., thì cũng vẫn chưa trả lời xác-đáng tại sao viết.

Những người làm chính-trị, công-tác xã-hội, biên-khảo, nghiên - cứu khoa-học chẳng hạn hay bất-cứ một nghề gì cũng đều có thể vì mục-dịch phục-vụ con người, theo đuổi một sứ-mệnh như nhà văn, đồng-thời để thực-hiện được sứ-mệnh phục-vụ con người, họ cũng vẫn cần có những điều-kiện như trên của nhà văn.

Người lính cầm súng, người cán-bộ chính-trị, nhà ngoại-giao, người nông-dân tất cả đều có thể có một tâm-hồn yêu nước, yêu con người rất tha-thiết chân-thành như nhà văn, nhưng họ đã phục-vụ con người, tổ-quốc, dân-tộc bằng hành-động: người cán-bộ đi thuyết-phục, người nông-dân đi cấy ruộng, tăng-gia sản-xuất, người lính xông-pha giết giặc, nhà khoa-học tận-tụy nghiên-cứu. Khi tâm-tinh và sự cố-gắng của họ tới một mức-độ cao, họ cũng là những chiến-sĩ như nhà văn là một chiến-sĩ cầm bút.

Do đó, khi xác-định sứ-mệnh và điều-kiện thực-hiện sứ-mệnh của nhà văn, người ta chưa nói lên được ý-nghĩa đặc-biệt của dự-phóng làm văn, hay lý-do riêng biệt của sự lựa chọn thực-hiện sứ-mệnh trên bằng cách viết văn. Vì đã hẳn, sứ-mệnh, điều-kiện là những đòi-hỏi chung cho cả nhà văn, người làm chính-trị, nhà nghiên-cứu, người lãnh-đạo, người cấy ruộng v.v... Di-nhiên, người ta vẫn có thể và có quyền xác-định sứ-mệnh văn-chương, điều-kiện sáng-tác, nhưng không thể coi như thể là đủ để giải-đáp câu hỏi: Tại sao viết văn, như thể sứ-mệnh phục-vụ con người và những điều-kiện sáng-tác chỉ là độc-quyền của nhà văn.

Vậy vấn-đề cốt-yếu, vẫn là ở sự lựa chọn và ý-nghĩa của sự lựa chọn đó. Tại sao nhà văn lại chọn văn-chương để phục-vụ con người, và không chọn những cách thể phục-vụ khác.

Do đó, nhiệm-vụ tìm hiểu chủ-yếu là phải nhằm khai-triển ý-nghĩa đặc-biệt của sự lựa chọn làm văn, của dự-phóng viết văn.

Chọn viết văn

Chọn viết văn là chọn một cách-thể riêng để nhìn đời và tác-dụng vào đời trong muôn vàn cách-thể khác.

Ví-dụ: chống xâm-lăng là một nhiệm-vụ chung của mọi người trong một nước bị ngoại-bang đe-dọa chiếm đóng. Những yêu-tò chung là: tâm-tình yêu nước, tha-thiết tới vận-mệnh của Tổ-Quốc, nhận-định về đường lối: tranh-đấu, không thể thỏa-hiệp, đấu hàng địch, lý-tưởng: bảo-vệ đất nước, bảo-vệ tự-do, quyền làm người của mình, của dân-tộc, cố-gắng hy-sinh, chịu gian-khó v.v... Có nhiều cách để phục-vụ tổ-quốc, chống ngoại-xâm: làm người lính cầm súng, người cán-bộ tuyên-truyền, người lãnh-đạo chính-trị, người canh-tác ở hậu-

phương, người giáo-viên binh-dân học-vụ, người viết văn... Tất cả đều giồng nhau về tâm-tinh, đường lối, lý-tưởng, mục-dịch, nhưng lối nhìn, cách hành-động khác nhau.

Người lính phục-vụ Tô-Quốc bằng cách dùng võ-lực đánh đuổi, tiêu diệt, giết giặc. Người canh-tác bằng cách tăng-gia sản-xuất, cấy cấy cho có nhiều lúa gạo cũng là một cách giết giặc. Người giáo-viên binh-dân học-vụ dạy học, thanh-toán nạn mù chữ vì diệt giặc dốt cũng là diệt giặc. Người lãnh-đạo ra chỉ thị, cai-trị, trừng-phạt. Người cán-bộ lý-luận thuyết-phục, còn nhà văn gọi-cảm và truyền-cảm.

Đứng trước nhiệm-vụ phá đường chằng hạn để ngăn-cản bước tiến quân của địch, người lãnh-đạo nghiên-cứu kế-hoạch, để ra chính-sách, chỉ-thị. Người cán-bộ lý-luận thuyết-phục bằng cách nêu lên những lý-do và sự quan-trọng, cần-thiết của công-tác, đưa ra những khẩu-hiệu hô-hào động-viên tinh-thần dân-công.

Nhà văn làm một bài thơ "Phá đường" và chỉ nói tới trời đất, tình-yêu, mơ-ước. Nhà thơ không phác-họa kế-hoạch, kỹ-thuật đào đường như người lãnh-đạo quân-sự, không trình-bày những lý-lẽ theo một suy-luận mạch-lạc để chứng-minh tính-chất quan-trọng, cần-thiết của công-sự, cũng không cảm cuộc xéng đào đất, phá đường như người dân-công; nhà thơ chỉ dựng lên một cảnh, nói tới trăng, gió, đêm sao, hóng lạnh, tiếng động, màu sắc, hình ảnh...

Nhà thơ không giảng dạy như một giáo-sư, không truyền lệnh và trừng phạt như một nhà lãnh-đạo, không thuyết-phục như một người cán-bộ, không làm tay chân như người cán-lao, nhà văn gọi-cảm để truyền-cảm bằng hình-ảnh, tình-tự...

Nhà văn đã chọn một cách thể riêng biệt để nhìn một thực-tại và tác-dụng vào thực-tại đó. Cách thể riêng-biệt của nhà văn là nói với tình-cảm của người khác để đi tới đời-thoại, thông-cảm. Nó bạo-hàm một thái-độ tôn-trọng sự tự-do đáp lại của người khác. Nhà văn không nói với lý-trí, không thuyết-phục, không giảng dạy, ra lệnh, nhưng để-nghị một lối nhìn, khơi mạch một con đường tình-cảm để người khác bước vào, đi tới những quyết-định mà chính họ sẽ tự đảm-nhiệm lấy.

Lối nhìn và tác-dụng vào đời của nhà văn là nói lên, bày tỏ, không phải sai khiến, thuyết-phục, khuyên-nài, hành-động. Nhà thơ văn nói với lòng người trong một giao-ngộ riêng tư, thâm kín. Tội đến lúc họp mặt lên đèn, hay lúc nghỉ-ngơi một mình, ngâm bài thơ "Phá Đường", hoặc nghe thấy ngâm thơ, lòng người rung-động, phần-khởi, tự mình nhận ra tiếng gọi của một bổn-phận, tự mình quyết-định lấy một thái-độ dần-thân theo tiếng gọi kia trong im lặng, thâm-kín của cõi lòng, và biết đâu lối nhìn thực tại bằng cách nói lên, bày tỏ, gọi cảm lại chẳng tác-dụng sáu-xa mãnh-liệt vào thực-tại hơn cả mệnh-lệnh, chỉ-thị, lý-luận thuyết-phục.

Giả-sử nhà văn kia đem vào thơ lý-luận, chỉ-thị nhằm truyền khiên, thuyết-phục, bài thơ có thể sẽ không còn phải là thơ và do đó mất hết ý-nghĩa, giá-trị đặc-biệt của lối nhìn đời bằng văn-chương.

Ví-dụ trên cho thấy có nhiều lối nhìn và tác-dụng vào đời. Mỗi lối nhìn đều có ý-nghĩa và giá-trị riêng biệt của nó. Cùng một mục-dịch, cùng một đời-hỏi, nhưng có nhiều cách-thể, đường lối để đi tới. Vậy phải duy-trì và tôn-trọng tính-chất đa-nguyên của những lựa chọn. Không thể giản-lược mọi lối nhìn vào một lối nhìn, mọi lựa chọn vào một thứ lựa chọn và lấy tiêu-chuẩn, tinh-thần của lựa chọn này làm tiêu-chuẩn tinh-thần cho sự lựa chọn kia. Không nên bắt-buộc nhà thơ phải làm nhà kỹ-sư, bác-sĩ, chính-trị, giáo-sư trực-tiếp tác-dụng vào thực-tại bằng sửa-chữa, xây-dựng, cải-tạo, biên-đổi, vì cách tác-dụng vào thực-tại của nhà văn là gián-tiếp, ám-chỉ, như nói tới trăng gió mây nước để gợi ý gợi cảm mà thôi.

Những ngộ-nhận đã xảy ra vì lẫn-lộn hay do ý-chí giản-lược. Người ta muốn nhà văn nhìn như người làm chính-trị, có thái-độ như nhà kỹ-sư bác-sĩ chẳng hạn nhằm một hiệu-nghệm tức-khắc, nhân tiến và có thể kiểm-chứng được.

Một quan-niệm chính-đáng là công-nhận có nhiều lối nhìn khác nhau về một vấn-đề và mỗi lối nhìn có ý-nghĩa, giá-trị riêng biệt của nó. Không có lối nhìn nào thay thế cho lối nhìn nào. Cho nên ý-chí giản-lược chỉ làm thiệt-hại, co hẹp lại những thành-quả mà người ta chỉ có thể thu-lượm được một cách phong-phú với điều-kiện mở ra nhiều đường lối thực-hiện, và tôn-trọng tính cách đa-nguyên của nhiều cách-thể đi tới.

Đứng trước tội sát-nhân chằng hạn, có thể có nhiều lối nhìn và mỗi lối nhìn đều có ý-nghĩa công-dụng của nó.

Đã hãm ai cũng công-nhận giết người là một tội, cần phải sửa-chữa, trừng phạt, đền bù... Nhưng mỗi người đứng ở một phương-diện mà nhìn tội đó theo quan-diểm của mình.

Nhà luật-học chỉ nhằm xác-định thể nào là tội giết người. Trường-hợp nào là có tội, trường-hợp nào không và những hình-thức trừng-phạt như thế nào. Nhà xã-hội-học chỉ lo nghiên-cứu những ảnh-hưởng xã-hội, gia-đình, giáo-dục để có thể qui-định hiện-tượng sát-nhân trong một hoàn-cảnh, một chế-độ xã-hội, so-sánh với những hoàn-cảnh chế-độ xã-hội khác, hoặc nghiên-cứu hiện-tượng sát-nhân có thể ảnh-hưởng lại xã-hội thể nào. Với nhà xã-hội-học, hành-động giết người chỉ là một sự-kiện xã-hội.

Nhà luân-lý, giáo-dục lo những biện-pháp phòng-ngừa, bằng cách khuyên bảo, giáo-dục dạy-dỗ.

Ông cảnh-sát, công-an chỉ biết bắt người sát-nhân, dẫn đi và canh gác. Ông quan tòa, đại-diện của công-lý và công-ích chỉ nhìn tội sát-nhân như một vi-phạm trật-tự xã-hội, làm thiệt hại quyền-lợi người khác, truy-tò, trừng-phạt đến bù nhân-danh công-lý, luật-pháp.

Tất cả những người trên, mỗi người đứng ở quan-điểm của mình, đều chỉ nhìn hành-động giết người hoặc là như một sự-khien để nghiên-cứu để đề-phòng hoặc là như một tội-nhân để dẫn đi, để định tội và trừng-phạt. Tất cả đều nhìn tội sát-nhân như một mục-tiêu của cái mà người ta có thể gọi là một *chiến-dịch bảo-vệ an-ninh, duy-trì vệ-sinh tinh-thần của cộng-đồng*. Tội sát-nhân là một hành-động cần đề-phòng hay là một vết bần-cần tẩy rửa.

Nhà văn không phủ-nhận sát-nhân không phải là tội, cũng không chửi tính-cách hợp-lý, chính-đáng cần-thiết của quan-điểm luật-học, tòa án, cảnh-binh, giáo-dục... nhưng nhà văn nhìn tội sát-nhân theo quan-điểm riêng của mình. Nhà văn chú-ý tới con người đã phạm tội và muốn nhìn hành-động phạm tội người đó như một *bi-kịch*. Đó là ý-nghĩa sự lựa chọn của nhà văn. Nhà văn xây-dựng một tác-phẩm quanh đề-tài: tội sát-nhân. Nhưng tác-phẩm sẽ là một thất bại nếu được trình-bày như một bài học luân-lý hay một chiến-dịch vệ-sinh tinh-thần. Cái nguy-hiêm của nghệ-thuật bị lãnh-đạo là ở chỗ đó. Nó tiêu-diệt, xóa bỏ cách thể biểu-lộ cuộc đời riêng biệt của dự-phóng làm văn, vì đứng ở quan-điểm nhà nước, hành-động sát-nhân chỉ là một tội ác vi-phạm luật-pháp, trật-tự chung, cần phải trừng-trị, sửa-chữa và không bao giờ là một bi-kịch, một cô-đơn, một số phận của một người.

Người ta có thể đem lên màn-ảnh, sân-khấu hay viết thành tiểu-thuyết những tội ác của một chế-độ và cũng có thể nhằm chủ-đích tố-cáo chế-độ đó, nhưng cuốn phim, vở kịch, cuốn truyện sẽ thất bại về nghệ-thuật và do đó cũng không gây được tác-dụng chính-trị mong muốn, nếu chúng được xây-dựng bằng những *lời nhìn trực-tiếp* như một bản cáo-trạng của Tòa án, một bài tuyên-truyền hay một buổi học-tập chính-trị.

Không phải có ý nói tòa án, tuyên-truyền, học-tập chính-trị là không cần-thiết, quan-trọng, chính-đáng, nhưng nếu chỉ muốn nói trực-tiếp, hãy giao cho quan tòa, cán-bộ chính-trị, lãnh-đạo chính-trị nhiệm-vụ đó và để nhà văn biểu-hiện theo lời nhìn gián-tiếp của mình: Trình-bày chế-độ đó như một tấn kịch. Nhà văn không nói lên những lời phê-đoán tố-cáo kết-án, nhưng chỉ thể-hiện một cảnh đời và thể-hiện nó như một tấn kịch, gọi cho người xem, người đọc rung-động cảm thấy tính-cách bi-đát của tấn kịch, rồi từ đó động lòng thương ghét, căm thù đưa họ tới chỗ tự quyết-định lấy một thái-độ trước cuộc đời vừa được chứng-kiến-

Nhà văn chọn lời nói với tình-cảm con người và kêu gọi tình-cảm đó bằng cách trình-bày cuộc đời như một bi-kịch.

Trước tội sát-nhân của chế-độ quốc-xã, của Eichmann, nhà văn không phủ-nhận quan-điểm kết án của tòa án, của dư-luận nhìn những Hitler, Goering, Goebbels, Eichmann... như những tên đao-phủ dã-man vô nhân-đạo. Nhưng đối với tòa án, dư-luận, họ chỉ là những tội-nhân chiến-tranh đáng chết, thể thôi. Nhà văn, trái lại, muốn trình-bày chế-độ quốc-xã, con người Eichmann, như một bi-kịch. Hoặc là thể-hiện lên những hành-động tội-ác có khả-năng rung-động tình-cảm của ta, làm cho ta căm thù, tức giận một chế-độ dã-man, vô nhân-đạo mà những Hitler, Eichmann là diễn-viên của bi-kịch đó; hoặc là vươn lên cao nữa, vượt khỏi những cá-nhân, sự-khien để nhìn chế-độ đó, như một bi-kịch của nhân-loại nói chung, của con người ở đời. Văn là căm thù chế-độ dã-man, vì yêu con người, sự thật, văn là giận ghét những tên đao-phủ, tội nhân, vì thương những nạn-nhân vô-tội nhưng đồng-thời cũng muốn nhìn những tên đao-phủ đó, không còn phải chỉ là những con vật đem đi giết, nhưng là những con người có thể đang bút-rút trước lương-tâm của họ, đang run-sợ, kinh-hãi trước cái chết sắp đến, đang đảm-nhiệm tình-cảnh cô-đơn của một số-phận; nghĩa là cũng muốn nhìn những kẻ sát-nhân như những con người khốn-nạn, và đó cũng là một bi-kịch.

Nét mặt đau thương, những giọt nước mắt lăn trên má vợ con họ cũng là một bi-kịch; bất cứ một đau-khổ nào cũng đáng kể chứ, dù là đau-khổ của một kẻ sát-nhân, hay của vợ con họ hàng hân, vì nó cũng là của con người, mặc dầu đó là con người đáng khinh, đáng ghét. Từ tội ác, luận phạt, nhà văn muốn nhìn thấy một ý-nghĩa cuộc đời: phải chăng người ta ở đời có phải để hành-hạ nhau, làm cho nhau đau khổ, tại sao, để làm gì; hàng triệu người chết ở các trại tập-trung trong nhà tù, ngoài mặt trận vì một chế-độ sát-nhân, vì những kẻ sát-nhân, rồi người ta lại giết những kẻ sát-nhân. Dù vì lý-do, lý-tưởng, chính-đáng thể nào đi nữa, hành-động luận phạt đó cũng vẫn có thể nhìn như một bi-kịch. *Bi-kịch không xóa bỏ tội ác, mà chỉ làm cho nó trở nên bi-đát*. Và nhà văn là người chọn lời nhìn tội-ác như một bi-kịch, làm cho chúng ta cảm thấy tính-cách bi-đát của nó.

(còn tiếp)

“VĂN-HÓA TÙNG-THƯ”

do Nha Văn-Hóa Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản

Những tập Văn-Hóa Tùng-Thư

đã xuất-bản :

SỬ-LIỆU VIỆT-NAM (V.H.T.T. số 1) (246 trang) <i>Tuấn-Lý Huỳnh-Khắc-Dụng</i> biên soạn	25\$
CỜ-ĐÓ HUỆ (V.H.T.T. số 7 và 8 hợp nhất) (Lịch-sử, Cờ-tích, Tháng-cảnh và Thi-ca) dày 487 trang, gồm 53 tranh ảnh và bản-đồ) <i>Thái-Văn-Kiểm</i> biên soạn	70\$
ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : LỤC TỈNH NAM-VIỆT <i>Tu-Trai Nguyễn-Tạo</i> phiên-dịch Tập thượng (152 trang) (V.H.T.T. số 2). Tập hạ (132 trang) (V.H.T.T. số 3).	20\$ 15\$
ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TỈNH THANH-HÓA <i>A-Nam Trần-Tuân-Khải</i> phiên-dịch Tập thượng (122 trang) — (V.H.T.T. số 4). Tập hạ (174 trang) — (V.H.T.T. số 5).	15\$ 15\$
ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN <i>Tu-Trai Nguyễn-Tạo</i> phiên-dịch : <i>Kinh-sư</i> (96 trang) — (V.H.T.T. số 6). <i>Quảng-Trị và Quảng-Bình</i> (208 trang) (V.H.T.T. số 9) <i>Thừa-Thiên-Phủ</i> , Tập thượng (144 trang) — (V.H.T.T. số 10). Tập trung (152 trang) — (V.H.T.T. số 11). Tập hạ (134 trang) — (V.H.T.T. số 12).	15\$ 20\$ 15\$ 15\$ 15\$

Có bán khắp các hiệu sách lớn tại Thủ-Đô, các tỉnh, nhà Tổng-phát-hành Thống-Nhất (329, Đường Trần-Hưng-Đạo, Sài-gòn) và tại Nha Văn-Hóa (266, Đường Công-Lý, Sài-gòn).

PHẠM-VĂN-SƠN

giọt lệ si-phu đâu thê-kỳ chúng ta*

Thê-kỳ XX đã mở màn cho bao nhiêu sự bi-đát trong đầu óc đám si-phu Việt-Nam. Hòa-ước Giáp-thân (1884) do các ông Nguyễn-văn-Tường và Phạm-thận-Duật đại-diện của Nam-Triều ký với Patenôtre đại-diện của chánh-phủ Brisson (Pháp) đã chấm dứt nền độc-lập của Việt-Nam sau ngót mười thê-kỳ oai-hùng dưới trời Đông-Á. Tuy vậy còn thoi-thóp ít nhiều hy-vọng : quân-đội của nhà Thanh còn hoạt-động với quân-đội của quan Tiết-chê quân-vụ Hoàng-Kê-Viêm trên đất Bắc. Nhưng đèn Hòa-ước Fournier, Lý-hồng-Chương buồng tay bút thi đám quân Tàu phải rút về bên kia biên-giới Việt-Hoa¹. Thê là hết ! Sự-kiện này được ghi trong lịch sử vào năm sau là năm 1885.

Phong-trào Cần-Vương do vua Hàm-nghi và Đại-tướng Tôn-thất-Thuyết phát-động tuy được nhân-dân nhiệt-liệt hưởng-ứng luôn trên 10 năm sau cũng lại đi đến chỗ thất bại. Thực-dân Pháp đã đặt được gương máy cai-trị hầu khắp nơi, từ Trung ra Bắc tuy ngọn lửa chiến-tranh vẫn còn được nhen-nhóm ở ít nơi, từ vùng đồng-bằng lên đến thượng-đu xứ Bắc. Thực-dân Pháp một bề đầu dựng một sở quan lại cũ của triều đình Tự-Đức, một bề tiếp-tục mở khoa cử để mua chuộc một số si-phu mới biết rằng dân-tộc Việt-Nam vốn rất quý trọng những người có học thức và có nôm được những người trí-thức của xứ này thì mới ổn-định được dân tình. Nhưng lúc này trong giới si-phu Việt-Nam có sự phân-hóa : một bọn tuy thường mở miệng nói đến chuyện trung-quân ái-quốc nhưng vẫn chạy theo tân-trào vì danh, vì lợi. Những kẻ tầm thường này ở

* Hay là những tiếng khóc của cụ Mai-Sơn Nguyễn-thượng-Hiền.

¹ Do Hòa-ước này Chánh-phủ Tàu công nhận nên Bảo-hộ Pháp ở Việt-Nam và rút quân về nước. Hòa-ước này là một sự thành-công của Pháp trên mặt ngoại-giao ngày 27-4 năm Ất-dậu (1885).

Trộm nhớ ông xưa,
 Dòng dõi thiên hoàng.
 Một trang anh-kiệt,
 Rất mực vẻ vang.
 Cõi việc bình nhung,
 Đánh Đông dẹp Bắc.
 Sấm sét ra oai.
 Diệt tan quân giặc.
 Đời vua Tự-Đức,
 Giặc Pháp xâm-lãng.
 Chiếm miền Bắc-Việt,
 Quý-quyết hung-hăng;
 Ông liến ra tay,
 Tướng giặc bị giết.
 Uy-danh vang lừng,
 Như sấm như sét.
 Việc nước đổi bại,
 Pháp lại thừa cơ,
 Ông tuy chèo chống,
 Xe đồ khôn ngựa.
 Quyết chí tiếm cừu,
 Bồi thành một trận.
 Trời tựa cường Hồ,
 Non sông uất-hận.
 Do mưu phục-quốc,
 Thoát ra ngoại-bang.
 Bao năm cô lũy,
 Một dạ kiên cường.
 Bệnh do tích phân,
 Thê càng tuyệt vọng.
 Chín suối căm hờn,

Ngàn thu ai-thông.
 Ngán cho tiêu-từ,
 Tài chí thấp hèn,
 Trước bình lạm dự.
 Trên quyết đua chen,
 Thế báo ơn Hàn.
 Dám từ lao khổ,
 Vợ trẻ bẽ mặt thân,
 Tìm đường Đông-độ,
 Hầu ông ở Thiệu⁴,
 Mừng tài xiết bao.
 Thầy ông lâm bệnh,
 Tắc dạ xôn-xao,
 Nặng vì việc nước,
 Không dám dừng bước,
 Bài từ ra đi.
 Hay đâu vĩnh-biệt.
 Đau lòng nạn nước.
 Sông lở núi tan,
 Xin nỗi chí ông,
 Xoay sở giang-san,
 May ra sau này,
 Đẹp tan cường-khẩu,
 Chém kẻ hùng-tàn,
 Dâng đầu tề cáo.
 Muốn trùng non nước.
 Một nền tâm-hương,
 Kính dâng lễ mọn,
 Xin rú lòng thương,
 Than ôi, đau đớn thay!
 Xin anh-linh giám-hướng⁵.

4 Thiệu-Quan là một huyện giáp tỉnh Phúc-Kiến.

5 Nguyên văn bài văn tế này bằng chữ Hán. Báo-dệ của cụ Mai-Son là cụ Nguyễn-thượng-Khoi dịch ra Nôm.

Đôi câu đôi khóc vợ của tiên-sinh đến nay còn được ca ngợi là tuyệt tác, là vô-cùng bi-thiết như sau :

“ Ngưỡng quan thiên, thiên di vân mai tứ tác, phủ quan địa, địa di kinh cực hoành sinh, chỉ khu sở vạn-lý, ngọc tuyết sơn phong, thương hải vị năng diễn, thế ngã tráng tâm khởi phục hương khuê oanh lữ mộng ”.

“ Thiều tông phụ, phụ di vương sự xuất môn, trường tông phu, phu di quốc nạn v ễn thích, thủy chung tam thập niên, hàm vị nhựt khổ, bạch đầu ưng cánh thậm, đa khanh tảo giác tiên ly ược thế đoạn sáu căn ”.

Lược dịch

“ Ngửa trông trời, trời mây mù bốn phía, cúi nhìn đất, đất gai góc mọc đầy, ruối rong ngoài ngàn dặm, trái gió dầm sương, bể kia chưa lấp nổi, thế làm như ý, tình nhà đâu dám tưởng ”.

“ Nhỏ theo cha, cha vì việc vua phải xuất ngoại, lớn theo chồng, chồng vì nạn nước phải đi xa. ba chục năm trường ngâm đắng nuốt cay, bạc đầu là phải, nóng nổi này bà đã biết, sớm lìa cõi tục khỏi đau lòng ”.

Sau này cùng cụ Sào-Nam bốn tàu khắp hai nước Tàu, Nhật, công chàng thành, chỉ chẳng toại lại thêm tuổi già sức yếu, cụ Mai-Son về ẩn cư trên núi Cô-sơn giữa Tây-hồ và mắt tại chùa Thường-tịch-Quang Lan-nhược ngày 13 tháng 11 Âm-lịch năm Ất-Sửu (1925). Theo lời dặn, cháu cụ là Nguyễn-Thượng-Huyền (tức Trương-Anh-Mãn ngày nay còn ở Hương-cảng) đem hỏa-táng di-hài cụ rồi thả tro xuống sông Tiền-đường như đã nói trong bài trước.

Khóc cụ lúc này chỉ có ông Nguyễn-thượng-Huyền và vài đồng-chí còn lênh-đênh trên đất Tàu bấy giờ. Bài thơ khóc tiên-sinh được ghi như sau :

Xum họp quê người chừa mấy lâu,
 Ông ơi vội bỏ cháu đi đâu!
 Trời Nam đất Bắc đôi hàng lệ,
 Sông Việt non Ngô một mối sầu.
 Nước tổ thù chung còn chừa báo,
 Nhà ta vận bĩ ngấm mà đau.
 Sớm khuya lời nhủ vắng ghi tạc,
 Núi bể mong đến chút nghĩa sầu⁶.

*

Phụ-chú về Tôn-thất-Thuyết Do trận đột kích vào Trần-bình-đài (thành Mang-cá) và tòa Khâm-sứ Pháp tại Huế đêm 5-7-1885, cụ Tôn-thất-Thuyết đã đi sâu thêm vào lịch-sử. Kinh-thành thất thủ, cụ mang vua Hàm-Nghi ra Quảng-Tri, Quảng-Bình tỉnh mưu khôi phục. Thực-lực của Kháng-chiến Việt-Nam bấy

6 Bài này do Thượng-Câu phổ biến trên báo Tân-Dân số 87 ngày 15-12-1956.

giờ thua sút quá nhiều đối với lực-lượng của quân-đội viễn-xâm, cụ Thuyết phải lên qua Tàu cầu viện để tăng cường cho phong-trào Cần-vương đang lan tràn khắp Trung, Bắc lưỡng kỳ. Nhưng lúc này uy-thế của đế-quốc Pháp đang mạnh, Chánh-phủ Bắc-Kinh lại mới ký Hòa-ước Thiên-Tân lần thứ hai với Pháp, nên dù muốn dù không họ phải bỏ rơi nước ta; ngoài ra chính Trung-quốc cũng đang bồi rối nhiều phần trong nội-tình đối với Liệt-cường Tây-phương thì còn lực-lượng đâu để can thiệp vào việc Việt-Nam?

Cụ Thuyết cùng với Phó-tướng-quân Đê-độc Trần-xuân-Soạn có ra Thanh-hóa dự kế hoạch kháng Pháp ở Ba-Đình rồi bằng thượng-đạo lên Lai-châu sang Văn-Nam do sự hướng-dẫn của Đèo-văn-Tri. Cụ định mượn binh của Tổng-đốc Văn-Nam là Sâm-công-Bảo về đánh Pháp. Cụ ở đây một tháng thì được đưa đi Quảng-Đông gặp Tổng-đốc Lương Quảng nhờ chuyển đệ số tâu lên Thanh-định. Đại-sứ Pháp ở Bắc-Kinh được tin cụ có mặt ở nhà Lưu-vinh-Phúc, chủ-từ-cơ cũ của quân Cờ Đen tại Sa-hà và có mục-dịch yêu-cầu Thanh-viện nên đã ngầm giao-thiệp với các nhà cầm quyền Bắc-Kinh cản đường của cụ. Kết-quả rất là tai-hại và bi-thảm cho Cụ là: Trương-chi-Động, Tổng-Độc Lương-Quảng do Huân-lệnh ký ngày 8-11-1889 đã ra chỉ-thị hủy bỏ mọi điều yêu-cầu của cụ Thuyết và đồng bọn, trợ cấp hàng tháng cho cụ Thuyết 57 nén bạc, 3 hào 6 xu để sinh sống (do quỹ tỉnh-thành Quảng-châu đài thọ), cấm ngặt mọi sự vọng-động nhất là ra khỏi nơi cư-trú (huyện La-định). Bây giờ bọn Cụ có tất cả 13 người (kể cả Nguyễn-việt-Tôn, Đê Soạn, Ngụy-khắc-Kiều và 9 tên lính hầu). Cụ Thuyết ở đây được hơn một năm sau dời lên Thiệu-quan giáp tỉnh Phúc-Kiên. Càng về già, cụ càng thêm tính cầu giần, hẳn là vì tình nhà nổi nước chẳng yên bề nào, rồi như người mất trí, cụ nằm liệt trên giường suốt ngày. Cụ mất tại Thiệu-quan ngày 28-6-1913 thọ 78 tuổi. Lễ chôn cất rất đơn-giản. Cho tới lúc đó thì bên nước nhà đã có nhiều sự thay đổi: phong-trào Cần-vương tan vỡ hết, cuộc kháng Pháp của Hoàng-hoa-Thám cũng tàn sau 25 năm chiến-đấu anh-dũng, Hội Duy-Tân, Đông-kinh nghĩa-thực bị giải-tán, các nhà cách-mạng bị giết và bị đẩy gần hết trừ những kẻ ra đầu Pháp.

Theo ông T.V.G. tác-giả cuốn *Chông xâm lăng* (Lịch-sử Việt-Nam từ 1858-1898), tuy bị triều Thanh khước từ viện trợ và bị giam lỏng ở Thiệu-Quan, cụ Thuyết vẫn còn vận-động được đám quan lại Tàu ở Lương-Quảng giúp đỡ các cuộc khởi nghĩa trong nước. Trong việc này có lẽ Lưu-vinh-Phúc đã giữ phần quan trọng do đó nghĩa-quân của ta bây giờ được giúp vũ-khí và cả nhân sự. Những khi bại trận, nghĩa-quân thường chạy qua biên-giới Tàu để ẩn nấp. Mãi tới 1894 sự-kiện này còn tiếp-diễn khiến quân đội viễn xâm nhiều phen thất điên bát đảo.

văn-đề văn-hóa dân-tộc

Chúng ta thường tự-hào là dân-tộc chúng ta có một nền văn-hóa giàu về thời-gian cũng như về chất-lượng. Nhưng phải chăng đó chỉ là một nhận-xét hoàn-toàn chủ-quan. Hay nền văn-hóa Việt có thực đi nữa thì cũng đã lỗi thời và cần được thay thế bằng một nền văn-hóa mới. Bao câu hỏi tương-tự được đặt ra cùng một lúc, nhất là ở giai-đoạn hiện-tại, chúng ta đương tìm cách giải-phóng đất nước khỏi tình-trạng chậm tiến ngõ hầu đem lại hạnh-phúc thực cho nhân-dân Việt-Nam. Chính từ những câu hỏi và những băn-khoăn này mà chúng tôi muốn đi tìm một vài tia sáng cho văn-đề cốt-yếu: văn-hóa dân tộc.

Trước tiên, chúng ta phải thú nhận rằng công-cuộc nghiên-cứu văn-hóa dân-tộc cho đến nay chưa có gì đáng kể lắm. Ít hay nhiều, cha ông chúng ta đã làm. Nhưng thực ra số người làm chúng ta có thể tính được đầu đốt ngón tay. Đẳng khác, trong những hoàn cảnh nhất định của lịch-sử, cha ông chúng ta chưa có thể đạt được những thành-quả mong muốn. Những khó-khăn bên trong không phải là ít. Thêm vào đó còn có những cản trở bên ngoài. Chính sách ngu-dân của tầng lớp đô-hộ đã chi-phối rất nhiều công-cuộc nghiên-cứu và phát-triển văn-hóa dân-tộc chúng ta. Nói thế, chúng ta không có ý trách ai, vì trách làm cũng thừa, và đi-vãng đâu phải là sở-hữu của chúng ta. Lịch-sử chỉ có đi mà không có lại. Trước hoàn-cảnh hiện tại, chúng ta hãy nhìn thẳng vào chúng ta để tìm câu trả lời mà chúng ta mong muốn. «Phản thân nhi thành» là khả-năng và cũng là nhiệm-vụ đầu tiên của chúng ta.

Nhìn gần hơn, từ mấy chục năm trở lại nay, công việc nghiên-cứu văn-hóa dân-tộc có đà phát-triển, nhưng vẫn ít và chậm. «Cung» chưa thể hoà-mãn được «Cáo», còn nói chi đến việc bù-đắp những thiếu sót cũ, *Việt-Nam Văn-học sử-yếu* của cụ Dương Quảng-Hàm, *Việt-Nam sử-lược* của cụ Trần Trọng-Kim vẫn là *yếu-lược* và chúng ta đang phải cam chịu về sự *yếu-lược* ấy mãi. Khi đặt tên cho những tác-phẩm ấy, các cụ, vì khiếm-nhược, nhất là vì thành-khản, tin-tưởng rằng dăm ba năm sau sẽ có người hoàn

thiện công-việc của các cụ. Nhưng, nếu không làm, tin-trưởng đó đã thành mộng ảo. Thay vì phát-triển, có khi lại chỉ so-lược cái so-lược của các cụ. Đó chỉ là một thí-dự.

Không học, không làm, nên không biết. Hiện nay có nhiều người Việt biết rành-rõ văn-hóa Âu Tây hơn văn-hóa Việt. Họ có thể nói rất nhiều về lịch-sử và văn-học ngoại-quốc, nhưng rất «i-tờ» về lịch-sử và văn-học nước nhà. Họ có thể nói rất nhiều về Platon, Aristote, về Corneille, Molière, Lamartine, nhưng họ không dám nói đến chuyện nguồn-gốc và sự tiền-triển của dân-tộc Việt-Nam mà họ là phần-tử. Lỗi tại ai, chúng ta không dám phê phán. Chúng ta chỉ nói lên một nhận-xét cần nói và nêu lên sự-khiên cần nêu.

Cái nọ kéo cái kia. Không biết văn-hóa dân-tộc rồi phủ-nhận sự hiện-hữu của văn-hóa dân-tộc Lạc hương và mặc-cảm là chuyện không lạ. Vì phủ nhận cái của mình, nên chỉ đọc một chiều ca-tụng và bắt chước cái của người, dấu thứ văn-hóa mà họ thờ-phụng có rất nhiều hoa thơm nhưng cũng không thiếu cỏ dại. Họ đã vô-tình nghĩ rằng chỉ có bánh mì và bơ sữa mới nuôi sống người, đồng thời quên rằng người dân Việt có khi cần cơm áo hơn những thức ăn âu mỹ. Sống giữa Sài-gòn nóng trên ba mươi độ họ cũng bắt chước xây những kiểu nhà như ở những xứ lạnh dưới không độ. Đền ngôn-ngữ Việt-Nam có lúc cũng phải sống sờ phạt đen bạc đó: thiếu một chữ mà không cần thiết cũng bị kết án là sai văn-phạm.

Nhưng có người lại vặn: Có một nền văn-hóa Việt-Nam thực không, hay trước Tàu nay Tây? Câu hỏi xác-đáng đó chính là văn-đề chúng ta cần suy nghĩ.

Hỏi «có một nền văn-hóa Việt-Nam không» tức cùng một lúc đặt ra nhiệm-vụ đi tìm câu trả lời. Trong việc này không có ai có thể làm thay chúng ta. Muốn biết «có» hay «không» cần phải nghiên-cứu. Thái-độ đứng ngoài hỏi vào không phải là thái-độ đúng-đắn của người Việt-Nam trước văn-đề văn-hóa Việt-Nam. Không thể đứng ngoài văn-đề văn-hóa dân-tộc vì đứng ngoài văn-đề văn-hóa tức tự đặt mình ra ngoài dân-tộc trong lúc máu họ là máu Việt, không-khí họ thở là không-khí Việt và họ vẫn tự-hào là người Việt. Văn-hóa dân-tộc không phải là một cái gì từ trời rơi xuống, cũng không phải một mô-khái-niệm trừu-tượng do những người có ăn học bày-biện. Văn-hóa dân-tộc là một thực-tại ở ngay trong mỗi người Việt, trong lịch-sử dân-tộc Việt. Hỏi không phải để hỏi. Hỏi tức tự ý-thức để tìm câu trả lời. Đặt câu hỏi là việc cần, nhưng giải quyết câu hỏi là việc cần thiết hơn.

Nghĩ cho kỹ, việc giải-quyết câu hỏi này không phải vượt khỏi khả-năng và điều-kiện hiện-tại của chúng ta. Có thể nói chúng ta đã có *móc*. Cha ông chúng ta đã đặt những viên đá đầu tiên hay ít ra đã vạch qua con đường cần đi.

Chúng ta không phải bắt đầu bằng những giả-thuyết vô căn-cứ nhưng bằng một thực-tại bảo-đảm vì chúng ta biết chắc rằng chúng ta có một nền văn-hóa. Điều quan-hệ là chúng ta phải nói lên nội-dung và sắc-thái của nền văn-hóa đó. Người Việt còn đó, tiếng Việt còn đó, lịch-sử Việt còn đó! Trở về với người Việt, tìm hiểu dòng máu Việt, khám-phá cho hết những đức-tính cao-quý của dân-tộc, chúng ta sẽ biết được nhiều đặc-tính của văn-hóa chúng ta. Hãy nghiên-cứu cho thiệt kỹ-lượng ngôn-ngữ dân-tộc. Giọng nói như hát của miền Bắc và miền Nam, giọng nói «chắc-nịch» của miền Trung là một sự-khiên hết sức tiêu-biểu cho cái giàu có của nền văn-hóa chúng ta.

Hơn nữa, cần đặt một dấu hỏi rất lớn vào sự-khiên: hơn ngàn năm thuộc Tàu, gần trăm năm thuộc Tây, dân-tộc Việt không bị Tàu-hóa hay Tây-hóa. Văn-hóa Việt luôn luôn đóng vai chủ-đạo trong lịch-sử. Song-song với một vài sinh-hoạt có phong-cách Tàu hay Tây vẫn có một nền văn-hóa cốt-yếu Việt-Nam. Cảnh văn-chương gọi là «bác-học» có văn-chương dân-gian mà căn-bản là tính-chất dân-tộc. Bên ngoài, thứ văn-chương này bị kết-án «nôm-na là cha mách-quê» nhưng thực ra chính nó đóng vai quyết-định. Vì thế giá-trị truyện Kiều không lệ-thuộc nguồn gốc Trung-hoa của nó mà hệ-tại ở đặc-tính Việt-Nam. Người dân Tiên-điền hiện không để ý mấy tới đặc-tính ngoại-quốc của cuốn truyện. Đòi với họ, đa số các nhân-vật trong truyện là người Việt-Nam và Hoạn-Thư nhất-thiết là người Huế. Truyện Kiều đòi với họ chính là chuyện của mỗi một người Việt-Nam. Cũng vì thế, chúng ta thấy ngay trong phong-cách Tàu hay Tây của văn-chương bác-học vẫn có cái cốt-yếu Việt-Nam. Thế thơ bảy chữ tám câu rất khắt-khe trong văn-thơ Trung-quốc, nhưng xem rất phóng-túg trong những bài thơ của nữ-sĩ Hồ-Xuân-Hương.

Nói chi xa-xôi, nền văn-hóa chúng ta đặt câu hỏi đang ở ngay trong chúng ta. Chúng ta đang sống bằng sự kế-thừa văn-hóa của cha ông, và dấu muốn hay không chúng ta đang tiếp-tục phát-triển. Chúng ta đặt câu hỏi không phải vì chúng ta không có, nhưng chỉ vì chúng ta chưa ý-thức được cái chúng ta có. Ai chẳng ăn uống, nhưng ăn uống mà biết ra mùi vị không phải chuyện dễ: Nhân mặc bắt âm thực già, tiền năng tri vị già (Trung-Dung, 4).

Vậy nhiệm-vụ của người làm văn-hóa hiện nay là khai phá kho-tàng mà chúng ta đang thừa hưởng. Nghiên-cứu cho thiệt kỹ-lượng lịch-sử Việt, khám-phá tất cả những cái hay quý nơi người Việt và của người Việt, tìm cho hết cái giàu có của tiếng Việt để làm cho lịch-sử Việt đẹp hơn, người Việt-Nam càng Việt-Nam hơn và tiếng nói Việt-Nam càng dồi-dào hơn.

Có người quá lo xa cho rằng làm thế là rơi vào chính-sách «bè quan tòa cang» hay «mẹ hát con khen». Lo thế cũng đúng nhưng chỉ đúng đối với những người làm sai hay làm xấu. Nếu làm đúng và tốt, thắc-mắc kia không thể tổn-

tại. Không cần lý-luận dài dòng, chúng ta chỉ cần nhắc lại đây một nguyên-lý mà thi-sĩ Cao-Bá-Quát đã vô tình hay hữu ý lờ lại cho chúng ta :

Kho trời chung mà vô tận của mình riêng.

Như thế phát-huy khả-năng văn-hóa của cá-nhân, tức đồng-thời phát-huy văn-hóa dân-tộc. Phát-huy văn-hóa dân-tộc tức đồng-thời phát-huy văn-hóa nhân-loại. Cái chung của nhân-loại không hủy-diệt cái riêng của dân-tộc, cá-nhân. Trái lại cái chung càng giàu khi cái riêng càng lắm. Văn-hóa nhân-loại không phải một nền văn-hóa ngoài thời-gian và không-gian. Chỉ có thể có văn-hóa nhân-loại khi có văn-hóa dân-tộc. Cái chung ở đây không phải cố-định và đơn-điệu, nhưng chính là cái đại-đồng trong khác-biệt. Vậy làm tốt công-tác văn-hóa chúng ta tức phục-vụ tốt văn-hóa nhân-loại. Hiện nay Tây-phương đang có khuynh-hướng đi tìm cái hay, đẹp ở Đông-phương, nếu chúng ta không cung-cấp thì nền văn-hóa nhân-loại sẽ bị thiệt-thòi. (Cho đến bây giờ, những nhà nghiên-cứu Văn-hóa Việt-Nam đáng kể nhất lại là những người Âu!) Đáng khác, chúng ta chỉ phát-huy đầy-đủ văn-hóa dân-tộc khi chúng ta biết đón nhận văn-hóa thế-giới. Chúng ta cần mở rộng cửa đón nhận văn-hóa bốn-phương để làm giàu văn-hóa chúng ta. Chúng ta chủ-trương phát-huy văn-hóa dân-tộc, chứ không chủ-trương chủ-nghĩa văn-hóa dân-tộc.

Vậy, riêng mà chung, chung mà riêng. Không còn lý-do gì để chúng ta tự hoài-nghi về công-tác hoạt-động văn-hóa của chúng ta. Nhưng làm cách nào mới là chuyện khó.

Chúng tôi thiết nghĩ rằng dầu muốn hay không chúng ta đang kế-thừa văn-hóa dân-tộc. Điều cần-thiết là làm sao để thừa-hưởng tốt hương-hóa của cha ông. Hai người cùng có một món quà như nhau, nhưng ích lợi của món quà đó chưa chắc đã đồng đều. Người biết dùng thì lợi, người không biết dùng thì thiệt. Việc kế-thừa văn-hóa dân-tộc cũng thế. Nền văn-hóa dân-tộc hiện ở trong tay chúng ta. Nó tốt hay xấu, một phần lớn hệ-thuộc chúng ta.

Vậy làm sao để có thể kế-thừa tốt?

Muốn kế-thừa tốt, trước tiên phải biết hương-hóa mình kế-thừa. Gia-tài, hương-hóa đó hiện ở trong tay chúng ta. Trước khi đi tìm hỏi đầu xa, cần trở về khai-thác hiện vật đó nơi chúng ta. Đó là những người Việt đang sống trên khắp ngã đường của đất nước. Hãy đi sâu vào tiếng nói, giọng hò của họ, hãy khám phá những bản-khoản xao-xuyến của họ trước cuộc đời, không phải để tham-quan nhưng để sống. Công-tác của người làm văn-hóa không phải chỉ là công-tác của nhà xã-hội-học. Người làm văn-hóa khám-phá hiện-tượng chưa đủ, còn cần phải vượt qua hiện-tượng tìm cho ra nguồn ngọn của những thể-hiện bên ngoài. Làm bản-thông-kê, tìm ra định-luật chưa đủ, cần phải tiến sâu hơn để nắm cho được thực-tại ẩn sau những con số và những phát-biểu kia.

Cuộc sống là một mầu-nhiệm. Công-tác nghiên-cứu văn-hóa chính là đi tìm những thể-hiện của mầu-nhiệm đó. Vì thế, ngoài phương-pháp khoa-học, người làm công-tác cần có những dự-kiến luận-lý tối-thiểu. Thành-thực với chính mình và với tha-nhân là cửa ngõ đón nhận chân-lý. Khất-khao và tôn-trọng chân-lý là động-lực và kim chỉ nam của công-tác. Làm công-tác nghiên-cứu văn-hóa dân-tộc không có nghĩa đi khai-thác để lợi-dụng. Phương-pháp tâm-lý nhiều lúc lại phản tâm-lý nhất. Trở về với văn-hóa dân-tộc không có nghĩa để tìm cách bắt dân-tộc phụng-sự một chủ-nghĩa nhất thời nào đó. Khai-thác cái hay, quý của dân-tộc không phải để biến chúng thành những dụng-cụ phục-vụ một ý-thức-hệ phân-dân-tộc. Văn-hóa dân-tộc chính là cái duy-nhất cần tìm kiếm với thái-độ tôn-trọng và thiện-chí phát-huy. Lịch-sử đã chứng-minh rằng truyền-thống dân-tộc là một sức mạnh đồng thời là ánh-sáng có thể phá hủy và lột trần những ác ý của một cá-nhân hay của một chủ-nghĩa. Một dân-tộc có thể bị lợi-dụng trong một thời-gian, nhưng chính trong thời-gian đó chân-lý dần-dần xuất-hiện vì có những động-lực sâu thẳm hoạt-động không ngừng. Những cuộc cách-mạng chính là những sự-kiện giác-ngộ về sự lệch-hướng và chủ-trương trở về chính-đạo mà chính lịch-sử đã làm xuất-hiện.

Nghiên-cứu văn-hóa dân-tộc tức đi tìm truyền-thống dân-tộc. Truyền-thống đó ở mỗi giai-đoạn lịch-sử mặc một hình-thức khác nhau, nhưng tựu-trung trong các hiện-tượng có thực-tại và thực-tại đó sống-động và phát-triển theo đà lịch-sử. Nghiên-cứu văn-hóa dân-tộc tức đi sâu vào cái cốt-yếu của dân-tộc, để biết cái gì phải làm, cái gì phải bỏ. Nói khác đi, nghiên-cứu văn-hóa dân-tộc tức phục-vụ dân-tộc đặc-lực nhất và hiệu-nghiệm nhất. Đó là công-tác đi tìm Lê Sông của con người nơi con người. Đó là một công-tác hết sức cam-go vì không gì khó-khăn bằng công-việc người đi tìm Người. Nhưng mỗi lúc đã chiêm được cứ-điểm đó thì các công-tác khác sẽ dễ-dàng thực-hiện. Và như thế chúng ta có thể nói: hiểu được tình dân-tộc nơi người Việt-Nam hiện-đại tức chúng ta làm được một nửa công-việc phát-huy văn-hóa và xây dựng xứ-sở.

Nhưng hiện-tại chính là sự nối-tiếp quá-khứ, nên trong việc nghiên-cứu văn-hóa dân-tộc, chúng ta nhất-thiết phải trở về với lịch-sử văn-hóa dân-tộc.

Trong văn-đề này, chúng ta có thể tách làm hai giai-đoạn: thiết-lập và nghiên-cứu.

Trước khi suy-nghĩ về văn-hóa Việt-Nam phải tìm cách thiết-lập lịch-sử văn-hóa Việt-Nam. Cần phải ngược dòng lịch-sử, đi tìm những dấu-vết của nền văn-hóa cũ. Nền văn-hóa Hòa-bình, Bắc-son cách đây mấy chục ngàn năm, văn-hóa Đông-son cách đây hàng ngàn năm nói với chúng ta rất nhiều về những giai-đoạn đầu-tiên của nền văn-hóa chúng ta. Nhưng không phải chỉ có từng đó. Chúng ta cần đi tìm nhiều nữa vì còn bao di-tích và sự-kiện khác có nội-

dung văn-hóa rất giàu mà đến nay chúng ta chưa khai-thác. Mặt khác, chúng ta cũng cần đi tìm những đặc-tính của nền văn-hóa cổ nơi các hiện vật mà chúng ta có. Một con rồng, một câu đối có thể nói với chúng ta rất nhiều về quan-niệm cuộc đời của cha ông chúng ta. Mấy năm trở lại đây, đã có nhiều vị yêu chuộng văn-nghệ dân-tộc cố-gắng sưu-tầm ca-đạo tục-ngữ, nhưng mấy vị đó làm đâu xuê được. Hơn nữa, ngoài ca-đạo tục-ngữ còn bao của quý khác trong kho-tàng văn-học dân-gian mà chúng ta chưa tìm kiếm. Những mẫu chuyện cổ-tích, những bài về ru em không phải chỉ là những chuyện của đàn bà trẻ con. Chúng có một giá-trị triết-lý rất sâu-xa. Sưu-tầm cho hết những kho-tàng văn-hóa đó, chúng ta mới ý-thức đúng được sự giàu có của nền văn-hóa chúng ta.

Nhưng tìm tòi thôi chưa đủ, cần phải nghiên-cứu thiệt khoa-học lịch-sử văn-hóa chúng ta. Tìm được quặng rồi cần phải cho vào lò luyện kim, mới hồng có những kim-loại tốt. Hiện nay chúng ta còn quá *lẽ-dãi* trong công việc tiếp nhận vì lầm tưởng rằng kim-loại đã tinh ròng. Thực ra quặng mới được lọc sơ-sai cần phải cho vào lò luyện tôi-tàn hơn để luyện lại. Công việc hiệu-chính hay đúng hơn công việc tìm cách trả lại cho các tác-phẩm văn-hóa nguyên-tác của chúng vẫn chưa được thực hiện đầy-đủ. Cùng một bài thơ của một tác-giả, nhưng ở mỗi sách giáo-khoa có những chữ, những câu khác nhau. Đèn tác-phẩm số một như truyện Kiều đến nay vẫn chưa được người làm văn-hóa cố-gắng xây-dựng một truyện Kiều hoàn-toàn của Nguyễn-Du.

Cũng nên lưu ý rằng, trong công-tác này, người nghiên-cứu thường bị cám dỗ dừng lại ở việc phân-tích, quên tiền-tới giai-đoạn quan-hệ hơn là phê-bình để tổng-hợp hay tổng-hợp bằng cách phê-bình cho thiệt khoa-học những tài-liệu thu nhận được. Đọc truyện Kiều thấy có cả ba luồng tư-tưởng Nho, Phật, Lão nhưng chưa giải-quyết tại sao có hiện-tượng đó. Nguyễn Du chỉ có một. Cần tìm cho ra chìa khóa của vấn-đề nhất-tri trong truyện Kiều. Trước những giả-thuyết của các học-giả Âu-châu về nguồn gốc dân-tộc và văn-hóa Việt-Nam chúng ta tiếp nhận mà chưa phê-bình. Nghe nói rằng Việt-Nam là chỗ gặp-gỡ của các nền văn-hóa thế-giới, có người tưởng thế là quý, nhưng họ có ngờ đâu giả-thuyết đó có thể dẫn đến những kết-luận lệch-lạc về nền văn-hóa Việt. Từ quá-quyết có thể đi đến phủ-quyết.

Nghiên-cứu thiệt khoa-học văn-hóa Việt, nhưng chúng ta không chủ-trương nghiên-cứu để nghiên-cứu. Chính lúc bắt tay vào việc, chúng ta đã ngấm đặt câu hỏi nghiên-cứu để làm gì. Nguyên-vọng và thiện-chí của chúng ta rộng lớn hơn điều chúng ta tưởng. Công-tác nghiên-cứu văn-hóa di-nhiên là một công-tác khoa-học, nhưng nhất-thiết là một công-tác nhân-đạo. Người làm công-tác cần khách-quan đừng để cho một ý-thức-hệ tiên-thiên nào chi phối, nhưng hơn hết cần có thiện-chí tìm chân-lý để phục-vụ Lê Sông của con người. Vì thế,

ngoài phương-pháp khoa-học, người nghiên-cứu văn-hóa cần có nhân-sinh-quan đúng-đắn. Công-tác của họ cần phải vượt qua bức tường khoa-học để làm cho công-tác của họ càng khoa-học hơn.

Làm công-tác nghiên-cứu văn-hóa tức làm công-tác phục-vụ cao-thượng và đặc-lực nhất. Dầu muốn hay không, người nghiên-cứu hy-sinh cuộc sống mình nhằm phục-vụ Lê Sông của mình và của tha nhân. Người làm công-tác văn-hóa cũng một trật sống đầy-đủ hiện-tại của mình, đồng thời sống với tiền-nhân và với hậu-thê. Nên trở về với văn-hóa dân-tộc không để lẩn trốn thực-tại, tìm cái 'tôi' mộng ảo ở thời-đại xa xưa, không phải để sống tâm-trạng con hổ bị xa rừng để "Than ôi! Thời oanh-liệt nay còn đâu!" Đòi-tượng nghiên-cứu của chúng ta thực ra là sự sống của dân Việt qua lịch-sử và mục-đích của chúng ta là để sống và giúp sống đầy-đủ cuộc sống đó. *Nghiên-cứu văn-hóa dân-tộc để thừa hưởng và phát-huy nền văn-hóa dân-tộc là nguyên-vọng sâu-xa và thành-khẩn nhất của chúng ta.

Đây là vấn-đề then chốt liên-hệ đến tình-trạng nước Việt-Nam ta hiện-tại mà mọi người có thiện-chí phục-vụ cần lưu-tâm đặc-biệt.

Là những con người, chúng ta không thể sáng-tạo từ con số không. Nói đúng ra chúng ta không có thể sáng-tạo, mà chỉ có thể phát-huy cái đã có và đang có. Cái có của chúng ta là văn-hóa dân-tộc, là những giá-trị tinh-thần hay gia-tài cụ-thể mà chúng ta đang thừa-hưởng. Nước chúng ta còn là một nước ở tình-trạng kém mở-mang cần được phát-triển, nhưng phát-triển gì nếu không phải là khai-thác hết mọi nguồn-lợi tinh-thần và vật-chất đang tiềm-tàng nhưng sẵn có ở dân-tộc chúng ta. Vì thế, chủ-trương cần phải áp-dụng hết mọi định-chế tây-phương để canh-tân nước Việt-Nam là một chủ-trương hết sức quyền-đũ nhưng chưa chắc đã nắm được yêu-tò thành-công.

Dầu muốn hay không, người làm văn-hóa cũng như tất cả mọi người thiết-tha đến vận-mệnh dân-tộc cần ý-thức rằng chúng ta không phải là những người bắt đầu từ con số không. Muốn kỹ-nghệ-hóa Việt-Nam, nhập-cảng những máy-móc tối-tân chưa đủ, còn cần phải dựa vào tài-nguyên Việt-Nam. Muốn làm văn-hóa Việt-Nam cần phải biết văn-hóa Việt-Nam. Không thể đem một nền văn-hóa ngoại-lai để thay thế hay đặt chống lên văn-hóa Việt-Nam... Có thể ghép nhánh hay trồng cây mới vào vườn hoa dân-tộc, nhưng muốn ghép cần có cây mà ghép, muốn trồng cây mới, phải có đất mà trồng. Nói đúng ra không thể có một cuộc cách-mạng văn-hóa dân-tộc theo nghĩa tuyệt-đối. Làm cách-mạng, theo lời nói thông thường, không phải để phá đổ tất cả sê-hữu và sự hữu của một dân-tộc, nhưng thực ra chỉ là một cuộc trở lại với cái đã có để tiền-tới việc thực-hiện cái phải có.

Chung lại, muốn thừa hưởng đầy đủ văn-hóa dân-tộc cần phải tìm cách phát-huy văn-hóa dân-tộc. Quyển-lợi và nhiệm-vụ như vợ với chồng. Chỉ có thể thừa-hưởng hết mọi cái hay cái quý khi biết phát-huy đúng mức. Chỉ nhằm lợi và đi tìm lợi, thì lợi có khi không được mà lại mất cả vốn.

Vậy, nhiệm-vụ phát-huy gắn liền với hạnh-phúc thừa-hưởng. Vốn liếng cha ông chúng ta để lại đó, nay chúng ta liệu cách làm lại. "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây" thể-hiện bằng thái-độ "Ăn quả lại nhớ trồng cây". Đó là một nguyên-tắc cây" thể-hiện bằng thái-độ "Ăn quả lại nhớ trồng cây". Đó là một nguyên-tắc ai cũng chấp nhận, nhưng trong thực-tê thường bị coi nhẹ. Có những kẻ ăn mà không bao giờ nghĩ đến người trồng và cũng không bao giờ nghĩ đến chuyện trồng. Có thể nói không trồng cây tức không nhớ kẻ trồng cây vì sự biết ơn đầy đủ nhất chính là biết sử-dụng ân-huệ mình nhận.

Chúng ta phải trồng cây, nhưng không có nghĩa chỉ trồng lại những cây đã có, và chỉ theo phương-pháp sẵn có. Dĩ-nhiên, nếu những cây cũ có những hoa thơm quả quý, chúng ta phải cố tâm vun-bón làm sao cho hoa quả sây hơn. Chúng ta phải biết tỉa cành xới đất để cây thêm màu mỡ hơn. Nhưng đồng thời chúng ta phải biết nhập-cảng những giống mới để làm cho vườn hoa dân-tộc sặc-sỡ hơn. Phải biết nhập những giống quý chứ không phải thầy giở trồng này. Làm thế, chẳng những quả sẽ không có mà chất đất sẽ xấu đi. Nếu "ăn quả phải nhớ kẻ trồng cây" thì trồng cây cũng phải nghĩ đến kẻ sẽ ăn quả. Trồng cam sấu bưởi chua thì đừng trồng thì hơn, vì ngày mai đây con cháu chúng ta thầy những quả sấu chua đó, sẽ chỉ oán hơn là nhớ. Chúng ta chỉ là một trong những thế-hệ của lịch-sử. Trước chúng ta đã có người làm và sau chúng ta sẽ có người tiếp-tục. Chúng ta không có quyền tuyệt-đối-hóa chúng ta. Trái lại giá-trị của thế-hệ chúng ta càng cao khi chúng ta biết đem hết khả-năng vun trồng cây cũ và ương thêm cây mới.

Chủ-nghĩa thủ-cụ hay canh-tân cực-đoan thực ra phát-sinh từ quan-niệm sai lầm hoặc thiếu sót về văn-đề thừa-hưởng và phát-huy văn-hóa dân-tộc mà chúng ta đã nói trên. Thái-độ thủ-cụ là thái-độ của những người quá tự-mãn với cái đã có và tưởng rằng đó là của cải duy-nhất, cách biệt ơn duy-nhất. Họ quên rằng đó chỉ là mầm hay đúng hơn hoa của một mùa. Họ thừa hưởng mà quên phát-huy vì phát-huy không phải trồng lại cây đã trồng, nhưng là biết vun xới và trồng cây mới. Trái lại, thái-độ canh-tân cực-đoan là thái-độ của những người lầm tưởng rằng cần phải bắt đầu làm lại tất cả vì những cái đã có chỉ là con số không. Họ đang thừa-hưởng, nhưng lại tự phủ-nhận sự thừa-hưởng của họ. Họ chủ-trương sáng-tạo mà thực ra có khi chỉ nhập-cảng hay bắt chước. (Đề-cập đến văn-đề này, chúng tôi không có ý chỉ-trích một ai hay một tập-đoàn văn-hóa nào hiện có vì thực ra thái-độ thủ-cụ hay canh-tân là

thái-độ thường có trong lịch-sử cổ kim. Tuy nó có tác hại nhưng có lúc cũng cần có nó mới hồng tiên-bộ được.)

Cụ-thể hóa văn-đề, chúng tôi muốn rằng công-tác nghiên-cứu và phát-huy văn-hóa cần được xúc-tiên mau-lẹ và đồng-đều hơn. Trước tiên cần gây ý-thức đúng về công-tác nghiên-cứu văn-hóa dân-tộc. Cần kịp thời giác-ngộ những người có quan-niệm lệch-lạc hoặc có mặc-cảm về văn-hóa dân-tộc. Và vì thế, cần phải đưa ra ánh-sáng những ngộ-nhận hoặc thiên-kiến về văn-hóa dân-tộc. Việc phát-huy văn-hóa dân-tộc cũng cần được đặt lại để có thể tiến tới những kết-quả tốt đẹp hơn. Những công-cuộc nghiên-cứu có tính-cách cá-nhân cần được khuyến-kích, nhưng những công-tác tập-thể cần được nâng-đỡ hơn.

Không còn nữa chính-sách "đầu cơ văn-hóa" "con vua thì lại làm vua, con sãi-chùa cứ quét lá đũa" Sự cộng-tác giữa những người làm công-tác văn-hóa là dĩ-nhiên cần có, nhưng nhất là cần có sự cộng-tác của tất cả quần-chúng. Có thể nói rằng, cho đến nay, bức tường giữa những người làm "văn-chương bác-học" và những người sống "văn-chương bình-dân" vẫn còn. Dĩ-nhiên cái nọ không thể thay thế cái kia, nhưng cần làm sao để mặc-cảm giai-cấp trong phạm-vi sinh-hoạt văn-hóa mất dần đi. Quần-chúng có quyền và có khả-năng thừa hưởng cũng như phát-huy văn-hóa. Họ đã làm và họ đang tiếp-tục làm. Dĩ-nhiên họ không thể đọc hay viết những quyển triết-học dày ba bốn trăm trang, nhưng không phải vì thế mà triết-gia phớt qua thực-tại sinh-tồn của họ, vì chính họ sẽ là "quan tòa" là "nhân-chứng" của những vụ án mà chính họ là nạn-nhân. "Dân vi quý" không phải chỉ là một nguyên-tắc của hoạt-động chính-trị, nhưng chính là căn-bản của mọi hoạt-động.

Không còn nữa thái-độ nhìn công-tác văn-hóa là một công-tác của những người "dài lưng tốn vải ăn no lại nằm"! Không còn có thể coi đó là một thứ "lẽ nghĩa" do "phú-quý" sinh ra! Trái lại, cần ý-thức rằng công-cuộc xây-dựng văn-hóa dân-tộc liên-quan rất nhiều đến sự sống còn của dân-tộc. Chúng ta không thể đặt giá-trị của người cầm bút lên trên hay xuống dưới giá-trị người cầm súng, không có thể đặt lý-do tồn-tại của dân-tộc vào một số người điều-khiển mà coi nhẹ người lao-động. Nghi rằng muốn canh-tân nước Việt chỉ cần một số người nào đó và chỉ cần nâng cao sinh-hoạt vật-chất là một quan-niệm còn quá nông-cạn. Theo ý chúng tôi, văn-đề chủ-chốt của nước Việt-Nam hiện nay là cần nắm vững và phát-triển đồng-đều hết mọi mặt sinh-hoạt của dân-tộc mà chúng ta có thể gọi chung là sinh-hoạt văn-hóa.

Trước tình-trạng hiện tại, song song với cuộc cách-mạng xã-hội cần có sự phát-huy văn-hóa. Công-tác thứ nhất nhằm bề mặt, công-tác thứ hai nhằm bề sâu. Chỉ làm hay chỉ dừng ở bề mặt, kết-quả sẽ không bền. Trái lại, nếu biết đi sâu vào văn-hóa dân-tộc, nắm được những căn-bản và khả-năng của dân-tộc,

thì việc kiến-thiết xứ-sở mới dễ-dàng và vững-chắc hơn. Tài-nguyên nước Việt chúng ta không thiếu, lòng nhân-đạo của dân-tộc chúng ta rất cao, chúng ta chỉ cần làm sao để sử-dụng hết được những nguồn lợi đó. Nếu quá đê-cao sự canh-tân kinh-tê mà không làm hay làm chậm công-tác văn-hóa, chúng ta nhất định sẽ lâm vào ngõ bí của những người duy-vật, cho rằng nền văn-hóa dân-tộc chỉ là kết-quả tất nhiên của những sinh-hoạt kinh-tê và xã-hội, coi tinh-thần dân-tộc là một thứ kiến-trúc thượng tằng, và lầm nghi rằng thay đổi được cơ-câu kinh-tê là thay đổi và phát-huy được văn-hóa dân-tộc. Sự thực trái ngược lại. Mỗi dân-tộc có những thực-tại và khả-năng căn-bản. Sự phát-triển chỉ có thể thực-hiện đầy-đủ khi biết dựa trên những thực-tại căn-bản đó với lòng tôn-trọng giá-trị thiêng-liêng của con người trong dân-tộc. Ý-thức thê, chúng ta nhất định, mỗi người một tay, góp phần xây-dựng tốt được nền văn-hóa dân-tộc mà chúng ta đang thừa-kê.

THẺ-LỆ MUA VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

(kể từ năm 1963)

Mỗi số (Tu-nhân) :	12\$	1 năm	(12 số) :	120\$
		nửa năm	(6 số) :	60\$
Mỗi số (Công-sở) :	24\$	1 năm	(12 số) :	240\$
		nửa năm	(6 số) :	120\$

Gửi báo-đảm, mỗi số tính thêm 7\$00
Ở ngoại-quốc, xin gửi thêm cước-phí

Mua dài hạn V.H.N.S., xin gửi phiếu mua báo và ngân-phiếu về
O. GIÁM-ĐỐC NHÀ VĂN-HÓA (số 266, Đường Công-lý, Sài-gòn).

Sương Nguyệt Anh hay Sương Nguyệt Ánh ? hay Nguyệt Anh thị ?

Trong thú-đồ Sài-gòn, bên cửa tây vườn Tao-đàn có một con đường tương đối khá yên tĩnh mát-mê. Đường mang tên một nữ-si Nam-trung, sanh hồi cuối thê-kỷ trước, mắt hồi đầu thê-kỷ này.

Đời được biết nữ-si nhờ ở đức-hạnh đoan-trình của nữ-si cũng có, nhờ ở tài khuê-các văn-chương của nữ-si cũng có. Duy phần lớn vì nữ-si là con gái của Trọng-Phủ tiên-sinh Nguyễn Đình-Chiều, tác-giả tập truyện diễn-ca phổ-biến nhất Nam-trung, là quyển thơ *Lục Vân-Tiên*. Tiên-sinh nổi tiếng là một Nho-si khí-tiết thuở giao thời.

Nói đền miếu Nam là nói đền quan Phan, là nói đền Đổ-Chiều. Làm sao lại không nhắc đến người con gái hay chữ của cụ Đổ, người con gái tài-diệu cao cách của cụ Đổ.

Như thê mà, trong chúng ta, còn có ai đó đang phân-vấn không biết tên con đường mang tên nữ-si là đường Sương-Nguyệt-Anh hay là đường Sương-Nguyệt-Anh ?

Tôi không đặt điều mà làm chi.

Đã có những biển hiệu kẻ chữ Sương-Nguyệt-Anh rõ ràng. Đã có người bạn trả lời tôi, khi tôi hỏi nhà bạn ở đâu ?

- Tê-xá ở đường Sương-Nguyệt-Anh.

Tôi hỏi lại bạn :

- Đường mang tên vị danh-nhân nào mà hay nhỉ, đê chưa từng biết !

Tội nghiệp, bạn tôi thật-thà không dè tôi trêu bạn, còn cô nhân mạnh thêm :

- Đường Sương-Nguyệt-Ánh, cạnh vườn Tao-đào đó mà ! Gán đây thôi ! Tác-xi, xích-lô đều gọi như thế cả, có ai mà không biết. Bác cứ bảo đi đường Sương-Nguyệt-Ánh, thì họ đưa đến nơi về đền chôn cho bác

Tôi cười mà không đáp.

Rồi có một hôm khác. Bạn tôi, một ông giáo, nhân trong câu chuyện đặt tên đường-sá, quyết rằng tên con đường đó là đường Sương-Nguyệt-Ánh. Muốn cho lập luận của mình vững chắc, bạn tôi đọc cho tôi nghe một bài thơ :

Vịnh hoa Bạch-mai trên núi Điện-Bà Tây-ninh
 Non linh đất phước trở hoa thân
 Riêng chiêm vườn hồng một cảnh xuân
 Tuyết đượm nhành tiên in sắc trắng
 Sương pha bóng nguyệt ánh màu ngân
 Mây lành gió lạnh nương hơi chánh
 Vóc ngọc mình băng bật khói trần
 Sắc nước hương trời nên cảm mến
 Non linh đất phước trở hoa thân

Đọc xong thơ, bạn tôi nói tiếp :

- Đây là bài thơ vịnh cây bạch-mai ở núi Điện-Bà trên Tây-ninh, mà ai cũng đều tâuộc lòng. Bác có thấy tác-giả dụng ý ký tên mình trong câu thơ thứ 4 :

SƯƠNG pha bóng NGUYỆT ÁNH màu ngân

Ba chữ Sương Nguyệt Ánh rõ ràng đó thì tác-giả không phải tên Sương-Nguyệt-Ánh thì còn lâm lộn với tiếng nào khác được. Huống nữa, nguyệt-ánh là bóng nguyệt chói sáng, chứ nguyệt-anh có nghĩa sâu xa vẫn-về gì đâu. Chữ ánh này có nghĩa như chữ ánh trong câu thơ Đường :

Nhân diện đào hoa tương ánh hồng

Bạn tôi đưa ra một tài-liệu phản minh như vậy. Luận cứ của bạn đã vững chắc biết bao nhiêu. Tôi khó mà cãi vào đâu được nữa.

Muốn đem vài ba cuốn sách giáo-khoa viết về cụ Đồ Chiểu, về người con gái hay chữ của cụ Đồ, để cãi với bạn thì những sách đó cũng có chứa đựng

được gì hơn những điều mình đã biết. Anh hay Ánh. chữ quốc-ngữ chỉ khác nhau có một dấu sắc mà thôi. Muốn cho rõ lẽ, phải có một chứng-cứ bằng chữ Hán : hoặc là bút-tích của cụ Đồ đặt tên con gái, hoặc là bút-tích của nữ-sĩ tự viết tên hiệu mình, hoặc là bút tích viết trong gia-phả họ Nguyễn ở Ba-tri mới chắc-chắn được. Việc này xin nhường cho vị nào sinh-trưởng trong vùng cù-lao Bảo.

Dịp may mắn đã đưa đến cho tôi một điều trong ba điều mà tôi đang khao-khát muốn tìm cho được.

Đó là bút-tích của nữ-sĩ tự tay viết ra trong dịp nữ-sĩ lên văn cảnh Điện-Bà ở Tây-ninh.

Năm đó là năm 1901, nữ-sĩ vào khoảng trên dưới 38 tuổi. Thơ là thơ Hán-thi, hai bài đều để vịnh cây hoa bạch-mai ở núi Điện-Bà. Tôi chép nguyên-văn phiên-âm tiếng Hán-Việt hai bài thơ như dưới đây :

LINH SƠN NHẬT THỤ MAI

Quỳnh tư ngọc cốt bản thiên-chân
 Tịnh-độ cô tiêu viễn tục trần
 Noãn nhập ám hương xuân dật từ
 Hàn xung sơ ánh nguyệt tà thân
 Tuyết trung tự khước lưu phong vận
 Phong ngoại ưng liên đạ tuyết nhân
 Thừa hứng mạc hiểm sơn thủy viễn
 Đông-lai dữ tử phú đương-xuân

Hạ

Nhật chủng u-hương phân ngoại kỳ
 Trần ai cách đoạn kiên băng ty
 Tài khai ngọc kính triêm thân lộ
 Khước bỏ phương tâm chiếu văn huy
 Xuân tín bất dụng hồng từ cộng
 Tuê hàn khởi dữ tuyết sương khi
 Tuy duyên nhược ngộ tri-âm khách
 Thiên lý tình thâm tá nhất chi

Miêu-giang, NGUYỆT ANH THỊ ĐỀ

Về nguyên bản chữ Hán thì chúng ta cứ đọc trong bức ảnh chụp làm bản kèm in đôi chiều theo đây :

Bây giờ tôi xin kể thêm cho rõ-ràng về bức ảnh bút-tích này. Tài-liệu này tuy gôm có mấy hàng mà thật là quý vô cùng. Bạn tôi là thi-sĩ Hi-Đạm, người Tây-ninh, đã tìm thấy còn sót lại ở thư-viện gia-đình cụ Tô Ngọc-Đường. Cụ Đốc-phủ-sứ Tô Ngọc-Đường đã mất rồi mấy năm nay.

Sinh thời, cụ Tô cũng như cụ Võ Sâm soạn giả cuốn *Thi phú văn từ* đều là danh-sĩ đất Tây-ninh, và cũng đều là bạn văn của Nguyệt-Anh nữ-sĩ.

Mấy câu chữ Pháp chua dưới bức ảnh là bút-tích của cụ Tô Ngọc-Đường. Tôi dịch cho thật sát nghĩa đen :

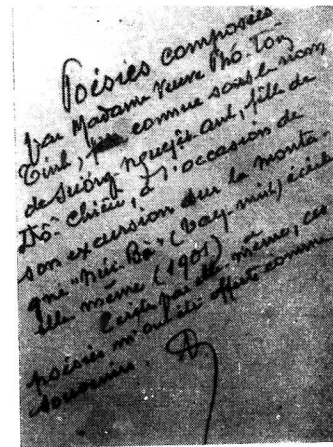
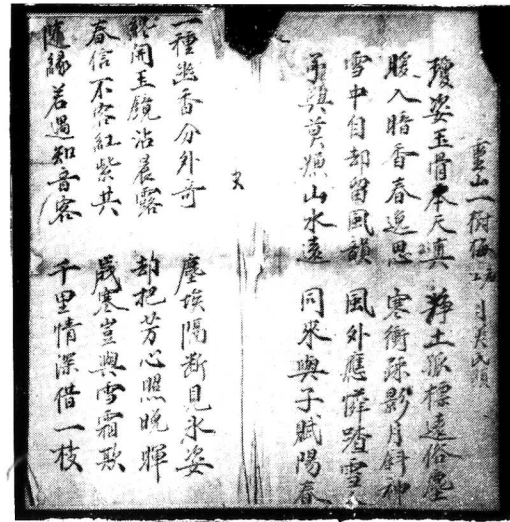
« Những bài thơ này là của bà sương-phụ thủy Phó tổng Tỉnh làm ra, « bà bút-hiệu là Sương Nguyệt-Anh, con gái cụ Đỗ Chiêu, thơ này làm « trong dịp lên chơi núi Bà (Tây-Ninh) tự tay nữ-sĩ viết (1901). « Và cũng tự tay nữ-sĩ chép ra để tặng tôi làm kỷ-niệm. Ký tên : Đường »

Căn-cứ tài-liệu này, chúng ta thấy được những điều như sau :

(1) Điều thứ nhất. Tên hiệu của Nữ-sĩ đúng là *Sương-Nguyệt-Anh*, không ai cải được nữa rồi. Có một điều lạ là cụ Tô Ngọc-Đường viết là *Sương-Nguyệt Anh*, mà ở bản chữ Hán, bút-tích của Nữ-sĩ tự ký tên mình là *Nguyệt-Anh* 月英氏 không có chữ *Sương* đứng trước. Có nhiều sách viết về nữ-sĩ nói rằng tên hiệu nữ-sĩ là Nguyệt-Anh, chỉ có hai tiếng mà thôi. Đền khi chống mắt rồi quyết ý sương cư thủ-tiết mới đặt thêm tiếng *Sương* lên trên. Bây giờ, tài-liệu này cho thấy luận-cứ đó không được đúng lắm. Vì khi nữ-sĩ chép hai bài thơ *Vịnh mai* này nữ-sĩ đã là người sương-phụ, mà tự nữ-sĩ không viết thêm tiếng *Sương* đó thì sao. Như vậy để cho chúng ta đặt lại nghi-vấn : Tiếng *Sương* trên tiếng *Nguyệt-Anh* đó là do tự đầu mà có? Nếu có là ở trong trường hợp nào? Nữ-sĩ tự-hiệu mình hay là người khác xưng tụng mà viết nên. Như chúng ta đã thấy, cùng trong một lúc, cùng một sự kiện, tự nữ-sĩ ký tên mình là *Nguyệt-Anh* thị mà cụ Tô Ngọc-Đường thì xưng hô nữ-sĩ là *Sương Nguyệt Anh*.

(2) Điều thứ hai. Trong bản chữ Hán, trên chữ ký tên *Nguyệt-Anh* thị, chúng ta thấy có hai chữ nhỏ viết nằm ngang đọc được là *Miêu giang*. Chữ *Miêu* này viết đơn 廟. Chữ này viết cho đủ nét thì nó là chữ *miêu* 廟, là cung điện vua chúa, là chùa miếu, là đền thờ. *Giang* là con sông. Vậy *Miêu giang* 廟江 là gì? Có điện-cô gì không? Không có điện-cô gì xa lạ cả. Giản-dị lắm. Hai tiếng này là nữ-sĩ dịch địa-danh xứ *Rạch-Miêu*, địa-diểm nằm về bên kia sông Mỹ-tho, là quê ông Phó-tổng Nguyễn Công-Tĩnh là quê của chồng. Bây giờ còn có tên gọi *Bền đò Rạch-Miêu*, trên đường đi Bền-tre.

Đây cũng là một thông-lệ hay hay của các nhà Nho trong Nam ngày xưa. Ví dụ ở Mỹ-tho có địa-danh *Rạch Gấm*, đã dịch thành danh-xưng chữ Nho là *Sâm-*



Bản chữ Hán là thủ-bút của nữ-sĩ Nguyễn Thị Khuê, tự hiệu là Nguyệt-Anh thị, biệt danh là Sương Nguyệt Anh, để hai bài thơ *vịnh Bạch Mai* ở núi Điện-Bà, Tây-Ninh. Bản chữ Pháp là thủ-bút của cụ Đốc-phủ-sứ Tô Ngọc-Đường, người được nữ-sĩ tác-giả chép tặng vào tập lưu niệm.

giang. Tiếng *Sám* là âm trại trại tiếng *Gám* mà ra. Ban nhạc *Sám-giang* của Trần-Vân-Trạch tức là *Sám-giang* này. Nhà văn Nguyễn Duy-Cẩn, danh-sĩ đất Mỹ-tho, đã tự hiệu là *Thu-giang*. Chữ *Thu* này có bộ *thủy* 水 dùng để âm trại chữ *Tho* mà ra.

Thơ bằng-điều cụ Thủ-khoa Huân có câu :

Đương niên Thu-thủy lưu ba huyết

Tiếng *Thu-thủy* 秋水 đây cũng như tiếng *Thu-giang* của Nguyễn Duy-Cẩn nghĩa là dòng sông Mỹ-tho. Xin đừng lầm là nước mùa thu, như trong câu « *làn thu thủy nét xuân sơn* » chẳng hạn

Nhạc-sĩ Trần-vân-Trạch, và học-giả Nguyễn Duy-Cẩn đều còn giữ được truyền thông cách viết âm trại khi dịch danh-xưng nơi quê quán mình sinh-trưởng.

Nữ-sĩ Nguyễn Thị-Khuê, mi-hiệu Nguyễn-Anh thị con gái Cụ Đỗ Nguyễn Đình-Chiêu, sinh-quán ở Ba-tri, Bền-tre. Vậy *Miêu-giang* đây là quê của chồng chứ không phải là nguyên-quán của nữ-sĩ.

Tôi nói kỹ để nay mai các nhà soạn sách giáo-khoa, có chép tiểu-sử nữ-sĩ đừng lầm lẫn địa-danh *Miêu-giang* này làm nơi sanh quán, và nó rất nôm-na, cũng chẳng có điển cớ xa-xôi, trong Hán-sử Đường-thư nào hết.

Đền đây tôi thấy cần dẫn thêm một tài-liệu.

Năm 1915, cụ Nguyễn Liên-Phong một nhà văn đồng thời với Nguyệt-Anh nữ-sĩ có viết trong cuốn *Điều cớ hạ kin thi tập* về tiểu-sử của Nguyệt-Anh nữ-sĩ như sau :

« Cô Nguyễn-thị-Khuê, tự Nguyệt-Anh, người ở tỉnh Bền-tre quận Ba-tri, là con gái ông Đỗ-Chiêu, hình trạng nho nhã ôn yếu, tánh nết điềm-tĩnh hiền lành, tuổi chừng ngoài năm mươi, học chữ Nho nhiều, năng làm thi nôm thi chữ, hơi văn-chương tao-nhã, cả đàn bà trong Nam duy cô ấy học chữ Nho nhiều hơn hết, là vì bởi nhờ có ông thân là ông Đỗ Chiêu dạy bảo.

« Cô Nguyễn-thị-Khuê thuở nhỏ lấy chồng là thầy Phó-tổng Tính, về ở theo quê chồng tại chợ Rạch Miễu thuộc về tỉnh Mỹ-tho. Thấy Phó Tính thác đã lâu, cô Nguyễn-thị-Khuê sương cư thủ tiết, phụng thủ hương hòa phía bên chồng, và lại dạy học trò chữ Nho mấy năm nay, tác thành cho môn-đệ cũng nhiều, thật là tiếng tốt gương thơm đáng khen « *đáng tặng* ».

Đây cũng là một tài-liệu đáng tin. Vì người viết tiểu-sử là người cùng thế-hệ, còn kịp thấy nữ-sĩ thuở sinh-thời, còn tả rõ dung mạo phong tư của nữ-

si. Hậu thế viết tiểu-sử danh-nhân thường có bịnh nói mò tán rộng thì tài-liệu này kê là tài-liệu chắc-chắn hơn hết.

Có điều chúng ta cũng nên đề ý ở chỗ, tác-giả *Điều có hạ kim thi tập* vẫn viết tự hiệu nữ-sĩ là « *Nguyệt Anh* » hai tiếng trơn mà không thêm tiếng *Sương* đằng trước. Điều này cho chúng ta nhận thấy rằng: đến năm 1915 là năm nữ-sĩ trên 50 tuổi, đã hơn nửa đời làm người vị-vong rồi, mà tiếng *Sương* cũng chưa phổ biến trên giấy mực đương thời. Điều này cũng nhắc thêm cho ta nghi-vấn trên kia là tiếng *Sương* này phải có một ý nghĩa gì, và ở vào trường hợp xướng họa thù tạc thế nào. Chứ quyết không phải như hậu-thế đoán mò rằng tiếng *Sương* đó là nữ-sĩ tự xưng mình góa-bụa.

(3) Điều thứ ba. Tài-liệu này cho phép chúng ta tưởng lại cuộc hành hương năm 1901 là một vận-sự thanh-nhã của thi-nhân.

Âm-lịch, năm Tân-sửu, tháng giêng, làng thơ ở Tây-ninh có tổ-chức cuộc hành hương lên núi Điện-Bà. Tục hành hương Điện-Bà vào ngày rằm tháng Giêng hiện hãy còn. Vì thế mà chúng ta quyết được thời-hậu khi nữ-sĩ vẫn cảnh. Thơ là thơ vịnh hoa mai, thì càng chứng tỏ là thơ làm vào đầu mùa xuân. Hoa bạch-mai, miền Nam hiện nay cũng cứ nở thịnh vào khoảng trung tuần tháng giêng.

Nhân dịp mai hoa thịnh phóng, làng thơ Tây-ninh có rước Nguyệt-Anh nữ-sĩ lên Điện-Bà dự vào cuộc hành-hương, dự vào cuộc thưởng hoa bạch-mai do thi-xã tổ-chức, thừa hưởng ngấm để, để câu giai tác. Bài thơ *Vịnh bạch Mai « Non linh đất phước trở hoa thân »* của nữ-sĩ chắc cũng làm trong hội Nguyên-tiêu thắng thưởng này. Tài-liệu hai bài Hán-thi này giúp chúng ta biết rõ thêm bài thơ *Nôm vịnh Mai* của Nữ-sĩ và bài họa (cũng chữ *Nôm*) của cụ Võ-Sám và có lẽ hãy còn nhiều thơ để vịnh nữa mà hiện chúng ta chưa sưu tầm được. Cuộc xướng họa này, dịp khác, chúng ta sẽ cập lâu hơn.

Bây giờ thì hãy trở về hai bài thơ Hán. Trước hết, chúng ta hãy dịch nghĩa xuôi cho hết ý tứ trong bài:

Dịch nghĩa bài thứ nhất

I

*Tư-chất như Quỳnh cốt-cách như ngọc, thiên-chân trời
gợi gấm cho hoa.*

Cao vọng trơ-vơ, trên đỉnh Phật ngàn Tiên, xa cõi tục,

Hương ủ thơm-tho, chiếu xuân từ âm;

Cảnh thừa lạnh-lẻo, bóng nguyệt đêm tàn.

*Phong vận trót gởi lòng trong tuyết sạch;
Đạp tuyết tìm nhau, gidi gió luông thương người!
Hứng dâng lên, non nước ngại gì xa,
Vui đánh bạn, khúc dương-xuân để vịnh.*

Dịch nghĩa bài thứ hai

II

*Nòi u hương phận khéo lạ-lùng,
Trần-ai cách tuyết, giữ một lòng băng trinh.
Mảnh gương ngọc mới soi mình sương sớm,
Tâm lòng thơm đã héo ngấm bóng chiều.
Tin xuân hồng tía đành chẳng đưa theo,
Tuyết sương năm lạnh cọt treu chi đó mà!
Tri-âm nghìn dặm gặp khách tài-hoa,
Một cảnh đưa tặng cũng là tình thâm.*

Xét thấy, thơ Hán này cũng như thơ *Nôm*, tác-giả Nguyệt-Anh nữ-sĩ đã mượn cảnh hoa mai mà gởi tâm-sự thân-thề mình vào đó. Và cũng để gởi ý với tri-ký tao-nhân mặc khách, dấu trong cuộc du hí văn-chương, vẫn gìn giữ cho không ra ngoài khuôn thi lễ.

Nhưng chúng ta thấy ở bài chữ Hán, thâm trầm hàm-súc, lời thơ lão-luyện điêu-trác hơn bài *Nôm* nhiều lắm. Quả có như lời truyền tụng: Con gái hay chữ Nho của cụ Đó.

Xem thơ rồi, nhìn nét chữ thanh-tú, ngọn thỏ ngòi lông như cát, tinh-thần cốt-cách phong-tư tài-vạn còn hiện hiện dưới đèn.

Bạn tôi, thi-sĩ Hi-Đạm, khi gởi cho tài-liệu này, đã dịch thành hai thiên luật Đường. Tôi chép như sau:

I

*Ngọc, Quỳnh cốt-cách vốn trời ban
Đất tịnh, trơ-vơ lánh thế-gian
Âm-áp hương đằm xuân buổi sớm
Lạnh-lùng bóng nhạt nguyệt đêm tàn
Nghĩ thân ánh tuyết hơi sương đượm
Thương kẻ hải sương gót tuyết chan
Mền cảnh, nước non xa chớ ngại
Cùng lên ngắm vịnh từ xuân tràn*

II

Một áng hương trinh thông tuyết với
 Bụi nhơ, mình sạch cách xa khơi
 Vừa phò kính ngọc sương mai đắm
 Đã trái lòng thơm nắng quai phơi
 Hồng tía tin xuân không góp mặt
 Tuyết sương tiết lạnh dễ trêu người
 Dặm ngàn tri-ký duyên may gặp
 Một nhánh tình sáu gởi-gắm ai

HI-ĐẠM dịch

Hai bài dịch của bạn tôi kể đã công-phu, đã lột được ý-tử nguyên văn, lời thơ dịch cũng khá thanh-nhã. Tuy thế, bạn tôi vẫn chưa bằng lòng, có bảo tôi chữa lại, hoặc dịch thêm bài khác. Đọc đi đọc lại nhiều lần, có một đôi chỗ chưa thật ưng ý. Biết vậy mà không làm sao chữa được. Tôi không có tài dịch hơn được, nên đành để y vậy trình giữa làng thơ. Các nhà tài dịch thơ Đường xin thử dụng-công trước-ý vào cho, để nối lại vận-sự phong-tao thời cũ.

PHẠM VĂN ĐIỀU

Giảng-sư

Đại-học Văn-khoa Đà-lạt

Lâm-tuyền kỳ-ngộ

Lâm-tuyền kỳ-ngộ 林泉奇遇 là một tập truyện hóm dãi khuyết-danh. Truyện làm theo thể thơ bát-cú Đường-luật là một thể văn truyện xưa nhất của ta. Trong tinh-hình tài-liệu ngày nay, chỉ còn thầy có ba truyện làm theo thể này: *Truyện Vương Tường* 王端, tập thơ *Tô-công phụng-sứ* 蘇公奉使 chắc là văn đời Lê-Mạc, sau hết là tập truyện *Lâm-tuyền kỳ-ngộ* và cũng là tập thơ dài nhất trong ba truyện hãy còn mang rõ bóng-dáng văn Lê-Mạc. *Lâm-tuyền kỳ-ngộ* là một tác-phẩm có nội-dung và ý-nghĩa như thế nào, giá-trị văn-học và nghệ-thuật của nó ra làm sao, sách xuất-hiện cụ-thể vào thời nào, tác-giả là ai, từ trước đến nay chưa được nghiên-cứu và phân-tích một cách đầy-đủ, chính-xác. Ở đây, trong khi khảo-sát và trích-dẫn, đã tạm dựa vào bản phiên-âm của Viện Đại-học Huế là: bản in rõ-nê-ô mà trường Đại-học Văn-khoa Sài-gòn vẫn dùng in lại, nên hiện nhiều người có.

1. «Lâm-tuyền kỳ-ngộ», một chuyện tình thơ-mộng thủy-chung, nội-dung đượm ít nhiều hạnh-phúc chua xót của kiếp người, rất quyến-rủ, giữa một tiên-nữ đa-tình và một văn-nho trần-giới.

Mở đầu truyện thơ, tác-giả đưa ta đi vào một khung-cảnh chung về xã-hội, ấy là một thời thiên-hạ thái-bình, uy-tín của triều-đình rất lớn, dấu đó đều qui về thần-phục: ơn nhờ, đức đội (Bài 1). Cảnh đất nước, cảnh sinh-hoạt của nhân-dân hiện lên rất đẹp:

Giữa trời Chúa Thánh nổi ngôi càn,
 Chín vật xây nên vững thái-bàn.
 Rủ gập trông vàng ra chánh-giáo,
 Sum-vầy bệ ngọc đồng y-quan.
 Bể thanh kinh-ngọc bủa tâm vắng,
 Ai bật sài-lang ngọn khói tan.

[Tập XII, Quyển 7 (Tháng 7, 1963)]

Trong bức tranh phồn-thịnh chung ấy, đã nổi lên hình-ảnh cảnh chùa Phi-lai « nước non quyền khách », « hoa cỏ đura tăng » với thầy Huyền-Trang trụ-tri rất đặc-đạo « chuông khua mây tiếng tan niêm tục ». Bấy giờ, xảy có một nàng tiên ở thượng-giới bị lưu-đày thác sinh xuống trần dưới lốt con vượn trắng biết nói, tìm đến cửa chùa lân-la nghe kinh. Thấy Huyền-Trang động lòng thương bèn cho vào ở tăng-viện quy-y cửa Phật, để sám-hồi cho xong tội-lỗi trước, mong một ngày trở về cõi tiên. Từ đó, trong cảnh chùa thâm-nghiêm, Bạch-viên nhất-tâm tu-hành, « độc lòng khản-nguyên » :

*Hôm mai luyện tập đường kinh-giáo,
Khuya sớm vui theo đạo tứ thấy.*

Tuy-nhiên, câu kinh bài kệ vẫn không đủ khuấy-khỏa « niêm đơn » của Bạch-viên, cho nên Bạch-viên, một hôm kia, rời bỏ chùa Phi-lai ra đi khiến cho thầy Huyền-Trang khôn đối tiếc thương, ngày vắng tưởng nhớ, đêm thanh ngong-chờ, chín khúc tơ-tâm bồi-rời. Thê rồi kiếp vượn trắng hết hạn, Bạch-viên được chuyển-hóa thành một nàng thiếu-nữ tươi đẹp lộng-lẫy « tóc phụng, my nga », rõ-ràng là một trang « quốc-sắc » hơn đời. Nàng bèn tìm đến một chồn non nước rất đẹp là Thạch-tuyền, và hóa phép dựng một thành quách « trùng trùng muôn trượng núi » và những lầu-đài « san-sát một phương trời » để ở. Nơi đây, Bạch-viên mang cả tâm lòng rạo-rực của người con gái xuân-thì, bắt đầu bước vào cuộc đời ở giữa trần-thế, thích hưởng hạnh-phúc của tuổi trẻ, hạnh-phúc lứa-đôi, khát-khao tìm gặp một « khách trên đời ». Cũng như bao nhiêu thiếu-nữ khi tình xuân chớm nở, Bạch-viên rất xót-xa trong cảnh đợi-chờ đón nhận người yêu chưa đến trên những nẻo đường cô-đơn vắng-vẻ :

*Cửa động những mong người hái thuốc,
Bên nguồn trông đợi khách tắm hương.
Kìa ai xe chỉ trong cung nguyệt,
Chi để hồng-nhan phận lỡ-làng !*

Trước sự chờ-đợi yêu-đương của Bạch-viên, hình - ảnh một chàng trai thơ-mộng, ngày xưa kia cũng là tiên thượng-giới, dần dần hiện lên ở chân trời xa-xôi, chàng Tôn Các. Tôn Các vốn là một thư-sinh con nhà trâm-anh, độc lòng « kinh - sử hôm mai », rất có tài văn - chương, đương chờ hội Vũ - môn. Chàng từ nghe chiêu phụng « mở hội lành », bèn vội-vả đăng-trình đến kinh ứng-thí :

*Lá dương một phút đưa lên bèn,
Đền sách cho cam thừa học-hành.*

Đường đời chông gai chưa bao giờ là một con đường thẳng, Tôn Các khoa ấy đi thi hỏng, và sau khi trải qua mùa thi-cử cùng cảnh-ngộ hồng thi, Tôn Các bèn trở về quê cũ để gặp một chuyện tình. Hôm ấy, trên đường về gia-hương, vừng ở đã ngả non đoài, đèo núi gặp-ghénh, khe suối ngàn khơi, chàng thư - sinh vó câu mòn-mỏi giữa cảnh chiều hôm vắng-vẻ, những mong tìm quán khách nhưng không biết tìm đâu. Bỗng chàng ta gặp nàng Bạch-viên hớ ra người con gái áo xanh đứng đón :

*Đêm thanh vắng-vẻ dặm ngàn mây,
Thơ-thần hình ai đứng chồn nấy!
Trước gió phát-phơ bay dài áo,
Dưới trăng đứng-đình dặm chân giày... »*

Bạch-viên lân-la hỏi chuyện trước sau, Tôn Các bèn tỏ tình thiệt rằng mình từ kinh về bị lạc đường, mong ơn lòng đoái đến để được « nương chờ chút nghỉ chân ». Viên-thị bèn trở đường cho Tôn Các đến Thạch-tuyền gần đây là chồn « am rộng vườn loan », « phòng hoa quán nguyệt ». Tôn Các bèn lên ngựa đi, khi đến nơi, chàng say-sưa ngắm cảnh-trí Thạch-tuyền, một cảnh bóng-lai ở nơi trần-thế :

*Sơn phố đầy nước trông gương nguyệt,
Cúc rêu chân thêm lẫn vẻ sao.*

Chàng bản-chất là một thư-sinh đa-tình nên đứng trước lầu-đài cung-các mỹ-lệ nguy-nga, tâm-hồn khôn xiết ngẩn-ngơ :

*...Hoa rọi long-lanh rèm bích-ngọc,
Hương đưa sực-nức các quỳnh-giao.
...Mặt ngọc đường soi chầu áy-náy,
Vóc hoa như giọt trận mơ-màng... »*

Tôn Các báo cùng thị-nữ và được mời vào trong. Thê là không-gian chờ-đợi vắng-lặng, tối-sẩm sáng dần ra và gần-gụi hơn, đôi-tượng của tình yêu hiện rõ, lời giao-tình vang lên đánh đầu cái tiếng sét đầu tiên của tình-ái đã đến. Bạch-viên gặp Tôn Các, chỉ mới trông mà đã ra chiều yêu-mê chàng trai xứ lạ, đoá hoa tình yêu bấy lâu ẩn-tàng trong từ cùng-thâm của cuộc đời nở ra, kết-thức cho sự chờ-đợi, và lời tâm-sự đầu-tiên như càng làm bừng sáng cuộc hội-ngộ :

*Tiện-thiếp từ tu ở cõi tiên,
Chưa hề bén lụy thói trần-duyên.
Thầy-lay âu hân to bà nguyệt,
Gặp-gỡ khôn nài phận đ quyen.*

Kim-cải đã dành duyên mặc-mải,
 Luống trăng nào quảng tiếng chê khen.
 Muốn bề cả dám xin ràng buộc,
 Hoa nở chào xuân để mấy phen.

Tôn-sinh đến Thạch-tuyền chẳng khác nào chàng như vừa ra khỏi bóng tối cuộc đời, và đi vào thế-giới của người con gái đương xuân tha-thiết hưởng hạnh-phúc của tuổi-trẻ trần-gian. Chàng cảm thấy ngay nỗi-niềm của Bạch-thị là một tâm-sự yêu thương, đáng nâng-niu, và phải mau hòa điệu ơn dày tình nặng:

Xa-xuôi ngàn dặm xây qua đây,
 Muốn đời ơn lòng đoái chút vay.
 Triu-miền hiếm chưa cam sự ấy,
 Vương tơ mừng được đẹp duyên này!
 Mấy nơi non nước xây bia đá,
 Một tấm niềm đơn tạc thế bầy...

Đêm hôm đó, hai người trai-trẻ cùng nhau vẩy duyên sắc-cảm, cuộc đời bừng nở hoa, có biết bao nhiêu sắc-hương cùng ánh-sáng chan-hòa tấu-thành một bài thơ tình-ái tuyệt đẹp:

Được hoa giấp-giới năm canh nguyệt,
 Tiệc ngọc khuyên mời mấy khắc đồng.
 Trướng gấm ngà-nghiêng say về lục,
 Áo là sóng-sánh dặm màu hồng.

Từ đây Bạch-viên và Tôn Các chung-sống với nhau như cá với nước, vui-vầy ái-ân, đến sinh con trai rồi lại sinh con trai nữa, tưởng như không có sức gì xây đền làm rạn-nứt mối tình lứa đôi «thế sông chỉ núi» ấy cho được. Trong cảnh gia-đình hạnh-phúc đầm-ấm này, ngày kia một đe-dọa dần dần sẽ hiện lên, ngày càng rõ. Nếu Bạch-viên là nàng tiên lưu-luyện cõi đời chỉ vì Tôn Các, thì Tôn Các trái lại là con người trần đạ-mang, nên chàng còn có bao nhiêu ràng-buộc với đời mà người tiên thanh-thần không thể nào có được. Nơi cung-các hoa-cổ Thạch-tuyền, chàng bỗng đứng chạnh lòng thương cha nhớ mẹ. Nỗi niềm nhớ-thương ấy xui khiến cho chàng đi lang-thang mong tìm gặp cô-tri để thăm hỏi tin-tức quê xa:

Tình say bên gối hôn hồ vấn,
 Mong-mỏi phương trời chiếc nhạn bay.
 Ngàn vắng trông chừng non nước cũ,
 Có ai mà chẳng hỏi thăm rày.

Tình-ái không riêng chiêm Tôn Các, nơi chàng con người xã-hội vẫn thao-thức, chàng còn mang cả bao nhiêu khát-vọng của cuộc thế. Đời với Bạch-thị, hạnh-phúc hôn-phối ở Thạch-tuyền kéo dài những tháng năm bất-tận êm-đềm, ngoài ra nàng không còn mong biết gì hơn nữa. Tôn Các trái lại, khi lòng trần rạo-rực, đạ-mang, chàng đã quay về tìm gặp cuộc thế, nối lại liên-hệ cũ trong hình-ảnh cuộc gặp-gỡ Nhân-vân, người bạn quê cũ bất chợt ngày kia «túi thơ thông-thỉnh», «bầu rượu la-cà» kinh-quá bên ngàn Thạch-tuyền:

Cong khi xây gặp người muôn dặm,
 Bao xiết nguồn cơn nỗi thơ-than.

Sự tìm gặp tha-nhân này, đã làm rạn-nứt mối tình-yêu Thạch-tuyền không ít, và từ cuộc hội-ngộ Nhân-Vân, tình-yêu Bạch-viên Tôn Các bị thử-thách, lung-lay, mắu nghi-ngờ chen vào trong đã tách ra làm hai¹ khiến cho không còn tính-cách chung lẫn hòa đồng của một mối tình duy-nhất nữa. Nhân-Vân, qua những ngày nghỉ chơi ở bên Tôn-Các, khi «chép huỳnh lẫn chuốc», khi «cầu gằm đua ngắm», khi canh khuya «thùa giặc mơ-màng» nhận biết Bạch-viên không phải là người trần, đã gieo cho bạn một mối hoài-nghi về hiện-thế Bạch-thị và tình-yêu của nàng:

Đêm qua giấc mộng lạ-lùng thay,
 Gấm biết âm-tinh giồng chẳng ngay.
 Yêu-nữ vẫn đương cru-thời ấy,
 Lương-nhân đâu dám hóa duyên này!
 Và công sinh-dưỡng còn hai gánh,
 Mà hội công-danh để mấy ngày?
 Xin phải sớm toan đường viễn-lự,
 Thời thôi đừng nghĩ nỗi riêng tây!

Nhân-Vân lại trao cho Tôn Các một thanh gươm thiêng như bạn «ngày giữ dưới gối», «đêm nằm để bên giường» để chọn đá thử vàng, xem Bạch-viên có phải là yêu-tinh ma-mị không. Nhân-Vân từ về rồi, Tôn-sinh trong trướng gấm vô cùng đau-khổ, vì đã phải chịu nhận một sự thử-thách tình yêu. Chàng rất phân-vấn trong ý-nghĩ và tình-cảm. Về mặt lý-trí, Bạch-viên có thể là yêu-tinh, và nếu đó là sự thực thì tình-yêu không thể tồn-tại, mà sự sống bản-chang còn chi; tuy-nhiên về tình-cảm, thì trước sau nàng vẫn là trang hiền-phụ có nhan-sắc đã sống cùng chàng những ngày nóng-nàn êm-ái, và đã sống với nhau hai đứa con trai. Thế thì, đâu nàng đích-thực là yêu-quái đi nữa mà nghĩa tình thâm-trọng như kia thì ai nỡ đang tâm dứt bỏ cho đành? Chàng tất lấy làm ghê sợ cái cảnh gia-đình tan-nát khi thử gươm thiêng:

Từ chịu thanh gươm cảm sự lòng,
Niềm riêng khôn kể thớ-than cùng!
Đoái lời thể-thốt còn rành-rẽ,
Tưởng nỗi sinh-ly lưỡng ngại-ngùng!
Nghe bạn dễ xui lòng nợ rồi,
Nể nường khôn xiết lẽ nào xong! . . .

Tôn Các xót-xa và cảm-thương cho sô-phận, thà rằng trước kia chàng gặp và chẳng yêu nhau, để chi đến bây giờ ân-tình đan - díu nặng - nề mới đưa gươm thán ra thử. Chàng càng bút-rút hơn nữa khi nghĩ đến thanh gươm, thà rằng không biết chuyện chi và không có nó thì tình-yêu vẫn đồng-nhất còn nguyên, bây giờ gươm thiêng đã sẵn ở tay, sự gặp-gỡ Nhân-Vân đã gieo hoài-nghi vào trong tình-yêu đó, nếu không thử-thách một phen thì nỗi nghi-ngờ sẽ đè nặng dày - vò làm cho tâm-hồn đau - khổ mãi - mãi thì còn đâu là tình vợ chồng, còn đâu là hạnh-phúc gia - đình êm-ả nữa. Sau cùng, chàng quyết định thử gươm thiêng; vì chỉ có khi nào phá tan nỗi hoài-nghi, biết rõ thực hư thì mới mong có cơ-sở cứu vớt và xây-dựng lại hạnh-phúc cùng tình yêu:

Dù nhún thiết hư dành một lẽ,
Kéo còn nghi-ngợi rồi trâm đường...
Lâm chi đã vậy, thôi thời vậy,
Thời vậy mà thôi, kéo dở-dang!

Bạch-thị bị yểm, lấu đầu tiên nàng rất lầy lăm đau-khò, trước hành-động thử-thách của tình-quân, vì đã yêu sao còn hoài-nghi và thử-thách. Buồn tủi, uất-ức, nàng âm-thẩm ra đi không một lời ta-thán; âu đó là tâm-lý của người tiên có phần dễ-dãi, bình-dị hơn kẻ phàm-tục vậy:

Gót tiên chẳng ngại bên ngàn vắng,
Áo thúy khôn cảm trận tuyết pha.
Xuân muộn bạn trông miển cánh quạnh,
Thu tàn then thấy néo trăng già!

Trái lại, Tôn Các với tấm lòng trần vẫn xót thương không người một mỗi tình đã vỡ sau khi mang gươm ra thử. Lúc Bạch-thị đi rồi, chàng chợt tình «nhọc-nhân mây khác», «năm canh mong-mỏi», rồi đêm lại đêm chàng luôn luôn thao-thức, buồn than, khóc theo bóng hạnh-phúc vừa tan, tâm-sự u - hoài đòi-đoạn thể-thâm, nỗi đau-khò cùng-cực:

Mây đoạn mơ-màng, hồn bướm vẫn,
Hai hàng lá-chá, hạt châu rơi...

Hoa nợ đã phai, bao lại thắm,
Nguyệt kia nay khuyết, thướ nào tròn?

Nhưng rồi Bạch-thị lại trở về do lòng yêu chồng thương con, ân nghĩa tình thâm không thể dứt. Nàng chợt hiểu rằng ân-tình đời như mê - cung, hạnh-phúc đời thường chen lẫn trong đau thương, nụ cười và nước mắt thường pha trộn nhau, con người thường phải biết vượt từ tấn khổ này qua yêu thương khác để tìm thấy hạnh - phúc, « há trách lòng người khéo bạc đen ». Để giữ hạnh-phúc trong tình-yêu, nàng mong Tôn-thị về sau này phải biết vượt qua những ngang-trái của đời đang giăng-mắc cùng khắp:

Xin chớ nghe ai lời phụ-bạc,
Vàng ăn thay hết nghĩa còn bền!

Bạch-viên và Tôn Các sau những hờn giận chia xa vừa qua, hai người càng gắn-gửi keo sơn, tình yêu từ đó tiền đến những niềm vui mới, họ yêu nhau thắm-thiết hơn xưa. Một tình yêu không giận dỗi hờn ghen không thể là một tình yêu, và có trải qua những chia xa, trở-ngại, những thiện-nam tín-nữ của thần tình-ái mới thấy hạnh-phúc tươi-đẹp sáng cả tình thương-mềm-âm-áp bên-bỉ:

Gôi phụng duyên ra phai lại thắm,
Bạc loan nghĩa cũ lạc nên nồng.
Nương vàng tựa ngọc thể muôn kiếp,
Sira tui nắng khấn cần một lòng.

Nhưng đời người không phải một giam-giữ, ngưng-động, mà là một cuộc chuyển-dịch mãi mãi, làm bằng những chuyện đi nhỏ, mỗi chuyện đi là một đổi thay một nhịp sông mới có ý-nghĩa khác hơn trước. Trong tình yêu cũng vậy, người ta có thể tìm thấy hình-ảnh của hạnh-phúc trong hình - ảnh ngọn sáp sáng đang bốc cháy. Ánh sáng, ngọn lửa là bóng-dáng của hạnh-phúc mà tìm lặn tàn, sáp rơi đổ xuống vơi dần là hình-ảnh dòng đời đổi thay. Trong ánh sáng ngọn đèn kia cũng như trong hạnh-phúc, luôn luôn như đang lên vào mầm rạn-nứt đổ-vỡ, đổi thay. Mỗi tình Bạch-viên Tôn Các, sau biên-cổ Nhân-Vân, đang bốc lên nóng đượm thì chính trong tự-thân sự nóng-thấm bốc sáng này đã dần chen pha một mầm ly-cách. Thời-gian trôi qua nhanh chóng, xảy ngày kia chiều vua ban mở khoa thi mở đầu cái mối chia xẻ giữa chàng và nàng. Tôn Các bấy lâu sông mãi trong hạnh-phúc tình yêu, chàng như thấy mình bị giam giữ, nên lòng nảy sinh một u-hoài mong tìm một nhịp sông khác có ý-nghĩa hơn hiện-tại này. Nêu ngày trước chàng, vì nhớ tưởng gia-hương mà đi lang-thang gặp Nhân-Vân, đem lại biên-cổ trong động Thạch-tuyền, tưởng chừng như bình-

thân đời đời, thì ngày nay chàng khởi-xương cuộc ra đi có chủ-đích « gặp áng long-vân », để chu-toàn số-phận của mình, nên giữa chàng và nàng lời già-từ khởi sự một cách long-trọng :

*Nghĩ bề gia-thất đành muôn kiếp,
Gặp hội công-danh dễ mấy lần !
Nường ở giữ-gìn đàn chúng-tử,
Anh lo trả nợ song-thần.*

Hạnh-phúc người đời không ly-cách cuộc sống xã-hội, nó không thể là cái tháp ngà hạnh-phúc như động Thạch-tuyền. Dù cửa Thạch-tuyền có khóa kín tách-biệt khỏi cuộc đời để riêng hưởng hạnh-phúc, thì sóng gió buồn thương cũng đã ngang-nhiên xâm-nhập gieo đổ-vỡ cùng Nhân-Vân. Dù động Thạch-tuyền chỉ muốn đứng bên lề xã-hội, cho rằng hạnh-phúc trần-gian chỉ là hạnh-phúc lứa đôi, thì cuộc đời vẫn gọi cửa giục-giã đi tìm những hạnh-phúc mới lạ để củng-cố xây-dựng cho tình lứa-đôi tươi trẻ dài lâu. Cái tiếng gọi quyền-rũ của « chí công-danh » đã làm tan biến bầu không-khí bình-yên nơi Thạch-tuyền. Nàng Bạch-viên đành phải « vội lòng mừng » để chóng ra đi nhưng trong thâm-tâm không khỏi xót-xa nỗi khi về « vinh-hiện lại quên chàng ». Thế rồi, Tôn Các ra đi, Bạch-viên bịn-rịn đưa chồng đến kinh-kỳ, và hai người như cùng nuôi chung ý-nghĩ rằng chuyện đi này sẽ bồi-đắp cho tình lứa đôi và làm cho tình-yêu càng thêm sáng-rạng :

*Than-thở xưa sau lập mỗi lời,
Để-huê bèn mới bước chân rời.
Ráy tâm kinh đóng đôi chèo nhẹ,
Dẹp trận ba-đào chiếc trượng khơi.
Ngày vắng lều hoa, câu đôi đáp,
Gành thanh kéo nguyệt, tiệc khuyến mời.
Thuận bề sự-nghiệp an bề nghĩa,
Mười ước phen này vẹn cả mười!*

Trên dòng thủy-trình đến Trường-an, thuyền lại đi ngang qua sông Phi-lai. Đây là một cảnh đẹp lâu-đài tráng-lệ, cửa Phật tôn-nghiêm, hoa cỏ đẹp-đẽ rõ là một chốn thần-tiên, nơi mà Bạch-viên đến tu luyện khi còn là con vợ trẻ bị lưu-đày ngày trước. Bạch-viên khuyến mời Tôn Các cùng đến thăm nơi chốn cũ. Hai người bèn rời thuyền lên bờ, khi « ngoài ngọn trúc » khi « dưới am thuyền », kẻ « say mùi đạo », người « tắt mối phiền ». Bạch-thị lại tìm đến thuyền-trai để thăm thấy cũ Huyền-Trang, sau đó nàng bỗng nhiên như thấy hạnh-phúc làm người đến đây chầm dứt, dường như người và cảnh Phi-lai lần trở lại này nhắc

nàng ngày qui hồi quê-hương xưa ở Quảng-hàn, làm cho nàng châu-chan phò-phạc, tâm-sự đau-đớn âu-sầu :

*Tóc mây gió lật hoa phai nhụy,
Má hạc châu-chan phấn lạc màu.
Nhớ cảnh lưu-hiêu ngao-ngán nỗi,
Thương người đau-đớn ả-ê sầu.*

Từ một chia cách nhỏ dường đã có mầm ly-cách lớn, từ một cuộc ra đi để chu-toàn hạnh-phúc với những nếp sông, những thực-hiện mới có biết bao hứa-hẹn, bỗng vươn dậy một vinh-ly bề ngang đường tình. Một đêm kia, gió mưa sấm sét kinh-hoàng, vâng lệnh Đê-thiên, triệu hồi nàng từ-biệt người chống yêu-dầu cùng đôi lứa con thơ đại, và trao lại chàng một đôi kim-thoa làm chút kỷ-niệm để nhớ nhau, lưu lại một chút gì của mình sau khi đi, đoạn bay về một phương trời cao-thẳm. Cuộc chia tay xót-xa, muôn sáu nghìn thăm nói lên nỗi lòng lưu-luyến tiên-nữ đôi với tình đời và cuộc đời đang bỏ dở-dang :

*Cùng chàng dãi hết mọi niềm tây,
Bèn mới dãi chân tới cõi tây.
Gió cuốn mặt-mù muôn dặm cách,
Mây tuông lừng-lẫy nửa canh chầy.
Hương còn thoảng-thoảng đưa mùi bóng,
Bóng đã mờ-mờ khuất ánh mây.
Cung quê nhân dẫu vui cảnh cũ,
Lạnh-lùng sao nở để ai đây?*

Nếu trước kia Bạch-viên mang tâm-ly một nàng tiên, đến với cuộc đời như một chuyện bi-đát, vì thấy mình là kẻ đi lưu-đày, và thế-giới này là cõi lưu-luyến, thì ở đây Bạch-viên từ-giã cảnh đời với một cái nhìn đối-ngược đây lưu-luyến. Thì ra cuộc đời trần-thế vẫn ẩn dấu một diệu-huyền mà nàng Bạch-viên đã khá phá trong tình yêu và hạnh-phúc cuộc đời, những điều mê-luyến mà con người vẫn tìm thấy nhưng chỉ vì không biết nuôi-dưỡng chăm-giữ mà đánh rơi mất đi bao nhiêu châu-ngọc để chỉ còn lại ở đời toàn lừa-đạo, bạc-đen, tàn-độc, chán-chường. Thế là Bạch-viên đã trở về thượng-giới với tất cả lưu-luyến hạnh-phúc cuộc đời, với tất cả tâm-sự buồn-oán chia-ly.

Bạch-viên khi đã xa khuất rồi, Tôn-sinh vô cùng buồn-bã, chàng than giận cho trò đời « bỗng chốc thắm nên phai », tâm lòng thương nhớ người yêu lai-láng-khôn người. Chàng bèn vào bạch cùng thầy Huyền-Trang, nhờ cầu-độ cho nàng được siêu-sinh, nhà sư nhận lời và khuyến chàng hãy yên lòng mà trở về với chuyện « công-danh theo nòi nghiệp gia-tiền ». Đoạn chàng bái-tạ già-từ

và xuống đò, lúc thuyền sắp xuôi, trông «đôi chiếc vòng trao còn để lại» của người xưa, bèn ôm lấy con mà tự-tình, cảnh-tượng rất bi-thiết :

*Muôn thắm ngàn sầu ai gỡ chấp,
Mấy tuôn chắt gánh một thành xây.*

Tâm hồn bi-thương của chàng trai trước cái tang vợ mới mất để lại hai con thơ-dại, đã được diễn-tả nào-nùng trong lời Tôn-sinh tề Bạch-thị, những lời thơ tràn-ngập buồn-thảm chua-xót dãi-tò cùng người đẹp cung-tiên cách xa muôn dặm, khi cõi trần trắng sáng năm canh :

*Mây dậm cung mây hời má hồng,
Ở đâu xin lại thơ-than cùng !
Hồn hoa vắng-về năm canh nguyệt,
Thuyền bá lênh-đênh một khúc sông.
Kiếp ấy đã đành đeo phận bạc,
Vật chi cho được trả ơn lòng.
Ba tuần chén lạc linh thời hưởng,
Muốn kiếp về sau lại ấm nồng.*

Tâm-hồn bi-thương ấy còn được vẽ lại trong một dịp khác cũng không kém nào-nùng. Trên dòng sông nước về kinh, phong-cảnh hai bên bờ, gió đưa, nước lướt bóng như tơ, làng xóm có cây, thành quách, mây trời, nhạn lạc, đầu đầu cũng gợi lòng trai nhớ người thương cũ, tình sâu, cảm nặng. Tiếc thương như phảng-phất tràn đượm lên tất cả, từ nhà cửa cho đến núi sông trời đất:

*Gió cuốn bướm giông, lá phật-phơ,
Thuyền lan lảng-đang giữa gành tơ.
Nhớ nhà làng hạnh chèo thơ-thán,
Thương khách cung trăng sóng vãn-vơ.
Lầu thắm buồn trông sao lạc-độ,
Non xanh thẹn thấy nhạn lơ-thơ.
Ngong chừng phong-cảnh lầu-đài cũ,
Bời-rời lòng vàng luống ngán-ngờ !*

Thề rồi cuộc đời thực-tề lối-cuốn Tôn-sinh đi. Chàng đến kinh-thành, hăm-hờ thi tài cùng làng văn-vật, quyết «ra tay bẻ một cành» nơi cung-quê. Kết-quả Tôn Các trúng tuyển thi hội, vào đình thí cũng đậu luôn, danh-giá không mấy ai tày, được nhà vua trọng-vọng. Chàng nho-sinh họ Tôn chẳng những là một chàng trai nòi tình như ta từng biết, mà cũng vừa là một chàng trai đa-tài, hình-ảnh đẹp tuyệt-vời :

*Gió lộng bút linh rong một trận,
Hoa theo cầu gằm rở ngàn chường...
Bảng giáp nêu cao trên gác tía,
Đôi vầng ban chịu trước điện phong...*

Tiếp theo là cảnh vinh-quí báỉ tỏ «đường mây xe lập-lánh», «làng hạnh võng nghênh-ngang», có biệt bao người ao-ước «gởi chim nhán cá», biệt bao kẻ mong được «sửa túi nâng khăn». Trên đường về, sông nước vẫn một màu nhớ-thương như cũ, cho đến một ngày kia họ Tôn lại đi ngang qua bờ sông Phi-lai «gió sáu đời đoạn», «mây thắm ghe phen», mọi vật đều như nhắc lại chàng những tháng năm xưa, khiến chàng buồn chét cả dạ :

*Buồn chung ai để sầu riêng ấy,
Biết nổi nấy chẳng khách má hồng ?*

Trong cảnh mới phú-quí vinh-hoa, sự vắng mặt người bạn tao-khang xinh đẹp cạnh như nàu như nung làm cho Tôn-thị chạnh phút nào khuấy bóng dáng «nổi ân-tình» thuở ngày xanh. Tôn bèn thuật chuyện cũ Phi-lai cùng tiêu-đống, và sai gã lên bờ đem roo lượng hoàng-kim bạch cùng sư Huyền-Trang nhờ thầy mở rộng lòng dung-đãi xây bửu-tháp nơi đất báu để hương đèn sớm hôm cho nằng. Thấy Huyền-Trang nhận lời, tiêu-đống từ về, sau đó thuyền lại xuôi về cô-hương ở đất Quảng-xuyên. Trong cảnh vật tung-bừng rực-rỡ của ngày về vinh-quang vẫn như còn phảng-phất đâu đây ít nhiều màu di-vãng ưu-sầu nhớ-nhung :

*Dập-diu dậm liễu khúc thiếu dâng,
Một cõi non sông tiếng dậy rưng.
Ghé mắt bóng cờ ai nào-nức,
Lẳng tai tiếng lạc đội tung-bừng.
Sum-vầy ngộ hạnh người đưa rước,
Đùng-đỉnh nhà lan khách vội mừng.
Hoa-liễu hội nẩy vui-về bấy,
Ai về nhán-nhủ khách cung trăng !*

Về đến quê nhà rồi, Tôn-thị vào lạy mừng cha mẹ và cho hai con lạy chúc ông bà. Tôn ông Tôn-bà khôn xiết mừng-rỡ, hỏi đầu đuôi câu chuyện tình-duyên của con, chàng bèn đem sự thực gặp-gỡ ở Thạch-tuyển giải bày cùng mẹ cha. Bây giờ cả nhà đều hân-hoan, mở tiệc ăn mừng. Nghỉ ở quê nhà được ít lâu, Tôn-thị được chiếu vua triệu-vời, chàng bèn gởi hai con ở lại và khuyến chúng cố-gắng khuya sớm học-hành, rồi từ-giã cha mẹ trở về kinh thành mệnh. Cảnh vinh-hoa phú-quý của Tôn-thị nơi Trường-an thật đã tốt bực, bấy giờ đến lượt hai con chàng được nhà vua vời về triều phong quan-tước, sau lại đi thi đậu.

Còn về phía nàng Bạch-viên, từ khi trở về cung Quảng-hàn, đáng lẽ nàng phải lấy làm sung-sướng như bao nhiêu nàng tiên khác, thì trái lại nàng vô cùng đau buồn vì tình mình đã mất, hạnh-phúc mình đã tan khi lia đời. Trong sinh-hoạt nơi cõi tiên, Bạch-viên không rú được lòng trần, không quên chồng, quên con, quên những hạnh-phúc mà nàng đã được hưởng ở động Thạch-tuyền dưới trần-gian :

*Từ ngày theo gót chôn vãn-tiên,
Nguyễn-ước làng xưa chừa chút quên.
Gởi phùng mơ-màng thêm tưởng nhớ,
Hương loan chung bóng những đeo phiến...*

Cuộc đời tiên-cung xưa kia hạnh-phúc « thăm liễu tươi xuân mãi » đáng mơ về bao nhiêu, thì ngày nay với tất cả ưu-phiên nhớ mong đời dương-thê, nàng Bạch-viên chồn cung tiên chỉ thấy toàn những sầu thương dâng lên trần ngập, chỉ « tưởng nhớ » và cầu mong sao cho « được hiệp nhơn-duyên », để chu-toàn ân-tình còn dang-dờ dưới kia. Nàng sống ở thiên-đình mà xưa nay vẫn cho là cõi phúc nhất đời thế như là người tù-nhân đang tha-thiệt cảnh tự-do, và thiên-đình trong mắt nàng chỉ là cái cảnh chia-phôi ngang-trái :

*Một dải sông Ngân nên cách-trở,
May nào lại được hiệp nhơn-duyên ..*

Đời với Bạch-viên, hạnh-phúc đời tuy pha lẫn mùi cay-đắng thực, nhưng không có hạnh-phúc nào quyền-rủ bằng, bởi vì đời còn có bao nhiêu nhíp-điệu đầy vui, có bao nhiêu hình, tướng, sắc riêng-tư phức-tạp của nó mà cuộc đời bình-phẳng thần-tiên không sao có được. Giữa đám tiên-nữ điện Quảng-hàn, Bạch-viên trở thành một hiện-tượng khác lạ đáng thương, làm cho thượng-đế toàn-năng và toàn nhân đem lòng ái-ngại phải với hỏi :

*Xưa sao thăm liễu tươi xuân mãi,
Rày bỗng phai đào ủ nguyệt nay.
Mây đoan chung riêng dấu ngõ hệt,
Chớ che chi hẹp phận thơ-ngây !*

Thượng-đế muốn riêng xét trường-hợp « chung riêng » của Bạch-viên, và đã thấy nàng trình-bày rằng tuy hạn giáng trần lưu-đày của mình đã hết, nhưng nợ trần chưa xong, hạnh-phúc đời còn dang-dờ chưa chu-toàn xong, nên khi đã về quê cũ mà lòng vẫn cứ xót-xa khiên « hoa rơi giọt », những mong cho duyên xưa lại tròn, tình được vẹn, nghĩa được đến ở dưới kia :

*Một mối thăm nồng nguyên chưa phỉ,
Hai phen nắng bẽ nghĩa nào người.
Nhớ xuân dễ khiến hoa rơi giọt,*

Chút phận cho nên nguyệt ngâm-ngùi.

Những ước lại tròn duyên chềch-mác...

Trước cảnh nợ trần dang-dờ, tình-nghĩa đời chưa được trọn- vẹn làm cho Bạch-viên mãi khắc-khoái u-hoài, Thượng-đế bỗng xót-xa vì nghĩa đời vương nặng, và ý-thức ân-tình phải thủy-chung, và lại Tôn-thị xưa kia cũng là tiên thượng-giới, bèn ban chiếu cho nàng trở lại cuộc thế để chu-toàn ý-nghĩa của mình trong khoảnh-khắc một trăm năm với chàng Tôn-thị :

*Trót mang một nghĩa cùng nguyên-ước,
Chi để đời nơi luồng khát-khao...
Lại ban sum-hạp duyên hương-lửa,
Cho đấng anh-nho sánh má-đào...*

Ngày trở lại trần-gian thực là hạnh-phúc tốt *bực. Bạch-viên từ mây tầng mây hạ cánh tiên xuống đất Quảng-xuyên, dong xe nguyệt về nhà Tôn-thị, ra mắt làm lễ cha mẹ chồng và kể lại sự-tích mình. Tôn-ông Tôn-bà cả mừng, mở tiệc vui, bà-con lân-lý kéo đến viếng thăm nô-nức, ai nấy không ngớt lời khen. Đoạn nàng từ-giã quê chồng lên đường thẳng đến Trường-an. Trên hành-trình nàng lại dừng viếng thăm cảnh Phi-lai xưa cũ, và đây là lần thứ ba nàng trở lại cảnh này, và là lần chót để lễ tạ Phật độ-tri « thiện-duyên đã trước lại còn sau », để lễ tạ công-đức thầy Huyền Trang. Phong-cách, và dung-nhan Bạch-thị bấy giờ hiện ra đẹp một cách dị-thường :

*Tóc mấy mướt-mướt hoa in tuyết,
Mây liễu cong-cong nguyệt uyển câu
Công-đức ơn già trình tạ trước,
Thủy-chung nổi thiệp ngõ bầy sau...*

Từ-giã chùa Phi-lai, Bạch-viên lại tiếp-tục hành-trình đi kinh-kỳ, đến nơi thì gặp Tôn-sinh vừa ở triều về nhà. Hai bên gặp nhau khôn xiết mừng-rỡ, nhưng vẫn không sao ngăn được dòng lệ năm tháng ưu-phiên vì cảnh chia-phôi người ở non tiên kẻ ở trần trong bấy lâu. Thê rồi cả nhà mở tiệc mừng vui sum-hạp, hạnh-phúc cùng tốt :

*Mây khúc tưng-bừng câu đối đáp,
Ngân con đua-tháo trận vui cười.
Bồng-hổ Lãng-yên xưa hằng có,
Độ ấy nhân-gian dễ mấy đời !*

Bạch-viên lại còn được nhà vua ban sắc-phong cho ngôi mạng-phụ, hai vợ chồng lấy tạ ân vua. Cảnh gia-đình thực sum-vầy vui-vẻ, công-danh phú-quí, tình vợ nghĩa chồng đều trọn vẹn, cộng với cái cảnh quốc-thái dân-an, vua sáng tối hiển, nên hình-ảnh gợi lên ở cuối truyện trong-sáng vui-vẻ tươi-đẹp như « khúc Nam-phong » nghìn năm còn mãi. Bài thơ kết-thúc là một bài ca

phóng-túg « Khúc ca núi Thạch-tuyền » bộc-lộ cái ý-vị tinh-ái của câu truyện, đượm cả khí-vị thanh-tân, như làm cho âm-ba một mỗi tình đẹp trong một khung cảnh đẹp ngân vang mãi mãi trong trăm nghìn mỗi tình văn-chương của ta thuở trước vậy.

Trong *Lâm-tuyền kỳ-ngộ* đã bừng nở những tình-cảm phóng-khoáng, những nét tự-do bạo-dạn mô-tả một đời lứa thiếu-niên hằng-hải sống cái cuộc đời đầy ánh-sáng, chứa-chan tình-cảm chân-thành. Bạch-viên và Tôn Các là hai nhân-vật được xây-dựng đặc-biệt thành-công, và tiêu-biểu nhất trong toàn-bộ truyện thơ.

Tôn Các là một chàng nho-sinh dòng-dõi trăm-anh. Cũng như Lương-sinh, Phạm Kim, Kim Trọng, Tú Uyên ở thế-kỷ XVIII-XIX, chàng thư-sinh họ Tôn cũng dễ đắm say vì tình. Nhạc thầy cung tiên, chàng đã « bồi-rời trong lòng » rồi sinh ra băng khuâng khao-khát được yêu « nào ai có biết nỗi nấy chàng ». Trong ái-tình, chàng đòi-hỏi sự tuyệt-đối hạnh-phúc, không chịu được sự nghi-ngờ đã dày-vò ám-ảnh làm cho lòng mình phân-vân đau-đớn « dù nhẫn thiết hư danh một lễ ». Khi vui tái-hợp, chàng cũng biết tạ lỗi và nói những lời mặn-nồng thiết-tha « tắc lòng ân-ái kẻ bao cùng ! ». Khi vinh-biệt, kẻ về cõi tiên người ở lại trần, chàng cũng nặng lòng tương-tư đến « mây bước vắn-vơ », « hai hàng thánh-thốt ». Ngày trở lại ngang qua bờ sông Phi-lai, thầy cảnh nhớ người, chàng đã có những lời chân-thành xuất tự đáy buồng tim, biểu-hiện một nỗi buồn xấu-xe, một tâm chí-tinh « buồn chung ai để sáu riêng ấy ! ». Trong cuộc đoàn-viên, hình-bóng chàng thư-sinh nặng lòng ân-ái ấy đã được vẽ lên một lần cuối cùng bằng những nét đậm-dà, để lại trong lòng người đọc biết bao cảm-tình nồng-nàn đắm-thắm :

*Quê-dịch phút từ loan rẽ cánh,
Hoành dương luống để nhận trông chừng!
Ngóng trông muốn dặm người đời nước,
Chong bóng năm canh nguyệt nửa vừng...*

Bạch-viên là nhân-vật chính, và là nhân-vật được xây-dựng chăm-chút ân-cần. Nàng có một bản-sắc riêng. Hình-bóng của nàng nổi lên trong tác-phẩm một cách tươi-trẻ, bằng những nét bạo-dạn nóng-nàn. Nàng tiên ấy đã thể-hiện một tâm-hồn phóng-túg, một tâm-tinh chứa-chan tình-cảm bóng-bột, cố-gắng vượt khỏi đời sống đạo-hạnh thanh-thần của nhà chùa, cố-gắng vươn ra khỏi cánh đời tiên-giới êm-ả, ngưng-dọng, thái-bình nghìn năm mãi mãi, để đi cho hết cuộc tình trần-ai, cho ven mỗi thủy-chung. Bạch-viên đã bước vào tình yêu một cách mạnh-dạn và tự-nhiên. Giữa cảnh lầu-các nguy-nga, trang-nghiêm của tăng-viện, có bóng người con gái thần-thơ « một tâm niếm đơn chứa chút khuấy ! ». Thế rồi, ngày kia nàng dứt-khoát ra đi, bản-khoản nghi đến tuổi xanh, đến tình duyên của nàng « cửa động những mong người hải thuộc ». Lễ-di-nhiên,

người con gái đa-tình ấy có những lời nói và hành-động táo-bạo, đột-ngột. Chính nàng đã đứng đón Tôn-sinh dưới trăng vắng-về, đã lên tiếng trước mời-mọc Tôn-sinh về cung-quán Thạch-tuyền diễm-tinh của nàng. Trong cảnh lầu son gác tía « hoa rơi long-lanh » « hương đưa sực nức » mà nàng đã sắp sẵn cho cuộc đời ân-ái của mình, nàng đã dạn gan tỏ tình trước, giọng nói thâm-thía nặng lòng gắn-bó « muốn bề cả dám xin ràng buộc ». Sau biên-cờ Nhân-Vân gây sóng gió trong tình-ái Thạch-tuyền, nàng vẫn sáng-suốt nhận thấy ở Tôn-sinh tình hay nguyên-vẹn mà có thủy chung, nếu trách chàng là « trách kẻ chậm kim bông khéo là ! »

Bạch-viên nguyên-thê là tiên mà hiện-thê là người phàm. Hình-bóng nàng một lần hiện ra với khung-cảnh Thạch-tuyền là cuộc đời Tôn-sinh thêm tươi đẹp, nên thơ như trong tranh vẽ. Tuy là tiên nhưng dưới trần cũng là người tình, người vợ kiều-mẫu, nên mỗi tình Thạch-tuyền đắm-thắm, trong-sạch, thi-vị để lại dư-âm dịu-dàng trong lòng người đọc. Một lần nàng biên đi, tầm lòng Tôn-sinh và đất trời núi sông đều như tối sầm lại « lâu thắm buồn trông », « non xanh thẹn thấy ». Người tiên ấy khi về Thượng-giới rồi, song lòng vẫn mong nhớ người yêu, tuy ở trong cảnh-sắc « tươi xuân mãi » mà nàng chỉ thấy buồn-bã mênh-mông tiếp-diễn trước mắt. Hình-ảnh lứa-đôi thanh-niên sum-hợp vẫn nồng-thắm, réo-rất trong tim nàng, và nàng chỉ mong một sự thực rất đẹp là phải đi cho thoát mỗi tình đầy cảm-giác lạ-lùng, sôi-nổi trần-gian dưới kia :

*Gởi phụng mơ-màng thêm tưởng nhớ,
Hương loan chung bóng những đeo phiến.*

Thượng-đê thấu hết những nỗi băn-khoăn thôn-thức của người con gái cung tiên ấy chưa chu-toàn xong kiếp sống của mình, nên rất lầy làm xót thương mà để cho nàng trở lại trần-gian. Cái lẽ « ái-tình chung-tâm » kia cũng đã được gọi lên một cách thâm-thía, thiết-tha trong lời nói nàng tâu vua buổi hội-ngộ cùng chồng, những lời thương nhớ diễm-tinh, tả nỗi buồn khách tình cung tiện nhớ bạn trần :

*Lạnh-lùng nửa gởi ba thu diển,
Chắt-chứa năm canh một mối buồn !*

Bạch-viên là nhân-vật tiêu-biểu cho hạnh-phúc gia-đình, tượng-trưng cả một mỗi tình tha-thiết, thủy-chung, nói lên lòng mơ-ước một cuộc đời tươi-đẹp. Nàng là tiền-thân của những mỗi tình nùng-diễm phóng-khoáng sau này trong văn-chương tài-tử thế-kỷ XVIII.

Sau khi đã phân-tích *Lâm-tuyền kỳ-ngộ*, người ta thấy rất rõ tác-phẩm đi sâu vào khía cạnh ca-tụng tình yêu lứa-đôi, mô-tả tình lãng-mạn tài-tử. Ở thế-kỷ XV, « cái ta » đã xuất-hiện trong thơ-văn Nguyễn Trãi, tình yêu lứa-đôi

đã được mô-tả trong truyện thơ *Hương miết hành* 香緜行 (bài ca 'chiếc giấy thơm), trong một số truyện của bộ *Thánh-tông di-thảo* 聖宗遺草 của Lê Thánh-tông, như *Người yêu-nữ châu Mai*, *Hoa-quốc kỳ-duyên*, *Tình con chuột*, và trong *Truyện Vương Tường*. Về thể-ký XVI, ta được đọc chuyện tình yêu trai gái, những khát-vọng tình yêu lứa-đôi ở những truyện tình trong *Truyện-kỳ mạn-lục* 傳奇曼錄 của Nguyễn Dữ 阮嶼, như các truyện *Nàng Tây-Tiểu*, *Cây gạo*, *Nghiep oan* của *Đào-Thị*, *Kỳ-ngộ ở trại tây* . . . Từ sau *Truyện-kỳ mạn-lục*, đề-tài tình-ái không còn bó hẹp trong phạm-vi một vài bài thơ, một vài truyện ngắn như trước nữa, mà đã trở thành nguồn cảm-hứng cho cả một tác-phẩm dài hơi, gồm 147 bài thơ Đường-luật với một bài ca-từ. Tác-giả đã mạnh-dạn đề cho nàng Bạch-viên và chàng Tôn Các yêu nhau tha-thiết nơi động Thạch-tuyền, và mô-tả Thạch-tuyền như một ảnh-tượng ái-tình lý-tưởng ở đó qui về cái môi tình gặp-gỡ trai gái yêu nhau rất nóng-đượm. Nhà thơ thường vẫn dừng lại rất lâu cho ngòi bút của mình tự-do phóng-túg những khi tả tình yêu, nói đến chuyện Bạch-viên Tôn Các gặp-gỡ, tự-tình, cũng như đã tả một cách say-sưa những lời rầu-rĩ của chồng vợ xa nhau và niềm thương nỗi nhớ đôi bên, cùng là những lời thù-thỉ buồn vui trộn lẫn của lứa đôi khi tái-hợp. Quả thực, tác-giả đã thâm-nhập vào nhân-vật, và say-sưa cùng nhân-vật, để nói lên những lời nói thiết-tha nhất của buổi tình dở-dang các thể-ký trước, và mở đầu cho nhiều truyện tình như *Hoa-tiên*, *Phan-Trần*, *Sơ-kính tân-trang*, *Truyện Kiều* . . . về thể-ký sau. Trong nền văn-học viết điển-nhã gần như khô-khan của các thể-ký XVI-XVII, ta đã tìm thấy ở *Lâm-tuyền kỳ-ngộ* một chuyện tình đẹp của tuổi trẻ trong những môi tình đẹp của con người, đã dung-hòa một cách khéo-léo thỏa-đáng với những khuôn-khó lễ-giáo, và xuất-hiện trong vườn văn cũ như một đóa hoa trang-trọng thanh-tân.

(còn tiếp)



viếng đèn thờ và mộ-phần họ Trương-minh ở Gò-vấp

Công việc đầu tiên khi bước xuống xe buýt Gò-Vấp là đi kiếm một nhiếp-ảnh-viên, theo lời dặn của Bao-La Cu-Si. Khốn nỗi, không anh nào có máy ảnh đi ngoài, tới người thứ ba mới có. Chúng tôi cùng ra xe xích-lô đạp đi lại đền thờ họ Trương. Khỏi chợ Gò-Vấp, rẽ tay trái, vô Ấp Chiến-lược « Duy-Linh Một », đi một đoạn đường, rẽ tay mặt lối một trăm rưỡi thước là đến vòng rào điện thờ họ Trương. Ở ngõ, hai cây sao cao vút, tàn che mát đất, và năm cây đầu hướng nắng mai đang rì-rào trên trâm năm có dư.

Trước khi vào đền, tôi phóng tầm mắt ra thấy miếng đất thật rộng, nhiều ngôi mồ-mộ nằm trên ấy. Bên tay mặt miếng đất là đền, không cao, trên lợp ngói móc, không trày ngói âm-dương như lăng đức Giám Mục Bá-Đa-Lộc, nền và vách hồng lồi nửa thân người đều xây bằng đá ong. Tôi vào nói chuyện xã-giao với viên thủ-điện và mục-dịch viếng thăm của tôi. Viên Thủ-điện cùng tôi ra khỏi đền và hướng về các mồ. Người trò mã cụ Giảng cho tôi vì chỗ ấy có tất cả sáu mã 6. được. Bắt từ vòng rào đếm vô, mã cụ Giảng ở nhằm ngôi thứ nhì, núp xây kiểu « mã phục » (ngựa nằm), trên hai trụ có hai con lân, một tấm bình-phong án-ngữ trước mặt, qui-mô nhỏ hơn lăng Tá-Quân Lê-Văn-Duyệt. Thời-gian đã gậm hết các chữ nơi mộ-bi.

Tôi trầm lặng. Một ý nghi thoáng qua trong óc tôi: Hồi sống người nằm đây làm chức Kinh-Lược-Sứ Nam-Kỳ và Trấn-Tây-Thành tướng-quân, dân Nam kính nường, Miên-tộc khúm núp, một người có ý-thức danh-dự bén nhọn, một tinh-thần tự tu đến cực độ. Người đã can-dảm uống cạn chén độc-được vì không sao sống sót được một khi danh-dự mất.

Cuối ý-nghi ấy, tôi trở lại thực-tại và chỉ ngôi mã nằm khít vòng rào có núp « lưng con qui » và bốn con lân sứt mẻ chồm lên lưng qui mà hỏi. Viên thủ-tự đáp là cũng trong vòng bà con, vì xưa quá không rõ cụ nào nằm dưới mã ấy.

Kể mà Cự Giác là ba ngôi khác cũng có núm « lưng con qui » mà một cái đã sụp núm, bề toang vôi ra, vòng rào lỗ để lòi gạch xưa, viên lớn, màu đỏ đậm như đồng vỏ cua. Thụt vô trong một ít, có hai mã song-hồn, núm « nắp trap » trước đó có xây một cái bệ dài để đỡ tế lễ và cúng-vật. Tôi hỏi, viên từ đáy lòi là mộ viễn-tổ họ Trương. Phải chăng mã cụ Trương-Minh-Thành và phu-nhân? Tuy từ ngoài vòng rào ngõ lớn vô đến các mã ô-đước là một khoảng đất thật rộng, nhưng năm bảy mộ của con cháu rụt-rè nằm xa xa, có lẽ kính nể các mã ông bà. Do một ngã hẹp chúng tôi tiến bước đến mộ Trương-Minh-Ký. Ở đây kiểu đã tân tiến rồi. Nhà mồ theo làm kiểu Tây-phương, không vách (monoptère), trong có hai ngôi mộ, trên núm là hai tấm cèm thạch trắng, khắc chữ sâu, sơn vàng, như thế này:

Ci-gít Thê Tài Trương-Minh-Ký

Hàn-lâm học-sĩ, Tây-chức thống sự

Officier d'Académie, Interprète au titre européen du Gouvernement de la Cochinchine. Né le 23 Octobre 1855. Décédé le 11 Août 1900.

Bên phải là:

Ci-gít Madame Trương-Minh-Ký née Nguyễn-Thị-Nhờ (nhất-phẩm phu-nhân)

Née le 13 juillet 1856. Décédée le 29 Août 1928.

Mã song-thân của Trương-Minh-Ký khiêm nhường nằm bên trên một chút về tay trái. Một « nhà mồ tập thể », vì ba cái liên-giải và khít nhau xem như một, được kim-thời-hóa của con cháu Trương-Minh-Ký cất thẳng hàng với nhà mồ của cụ. Trong đấy người khách đọc, dưới bức chân-dung của nam-nhân mặc quốc-phục:

Trương-Minh-Ký, Bá

29-11-1877

27-11-1945

Một mã khác cũng có chân-dung của nữ-nhân đeo kính trắng:

Bà Trương-Minh-Ký, Bá

nhũ-danh Ngô Thị-Đình : 16-1-1885 - 19-9-1958

Một mã thứ ba cũng có chân-dung:

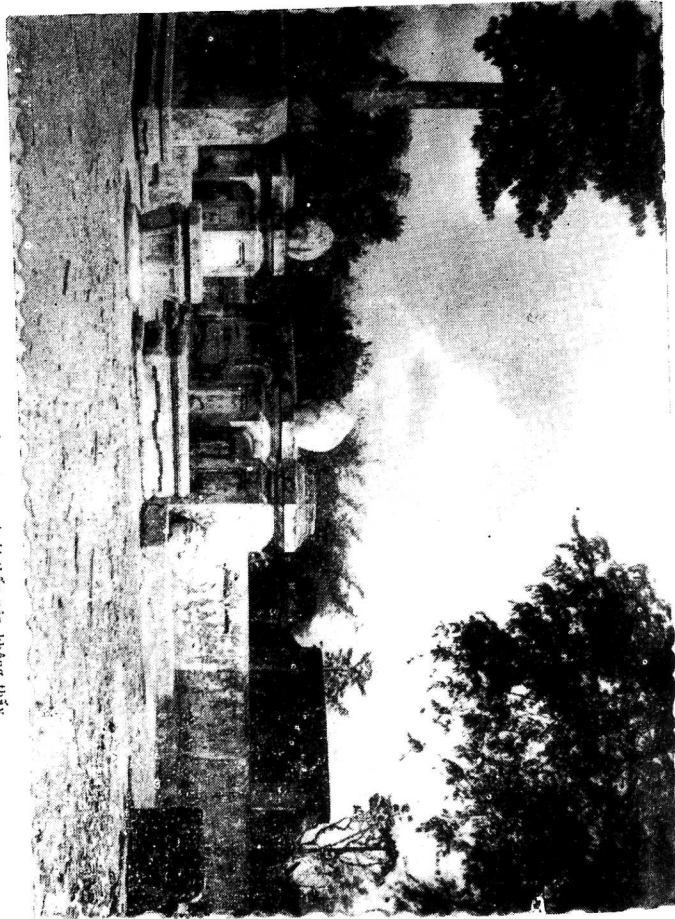
Trương-Minh-Ký, Đắc

8-4-1905

11-3-1946



Mũ của cụ Trương-Minh-Giảng, nằm theo kiểu «nguyên nhơn» ở hình-diệu thờ nhất.
Mã cụ (trong vòng họ Trương) ở hình-diệu thờ nhì có năm thềm.
«Lưng con qui». Trong chốt xa là mã tổ họ Trương.



Mả ở họ Trương xây song-hồi, vì hợp dưới nắp uen không thấy hai nưn mà « nắp tiếp » và cái bệ dài.

Chỗ ấy còn rất nhiều mà theo kiểu này, hoặc đá đỏ, hoặc mộ đất. Rời chốn ấy, chúng tôi trở lại đến cửa độc nhất dẽ vào. Điện đo 25 thước bề dài, và 13 thước bề ngang, chia làm năm gian với 42 cây cột gỗ mặt (chánh-diện). Viên thủ-diện vui-vẻ mời chúng tôi lên chánh-diện. Tôi bước lên với vẻ kính cần. Trên này, tối sáng tranh hùng nhau, tuy là hơn mười giờ mai. Một cỗ lễ bộ mười sáu môn binh-khi toàn bằng gỗ sơn, cắm trên hai giá đứng song-song trước, kể một bàn án, tới hai con hạc đập lưng hai con qui, đứng chầu giao mỏ nhau. Một bàn thờ chưa hân hạnh lắm quen với cái phất-trần, một cái giá cắm nhiều đôi đĩa, bên tay tả bàn thờ là con bịch-mã bằng gỗ. Một bệ hai tầng, dựa vào tường, hai tấm vách ngăn nhau, thẳng góc với bệ, phân bệ ra làm ba ngăn. Bên ngăn mặt hai mươi sáu bài vị, ở giữa hai mươi ba, và cũng hai mươi ba bên trái, đều là bài-vị của các cụ ông hết. Tôi xây mình lại thấy, một trống sấm gác trên giá, một trống chiêng, một chuông, hợp thành bộ ban mé bên trái một cái mõ nhỏ. Một bộ ngựa dài, mới, dẽ bên gian trái, hợp thành động-sản đầy đủ của chánh-diện. Tôi hỏi :

- Viện Khảo.Cổ có sắp các mả mồ cùng điện thờ của cụ Giảng vào cỡ tích có liệt-hạng chăng, hở ông ?

- Tôi không rõ chuyện đó, song lâu lâu có các khách lạ vào đây.

Tôi bước xuống hậu-diện. Ở đây theo vách cũng có bệ hai tầng, cũng chia ra làm ba ngăn. Ở giữa ba mươi bài-vị, bên mặt hai mươi sáu, ba mươi bốn bên trái. Đây là thờ các bà. Phần nhiều các bài-vị đều có nắp dầy, ở trên chánh-diện cũng như ở dưới hậu-diện. Theo lời thuật lại của viên thủ đền thì hồi trước có mũ-miền, áo chầu, cồng, hia, song rồi Pháp (trước 1945) đều mượn hết và không bao giờ hoàn lại, và họ Trương chia ra làm bốn chi : chi Bá, chi Trọng, chi Thúc, chi Quý. Cụ Trương-Minh-Giảng về chi Thúc, Trương-Minh-Ký về chi Bá.

Tôi biết cụ Giảng lánh trần vào tháng chín năm Tân-sửu 1841¹ song chưa biết ngày nào. Viên thủ-diện đáp là 18 và 19 tháng chín âm-lịch mỗi năm là hai

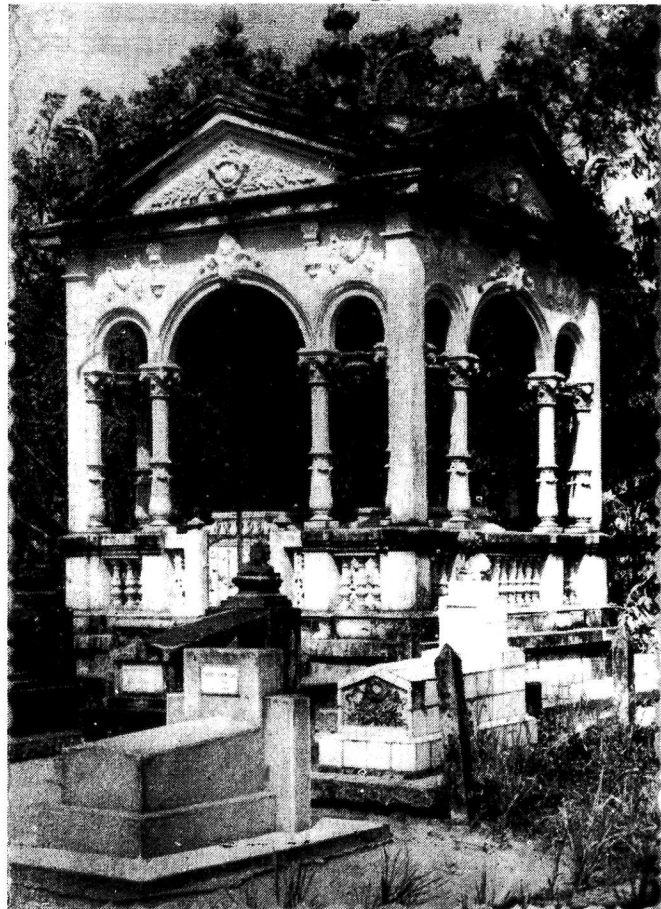
¹ Theo sách *Les Institutions annamites en Basse-Cochinchine avant la conquête française*, Schreiner, quyển III, tr. 186 dưới một phần-tổng Cũng trong quyển kê trên : cụ sinh ra nhằm tháng 7 năm nhâm-tí (1792).

ngày giỗ cụ, còn mong mười tháng giêng âm-lịch là đám cúng mã tổ, 22 tháng sáu âm-lịch cúng kỵ to, vì ngày ấy con cháu các chi đều về đầy đủ. Ông tiếp là gốc họ Trương-Minh ở Thừa-Thiên, ở ngoài ấy còn mộ các cụ lớn. Hỏi về bà Trương-Minh-Giăng, viên giữ đền không rõ được.

Tôi cáo từ viên thủ-điện và trực chỉ Viện Bảo-Tàng Quốc-Gia, tìm Bao-La-Cư-Si, đề hỏi về tiểu-sử của Cụ Trương-Minh-Giăng.

Bao-La-Cư-Si niềm-nở tiếp tôi và đã trao cho tôi một bản tiểu-sử đầy đủ, phiên dịch từ *Đại-Nam Chính Biên Liệt Truyện*, nói về thân-thể và sự-nghiệp vẻ-vang của Cụ Trương-Minh-Giăng.

(còn tiếp)



Nhà mồ Trương-Minh-Ký theo kiểu Tây-phương.
Ở bình-diện thứ nhất và thứ nhì mã tổ-tân của con cháu.

Đền thờ họ Trương trong cảnh u-nhĩ, nước lợp ngút mướt.
Nhìn kỹ, thấy nền và nửa vách hồng xây đá ong.



THI - CA

HỒN THƠ

Muôn việc xem nhường một giấc mơ,
Nghìn thu linh-hoạt chỉ hồn thơ.
Tinh-thần phảng-phất khôn mô tả,
Châu ngọc phôi-trương những đợi chờ.
Hiện khắp nước non từ mấy kiếp,
Ẩn trong giếng gió đến bây giờ.
Cợi kêu tình-tứ bao thi-sĩ,
Tìm điệu thanh-tao nghĩ vẩn-vơ.

ĐÔNG-VIÊN

[Tập XII, Quyển 7 (Tháng 7, 1963)]

KỶ-NIỆM CHÍN NĂM CÁCH-MỆNH QUỐC-GIA

(Song-thất 7-7-63)

Chín năm cách-mệnh xiết bao công,
 Cứu nước yên dân, dốc một lòng.
 Nỗ-lực phá tan Phong Thực Cộng,
 Quyết-tâm thống nhất Bắc Nam Trung.
 Quốc-gia bình trí, kinh-luân sẵn,
 Nhân-vị cao đề, hạnh-phúc chung.
 Song-Thất, hàng năm vui kỷ-niệm,
 Khả-ca vang dội nước non Hồng.

MAI-ĐÌNH (Đà-Lạt)

CẢM-TÁC

Ngồi một mình, ta nghĩ một mình,
 Việc đời không nhẽ lại mẫn-thình.
 Muốn cho trăm họ đều yên tĩnh,
 Mong cả năm châu được thái-bình.
 Ngấn nổi hoa sương pha tóc bạc,
 Khôn đem mảnh đá vá trời xanh.
 Trong khi ngọc-ngân đương chờ đợi,
 Giá mượn câu thơ ngụ tính tình.

Việt-Nhân
VŨ-HUY-CHIỀU

VỊNH CẢNH ĐÀ-LẠT

Người tục nhưng mà cảnh lại tiên,
 Thừa-trừ tạo-vật, lẽ đương-nhiên.
 Hoang-vu thuở nọ, trời riêng biệt,
 Khai-phá ngày nay, đất nối liền.
 Chín chín đầu non, chim vượn hót ¹,
 Mười hai khu phố, ngựa xe chen. ²
 Ai lên Đà-lạt, cho ta nhắn:
 «Than-thở» hồ sao khéo cợt duyên? ³

AN-ĐÌNH (Huế)

- 1 Cửu-thập cửu phòng (cảnh núi Đà-lạt).
 2 Đà-lạt hiện có 12 khu phố.
 3 Ở Đà-lạt có cái hồ gọi là «Hồ Than-thở».

PHONG VŨ GIAO THẦN

Thời-khắc ngưng trên đỉnh tuyết vời
 Tâm-tình vạn kỷ đã về ngôi
 Hào-quang rực-rỡ lòa chân sóng
 Thanh-khí lằng-lằng sạch bụi đời
 Ba cõi mây chìm, sao lẻ rụng
 Hai hàng mi khép, lệ em rơi
 Đài-hương hoa kết vòng vương-miền
 Mầu tím thiêng-liêng phủ đất trời

BÀI CA MÀU TÍM

«Độc tọa hoàng-hôn thủy thị bạn
 «Tử-vi hoa đối Tử-vi lang
 BẠCH-CU-DI

Người yêu màu nhưng «hoa-băng-khuâng» ¹
 Ta say màu tơ, thơ lằng lằng
 Thanh-trúc tay run cười bút lạc
 Tử-đài ngôi dựng đón sao băng
 Diu-hiu tình thoảng mây chiều gọi
 Lưu-luyến lòng vương áo mỏng dâng
 Mầu nhớ, mầu thương, mơ cõi-Tím
 Mầu hồ êm, đêm đêm mơ trắng

(Trao màu hoa, chiều mưa bên sông)
 Mạnh-ha Quý-Mào
 BÙI THẠCH-ÀN

1 Hoa Pensée

VIẾNG BẠN LÀNG THƠ

(Cụ Hải-Thạch Nguyễn-Quang-Đôn)¹

Trông vời Hải-Thạch, hạc mây xa,
 Đón Khuất-linh-công vội thế a!
 Bề-hoạn: thận, thanh, cần có một,
 Nguồn thơ: tài, học, thức gồm ba.
 Ngoài đời, bác chợt ra người cõ,
 Trong hội, ai không tiếc bạn già.
 Sống thác đã hay trời định số,
 Tim đau cho thấy khách hào hoa.

Việt-Nhân
 VŨ-HUY-CHIỀU

Chợt nghe hung-tín, dạ toi-bời,
 Hải-thạch tao-ông cưỡi hạc rồi!
 Đá núi rập đem mau lấp biển,
 Người tiên đã rước sớm lên trời.
 Thi-văn ắp-ủ tình non nước,
 Phàm-hạnh xum vầy bạn tiếng hơi.
 Sài-quận làng thơ sấu, tiếc, nhớ,
 Tuổi già khôn cần hạt sương rơi.

Tặng-chi
 TRẦN-VĂN-THƯỢC

Nhẹ bước vân-du tránh bụi hồng,
 Làng thơ nuốt hận nhớ Tao-ông.
 Bụi-ngùi trông hạc vào cung quế,
 Ngơ-ngẩn mơ người lấp bề đồng.
 Tiếc mãi thi-hào nơi hội Lạc,
 Ăn đâu cao-sĩ chốn non Bồng?
 «Tiếng Lòng» còn vọng bao rung cảm:
 Như «hú», như «gào», chuyện núi sông...²

HOÀI-QUANG

1 Cụ Cử-Nhân Nguyễn-Hải-Thạch là một bậc túc-nho Bắc-Hà, một thi-gia lão-thành và uyên-bác, vừa qui-àn ngày 4 tháng 5 năm Quý-mão (tức 24-6-63) tại Sài-gòn, hưởng-thọ 75 tuổi.

2. Rút ý trong bài thơ «Tiếng Lòng» của Cụ Hải-Thạch mới làm hồi tháng 4 năm 1963:
 Phách dậm tân-trào, gào bề biển,
 Hồn mê cố-quốc, hú non xanh.

NGẦU-CẢM

Một rừng được mấy cây ngay,
 Một đời được mấy người hay hơi mình!
 Cùng nhau đã nguyện tử sinh,
 Dầu âm-dương cách, nhưng tình chẳng xa!

Biết nhau từ thuở cõm vừng,
 Chẳng thương thì chớ, xin đừng phụ nhau.
 Biết nhau từ thuở cõm rau,
 Chẳng thương thì chớ, phụ nhau xin đừng..

Không chơi, sao biết lòng người,
 Không làm, sao biết việc đời dở hay.
 Những người tài-đức xưa nay,
 Càng từng trải lắm thì tay càng già.

Vì cam cho quít dẻo-bông,
 Vì chanh chua-chất cho lòng ớt cay.
 Ở sao chung thủy cho đầy,
 Chớ như mây bạc hôm chày lại tan.

ĐÔNG-MINH

ĐƯỜNG KHUYA

Cỏ mòn dẫn lối, dặm đường đêm,
 Đồi núi quanh co vững một niềm.
 Mỏ giục thôn-trang, canh rút ngắn,
 Trắng lông cõ-thụ, bóng dài thêm.
 Ngâm-nga xóm cũ chuông chùa gỏi,
 Ngơ-ngác hươu non sữa mẹ thêm.
 Chân bước canh khuya lòng vẫn tỉnh,
 Nhà ai vọng lại tiếng ru em.

BAN-QUẾ (Đà-lạt)

THUẬT-HOÀI

Thọ lộc trời ban khỏi chuốc sầu,
 Việc đời gánh đỡ nương dân sau.
 Cười trông bóng thỏ nương cung quế,
 Vui rút ruột tâm trả nợ dàu.
 Ngắm nước trời mây quên thế-tục,
 Vun mai lan cúc nhớ vân-lâu.
 Trước song, sớm tối thanh-hương tỏa,
 Say tình cùng ai đến bạc đầu.

SON-MAI

KHÓC BẠN DIÊN-HƯƠNG

(Bác-sĩ Trần-Ngọc-Án)¹

Diên-Hương ôi! Hỡi Diên-Hương!
 Có thấu cho chăng nỗi đoạn-trường!
 Tuần trước buồn vui chung một hội,
 Ngày nay u hiền biệt muôn phương.
 Giọt sầu đêm lụn mơ hình-dáng,
 Ngấn lệ canh chầy nặng tiếc thương.
 Án ngọc từ đây đành vắng bóng,
 Biết sao khuấy-khỏa mối tình «Thường»!...

THƯỜNG-TIÊN

Ai rũ bụi hồng chẳng thiết vương,
 Nghe tin bao xiết ngậm-ngùi thương.
 Vì buồn gió bụi đời nguyên-tử,
 Hay ngán mây rêu chốn kịch-trường?
 Nên lánh trần hoàn, quên tục-lụy,
 Vội tìm tiên-hữu, tới vân-hương.
 Nhớ chẳng bạn cũ còn say đắm...
 Cứ giúp cho nhau khỏi lạc đường...

TRỌNG-ĐỨC

¹ Bác-sĩ Trần-Ngọc-Án, bút-hiệu Diên-Hương, là một thi-gia nổi tiếng trong thi-xã
 Diêu-Tri (Sài-gòn), mất tại Sài-gòn ngày 17 tháng 4 năm Quý-mão (10-5-63), hưởng-thọ
 76 tuổi.

CÁI ĐIỀU

Sương có gì hơn kiếp cái điều?
 Gió lên, vùn-vụt nó lên theo...!
 Vo-ve sáo trúc, trời nghe tiếng,
 Lông-thông giẫy tơi, trê giật lèo.
 Cánh giấy mà bay tài thế nhĩ?
 Ngày hè chẳng biết nóng ra sao!
 Điều ơi! Ta hỏi chơi điều nhé:
 Thăm thăm trời xanh mấy trượng cao?

ĐÔNG-XUYỀN

SEN NHẬT-BẢN

Này giống này đây tự bề đông,
 Hồ ao đầy rẫy vẫn bành-bồng.
 Như bè muống kết, xanh xanh lá,
 Tựa nắm rùng trời, tím tím bông.
 Xòe cánh nổi chìm theo mặt nước,
 Ngăn thuyền xuôi ngược chặn đường thông.
 Gớm loài sen đó, hay bèo đó!
 Coi rõ ai ưa? chẳng thiết giồng!..

PHƯƠNG-LÝ

VỊNH QUẢ DỪA

Đêm ngày vì nước nặng lòng em,
 Khao-khát¹ nào ai nhớ lại thêm...
 Nỗi tiếng ngọt bùi, ai mển chuộng,
 Giúp cho mát ruột đỡ tòm-tem.

ĐỒNG-THANH

¹ Tục-ngữ có câu: «Khát nước tìm dừa».

CẨM-HOÀI

Lắm lúc vui quên cuộc chiến-tranh,
 Câu thơ ngâm vịnh cảnh thanh-bình.
 Chợt nghe tiếng súng xa vang nổ,
 Tỉnh giấc mơ tiên lại giết mình.

PHẠM-HUY-TOẠI

HOÀI-NIỆM NGƯỜI ĐI¹

Người đi để lại tấm hình đây,
 Chén rượu câu thơ nhớ chốn này.
 Cửa Phật chị còn nương tóc bạc,
 Cõi trần anh vội lánh xe mây.
 Dân Diêu xuân đến buồn thơ mộng,
 Rừng Hạnh thu về úa cỏ cây.
 Sự-nghiệp công-danh đời đã trọn,
 Hiền-nhân muôn thuở khói hương bay.

HỒNG-THIỆN

VỊNH BÀ ĐẶNG-THỊ-DUYÊN²

Sương rơi lạnh-lạnh..., lạnh hơi sương,
 Một mối tơ vương nửa bước đường.
 Mái tóc đoan-thê không cải-giá,
 Mạnh lòng đính-ước nguyện trau gương.
 Kính già nuôi trẻ tròn duyên ý,
 Thủ tiết thờ chồng đẹp phần hương.
 Lăn-lừa xuân qua tàn-tạ về,
 Chút tình trong trắng thấu quân-vương.

BẠCH-LĂNG

1 Tức Bác-sĩ Diên-Hương Trần-ngọc-Án.

2 Tiểu-truyện Bà Đặng-thị-Duyên: Xem Việt-Nam Nhân-đạt-chí-vương-biên (tr. 44), do
 Ô. Hồ-Đắc-Hàm và Thái-văn-Kiểm biên-soạn và do Nha Văn-Hóa xuất-bản.

THÀNH-PHỐ SÀI-GÒN

Du-lich dừng chân đứng lại đây,
 Sài-gòn tấp-nập chẳng đâu tây.
 Bến Thành xe ngựa sau đờn trước,
 Chợ Lớn lâu đài chệt lẫn tây.
 Xâm bói còn linh đền cụ Thượng,¹
 Cỏ rêu đã loạn mộ cha Thầy²
 Viễn-Đông hòn ngọc ngày thêm sáng,
 Diêm chuyết tân-dô rạng mặt mày.

QUỖY-ƯU

VIẾNG ĐẬP ĐỒNG-CAM CẨM-ĐỀ

(Độc-vận: Non)

Viếng đập Đồng-Cam ngắm nước non,
 Xanh xanh một sắc nước cùng non.
 Non thề chung thủy ôm lòng nước,
 Nước nặng ân tình sát cánh non.
 Non giữ mạch nguồn che-chở nước,
 Nước nhuần hoa cỏ diêm-trang non.
 Đúc chung một khối tình non nước,
 Khó nổi chia-lìa khối nước non.

Hồng-Khanh HUYNH-KHINH
 (Sông-Cầu)

TRẬN MƯA RÀO

Nắng mai như thiêu, uất trẻ già,
 Áo ào bông đỏ trận mưa sa.
 Trời vang tiếng sấm, tuôn châu ngọc,
 Người hả lòng song, ngắm cỏ hoa.
 Sẵn nước tung-tăng đàn cá lội,
 Mượt lông riu-rít tiếng chim ca.
 Sơn-hà đổi mới, ai tươi-tỉnh,
 Nghe ếch kêu vang, chúc chén khà..

THANH-TÙNG

1 Đức Tá-Quân Lê-Văn-Duyệt.

2 Đức Cha Cả tức Ba-Đa-Lộc (Evêque d'Adran)

HỒ SEN

(Tại Thảo Cầm-Viên Sài-gòn)

*Nước hồ phẳng lặng, khóm sen xanh,
 Hồ đã xinh thay, sen cũng xinh!
 Hồ tựa pha-lê, trong suốt đáy;
 Sen đầy châu ngọc, dát bên mình!
 Hồ phơi mưa nắng thêm màu lịch;
 Sen dãi bùn lầy chẳng nhiễm tanh!
 Hồ mãi trơ trơ cùng tuế nguyệt,
 Sen bao bông thắm, bấy nhiều tình!*

ĐẠM-NGUYỄN

HOA RƠI

*Phủ-phàng chi bấy, gió mưa ơi!
 Cho đóa đào tiên bỗng chốc rơi!
 Chín chục thiều-quang chưa được nữa,
 Một trang tuyệt-sắc thật không hai.
 Còn mong vẻ đẹp màu tươi mãi,
 Thì đã hương tan ngọc nát rồi!
 Ân-hận nhạc vàng ta chẳng có,
 Nhang lòng thương tiếc lại hơn ai.*

TRƯƠNG-ANH-MẪN (Hương-Cảng)

¹ Sách *Khai Thiên Di Sự* chép: "Ninh-Vương cứ mùa xuân đến thì tết dây chuỗi bằng tơ đỏ, treo dây nhạc vàng, buộc lên giàn hoa, để khi có chim đến, người canh vườn giật dây cho nhạc kêu, chim sợ".

XUÂN CHIẾN-ĐẤU!

*Xuân là Xuân của trời Xuân đất nước,
 Xuân Cộng-hòa trong suốt ý thanh cao.
 Xuân Đống-Đa ghi đậm nét anh hào,
 Xuân Bến-Hải bận lòng Xuân thế-kỷ.*

*Mùa Xuân đây! Một mùa Xuân chiến-sĩ,
 Phút linh-thiên gợi hết ý Xuân tình.
 Hương ngai-ngần trong nét bút siêu-linh,
 Bừng thanh sắc theo hoa lòng chớm nở.*

*Bạn ơi Bạn! Máu tràn lên bờ-ngõ,
 Tuổi hoa-niên, ai thẹn chí tang-bồng?
 Dem hận-trường tô lại vết non sông,
 Vì chủng-tộc rạng ngời Xuân quyết-chiến!*

*Đường oanh liệt mãi say thời quốc-biến,
 Giống Lạc-Hồng không ngại bước gian-nguy.
 Bao Xuân qua trong nếp sống biển-thùy,
 Xây hạnh-phúc theo hồn trai thế-hệ.*

*Cởi lại đến trần gieo bao gánh lệ,
 Hại dân lành trông thảm-cảnh đau thương!
 Mùa Xuân đây! Ta quyết chí băng đường,
 Hoàn nợ máu trong niềm Xuân Chiến-Đấu.*

VŨ-HUYỀN-DU (Huế)



**NHỮNG TÁC-PHẨM DO SỞ TU-THƯ
DỊCH-THUẬT VÀ ÁN-LOẠT XUẤT-BẢN**

*

Cây cỏ miền Nam Việt-Nam. G. S. Phạm-Hoàng-Hộ	150\$
Lịch-sử Triết-học đông phương, Tập IV. G. S. Nguyễn-Đông-Thục	120\$
Lão-tử Đạo-đức-kinh. G. S. Nghiêm Toàn phiên-giải	70\$
Lê-Triều Lịch-khoa Tiên-sĩ đề danh bí ký. Võ-Oanh	85\$
Quyển I	75\$
Quyển II	70\$
Quyển III	
Công-dư Tiếp-ký. Nguyễn-Đình-Diệm	50\$
Quyển I	40\$
Quyển II	50\$
Quyển III	80\$
Quốc-triều đăng-khoa lục. Lê-Mạnh-Liêu	75\$
Tang-thương ngũ lục. Đàm-Nguyên	32\$
Tiếng cười (Le rire của Bergson). Phạm-Xuân-Độ	75\$
Đạo-đức-học (Ethique de Nicomade của Aristote). Đức-Hình	32\$
Xã-Uớc (Du Contrat social của J. J. Rousseau). Nguyễn-Hữu-Khang	30\$
Vạn-pháp tinh lý (L'Esprit des lois của Montesquieu). Trịnh-Xuân-Ngan	
Khảo về linh-hồn theo thể luân-lý (Phédon ou de l'Âme: genre moral của Platon). Trịnh-Xuân-Ngan	60\$
Kháng-biện-luận về tu-từ pháp (Gorgias của Platon). Trịnh-Xuân-Ngan	48\$
Cung-oán ngâm khúc (dịch ra Pháp-văn). Huỳnh-Khắc-Dụng	28\$
Chính-phụ-ngâm (dịch ra Pháp-văn). Huỳnh-Khắc-Dụng	40\$
Thượng-chỉ Văn-tập (toàn bộ 5 quyển của Phạm Quỳnh)	
Từ quyển I đến quyển IV mỗi quyển giá	35\$
Quyển V giá	25\$
Anh-Ngữ Đệ Thập (High School English Series, Book One). G. S. Nguyễn-Đình-Hòa	40\$
Speak Vietnamese, Book One (Revised Edition, 1963) G. S. Nguyễn-Đình-Hòa	100\$

Những sách này có bán tại tất cả các hiệu sách ở Thủ-đô, các tỉnh và tại Sở Tu-Thư, Dịch-Thuật và Án-Loạt, số 89 đường Lê-văn-Duyệt, Sài-gòn.

ĐOÀN-VĂN-AN

Giảng-sư

Đại-học Văn-khoa Sài-gòn

chính-sách “phủ quốc cường binh” của thời Minh-Trị duy-tân

Minh-Trị duy-tân (1868-1912) là thời quốc-gia Nhật-Bản được cải-cách toàn-diện. Trước khi Vua Minh-Trị lên chấp-chánh, Nhật-Bản luôn luôn ở trong tình-trạng nội-chiến phân-ly. Các vị Tướng-quân, các hàng Võ-sĩ thường vì quyền-lợi cá-nhân và giòng-họ, họ thường chông-đôi sát-phạt nhau để tranh nhau quyền cai-trị; mỗi người (hay mỗi giòng-họ Võ-sĩ) xưng hùng chiếm cứ một nơi, làm cho quốc-gia phải chia ra nhiều mảnh, nhân-dân đó thán cơ-cực vô cùng.

Trước tình-trạng phân-ly ấy của các giòng-họ Tướng-quân Võ-sĩ, Vua Minh-Trị đứng ra lập chính-phủ duy-tân, chủ-trương thông-nhất giang-son, thấu-phục quyền nhiếp-chính về cho Hoàng-tộc. Để đương-đầu với các cuộc nội-chiến phân-tranh, để phòng-ngừa nạn ngoại-xâm ở ngoài tràn vào và để nâng-cao đời sống dân-chúng; hay nói một cách khác để, làm cho nước giàu dân mạnh, Vua Minh-Trị đề-xướng ra chính-sách “Phủ-quốc cường-binh”. Từ đó, tất cả cơ-cấu quốc-gia, tổ-chức xã-hội và hoạt-động của chính-phủ đều hướng về mục-đích này.

Chính-sách “Phủ-quốc cường-binh” của thời Minh-Trị duy-tân được ứng-dụng như thế nào? Trong bài này chúng ta sẽ dựa vào tài-liệu của lịch sử Nhật-Bản, lần lượt tìm hiểu đến câu trả lời ấy. Trước hết, chúng ta hãy nghiên cứu đến phương-pháp kiểm-tra dân-số hộ-tịch ở thời ấy.

I. Phương-pháp kiểm-tra hộ-tịch quốc-gia

1. Sáp-nhập nhiều phủ huyện nhỏ thành một phủ huyện lớn. Trước khi chính-phủ duy-tân của Minh-Trị Thiên-Hoàng thành-lập, trong xứ Nhật-

[Tập XII, Quyển 7 (Tháng 7, 1963.)

mặt pháp-lý, người hộ-chủ chịu trách-nhiệm tất cả hành-vi của những người trong gia-đình. Điều này cũng giống như ở Việt-Nam và Trung-Hoa.³

Nói một cách khác, hệ-thống hành-chánh, cũng như việc kiểm-tra hộ-tịch của Nhật-Bản ở thời Minh-Trị duy-tân là theo với hệ-thống dọc, trên từ Chính-phủ, các cấp Phủ-huyện, dưới đến các cấp Khu-trưởng, Hộ-trưởng, Hộ-chủ v.v... Người Hộ-chủ là đại-diện cho gia-đình, và gia-đình là đơn-vị của quốc-gia xã-hội, do đó sự điều-tra dân-số, kiểm-soát hộ-tịch được tiến-hành rất dễ dàng, tuy không kém phần chặt-chẽ.

Ở thời Minh-Trị duy-tân, sỡ-di người ta kiểm-soát dân-số và hộ-tịch một cách chặt-chẽ như thế là để phòng-ngừa những sự trốn-tránh về việc «trung-binh» (cũng giống như chế-độ «đông-viên» ở Việt-Nam ta bây giờ) Ở thời ấy, các bản hộ-tịch ở các địa phương lần-lượt được chuyển-đề lên thượng-cấp để kiểm-soát lại. Vào khoảng năm Minh-Trị thứ 19 (1886), ở các Tòa Phủ để kiểm-soát lại. Vào khoảng năm Minh-Trị thứ 19 (1886), ở các Tòa Phủ để kiểm-soát lại. Vào khoảng năm Minh-Trị thứ 19 (1886), ở các Tòa Phủ để kiểm-soát lại. Sau khi ở các cấp Phủ-huyện kiểm-tra xong, lại được đệ-trình lên Chính-phủ trung-ương. Chính-phủ dựa vào đó, lập thành một bản hộ-tịch chung, gọi là «Quốc-gia công-bạc».

Nhờ cách-thức làm việc như thế, nên việc điều-tra dân-số và kiểm-soát hộ-tịch được làm việc rất chặt-chẽ duy-nhất, và cũng chính nhờ thế, nên khi đã có lệnh «trung-binh» thì không có một người dân nào có thể trốn-tránh được.

II. Ban hành sắc-lệnh trưng-binh

1. *Chủ-tương trưng-binh.* Công-việc của các vị Hộ-trưởng ở các Tiểu-khu là kê-khai các bản hộ-tịch, và kiểm-soát những việc di-chuyển cư-trú của toàn-thể dân-chúng trong vùng; đồng-thời cũng có nhiệm-vụ đốc-suất dân-chúng đi tòng-quân mỗi khi chính-phủ có lệnh trưng-binh. Hễ lệnh trưng-binh ban-hành là bắt-buộc tất cả đều phải tuân-hành theo, mọi người dân vào hạng tuổi trưng-binh thì có nghĩa-vụ phải tòng-quân, không trừ cho một ai, dù là quý-tộc, sĩ-phu, võ-gia hay thứ-dân.

3 Riêng về chế-độ gia-đình ở Việt-Nam, chúng ta hãy đọc đoạn văn sau: « Gia-đình là cơ-sở của xã-hội, cho nên nhiệm-vụ của gia-đình đối với xã-hội rất nặng-nề. Trước pháp-luật, người gia-trưởng phải chịu trách-nhiệm về hết thảy hành-vi của người trong nhà. Người đàn-anh cũng phải giám-đốc em-út. Con em mà làm điều phi-pháp thì phụ-huynh vì không cấm-chế được cũng bị hành-phạt. Nếu người gia-trưởng phạm tội thì con-cái bị bắt làm nô-tỳ. Một người phạm-tội phân nước phân Vua thì cả gia-tộc bị liên-đối trách-nhiệm, tức là hình tộc-trụ. Có khi trách-nhiệm khiến liên-lụy đến họ ngoại và họ vợ nữa, khi ấy là hình tru-di tam-tộc». Trích trong quyển *Trao đổi văn-hóa Việt-Nam - Nhật-Bản* của tác-giả, trang 46 và 47.

Ở thời Minh-Trị duy-tân, người ta thấy có 2 loại quân-binh là Phan-sĩ (gồm cả Võ-sĩ quân-trại và Nhân-dân quân-trại. Trong 2 loại quân-binh này, Chính-phủ duy-tân thường có khuynh-hướng sa-thải dần dần những đoàn-quân Phan-sĩ, chỉ tuyển-mộ tổ-chức thêm các đoàn-quân Nhân-dân mà thôi. Bởi lẽ các đoàn-quân Phan-sĩ, nhất là các vị Tướng-quân của các đoàn-quân ấy thường hay ý tại ý lực, cậy thế cậy quyền để áp-chèn dân-chúng, khuynh-loát triều-đình, phân-chia lãnh-thổ mà ở các thời-đại trước họ đã thường gây ra.

Một khi số binh-sĩ ở các đoàn-quân Phan-sĩ đã bớt dần thì số binh-sĩ ở các đoàn-quân Nhân-dân cần phải được tăng thêm để lấp vào chỗ trống ấy. Đó là lý-do làm cho người ta phải nghĩ đến vấn-đề trưng-binh, và chủ-tương trưng-binh được nảy sanh từ lúc ấy.

Vì muốn cho binh-quyển được thông nhất, nên đồng* thời với việc sa-thải quân-binh Phan-sĩ, tăng-cường thêm quân-binh Nhân-dân, Chính-phủ duy-tân còn đặt ra Quân-vụ-quan để thông-độc, quản-trị và huấn-luyện cho quân-binh nữa. Cách-thức huấn-luyện quân-binh ở thời ấy là áp-dụng theo phương-pháp của các nước Anh, Pháp, Hòa-Lan; và toàn-thể quân-binh đều phải phục-sức binh-phục Âu-Châu, chứ không theo với quân-phục Nhật-Bản như các đoàn-quân Phan-sĩ ở các thời trước nữa.

2. *Hải-quân theo Anh, Lục-quân theo Pháp.* Sắc-lệnh trưng-binh đã được công-bỏ từ ngày Chính-phủ duy-tân thành-lập. Đến năm Minh-Trị thứ 3 (1870), 2 ông Omura và Yamagata — những người chỉ-huy của kỵ-binh-trại ở thời Mạc-phủ — đã hợp uhuai lại, cộng-tác chặt-chẽ trong việc điều-khiển và tổ-chức các đoàn quân-binh mới, gồm cả Thủy-lục quân.

Và theo ý-kiến của 2 ông này thì nếu muốn cho Chính-phủ được giàu mạnh vững-bền, cần phải có một đạo-quân thật hùng-mạnh. Chính-phủ duy-tân đã chấp-thuận ý-kiến ấy, vì thế vào khoảng tháng 10 năm Minh-Trị thứ 3 (1870), Minh-Trị Thiên-Hoàng đã ban-hành đạo-luật: « Binh-chê thông nhất », và theo đạo-luật này qui-định thì Hải-quân phải theo cách-thức tổ-chức của Anh, Lục-quân phải theo cách-thức tổ-chức của Pháp.

Rồi đến tháng 2 năm Minh-Trị thứ 4 (1871), Chính-phủ duy-tân đã tổ-chức được một đoàn-quân rất hùng-mạnh, gồm hơn 10.000 tinh-binh. Đạo-quân này gọi là Ngự-thân-binh⁴, với mục-dịch ngày đêm thị-vệ bảo-hộ Minh-Trị Thiên-Hoàng. Sau đó, vào khoảng tháng 1 năm Minh-Trị thứ 6 (1873), Chính-phủ duy-tân lại ban-hành sắc-lệnh trưng-binh để tuyển-mộ thêm binh-sĩ.

4 Đạo-quân Ngự-thân-binh này đến năm Minh-Trị thứ 5 (1872), đổi tên là Cận-vệ-binh, tức là đoàn-quân thường thường ở xung-quanh Vua Minh-Trị để hầu-hạ và bảo-vệ nhà Vua.

Theo sắc-lệnh trưng-binh này thì những người đã được trưng-binh, không phải là những kẻ chỉ đeo lủng-la lủng-lẳng bên mình 2 cây kiếm dài để ngạo-du đầy đó, không làm gì cả; cũng không phải là những người dù phạm-tội sát-nhân, quan-quân cũng không có quyền tra-vấn kết tội như các hạng Võ-si ngày xưa. Trái lại, quân-binh là những người có nhiệm-vụ bảo-vệ quốc-gia, Thiên-Hoàng; những người này cũng như trăm vạn người khác, không có đặc-quyền gì cả⁵.

Cũng theo sắc-lệnh trưng-binh này thì dù là sĩ-phu, võ-gia hay thứ-dân, "tất cả đều là dân của Hoàng-quốc", có bốn-phận đến ân Vua, trả nợ nước, nghĩa là có nhiệm-vụ đi tòng-quân. Dựa vào lịch-sử, chúng ta thấy rằng: Chính-phủ Minh-Trị duy-tân có khuynh-hướng muốn biến Nhật-Bản thành một nước "quân-quốc", tức là mọi người dân đều là quân-binh, khi bình là dân, lúc loạn là binh (quốc-dân giai binh) vậy.

3. Sự hiểu lầm về chế-độ trưng-binh. Trong sắc-lệnh trưng-binh, người ta có dùng chữ "huyết-thuê" (đem xương máu để trả nợ núi sông), do đó dân-chúng hiểu-lầm và kịch-liệt phản-đòi chế-độ trưng-binh. Sự phản-đòi này càng ngày càng rộng-rãi mãnh-liệt, và dân-chúng càng ngày càng căm-hờn phản-kháng chế-độ trưng-binh, đi đâu cũng nghe những lời oán-thán!

Người ta thường ngầm-ngắm xuyên-tạc và giải-thích chữ "huyết-thuê" trong sắc-lệnh trưng-binh như sau: Huyết-thuê tức là lấy máu của dân mà đóng thuế, cũng như lấy tiền để đóng các thứ thuế-thân, thuế-diễn v.v... Trưng-binh là lấy máu của những người thanh-niên trai-trẻ cho người ngoại-quốc uống. Những người Âu-Tây thường uống rượu dàu đỏ ở tỉnh Yokohama⁶, và những áo quần, giày mũ, quần-phục màu đỏ của họ là nhuộm bằng máu của người đây!

Những sự hiểu lầm và ngầm-ngắm xuyên-tạc này, trong khi điều-tra dân-số để trưng-binh ở huyện Tịnh-Võng (Shizuoka) vào khoảng năm Minh-Trị thứ 6 (1873), Chính-phủ đã nghe được. Do đó, Chính-phủ đã đưa ra những biện-pháp thích-đáng để kịp thời chặn đứng những sự hiểu lầm, hoặc xuyên-tạc ý-nghĩa trưng-binh như trên.

Ở đây cũng nên nhớ thêm rằng: Lệnh kiểm-tra dân-số để trưng-binh lúc này là kiểm tra những thanh-thiếu-niên nam nữ từ 13 đến 25 tuổi. Các hàng

5 Đoạn này tức là diễn-tả một cách khác đi tinh-thần bình-dẳng của bản hiến-pháp ở thời ấy. Tinh-thần của bản hiến-pháp ấy là "Thương-hạ binh-quân, nhân-quyền tề nhất", nghĩa là "trên dưới đồng nhau, nhân-quyền ngang nhau" vậy.

6 Yokohama là một hải-cảng lớn của Nhật-Bản, kề-cận với thủ-đô Tokyo ngày nay. Ở thời Minh-Trị duy-tân, vì áp-dụng theo với chính-sách "khai-quan" (mở rộng cửa biển), nên những thương-gia Âu-Châu ra vào buôn-bán ở đây rất đông.

thanh-thiếu-niên nam nữ nghe nói: dù đúng tuổi trưng-binh, nhưng nếu đã lập gia-đình thì được miễn-dịch. Vì muốn tránh việc quân-dịch, nên, phong trào kết-hôn trong quân-chúng đã lan-rộng nhanh-chóng như làn gió thổi.

Ngoài ra, để tránh việc trưng-binh, dân-chúng đi trốn-tránh cũng rất nhiều. Ở huyện Danh-Đông (Myodo), trong khi điều-tra dân-số vào khoảng tháng 6 năm Minh-Trị thứ 6 (1873), quan-quân đình-thần đã được các vị Hộ-trưởng, Hộ-chủ báo-cáo như sau: « Dân-chúng vì hiểu-lầm 2 chữ "Huyết-thuê" trong sắc-lệnh trưng-binh, nên hầu hết những người trai-trẻ đều trốn-tránh đi cả ».

Chính-phủ duy-tân đã ra lệnh phạt tù tất cả những người bàn-tán xuyên-tạc về ý-nghĩa trưng-binh, và chỉ ở trong vòng một tháng mà số tù-nhân này đã tăng lên đến 20.000 người. Đồng thời cũng để tránh những sự hiểu-lầm đáng tiếc trên, nên Chính-phủ cũng đã không dùng chữ "huyết-thuê" nữa, mà chỉ dùng chữ "hộ-quốc", với ý-nghĩa: « quân-binh là những người đảm-nhiệm trọng-trách bảo-hộ quốc-gia » (hộ-quốc đại-nhiệm).

4. Trốn-tránh quân-dịch. Chính-sách của thời Minh-Trị duy-tân là: tất cả mọi người dân đều là quân-binh (quốc-dân giai-binh), nhưng trong đó cũng có miễn-trừ cho những người đang hoặc sẽ giữ những nhiệm-vụ quan-trọng trong Chính-phủ duy-tân. Cũng do đó, nên các giới quan-liêu công-chức, và những sinh-viên đang theo học ở các trường Đại-học hoặc Cao-đẳng chuyên-môn, cũng như những người đang tu-nghiệp ở các công-xưởng trong nước và ngoại-quốc, có thể được hoãn-dịch, nếu có đóng một số tiền đảm-phụ quốc-phòng⁷. Ngoài các hạng người này ra, tất cả các thanh-niên trẻ tuổi (trừ những người trưởng-nam ở các gia-đình), ít nhất là phải đi quân-dịch 3 năm.

Đối với dân-chúng, nhất là các giới nông-thôn, việc bỏ công-việc đóng-áng, xa-lìa gia-đình để đi quân-dịch 3 năm, thời-gian này cũng không phải ngăn-ngủi vậy. Do đó, nên dù sự hiểu lầm trưng-binh là "huyết-thuê" đã được trừ-tạch, nhưng việc trốn-tránh quân-dịch cũng thường xảy ra hằng ngày.

Người ta trốn-tránh quân-dịch, bằng cách: Các gia-đình đóng con, vì muốn cho con khỏi đi quân-dịch, nên đã cho con mình làm con nuôi các gia-đình không có con; có người vào số hộ-tịch của gia-đình khác; có những người lại lập số gia-đình với những bản hộ-tịch mới, không kê-khai đủ những người

7 Số đảm-phụ quốc-phòng này ở thời Minh-Trị duy-tân là 70 yên (đồng bạc Nhật), nhưng nếu trị-giá theo giá bạc ngày nay thì cũng đến 300.000 yên, tức là độ vào khoảng 30.000% Việt-Nam.

đúng tuổi trung-bình; thậm-chí lại có những người con trai trong tuổi quân-dịch mà làm lễ kết-hôn với những em bé 6,7 tuổi v.v...

Những việc trốn-tránh quân-dịch ấy, không những chỉ xảy ra ở những nơi xa-cách hẻo-lánh như Bắc-hải-đạo (Hokkaido), Lư-Câu (Ryukyu), mà đến những nơi thị-trần phồn-hoa, những trung-tâm văn-vật như ở huyện Sơn-hình (Yamagata), con em của các gia-đình sĩ, nông, công, thương cũng không chịu hiểu đúng ý-nghĩa: đi quân-dịch là để bảo-vệ quyền-lợi quốc-gia, nên họ cũng thường oán-ghét và trốn tránh quân-dịch.

Như chúng ta đã biết: người Nhật Bản, nhất là các giới nông-thôn ở các thời-đại trước, họ thường quan-niệm việc binh-đạo chinh-chiến là để dành cho các hạng chuyên-nghiệp, võ-sĩ, dân-chúng không bao giờ quan-tâm đến vấn-đề ấy cả. Vì thế nên lệnh trưng binh ở thời Minh-Trị duy-tân thật là một việc mới lạ đối với đại đa-số quần-chúng, nếu đó không phải là nguyên-nhân để họ hiểu lầm xuyên-tạc.

Chính-phủ duy-tân đã biết trước hậu-quả trốn-tránh quân-dịch của dân-chúng, nên trước khi ban-hành sắc-lệnh trưng-bình, Chính-phủ đã kiểm-tra chặt-chẽ các bản hộ tịch gia-đình, do các vị Khu-trưởng, Hộ-trưởng. Hộ-chủ đệ-trình lên để hiểu rõ dân-số, nhất là số tráng-dinh, những người có thể bắt đi tòng-quân. Đồng thời trên phương-diện thông-tin tuyên-truyền, người ta cũng thường cái-chính tất cả những sự hiểu lầm về trưng-bình, và giải-thích cho dân-chúng hiểu rõ rằng: đi quân-dịch tức là để hộ-quốc, duy-trì nền thịnh-trị thái-bình cho quốc-gia. Đây thật là những phương-pháp có hiệu-lực nhất trong việc chặn đứng những dã-tâm, những phương-chước để trốn-tránh nghĩa-vụ tòng-quân của dân-chúng vậy.

(còn tiếp)



giáo-dục tráng-niên ở miền nam ý-đại-lợi*

Miền Nam Ý-đại-lợi ngày nay trong một phạm-vi rộng lớn vẫn còn là một xứ nghèo-nàn, với những kiến-trúc kinh-tê và xã-hội lạc-hậu, và đầy rẫy những tình-trạng mâu-thuân lạ-lùng, sâu đậm; nhưng cũng lại là một xứ quảng-đại trên bình-diện nhân-loại với một dân-số có trình-độ học-thức rất cao và tâm-lòng ái-quốc bén-bỉ. Vậy, đó là một xứ có nhiều khả-năng sáng-kiến trong lãnh-vực giáo-dục quần-chúng.

Nạn mù chữ, và nhất là nạn bán mù chữ ở đó là một sự thông-thường, nạn thất-nghiệp và nạn thiếu việc đi đôi, một mặt, với tình-trạng khan hiếm của nền giáo-dục chức-nghiệp, mặt khác, với sự khiếm-khuyết khả-năng tuyển-mộ. Tuy vậy, lòng ham muốn học-hỏi hăng-hái đến nỗi dân què và mục-đông phải chịu nhiều hy-sinh lớn-lao để học đánh ván, có khi phải lặn-lội trên những con đường xa lắc xa lơ, đầu dãi nắng mưa sau một ngày lao-lực.

Một mặt, sự ham học-hỏi, vì nhu-cầu trau-giỏi kiến-thức và văn-hóa, mặt khác, sự ham-thích có công-việc làm và có một địa-vị lương-hảo trong xã-hội, bị kích-thích mạnh-mẽ đến nỗi những hoạt-động về giáo-dục quần-chúng đối với họ vừa như một sự phục-hồi với nền văn-hóa cổ-truyền và một sự chỉnh-phục chính bản thân mình trong thời-đại của họ và trong xã-hội mà họ đang sống, sau hết vừa là sự ước mong một tương-lai tốt đẹp hơn.

Ở miền Nam Ý-đại-lợi, những hoạt-động về giáo-dục quần-chúng sáng-lập từ năm 1947 và sau được phát-triển từng giai-đoạn liên-tiếp, thì rất phong-phú và phức-tạp, và có thể chia làm 3 loại:

(1) Hoạt-động giáo-dục bình-dân do Bộ Giáo dục đảm-nhiệm qua sự trung-gian của cơ-quan trung-ương giáo-dục bình-dân (Servizio Centrale per l'Educazione Popolare).

* Dịch-thuật theo bài "Education des Adultes dans le Sud de l'Italie", Anna Lorenzetto.

được lồng vào trong khuôn-khò rộng lớn của chương-trình giáo-dục tráng-niên mà cuộc chiến-dầu đó đã bắt nguồn.

Trung-tâm Văn-hóa Bình-dân thoát-thai nghèo-nản trong những căn nhà tồi-tâm, nên nhà bắt đập. Nhưng, ngay lúc bắt đầu, Trung-tâm đã có một khu văn-hóa do Trung-tâm tổ-chức với sự hợp-tác của những người sinh-trưởng ở đây, và một thư-viện nhỏ do Văn-phòng của Liên-hiệp cung-cấp sách, báo. Trung-tâm xây-dựng trên căn-bản của một công-tác tình-nguyên và một tổ chức dân - chủ.

Lúc khởi-thủy, Trung-tâm mở cửa suốt năm, và có một tru-sở xuênh-xoang thu hẹp vào một gian phòng. Người ta đặt gần thư-viện một xưởng thợ mộc nho-nhỏ để cho dân-quê và mục-đông đến đó làm việc dưới quyền chỉ-huy của các thầy dạy nghề; họ sửa chữa các đồ dùng và đồ-đạc, đóng những ngăn tủ, bàn, ghế cho Trung-tâm hay ghế dài cho trường tiểu-học.

Ngày nay những Trung-tâm Văn-hóa Bình-dân ở miền Nam Ý: đại-lợi lên tới con số 70, chia ra 35 ở Calabre, 15 ở Sarda'igne, 10 ở Basilicate, 7 ở Campanie, 5 ở Sicile, 1 ở Latium và 1 ở Abruzzes.

Nếu, lúc đầu, những Trung-tâm Văn-hóa Bình-dân chỉ có 3 khu (khu văn-hóa, lớp dạy người mù chữ và khu thủ-công-nghiệp) thì ngày nay có 32 khu như ở Santulussurgiu, hay 44 khu như ở Roggiano Gravina. Tuy nhiên, cũng có những Trung-tâm chỉ có 4 khu, như ở thị-trần Sartano, hay 5 khu như ở Brienza mới thành-lập năm 1960.

Mọi hoạt-động có tính-cách giáo-dục và xã-hội ở trong những miền ít được ưu-đãi phát-sinh ở hai loại động-lực: những động-lực « ngoại-giới » gồm có các hình-thái viện-trợ, và những động-lực « thực-chất » phát-khởi dưới sự thúc đẩy của viện-trợ bên ngoài. Cỗ giảm dần mức tối thiểu ngoại-viện, và song-song với việc đó, hết sức nâng đỡ phong-trào bên trong, đó là nhiệm-vụ chính-yếu của Trung-tâm Văn-hóa Bình-dân trong Liên-hiệp Quốc-gia chống nạn mù chữ.

Có lẽ cũng nên xem xét đồng thời với sự tiên-triển của công-tác thực-hiện, sự khác-biệt của công-tác đó tùy theo địa-phương, cơ-phon, nhu cầu của dân-chúng và nhất là những khả-năng của địa-phương. Sự tiên-triển của Trung-tâm được biểu-hiện bằng sự tiên-triển của các khu văn-hóa. Chúng tôi chỉ kể lại những giai-đoạn mà không cần phải miêu-tả lối thời dù là rất vắn-tắt:

- (1) Hưng-thú bị phân-tán, (2) Chu-kỳ của các bài học, (3) Chủ-điểm,
- (4) Những nhóm tự học (5) Những khóa hội-thảo.

Chúng tôi xin ghi vào đây với tính-cách chỉ-dẫn là 20 trong số 32 khu của Trung-tâm Santulussurgiu là những khu văn-hóa¹. Tuy nhiên, điều quan-hệ không phải chỉ ở số lượng, mà ở sự tiên-bộ trong việc làm, vì tính-cách đặc-biệt của những hoạt-động cốt để thỏa-mãn các nhu-cầu văn-hóa mà Trung-tâm cố gắng đáp ứng.

Thực vậy, 20 khu văn-hóa được phân chia ra như sau: 4 khu có những nhóm tự học, 2 khu văn-hóa tổng-quát, 2 khu văn-hóa chuyên-môn, 3 khu thông-tin, 2 lớp trung-học cho tráng-niên muốn lấy văn-bằng nhưng phải làm việc ban ngày, 3 lớp dạy ngoại-ngữ, 4 lớp dạy về một môn rõ-rệt (kê-toán, giáo-dục hợp-tác, yêu-tò của kỹ-thuật về vô-tuyên truyền thanh, âm-nhạc và đóng ca). Chúng tôi xin nói sơ qua ở đây về hoạt-động của những nhóm tự-học cũng như những khu văn-hóa chuyên-môn đã làm cho Trung-tâm tồn-bao công-phu trên bình-diện văn-hóa.

Những nhóm tự-học gồm có những học-sinh sau khi đã theo học các lớp của mọi khu văn-hóa khác trong 5 hay 6 năm, thì rút lui hoặc để nhường chỗ cho người khác, hoặc nghỉ có thể tự theo đuổi sự học bằng cách này hay cách khác được. Học-sinh chia ra từng nhóm tự-học, có ban giám-đốc hay những hợp-tác-viên của Trung-tâm giúp đỡ và bảo ban. Mỗi nhóm có từ 10 đến 15 người, làm việc cho Trung-tâm, cho cộng-đoàn, hay nghiên-cứu những môn đặc-biệt, thành ra mỗi hội-viên có thể trau-giỏi kiên-thức về một vấn-đề gây hứng-thú cho cả nhóm. Trong số 4 nhóm tự học của Santulussurgiu, nhóm thứ nhất chuyên về những cuộc điều-tra có tính-cách xã-hội trong cộng-đoàn, nhóm thứ hai về bích-báo của Trung-tâm, nhóm thứ ba về thư-viện và lựa chọn thư-tịch thích-hợp cho mọi người, và sau hết nhóm thứ tư chuyên về đời sống của Trung-tâm. Những hội-viên của nhóm thứ tư này là hợp-tác-viên thực-sự của Trung-tâm: mỗi người đều có trách-nhiệm về một khu, hứa sẽ thay thế cho một hợp-tác-viên thường-xuyên vắng mặt, hay đưa ra những vấn-đề đã nghiên-cứu để rồi điều-khiển cuộc tranh-luận.

Về việc chống nạn mù chữ, thì ngày nay ở Trung-tâm S Marco Argentano, đã có 25 khu dạy người mù chữ trong số 31 khu², thay vì một khu duy nhất trước kia. Chúng tôi sẽ giải-thích vắn-tắt tại sao người ta đã đạt tới con số đó, và chúng tôi sẽ nói qua về sự tổ-chức và hoạt-động của những khu đó.

1 Những khu khác của Trung-tâm Santulussurgiu gồm có: 3 lớp huấn-luyện chức-nghiệp, 6 lớp dạy những người mù chữ và 3 xưởng thợ.

2 Những khu khác chia ra như sau: 3 khu văn-hóa, 1 lớp dạy về một môn rõ-rệt, 1 khu thư-viện và 2 xưởng thủ-công-nghiệp.

Năm 1958, trong mỗi Trung-tâm Văn-hóa Bình-dân, đã có cuộc kiểm-tra về văn-hóa của toàn-thể dân-chúng sống ở nơi mà Trung-tâm đó được thành-lập (làng, xóm, nhà ở lẻ-lỏi). Cuộc kiểm-tra đã được trao cho những nhóm tự-học, dưới sự điều-khiển của mỗi Giám-đốc Trung-tâm và các giáo-chức. Nhờ thế mà Liên-hiệp Quốc-gia chống nạn mù chữ với sự hợp-tác của Bộ Giáo-dục (cơ-quan Trung-ương Giáo-dục Bình-dân) có nhiệm-vụ đại-thọ lương-bổng cho giáo-chức, đã hoàn-thành được một kế-hoạch nhằm bài-trừ nạn mù chữ ở những miền mà những Trung-tâm đó hoạt-động. Kế-hoạch đó đang vào thời-kỳ phát-triển và trú-liệu mở 2 000 lớp học bình-dân gồm 34 356 học-sinh, và kéo dài 4 năm. Nhiều Trung-tâm tương-tự như Trung-tâm ở S. Marco Argentano, được thành-lập trong các miền mà những người mù chữ đạt tới một số xuất-bách-phần cao. Những Trung-tâm có hoạt-động rất ráo-riết, và một số xuất-bách-phần cao. Những Trung-tâm có hoạt-động rất ráo-riết, và không phải chỉ mở cuộc kiểm-tra và tổ-chức lớp học mà còn cố gắng động-viên thật nhiều người; hợp-tác-viên thường-xuyên, nhóm tự-học, học-sinh của các khu văn-hóa, v.v... Thực vậy, điều can-hệ là phải tuyên-truyền trong dân-chúng, ủng-hộ các giáo-viên sống lẻ loi trong những xóm heo-trong dân-chúng, ủng-hộ các giáo-viên sống lẻ loi trong những xóm heo-trong dân-chúng, tìm cho họ một mái nhà, tìm người thay thế khi họ đau yếu, cấp phát cho họ một ngọn đèn dầu, sách, vở... Phải khuyến-khích mọi người, cảm thấy phạm-vi hoạt-động của mình mở rộng dần dần từ làng đến vùng lân-cận, nạn mù chữ bị tiêu-diệt, tác-động văn-hóa của Trung-tâm xâm nhập liên-tiếp làng xóm.

Vấn-đề thủ-công-nghiệp, có 10 lớp huân-luyện chức-nghiệp ở Trung-tâm Roggiano Gravina³ có những xưởng thợ mộc nhỏ trang-bị đầy-đủ dụng-cụ. Vấn-đề đó thực-hiện được cũng tồn nhiều công-phu vì giá tiền các dụng-cụ và sự tuyển lựa các huân-luyện-viên sáng-sàng di-chuyên về miền Nam, và sau nữa vì sự thiếu-thốn xe chuyên-chở thanh-niên ở các làng bên cạnh đèn theo học. Đó mới chỉ là mấy điều chỉ-dẫn về kết-quả đầu lượm được: 98% các học-sinh đậu các kỳ thi về chức-nghiệp, trong lãnh-vực mà người ta giải-thích là vấn-đề trọng-đại của miền Nam, đó là lãnh-vực phẩm-chất của chức-nghiệp. Trung-tâm Văn-hóa Bình-dân trú-liệu một cuộc huân-luyện sơ-khởi, rồi theo rồi học-sinh trong thời-kỳ huân-luyện chức-nghiệp chính-

3 Những khu khác của Trung-tâm Roggiano Gravina chia ra như sau: 3 khu văn-hóa (trong số có 1 khu chuyên-môn), 1 khu thông-tin, 2 lớp dạy về môn rô-rết, 2 nhóm tự học, 2 xưởng thợ thủ-công-nghiệp, 23 lớp dạy những người mù chữ (trong số đó có 18 lớp ở vùng quê) và 1 khu thư-viện. Ngoài ra, còn có một Chăn-y-viện và một cơ-sở khai-thác nông-nghiệp tùy thuộc vào trường canh-nông thực-hành.

thức để giúp học-sinh thủ-đắc một phẩm-chất, nổi liển chặt-chẽ công việc với hoạt-động văn-hóa cốt để bảo đảm cho học-sinh một sự thăng-bằng không những trong lãnh-vực kỹ-thuật mà còn ở trên bình-diện nhân-loại nữa.

Ở miền Nam Ý-đại-lợi, người ta xét có thể, có khi là cần-thiết nữa, thực-hiện nếu không cùng một lúc thì cũng trong một thời-gian tối thiểu, 3 nhiệm-vụ chính-yếu là chống nạn mù chữ, tác-động văn-hóa và huân-luyện chức-nghiệp.

Bên cạnh ba hoạt-động căn-bản ấy của Trung-tâm Văn-hóa Bình-dân giáo-dục (lớp dạy người mù chữ và bán mù chữ) hoạt-động văn-hóa — khu văn-hóa thông-quát, khu thông-tin, khu văn-hóa chuyên-môn, nhóm tự-học, khóa hội-thảo và huân-luyện chức-nghiệp (Trung-tâm huân-luyện chức-nghiệp, lớp học chuyên-môn về canh-nông, trường thí-nghiệm, trường canh-nông thực-hành), người ta thấy còn nhiều sáng-kiến khác và nhiều khu⁴ khác. Nhiều hoạt-động thoát-thai ngay khi các Trung-tâm được thành-lập, nhiều hoạt-động khắc phát-sinh lần lần và chuyên về mặt xã-hội, y-tê và sự phòng ngừa bệnh tật, về sự tổ-chức những giải-trí (kịch, đá banh, âm-nhạc) hay về viện-trợ kỹ-thuật, hợp-tác-xã, kế-toán, thủ-tục hành-chính, giáo-dục phụ-nữ nông-thôn).

Ngoài ra, còn có một thứ nữa mà người ta không thể bày tỏ bằng con số và bằng khu, một thứ liên-hệ đến tinh-thần của cá-nhân và không-khí của Trung-tâm: đó là tinh-thần dân-chủ và công-dân-vụ hay phát-triển cộng-đồng. Nhờ ở công-tác tình-nguyện, người ta có thể đắp và sửa đường-xá, công, rãnh, xây chỗ tắm rửa, khai-quang những nhà tối-tàn nhứt và bán-thu nhứt ở trong khu.

Tuy nhiên ta cũng phải xác-nhận rằng thế chưa đủ. Việc làm không công, cách sử-dụng và chuẩn-bị những tài-nguyên địa-phương, tinh-thần dân-chủ của Trung-tâm, sự phát-triển và sự khác-biệt của các khu, sự liên-tục và sự theo đuổi công-cuộc văn-hóa phải được đặt trên một căn-bản luân-lý và lồng vào trong một phong-trào tư-tưởng mà ở đó những đòi hỏi về giáo-dục giữ một địa-vị quan-trọng. Cũng như là nghệ-thuật và khoa-học, giáo-dục ngày nay cần phải có một kích-thước mới, một thể-tích mới, một ý-thức: giáo-dục phải có thể đặt lại sự-kiến, tác-đụng, những yếu-tố cổ-truyền của văn-minh và những sự-tầm mới-mé thực-hiện trong lãnh-vực đó, tìm tòi những quan-hệ giữa những luận-cứ ấy, để đặt giới-thuyết cho chúng, nhân-nại xây đắp cái gì mà từ trước đến giờ vẫn còn ở trong tình-trạng sơ-đẳng. Từ đó, muốn cho một Trung-tâm Văn-hóa Bình-dân hình-dung thực-sự được điều mà Liên-Hiệp Quốc-gia chống-nạn mù chữ hằng ước mong, thì

trước hết Trung-tâm phải tiếp-tục là một nơi gặp-gỡ giữa những cá-nhân có nhiều kinh-nghiệm khác-biệt, nhau, giữa những người có học và những người vô học.

Sự ý-thức được phạm-vi hiểu biết của chúng ta, được giá-trị của mỗi người chúng ta trên bình-diện kiến-thức, giúp chúng ta đặt ngay những danh-từ 'công-việc' và 'kinh-nghiệm' ngang hàng với những danh-từ 'học-vấn' và 'văn-hóa', và như vậy là người ta đã có thể tìm thấy một vị trí thông-cảm thực-sự với dân què và mục-đồng rói.

Người tráng-niên, dù là mù chữ hay bán mù chữ biết mình đã gia-nhập một xã-hội đang hân-hoan đón tiếp mình vì công-việc và kinh-nghiệm của mình.

Chúng ta rất có thể dạy sử-ký và văn-học cho một dân què, nhưng lúc đầu, nếu chúng ta rất có thể dạy sử-ký và văn-học cho một dân què, nhưng lúc đầu, nếu chúng ta không đón tiếp họ vào trong cái thế-giới tri-thức của chúng ta, thì họ vẫn còn mãi là những người hờn giận dễ bị âu-sầu. Trái lại, nếu chúng ta đón tiếp họ, thì họ đem lại cho chúng ta những kinh-nghiệm và kiến-thức phong-phú của họ, và đôi bên có thể bắt đầu cuộc đàm-thoại; thế rói, từ cuộc đàm-thoại sẽ đi đến sự liên-lạc hỗ-tương mật-thiết, sự cộng-đồng sru-tâm, sự cõ-gắng thông-cảm.

(PHÙNG-NGỌC dịch)

UNESCO



THANH-TÂM

sru-tâm

quay về biển cả . . .

(tiếp theo VHNS số 82)

Tính-cách tối-cần của năng-lực cơ-khí

Phần đông chúng ta chưa nhận rõ được tất cả sự cần-thiết của năng-lực cơ-khí có người còn coi nó là phụ, vì chỉ đem *thêm* đến cho ta một số tiện-nghi, thiếu cũng chẳng sao. Thậm-chí nhiều người còn than tiếc đời sống « thanh-bình » thời cõ-sơ mà lên án nền văn-minh cơ-khí hiện-đại là nền văn-minh hoàn-toàn dựa trên các nguồn năng-lực thiên-nhiên do ta khai-thác, và họ thường chỉ hay nói đến những tranh-chấp kỹ-nghệ, những lực-lượng cơ-khí giết người.

Nói thế thực là sai. Trước hết, như trên đã nói, ngay thứ « nhiên-liệu » tối cần-thiết cho sự sống của chúng ta là thực-phẩm, nếu không nhờ những nguồn năng-lực thiên-nhiên do văn-minh cơ-khí chế-ngự bắt phục-vụ để làm chạy máy cày, bừa, để sản-xuất phân bón, điều-hòa các dòng sông, đem nước lên cao để tưới v.v.... thì nhân-loại hiện đã lâm vào cảnh thiếu ăn trầm-trọng rói.

Sau nữa, năng-lực là điều-kiện tối yếu giúp cho ta bảo-vệ, hay nói đúng hơn, dành quyền tự-do sinh-sống.

Thực vậy, trước đây chỉ chừng hai thế-kỷ, con người còn khốn-khở vì thiếu tiện-nghi, còn bó tay trước nhiều thứ bệnh-tật, tai-nạn, và nhất là đa số còn lệ-thuộc chặt-chẽ vào thiều-số các vị chúa, các phú-nông v.v... Ngay đến chiến-tranh thời ấy tuy sát-hại không nhiều như những võ-khí hiện nay, nhưng đâu có kém phần khốc-liệt : cái chết đau-đớn vì võ-khí thô-sơ xưa kia hiện còn làm cho ta rùng mình mỗi khi nghĩ tới. Sự tàn-ác, như vậy, thời nào cũng thế, đâu phải do văn-minh cơ-khí mà ra ?

Sống trong cảnh cực khổ, nô-lệ đối với thiên-nhiên và cả đối với đồng-loại trong hàng bao nhiêu ngàn năm, con người phải chờ đến cách đây chừng 150 năm mới đến được một khúc quanh quan-trọng : chiếc máy hơi nước đầu tiên ra đời đánh dấu một tân thời-kỳ, đem sức mạnh cơ-khí thay cho sức mạnh bắp thịt.

Nhờ đây những kẻ giàu thủ-đoạn, dư thế-lực, đã sẵn một đạo quân co-khi để sử-dụng, mới chịu giải-phóng cho lớp người đông-đảo kém may-mắn khỏi làm nô-lệ cho họ.

Tiếp theo, là những nguồn năng-lực mới, được khuếch-trương đại quy-mô như dầu hỏa, hơi dầu, hơi than, điện-lực, thác nước, thủy-triều, cả đến sức nóng trong lòng đất, nhất nhất đều đến làm tươi sáng thêm cuộc đời quần-chúng, khiến cho những con người, nếu sống ở thời-đại xưa kia, tất phải làm việc quần-quật suốt ngày mà quanh năm chẳng đủ miếng ăn, dưới bàn tay sắt của đám người ngư-trị họ, nay được sung-sướng gấp-bội ngay những vị chúa-tề thời trước. Lực-lượng kinh-tế, kỹ-thuật đã đánh thắng-bằng phần nào sự may-mắn cá-nhân trong cuộc vật-lộn hàng ngày, mở rộng quyền tự-do, quyền hưởng-thụ, nói tóm lại, là quyền sống xứng-dáng cho mỗi người.

Nhất đán năng-lực thiếu-hụt, sự tranh-giành sẽ lại trở nên gay-gắt, tàn-ác, và kẻ mạnh sẽ lại dùng mọi thủ-đoạn buộc kẻ yếu phục-vụ cho mình hưởng, nhân-loại sẽ trở lại những thời-kỳ đen-tối xưa kia...

Dù khen hay chê nên văn-minh co-khi, không một ai lại có thể ửng cho tái-diễn cái thảm-cảnh những nô-lệ xích vào bờ chèo hay nông-nô bị trói chặt hết đời cha sang đời con vào mảnh đất của chủ. Những thảm-cảnh ấy tránh sao khỏi, khi các kho tàng nhiên-liệu cạn hết, khi trái-đất chỉ còn sản-xuất có thực-phẩm và những bộ máy chạy bằng thứ nhiên-liệu này, là súc-vật và con người?

Chính vì xét kỹ điếm ấy mà giới bác-học, tuy mới chớm dùng thứ nhiên-liệu nguyên-tử mà đã lo nó hết, và đã phải gắng công tìm thêm thứ khác trường-cử hơn.

Hai lối khai-thác nguyên-tử-lực

Nhìn trong bảng kê các đơn-chất ta thấy nhân mỗi chất có một số dương-tử (proton) riêng, tất cả các dương-tử này đều nằm ở nhân nguyên-tử, ngoài ra, nhân còn có khi chứa thêm ít nhiều trung-hòa-tử (neutron) nữa, nhưng những trung-hòa-tử này không làm biến-chất nguyên-tử. Hai chất có nhân chứa cùng một số dương-tử và chỉ sai nhau ở số trung-hòa-tử được gọi là đồng-vị (isotope).

Trong thiên-nhiên người ta chỉ tìm thấy có 92 chất đơn, đi từ những nhân chứa ít dương-tử như hydrogène (1), hélium (2) lithium (3), bérylium (4) v.v... đến những nhân chứa nhiều dương-tử như radium (88), actinium (89), thorium (90), protactinium (91) và uranium (92).

Những chất nặng, nhân nhiều dương-tử, như radium, thorium, uranium v.v... ở một thể không bền, và nhân thường tự tan-vỡ ra làm nhiều mảnh, mỗi mảnh ấy sẽ trở nên nhân một nguyên-tử của một chất khác đứng ở quãng giữa

bảng kê đơn-chất. Khi tan-vỡ như thế, nhân nhả ra một năng-lượng lớn, đó là thứ nguyên-tử-lực từng tàn-sát ghê-gớm ở Hiroshima và Nagasaki trong kỳ đệ-nhi thế-chiến và hiện đang được sử-dụng trong những pin nguyên-tử rải-rác trên thế-giới.

Nhưng còn các chất nhẹ? Nhân của chúng có thể nhập lại được để biến thành nhân nguyên-tử của những chất nặng hơn, và khi nhập lại như thế chúng cũng nhả ra một số năng-lực lớn. Nhưng trái với các nguyên-tử nặng, chúng không thể tự-nhiên nhập vào nhau được vì các nhân đều có điện-tích dương (charge positive) nên đẩy nhau rất mạnh. Như vậy, cần có một sức rất mạnh ném chúng vào nhau, như sức nóng trong tâm mặt trời chẳng hạn, mới làm chúng đến gần nhau để nhập làm một.

Còn những chất nặng trung-bình, như sắt chẳng hạn (nhân có 26 dương-tử) chúng vốn ở một thể rất bền, người ta không thể làm chúng vỡ ra hay nhập lại với nhau mà khai thác năng-lực hạch-tâm được. Những chất loại này chiếm đa-số, trọng-lượng nguyên-tử của chúng ở trong khoảng từ 20 đến 200. Sở-di chúng không thể dùng được để sản-xuất năng-lực là vì, khi cấu-tạo, nhân của chúng (nucléon) đã phí mất một phần lớn khối-lượng rồi.

Để hiểu rõ, cần mở một dấu ngoặc: ta lấy thí-dụ muốn tạo ra một nhân chất hélium. Ta cho nhập 2 dương-tử và 2 trung-hòa-tử. Tính riêng rẽ thì khối lượng của bốn cấu-tử này là 4,0341. Nhưng khi thành nhân hélium rồi, nó chỉ còn có 4,0039 tức là khối-lượng của nó bị xút mất 0,0302 đơn-vị. Chỗ khối-lượng bị mất ấy đã biến thành năng-lượng, một tỷ-lệ thực là quan-trọng.

Một đôi khi trong phản-ứng hạch-tâm, năng-lượng tiết ra không đủ còn tồn-tại một số năng-lực dư trong nhân, nhân đó sẽ không vững và sẽ phóng bớt trung-hòa-tử ra. Tiềm-năng trong nhân như thế sẽ rút bớt (vì phóng trung-hòa-tử ra cũng mất năng-lực) khiến cho cái nhân mới thành, sẽ trở nên bền vững: chẳng hạn như nhân nguyên-tử đơng-khí 17 (o 17) do sự tan vỡ của nhân đạm-khí 17 (Azote 17) tạo thành, vẫn còn dư năng-lực, nên nó phóng bớt 1 trung-hòa-tử để biến thành nhân đơng-khí 16, trong thể bền-vững mà ta biết.

Những cuộc bắn-phá trong thế-giới tế-vi...

Một phát súng bắn ra, hiệu-lực nhiều hay ít tùy theo nhiều yếu-tố: viên đạn nặng hay nhẹ, phóng ra nhanh hay chậm, đích bị phá bền hay dễ vỡ, và khi đích chuyển-động thì nó chuyển nhanh hoặc chậm.

Viên đạn nặng sức phá mạnh hơn viên nhẹ nếu cùng tốc-độ. Dùng đạn nhẹ tốc-độ nhanh cũng có sức phá mạnh như đạn nặng mà chậm nhưng

no dễ bị phi sức trên quãng đường đi tới đích vì cọ sát vào không-khí. Sức bên-bỉ của đích giữ cho đích khó bị phá, điều này là di-nhiên, còn như nó chuyển nhanh thì đạn phóng tới tất khó trúng.

Đối với nhân một nguyên-tử, mà ta coi như viên đạn, do sức chuyển-động gây ra bởi nhiệt-độ cao (mouvement brownien) phóng vào một nhân khác được coi như cái đích, muốn có hiệu-quả ta cần gia-tăng sức nặng của nhân trước hết.

Nhưng việc chọn "nhân nặng" không giản-dị như việc tạo đạn nặng cho súng. Trước hết, nếu ta chọn nhân có nhiều dương-tử, thì mặc dầu chưa thuộc loại nhân những chất bền-vững đã nói ở trên và vẫn có thể tiết ra năng-lực, nhưng vẫn bất-lợi, vì nếu nhiều dương-tử, sức phá của nhân phóng đi có mạnh hơn nhưng sức "đẩy ra" giữa hai nhân cũng lại gia-tăng cùng một tỷ lệ. Sức đẩy ra (force de répulsion) ở đây cũng tỉ như sức bền-vững của đích nghĩa là một thứ lực-lượng mà viên đạn cần phải thắng. Như vậy có khác gì, dùng đạn nặng lên, phá mạnh hơn, lại gặp phải cái đích cũng khó phá hơn, thì kết-quả có hơn gì đâu?

Sau nữa, người ta thấy rằng những loại nhân càng nhẹ khi nhập vào nhau, tỷ-lệ khối lượng biến thành năng-lượng càng lớn hơn. Chẳng hạn khi ta dùng bốn nhân hit-rô cho nhập nhau để tạo thành nhân hélium thì 0,7% khối-lượng tiêu tan thành năng-lượng, nhưng nếu ta dùng 4 nhân hélium cho nhập thành nhân đơng-khí (đc-xy) tỷ-lệ ấy sụt xuống còn có 0,1% mà thôi.

Vì lẽ ấy, các nhà bác-học đã khôn-khéo dùng thứ nhân nặng hơn hit-rô, mà sức đẩy vẫn không mạnh hơn nhân hit-rô thường, đó là nhân những chất đồng-vị với hit-rô tức deutérium, tritium. Những chất này cũng chỉ có một dương-tử thôi, nên sức đẩy nhau y hệt nhân hit-rô. Nhưng vì sự hiện-diện của 1 trung-hòa-tử (deutérium) hay 2 trung-hòa-tử (tritium) trong nhân, nhân đó nặng lên gấp 2, 3 lần, vì 1 trung-hòa-tử cũng nặng tương-đương với 1 dương-tử.

Tất nhiên là vẫn có thể dùng nhân hit-rô thường được, nhưng phải gia-tăng tốc-độ lên rất nhiều, nghĩa là nhiệt-độ khối hit-rô phải cực lớn, điều này chỉ thực-hiện được trong lòng các ngôi sao hay mặt trời, là nơi nóng hàng bao nhiêu triệu độ bách phân. Hơn nữa, sức phóng nhanh hơn thì nhân hit-rô phải chạy một quãng lớn hơn nhiều mới có cái may-mắn gặp một nhân khác để nhập vào, điều này cũng lại chỉ có thể trong những khối hit-rô cực lớn, như trong mặt trời, hay ngôi sao.

Nếu ta nhớ lại rằng áp-lực của hơi trên một chiếc vỏ bọc chỉ là tổng-số những sự bắn-phá của các nguyên-tử chất hơi trên mặt vỏ bọc ấy, thì ta sẽ lại thấy ngay một nỗi khó-khăn lớn nữa là làm sao cho các nguyên-tử hit-rô, với một độ nóng hàng bao triệu độ, nghĩa là có một áp-lực kinh-khủng, chịu ở trong một khoảng nhỏ để thực-hiện sự "nhập nhân" nói trên?

Xem như thế, dùng chất tritium, tức chất đồng-vị nặng nhất của hit-rô lợi hơn cả. Người ta đã tính thấy, khi nhân nguyên-tử tritium nhập với nhân nguyên-tử hit-rô để biến thành nhân nguyên-tử hélium, thì 0,02126 đơn-vị khối-lượng biến thành năng-lực, nghĩa là mỗi lần tạo ra 4 cà-ram chất hélium theo lối này, người ta có được một số năng-lực 500.000 ki-lô oát giờ, tức là khoảng 1/10 năng-lực phát ra từ một trái bom nguyên-tử.

Nhưng tiếc thay, trong thiên-nhiên, không có chất tritium, hoặc giả có chăng nữa thì quá ư hiếm, chẳng hơn gì không có.

Vì thế, các nhà bác-học đã hướng các công-cuộc tìm-tòi vào việc khai-thác chất deutérium, và kết-quả đầu tiên, và cũng là kết-quả ghê-gớm nhất, là sự thành tựu của họ khi tạo ra bom khinh-khí. Khi một nhân deutérium nhập với một nhân deutérium khác để biến thành nhân hélium, thì có một số năng-lực là 3,2 triệu điện-tử vôn (électronvolts) tiết ra, và sự nhập nhân ấy chỉ đòi hỏi một nhiệt-độ "vừa phải" là 800.000 độ bách-phân thôi, chứ không cần đến những nhiệt-độ ghê-gớm như 20 triệu độ trong lòng mặt trời.

Biên cả cung-cấp deutérium

Người ta đã dự-tính tổng-số uranium trên thế-giới có được khoảng 25 triệu tấn. Nếu chỉ dùng thứ uranium 235, và dùng lại cả chất plutonium trong "chất cặn" được tạo ra, cũng chỉ đốt hết khoảng 3% tổng-số uranium thiên-nhiên mà thôi, và mỗi ki-lô uranium này cho ta 17 triệu ki-lô-oát giờ. Mặc dầu những tiến-bộ kỹ-thuật sẽ đi đến chỗ đốt kỳ hết không bỏ phí, thì với đa nhu-cầu năng-lực hiện nay, cứ 10 năm lại tăng gấp đôi, cũng chỉ chùng hơn một thế-kỷ nữa là ta hết nhiên-liệu nguyên-tử.

Tổng-số "nước nặng", tức thứ nước mà mỗi phân-tử deutérium và một nguyên-tử đơng-khí, có trong đại-đương, tính được khoảng 200.000 tỷ tấn, tức là 1,5/10.000 tổng-số nước biển. Trong tổng-số nước nặng ấy có được 40.000 tỷ tấn deutérium. Tính theo năng-xuất 25 triệu ki-lô-oát giờ mỗi ki-lô deutérium, người ta có thể khai-thác được đủ năng-lượng để thỏa-mãn nhu-cầu của nhân-loại, vẫn theo nhịp gia-tăng nói trên, trong 500 triệu năm nữa.

Thực là vi-đại. Đã thế lại không nguy-hại như dùng uranium, vì không có chất cặn phóng-xạ. Việc tích-trữ deutérium cũng không khó-khăn gì, vì đó chỉ là một thứ hơi hiền-lành, không phóng-xạ.

Với những ưu-điểm trên đây, nước biển quả là nguồn hy-vọng đẹp-đẽ nhất đối với vấn-đề sản-xuất năng-lực. Nhưng, từ lý-thuyết đến thực-hành, còn một chặng đường dài đằng-dẵng . . .

Phản-ứng nhiệt-tâm (thermonucléaire)

Sở dĩ người ta dùng danh-từ « phản ứng nhiệt-tâm » là vì thứ động-năng làm cho nhân thắng sức đẩy lẫn nhau của chúng, mà nhập làm một, thường do nhiệt-năng cung-cấp. Trong những cuộc thí-nghiệm người ta có thể dùng điện-trường, từ-trường phóng nhân đi, nhưng làm như thế, không những phải có những máy móc quá kèn-kàng, đắt tiền không xứng với kết quả, mà năng-lượng dùng để phóng còn nhiều gấp bội năng-lượng do phản-ứng hạch-tâm cho ta, nghĩa là lỗ vốn năng-lực.

Khi hơi lên một nhiệt-độ cao, liên i-ông hóa, nghĩa là các nhân bị « roi » mất một số điện-tử ở quỹ-đạo ngoài cùng. Hít-rô, cũng như deutérium, lên đến 100.000 độ bách-phân thì tất cả các nguyên-tử của nó đều i-ông hóa. Khi ấy, người ta có một mớ gồm các i-ông (ion) dương và các điện-tử tự-do, đồng số nhau, nghĩa là cả mớ ấy, điện tích trung-hòa. Sức dẫn-diện của chúng tùy theo nhiệt-độ mà thay đổi, lên đến 10 triệu độ bách-phân, nó dẫn-diện nhạy hơn cả chất đồng nữa.

Áp-lực của hơi trên bình chứa tăng thêm theo nhiệt-độ. Để khi lên đến độ cao đủ gây ra phản-ứng nhiệt-tâm, áp-lực của nó không quá lớn, người ta phải hạ áp-lực của nó ngay từ khi còn ở nhiệt-độ thường, bằng cách rút loãng hơi trong bình, để cho áp-lực khi ấy chỉ khoảng 1/10.000 áp-lực không khí, và trong mỗi phân-khối hơi chỉ có độ 10^{15} i-ông mà thôi. Sự rút loãng hơi ấy, dĩ nhiên là vụn vặt-đặc-dĩ, vì hơi càng loãng thì sự tương-ứng (interaction) giữa các nhân cũng kém đi: càng thưa-thớt chúng càng khó gặp nhau.

Mớ i-ông cần phải qui-tụ lại, xa vỏ bình chứa, để khỏi chuyển mất sức nóng vào vỏ bình. Nhưng dầu thế, chúng vẫn mất một phần sức, vì mỗi khi điện-tử gặp một nhân liền đột-nhiên bị hãm ngừng lại, và năng-lực bị tiết ra mất dưới hình-thức bức-xạ: người ta đặt tên cho hiện-tượng ấy là « Bremsstrahlung ». Hiện tượng « Bremsstrahlung » rất quan-trọng, nó làm cho phản-ứng nhiệt-tâm khó có thể biến thành một phản-ứng dây chuyền được (réaction en chaîne), vì số năng-lực do phản-ứng phát ra ít hơn số năng-lực bị mất đi. Người ta đã tính phải trên 400 triệu độ bách-phân mới có được phản-ứng dây chuyền.

Dẫu dùng cách nào để qui-tụ các i-ông, người ta cũng không thể giữ cho chúng cách biệt vỏ bình mãi được, và hiện người ta chỉ cố-gắng giữ sao

cho các i-ông chịu ở trong khu qui-tụ đủ lâu để có thể có được phản-ứng. Cái « thời gian qui-tụ » (temps de confinement) ấy cần phải khoảng 10 giây đồng-hồ, đối với nhân deutérium và với mật-độ 10^{15} i-ông mỗi phân khối.

Nói tóm lại, người ta sẽ thành-công trong việc sản-xuất năng-lực hạch-tâm của deutérium nếu có cách nào, với một mật-độ trên 10^{15} i-ông mỗi phân khối, và với một nhiệt-độ trên 400 triệu độ bách-phân, người ta có thể giữ cho chúng qui-tụ với nhau từ 10 giây đồng-hồ trở lên.

Năng-lượng dùng tăng nhiệt-độ chẳng lớn gì, dù rằng phải đưa mớ i-ông của 1 lit deutérium lên đến một tỷ độ bách-phân chẳng nữa cũng chỉ cần dùng đến một số nhiệt-năng đủ đun sôi 1/2 lit nước mà thôi. Điều khó là làm sao chuyển được số năng-lực ấy vào mớ i-ông và giữ sao cho mớ i-ông qui-tụ khỏi mất sức.

Làm nóng mớ i-ông chỉ là một nỗi khó tương-đối tầm-thường: nếu mớ i-ông được qui-tụ thành một « sợi » thẳng, thì người ta phóng luồng điện qua nó bằng hai điện-cực, coi nó như một vật dẫn điện. Sức cản điện của nó sụt rất nhanh khi nhiệt-độ lên cao, nên dòng điện cần có một cường-độ rất lớn, hàng mấy trăm ngàn am-pe. Nguồn điện lực khó lòng cung-cấp được liên-tục một cường-độ lớn như thế, người ta tiếp-tế cho « sợi » i-ông từng đợt điện một, bằng nhiều dàn tụ-điện. Ngoài ra, khi nó đã nóng khoảng 1 triệu độ, thì người ta còn có cách làm tăng giảm liên-hồi từ-trường dùng để qui-tụ các i-ông. Sự tăng giảm ấy cũng tiếp-tế thêm năng-lực làm cho mớ i-ông nóng thêm. Trong trường-hợp mớ i-ông được qui-tụ thành một sợi tròn, thì có thể để-dàng dùng từ-trường xoay chiều bên ngoài gây một dòng điện cảm-ứng trong sợi i-ông, giống như trong cuộn giây của một máy biến-điện.

Riêng vấn đề qui-tụ i-ông mới thực là nan giải.

Mới đầu tưởng như dễ, vì dòng điện chạy suốt mớ i-ông không những chỉ làm nó nóng mà thôi, dòng điện ấy cũng có từ-trường cuốn các i-ông vào giữa ống chứa. Nếu dòng điện đủ mạnh, thì các i-ông bị qui-tụ thật chặt thành một sợi rất mảnh. Nhưng sự qui-tụ ấy không bền, vì các i-ông giống như những vật phân-tử (diamagnétique), chúng tìm cách thoát ra khỏi những khu từ-trường mạnh. Phương-pháp này hiện đã được cải-thiện nhiều để tăng thời-gian qui-tụ và làm cho thế qui-tụ thêm bền-vững, nhưng cũng chưa đến được kết-quả mong muốn.

Một cách khác là dùng một từ-trường tự bên ngoài, rất mạnh, với các đường sức chạy dọc theo trục của ống đựng hơi deutérium. Khi không có từ-trường thì các i-ông còn chạy ngang chạy dọc tha-hồ, đến khi có từ-trường, chúng chỉ có thể chạy xoáy tròn quanh các đường sức, theo chiều dọc của ống đựng mà không chạy ra vỏ ống được nữa, trừ trường-hợp chúng va chạm nhau nhiều lần và nhảy

từ đường sức này sang đường sức khác mới có thể lần-lần đi ra phía vỏ bọc, nhưng cũng rất chậm, khi từ-trường đủ mạnh. Tuy nhiên, người ta lại cũng thấy rằng khi nhiệt-độ lên cao, thì sự quy-tụ kém vững, và chẳng bao lâu sẽ không còn nữa.

Để giữ cho các i-ông quy-tụ với nhau trong một thời-gian đủ lâu để gây ra phản-ứng, người ta còn phải làm thế nào cho chúng bớt thoát ra ở hai đầu ống đựng hơi deutérium. Hiện đã tìm ra phương-pháp « gương từ-trường » nguyên-tắc như sau : ở hai đầu ống, người ta tạo ra những từ-trường cực-kỳ mạnh. Do đấy các đường sức ở hai đầu ống bị xiết chặt vào gần nhau, và các i-ông khi đến đầu ống phần lớn bị hắt trở lại trong ống, chẳng khác gì ánh sáng gặp tấm gương bị phản-chiếu trở lại không đi thoát. Phương-pháp này đầy hứa hẹn.

Ngoài ra, các nhà bác-học còn tìm ra những phương-pháp mới. Tuy cho đến ngày nay, chưa nước nào hoàn-bị được một phương-pháp khả dĩ tạo ra phản-ứng nhiệt-tâm giây-chuyên có thể kiểm-soát được, nhưng sáng-kiến của con người không có giới-hạn. Mới cách đây mấy chục năm, có ai ngờ rằng cái phương-trình « kỳ quặc » $E=MC^2$ của Einstein lại được chứng-minh và có ảnh-hưởng ngay cả đến đời sống hàng ngày của nhân-loại và sự tồn-vong của các quốc-gia ? Vậy ta có quyền tin-tưởng rằng tất cả chỉ là một vấn-đề thời-gian và thế nào, một ngày kia, khoa-học cũng có thể chế-ngự và sử-dụng được năng-lực nhiệt-tâm.

Cái kho gẫn như vô-tận deutérium trong nước biển quả là món quà quý-giá nhất của biển-cả vậy.

nhân-sinh hệ-lụy*

William Somerset Maugham, sinh ngày 25 tháng Giêng năm 1874 tại Ba-Lê là một đại-văn-hào của nước Anh, chuyên viết tiểu-thuyết, kịch-bản và truyện ngắn. Vì là cựu-sinh-viên trường Thuộc nên cuốn tiểu-thuyết đầu tiên của ông cuốn Liza of Lambeth 'Lâm-Bích-Nương', xuất-bản năm 1897, đã bộc-lộ rất nhiều kiến-thức về y-học. Tác-phẩm nổi danh nhất của ông là cuốn Of Human Bondage 'Nhân-sinh hệ-lụy', xuất-bản năm 1915. Cuốn này đã được coi như sách tự-thuật về thân-thể ông.

Maugham từng sống ở nhiều nước trên thế-giới, và một vài truyện của ông đã dùng Viễn-Đông và vùng Nam-Hải làm bối-cảnh. Thí-dụ cuốn The Moon and Sixpence 'Vầng trăng và sáu xu', xuất-bản năm 1919, tả đời họa-sĩ Paul Gauguin, và truyện ngắn giá-trị 'Miss Thompson' 'Cô Tâm-Son' trong tập The Trembling of a Leaf 'Chiếc lá run' (1921) sau được soạn thành kịch và phim Rain 'Mưa'.

Những tác-phẩm khác của ông là On a Chinese Screen 'Tâm bình-phong Tàu', xuất-bản năm 1922, The Painted Veil 'Bức màn sơn', xuất-bản năm 1925, Cakes and Ale 'Rượu và bánh ngọt', xuất-bản năm 1930, cuốn này tác-giả không nhận là một bản phê-bình châm-biếm các đại-văn-gia; sau cùng là cuốn The Razor's Edge 'Lưỡi dao cạo', xuất-bản năm 1944.

Những kịch-bản thành công nhất của Maugham gồm có The Circle 'Cái vòng tròn' (1921), Our Betters 'Những kẻ hơn ta' (1923), The Letter 'Bức thư' (1925), và The Constant Wife 'Người tiết-phụ' (1927). Ngoài ra Maugham còn viết tự-sự trong bản The Summing Up 'Biện-minh tập' (1938), biên-khoá cuốn Introduction to Modern English and American Literature 'Giới-thiệu văn-chương Anh-Mỹ hiện-đại' (1943), viết bản tiểu-luận phê-bình Great Novelists and Their Novels 'Các đại-tiểu-thuyết-gia cùng tác-phẩm họ' (1948), và bản A Writer's Notebook 'Cuốn vở Nhà-văn' (1948).

* Of Human Bondage

I

Trời vừa bừng sáng nhưng cảnh-tượng bốn bề còn âm-thầm âm-dạm. Mây kéo dày đặc và bầu không-khí bàng-bạc báo hiệu sắp có tuyết rơi. Chị vú vào trong căn phòng cậu bé đang ngủ và kéo rèm lên, ngó sang căn nhà gạch đối diện rồi tiến lại bên giường cậu bé :

— Dậy đi em, Philip !

Chị vừa nói vừa kéo chiếc khăn phủ giường ra, hai tay nhấc cậu bé lên và âm xuống nhà dưới. Cậu bé còn ngái ngủ. Chị bảo :

— Mẹ em muốn gặp em.

Chị mở cửa căn phòng ở dưới nhà và bồng cậu bé lại giường một thiếu-phụ. Đó là mẹ cậu. Bà đỡ tay đón con đặt nằm tròn bên cạnh bà. Cậu không hỏi tại sao người ta đánh thức cậu. Bà mẹ hôn vào mắt con âu yếm, hai bàn tay gầy quá nhỏ bé của bà vuốt chiếc áo choàng len trên mình cậu bé và cảm thấy người cậu ấm ấm. Bà ôm chặt cậu khẽ hỏi :

— Con buồn ngủ à ? Con ?

Tiếng bà yếu-ớt như từ nơi xa vọng lại. Cậu bé không đáp nhưng vui-về tùm-tùm cười. Cậu sung-sướng được nằm trong cái giường to lớn ấm-áp dưới cánh tay dịu-hiền của mẹ. Cậu cố thu gọn mình nằm khít vào rồi hôn bà. Lát sau cậu đã nhắm mắt ngủ tít.

Bác-sĩ tiến vào phòng và đến đứng bên giường. Thiếu-phụ năn-nỉ :

— Đừng bế cháu đi vội !

Bác-sĩ không trả lời, nghiêm-nghị nhìn bà. Biết là không được phép giữ con lâu hơn, bà hôn con một lần nữa và lấy tay xoa con từ mình cho tới chân. Bà hết nắn 5 ngón nhỏ nhỏ chân phải rồi lại đưa tay sang nắn chân trái của con. Bà nức-nở khóc.

— Sao vậy ? Bà mệt lắm à ? Bác-sĩ hỏi.

Bà lắc đầu, nói không ra tiếng, nước mắt chảy xuống má. Bác-sĩ cúi xuống bảo :

— Đề tôi bế cháu.

Bà yếu quá không thể cưỡng lời Bác-sĩ và đành đưa đứa bé cho ông ta.

Bác-sĩ bèn trao cậu bé cho vú em.

— Chị nên đặt em vào giường em.

— Vâng ạ.

Cậu bé còn đang ngủ bị đưa đi. Bà mẹ khóc nức nở thảm thiết :

— Con tôi sẽ ra sao ?

Chị vú cố an-ủi bà và sau vì mệt quá, bà không khóc được nữa. Bác-sĩ đến chỗ cái bàn ở cuối phòng trên có một đứa trẻ mới sinh đặt nằm trong cái khăn vải. Bác-sĩ nhắc khăn lên và ngắm nghía. Tuy khuất sau bình phong nhưng bà mẹ cũng đoán biết ông ta đang làm gì. Bà hỏi khẽ người mẹ đỡ :

— Giai hay gái ?

— Lại con giai.

Bà không nói gì. Lát sau người vú trở lại, đến gần giường và nói :

— Cậu Philip vẫn ngủ.

Một lúc im lặng. Rồi Bác-sĩ bắt mạch bà lần nữa.

— Hiện giờ tôi thấy chưa cần làm gì, ăn điềm-tâm xong tôi sẽ trở lại.

Người vú lễ phép thưa :

— Tôi xin đưa ông ra.

Hai người im lặng đi xuống. Đến gian giữa, bác-sĩ dừng lại.

— Chị đã cho mời anh chồng bà Carey chưa ?

— Thưa đã.

— Có biết bao giờ ông ta tới đây không ?

— Thưa không ! Tôi đang chờ điện-tín.

— Đứa bé ra sao ? Tôi nghĩ tốt hơn hết là đưa em đi nơi khác.

— Cô Watkin sẽ đến đón cậu ấy.

— Cô ấy là ai ?

— Cô ấy là mẹ đỡ đầu của em ạ - thưa Ông, liệu bà Carey có qua khỏi

được chăng ?

Bác-sĩ lắc đầu.

II

Một tuần sau, Philip đang ngồi dưới sàn trong phòng khách của nhà cô Watkin tại Onslow Gardens. Cậu là đứa trẻ duy nhất trong nhà và quen chơi đùa một mình. Trong phòng bày-biện chật ních những bàn ghế và trên mỗi chiếc tràng-kỷ, mỗi chiếc ghế bành đều đặt một chiếc đệm. Cậu xếp những đệm đó lên những chiếc ghế dựa nhẹ rồi bày thành một cái hầm để ăn núp tránh tụi da đồ đang luồn quất sau bức rèm. Cậu áp tai vào sàn vách lắng nghe đàn trâu chạy qua đồng cỏ. Bỗng có tiếng cửa mở, cậu nín thở đề khỏi bị lộ nhưng một cánh tay đã kéo mạnh chiếc ghế làm rơi chồng đệm xuống.

— Em hư quá, cô Watkin sẽ không bằng lòng.

— Ồ, chị Emma !

Người vú cúi xuống hôn Philip, rồi giữ bụi những chiếc đệm để vào chỗ cũ.
Cậu hỏi :

— Tôi được về nhà bây giờ chứ ?

— Ừ, chị đến đón em đây.

— À, chị mặc chiếc áo mới.

Bấy giờ là năm 1885. Chị vú vận chiếc áo bằng nhung đen tay chật, vai rộng, quần có 3 đường viền lớn và đội một chiếc mũ đen dài nhung. Chị đi dự. Philip không hỏi như chị dự đoán, để có thể trả lời bằng câu đã sửa soạn sẵn. Sau chị cũng nhắc :

— Em có muốn hỏi má ra sao không ?

— Ó! tôi quên. Má tôi thế nào ?

Lúc này, chị vú sẵn-sàng đáp.

— Má em hoàn-toàn sung-sướng.

— Thế thì tôi rất mừng.

— Má em đi xa rồi. Em không còn gặp được nữa.

Philip chưa hiểu chị định nói gì.

— Sao lại không gặp nữa ?

— Má em hiện ở trên trời.

Chị bắt đầu khóc. Philip cũng khóc mặc dầu chưa hiểu rõ ra sao. Chị Emma là một người đàn-bà cao lớn rắn-rỏi, tóc đẹp, quê ở Devonshire, và tuy đã làm việc nhiều năm ở Luân-Đôn, vẫn không đổi giọng nói. Chị càng khóc càng xúc-dộng và ôm chặt cậu bé vào lòng. Chị cảm thấy thương-hại đứa bé vừa mất cái tình-yêu duy-nhất và vô-biên ở trên thế-gian này. Đau đớn thay là phải trao đứa bé cho những người xa lạ. Nhưng một lát sau, chị trấn-tĩnh lại và bảo Philip :

— Bác William đang đợi gặp em. Em hãy đến chào cô Watkin, rồi chúng ta cùng về nhà.

— Tôi không muốn chào. Cậu vừa nói vừa cố ý che dấu dòng lệ.

— Được rồi, em hãy lên lầu và lấy mũ.

Cậu lên lấy mũ và khi xuống thì Emma đang đợi ở hành-lang. Cậu nghe có tiếng nói ở phòng giấy sau phòng khách bèn dừng lại. Cậu biết là cô Watkin và bà chị đang chuyện-trò với bạn-hữu. Mới lên chín cậu đã biết nghi rằng nếu vào phòng họ sẽ buồn cho cậu.

— Em định vào từ biệt cô Watkin.

— Em nên vào.

— Vậy chị vào trước và nói với họ là em tới chào.

Cậu muốn triệt-đề lợi-dụng cơ-hội. Emma gõ cửa và vào phòng. Cậu nghe rõ chị vú nói :

— Thưa cô, cậu Philip muốn vào từ-biệt cô.

Cuộc nói chuyện bỗng ngừng lại và Philip khập-khiễng đi vào.

Henrietta Watkin là một người đàn-bà mạnh-khoẻ, mặt hồng-hào và tóc nhuộm. Thời đó, nhuộm tóc thường bị binh-phẩm và khi ở nhà cậu đã nghe người ta bàn-tán rất nhiều khi mẹ đỡ đầu cậu nhuộm tóc. Cô Watkin ở với người chị tuổi đã xế chiều. Hai bà khác mà Philip không quen, là khách đến thăm cô Watkin. Họ tò-mò nhìn Philip. Cô Watkin dơ tay đón Philip và nói : « Tôi nghiệp cháu tôi. » Cô bắt đầu khóc. Lúc đó Philip hiểu rõ tại sao cô Watkin đã không tới ăn trưa và tại sao cô mặc áo đen. Cô Watkin ngậm-ngùi không nói được. Sau cùng, Philip thưa :

— Cháu phải về nhà cháu.

Cậu gỡ tay Watkin ra và cô tạ hôn cậu một lần nữa. Đoạn cậu cũng lại từ-biệt chị cô Watkin. Một bà khách yêu-cầu được hôn cậu và cậu nghiêm-trang vui lòng để bà ta hôn. Tuy đang khóc, cậu cũng thấy được an-ủi vì những cảm-tình này. Đáng lẽ cậu nán lại chút nữa để tận-hưởng cái thú-vị đó, nhưng vì nhận thấy họ muốn cậu ra nên cậu cho biết Emma đang đợi cậu. Khi cậu ra khỏi phòng thì Emma đã xuống dưới nhà để nói chuyện với một người bạn và cậu phải đợi chị ở chân cầu thang. Cậu nghe cô Watkin nói :

— Mẹ nó là bạn thân nhất của tôi. Nghi đến việc chị ấy chết tôi thương quá.

Bà chị khuyên :

— Em không nên đi dự đám tang. Em sẽ quá xúc-dộng.

Rồi một bà khách tiếp lời :

— Tôi nghiệp thằng bé phải sống cô-độc. Tôi thấy nó đi khập-khiễng.

— Vâng, nó thật một chân. Mẹ nó rất đau buồn về tật của con.

Rồi Emma trở lại. Chị gọi một chiếc xe ngựa và bảo mã-phu đi về nhà Philip.

III

Khi tới căn nhà, nơi bà Carey chết, - căn nhà ở một phố buồn tẻ giữa Nolting Hill Gate và High Street, Kensington - Emma dẫn Philip vào phòng khách. Ông William Carey đang viết thơ cảm-tạ những người đưa đồ phúng-diếu. Một bó hoa gửi tới trẻ vẫn để yên trong cái hộp giấy trên bàn. Emma vào thưa :

— Cậu Philip về đây ạ.

Ông William Carey thủng-thằng đứng dậy bắt tay cậu bé và sau khi dẫn-đo, ông cúi xuống hôn trán cậu. Ông là một người hơi thấp nên có vẻ mập-mạp, tóc vuốt ngược để che kín cái đầu hói. Mày râu ông nhẵn-nhụi, khuôn mặt đều-

đạn nên người ta có thể cho là hồi còn trẻ, ông đẹp trai. Ông đeo một chiếc giây đồng hồ có gắn cây thánh-giá nhỏ bằng vàng (ông là Cha sở). Ông bảo Philip :

— Cháu sẽ ở với bác. Cháu có thích không ?

Hai năm trước đây, sau khi bị bệnh thủy-dậu Philip đã được gửi xuống ở nhà bác, nhưng cậu chỉ còn nhớ cái mái thượng và khu vườn rộng chứ không nhớ hai bác.

— Có ạ. Cậu đáp.

— Cháu phải coi bác và bác gái Louisa như ba má cháu.

Cậu bé miệng run run, mặt đỏ ửng, nhưng không đáp lại.

Mẹ cháu dặn bác săn-sóc cháu.

Ông Carey nói chuyện không được tự-nhiên. Khi được tin bà em dâu sắp chết, ông vội đến Luân-Đôn ngay, nhưng khi đi đường ông chỉ nghĩ đến việc đời sống của ông có thể bị quấy rầy nếu sau khi bà em dâu chết, ông bó buộc phải nhận trông-nom đứa bé. Ông năm nay ngoài 50; vợ chồng ông lấy nhau đã ba chục năm mà vẫn không sinh-đẻ. Ông cũng chẳng mong gì trong nhà ông có thêm một đứa trẻ chắc là hay nó-đùa nghịch-ngợm và trước đây, ông cũng chẳng ưa gì bà em dâu. Ông bảo Philip.

— Mai bác sẽ đưa cháu xuống Blackstable.

— Đi với Emma à ?

Cậu vừa hỏi vừa nắm lấy chị vú và chị xiết chặt tay cậu. Ông Carey đáp :

— Có lẽ chị vú phải đi nơi khác.

— Cháu muốn Emma cùng đi với cháu,

Philip nói xong khóc oà và chị vú cũng khôn cầm nước mắt. Ông Carey nhìn hai người không biết nói sao.

Ông bảo chị Emma :

— Chị đề tôi với Philip nói chuyện riêng một lát.

— Thưa vâng.

Mặc dầu Philip níu lấy chị nhưng chị cũng gỡ khéo ra. Ông Carey ôm Philip lên gối và ôm lấy cậu.

— Cháu không được khóc. Cháu lớn rồi không cần vú nữa. Hai bác định thu-xếp cho cháu đi học.

— Cháu muốn Emma cùng đi với cháu.

— Như thế tốn-kém lắm. Ba cháu để lại của-cải được là bao và bác cũng không rõ của đó ra sao ! Cháu phải chi-tiêu dè-dặt từng đồng.

Hôm trước ông Carey đã đến thăm ông cố-vấn pháp-luật của gia-đình. Ba Philip là một nhà giải-phẫu giàu kinh-nghệm và số lương-bổng của ông trong bệnh-viện chứng-tỏ ông có một địa-vị vững-chắc; nhưng điều ngạc-nhiên là sau

khí ông chết bất-ngờ vì bệnh độc-huyết, gia-sản để cho bà vợ góa chỉ vòn-vẹn số tiền bảo-hiêm sinh-mạng và số lợi-tức cho thuê căn nhà ở phố Bruton. Đó là việc sáu tháng trước. Lúc đó bà Carey sức đã yếu lại có thai nên bà quá bối-rối và khi có người đầu tiên hỏi thuê nhà bà nhận ngay.

Bà xếp đồ-đạc vào kho rồi thuê căn nhà khác sẵn đồ-đạc trong một năm để yên lòng ở cho tới khi sinh-nở. Giá tiền thuê nhà bị ông anh cho là quá cao. Từ trước tới nay, bà Carey chưa hề quen cách sử-dụng tiền bạc nên không biết tiết-kiệm. Có ít tiền tiêu món này món khác đến nỗi, giờ đây sau khi thanh-toán các khoản chi-phí, bà chỉ còn để lại khoảng 2 ngàn bảng để nuôi nấng đứa con trai cho tới khi nó khôn lớn tự kiếm kế sinh nhai. Philip vẫn đang khóc và ông Carey khó mà giải-thích sự tình như vậy cho cậu nghe.

Nghĩ rằng vú Emma có thể đổ-dành cậu bé nên ông bảo :

— Cháu nên ra với Emma.

Philip không đáp và vội nhẩy xuống đi ra, nhưng ông giữ cậu lại và nói :

— Mai chúng ta khởi-hành vì tới chúa-nhật bác bạn sửa soạn bài giảng. Cháu phải bảo Emma thu xếp đồ-đạc của cháu sẵn-sàng từ hôm nay. Cháu có thể mang theo các đồ chơi và vài thứ kỷ-vật về ba má cháu, còn thì sẽ bán hết.

Cậu chạy ra khỏi phòng. Ông Carey không quen làm việc và khi quay lại viết thư từ, ông thấy bực mình. Trên góc bàn là một tập hóa-đơn; món đó làm cho ông tức-tối vô cùng, riêng một tờ hóa-đơn đã có vẻ vô lý quá.

Sau khi bà Carey mất, Emma đã đặt mua hàng đồng hoa trắng xếp trong phòng bà. Thật là phí tiền - Emma tự ý làm nhiều chuyện. Dù không phải tài thiếu thốn tiền bạc đi nữa, ông cũng có thể đã tổng cõ chị đi rồi.

Philip cũng ra với Emma, cậu áp mặt vào ngực chị và khóc nức nở. Vì đã trông nom Philip từ khi mới được một tháng nên chị vú thương Philip như con đẻ và dỗ ngọt cậu. Chị hứa thỉnh thoảng sẽ tới thăm và không bao giờ quên cậu. Chị tả nơi sắp tới cho nghe, rồi nói về nhà chị ở Devonshire - nào là ba chị trông nom một công thông-hành trên đường đi Exeter, nào là có heo trong chuồng, có một con bò và con bò vừa sinh con bê... giọng chị kể nghe vui vui nên Philip quên cả khóc và thấy tịch thú khi nghĩ tới cuộc hành-trình sắp tới. Chị bèn đặt cậu xuống vì còn nhiều việc phải làm còn Philip giúp chị trải quần áo trên giường. Chị bảo cậu vào phòng mang đồ chơi ra và chỉ chốc lát đã thấy cậu vui vẻ.

Nhưng sau, Philip lại chán cảnh chơi một mình và trở lại phòng ngủ nơi Emma đang xếp đồ-đạc của cậu vào một cái hòm thiếc lớn; cậu chợt nhớ là bác đã bảo có thể mang theo một vài kỷ-vật về ba má. Cậu cho Emma biết và hỏi chị nên mang theo thứ gì.

— Em hãy vào phòng khách xem nên lấy cái gì thì lấy.

— Bác William ở đó.

— Không sao! Đó là đồ của em.

Philip đi thủng thẳng xuống dưới nhà và thấy cửa phòng khách mở, ông Carey vừa ra khỏi. Cậu đi quanh phòng. Gia-đình cậu mới ở nhà này và đây là phòng của một người lạ nên Philip không thấy cái gì đặc biệt đáng lấy. Tuy vậy sau cậu cũng chú ý đến chiếc đồng hồ nhỏ mà cậu biết rõ là của mẹ và nghe nói bà rất thích, cậu bèn cầm lấy rồi buồn-bã lên lầu.

Qua ngoài phòng ngủ của mẹ, cậu thấy hơi sợ, tim đập hồi hộp, bèn dừng lại nghe ngóng.

Tuy không ai ngăn cản, cậu cũng biết là chẳng nên vào. Nhưng ngay lúc đó có một sức mạnh gì buộc cậu vẫn núp cửa. Cậu vẫn khe khẽ như muốn tránh không cho ai ở trong nghe tiếng và đẩy nhẹ cánh cửa rồi đứng lại một lát mới dám vào. Giờ cậu không sợ nữa nhưng thấy là lạ. Cậu khép cửa lại. Rèm đã buông sẵn và căn phòng bị âm-u trong ánh sáng lạnh nhạt của một buổi chiều xuân. Trên chiếc bàn trang điểm, cậu thấy bàn chải và chiếc gương tay của mẹ, trong cái khay nhỏ có một số ghim cài đầu và trên mái lò sưởi có tấm hình của cậu và tấm hình của ba cậu.

Ngày trước, những lúc mẹ đi vắng cậu thường chơi ở đây, nhưng bây giờ cậu lại thấy căn phòng có vẻ khác hẳn. Cậu nhìn vào ghế dựa cũng thấy là lạ. Giường thì dọn sẵn như là để tối nay có người đến ngủ và một chiếc áo mặc đêm đã được đặt trong cái hộp trên gối.

Philip mở cái tủ lớn đầy quần áo, lên rút mấy cái ôm vào tay rồi trùm kín mặt, mùi nước bông mà mẹ cậu dùng vẫn còn thoang-thoảng. Sau cậu mở ngăn kéo đầy đồ dùng của mẹ để nhìn kỹ một lượt. Có những gói ngải thơm trong đồng khăn tỏa mùi hương thơm mát. Bây giờ cậu không thấy lạ căn phòng nữa và tưởng chừng như mẹ vừa đi chơi đâu, chắc cũng sắp về để lên lầu uống trà với cậu. Và cậu còn như cảm thấy cái hôn của bà trên môi.

Bảo rằng cậu sẽ không được gặp mẹ nữa là không đúng, vì không thể như thế được. Cậu leo lên giường, gục đầu vào gối và nằm yên không nhúc-nhích.

IV

Phải xa Emma, Philip khóc lóc nhưng cuộc hành-trình đi Blackstable làm cho cậu khoái, và khi tới nơi cậu đã thấy yên phận vui-vẻ. Blackstable cách Luân-Đôn 60 dặm. Đưa hành lý cho một người phu khuân vác, ông Carey cùng Philip đi bộ về nhà. Họ đi mất khoảng hơn 5 phút. Khi tới nơi Philip sức nhớ ra cái công lớn, màu đỏ với 5 trấn song sắt có thể xoay hai chiều trên bản lề, nhưng

đù đã cấm, người ta vẫn có thể náu vào cánh cửa mà đẩy lui đẩy tới được. Họ đi qua vườn vào cửa chính. Cửa này chỉ mở hoặc để tiếp khách hoặc ngày chủ-nhật hay những dịp đặc-biệt như khi ông Carey đi Luân-Đôn trở về. Người nhà thì đi cửa bên và còn cửa hậu thì dành cho người làm và bọn ăn mày, ăn xin. Nhà khá rộng, xây gạch vàng, lợp ngói đỏ, kiến-trúc khoảng 25 về trước theo kiểu nhà thờ. Cửa chính trông giống cửa giáo-đường và cửa sổ phòng khách theo kiểu Gô-tích.

Bà Carey biết rõ chông về chuyến tàu nào nên đã đợi sẵn ở phòng khách. Khi nghe tiếng kẹt cửa bà chạy ra. Thấy vợ, ông Carey bảo cháu :

— Bác Louisa đấy, cháu lại hôn bác đi.

Philip tiến lên, vụng về, khập khiễng rồi dừng lại. Bà Carey là một người đàn bà mảnh-khảnh khô-khan, trạc tuổi ông chông, da mặt nhăn-nheo, cặp mắt xanh nhạt, tóc uốn thành những lọn quăn nhỏ theo kiểu hồi bà còn trẻ. Bà mặc một chiếc áo đen và đồ trang sức duy nhất của bà là một sợi dây vàng có treo lủng-lẳng một chiếc thánh-giá. Bà có dáng-điệu e-lệ và giọng nói dịu-dàng.

— Ông đi bộ à? Bà vừa nói có vẻ phiền trách vừa hôn chông.

— Tôi không nghĩ tới điều đó. Ông vừa đáp vừa liếc nhìn cháu.

— Cháu đi bộ có đau chân không Philip? Bà quay lại hỏi cháu.

— Không sao ạ. Cháu quen đi bộ.

Philip hơi ngạc nhiên về câu chuyện giữa chú thím. Bà Louisa gọi Philip rồi ba người cùng vào gian giữa. Thêm nhà lát gạch đỏ và vàng trên có vẽ dấu thập-tự Hi-lạp hay hình con cừu của đức Chúa-Trời. Từ gian giữa đi lên có một cầu thang bằng gỗ thông bóng nhoáng, mùi thơm đặc biệt. Khi sửa lại nhà thờ, vì còn thừa gỗ, nên lấy làm cầu thang này. Trụ bao-lơn đều vẽ hình 4 vị thánh Phúc-âm. Bà Carey nói :

“ Tôi đã đốt lò vì tôi nghĩ chắc hai bác cháu bị lạc sau cuộc hành-trình.”

Đó là một cái lò lửa đen, xây tại gian giữa và chỉ đốt khi trời rét quá hay khi ông Carey thấy lạnh. Về bà thì dù lạnh cũng không hề đốt lò, vì than mắc. Ngoài ra, chị hai Mary Ann không thích đốt lửa nhiều. Nếu ông bà muốn đốt lửa luôn thì phải thuê một đứa ở phụ. Về mùa đông, ông bà thường ở phòng ăn để tiết-kiệm, một ngọn lửa cũng đủ, còn về mùa hạ, họ cũng quen ở đó, nên chỉ có ông Carey ngủ trưa ở phòng khách mà thôi. Chủ-nhật thì ông đốt ở phòng giấy để viết bài giảng.

Bà Louisa đưa Philip lên lầu và chỉ cho cậu một phòng ngủ nhỏ trông xuống đường. Chính trước cửa sổ có một cây to mà Philip nhớ ngay vì cành cây thấp quá có thể leo lên được.

— Cháu bé thì ngủ phòng nhỏ. Ngủ một mình có sợ không ?

— Không ạ.

Lần đầu tiên tới thăm nhà bác trước đây, Philip cùng đi với chị vú nên bà Carey không phải săn-sóc cháu mấy. Giờ bà nhìn cháu hơi lo ngại :

— Cháu có rửa tay lấy được không, hay bác sẽ rửa cho cháu.

Philip trả lời cương quyết : Cháu rửa lấy được ạ.

— Được, bác sẽ xem tay khi cháu xuống uống trà.

Bà Carey không hiểu gì về trẻ nhỏ. Sau khi quyết định cho Philip về Black-stable bà nghĩ quanh-quần mãi không biết đối xử với cháu thế nào. Bà lo làm phận-sự người bác gái. Giờ Philip đã tới, bà thấy lúng-túng với cháu cũng như nó dụt-dè với bà. Bà hy-vọng nó không tinh-ngịch đần-ào. Bà để Philip một mình rồi ra ngoài. Một lát sau bà quay lại gõ cửa nhưng không vào, chỉ hỏi xem Philip có vịn nước lấy được không, rồi xuống dưới nhà, bấm chuông gọi người làm pha trà.

Phòng ăn rộng và đều-đặn, hai bên có cửa sổ treo rèm tơ dày. Giữa phòng là một cái bàn lớn và xẻ bên là một tủ-chén lịch-sự bằng gỗ đào-hoa-tám có lắp gương. Ở xó phòng kê một chiếc dương-cầm. Hai bên lò sưởi là những chiếc ghế dựa bọc da ngoài có áo ghế ; một cái có tay dựa gọi là ghế ông, cái không tay dựa là ghế bà. Bà Carey không bao giờ ngồi vào ghế bành, bà thường nói bà thích ghế thường để tránh sự quá thoải mái. Bà bận việc luôn, nếu ngồi vào ghế bành sẽ không muốn đứng dậy.

Ông Carey đang đốt lửa thì Philip vào. Ông chỉ cho cháu xem hai cái đĩa sắt trở than. Một cái lớn, bóng nhoáng chưa dùng gọi là Cha phó (Curate), cái nhỏ hơn, dùng gạt lửa nhiều rồi, gọi là Cha Sở (Vicar). Ông Carey hỏi vú :

— Bác cháu tôi còn phải đợi gì đây ?

Bà đáp :

— Tôi bảo Mary Ann tráng cho ông quả trứng. Tôi chắc ông đi về đói.

Bà Carey nghĩ rằng cuộc hành-trình từ Luân-Đôn về Blackstable chắc mệt nhọc lắm. Ít khi bà đi đâu một mình. Vì tiền cấp dưỡng mỗi năm chỉ có 300 bảng nên mỗi khi ông muốn đi nghỉ mát, ông thường đi một mình vì không đủ tiền cho cả hai vợ chồng. Ông thích những hội nghị giáo-dưỡng, nên hàng năm ít nhất ông cũng thu xếp đi Luân-Đôn một chuyến. Có một lần ông đi Ba-Lê xem triển-lãm và vài lần đi Thụy-Si. Mary Ann đem trứng lên và họ ngồi vào bàn. Đối với Philip ghế thấp quá, ông bà không biết làm cách nào.

Chị Mary Ann bảo :

— Tôi sẽ lấy vài quyển sách kê dưới để cậu ấy ngồi.

Chị bèn lấy quyển Kinh-Thánh và quyển kinh cầu-nguyện trên chiếc dương-cầm và đặt lên ghế cho cậu Philip.

Bà Carey nói với giọng gay-gắt :

— Ô, ông ơi, không thể ngồi lên Kinh-Thánh được. Ông lấy cho nó mấy quyển sách trong phòng giấy được không ?

Ông Carey ngẫm-nghi một lát rồi bảo :

— Mary Ann, chị để quyển kinh cầu-nguyện lên trên thì không sao.

Chúng ta không bắt buộc phải tôn thờ kinh cầu-nguyện.

Bà Louisa nói :

— Tôi không nghĩ ra.

Philip ngồi chễm-chện lên chõng sách và ông Cha sở Carey, sau khi cầu nguyện, cắt miếng trứng ở trên đưa cho Philip :

— Cháu có thể ăn miếng trên, nếu cháu thích.

Chắc Philip muốn ăn một quả trứng riêng, nhưng người lớn không cho, nên được bao nhiêu đành ăn bấy nhiêu.

Ông hỏi bà :

— Từ hôm tôi đi, gà đẻ thế nào ?

Bà đáp :

— Ô, mỗi ngày được một hay hai quả trứng.

Rồi ông quay hỏi Philip :

— Cháu có thích miếng trứng đó không ?

— Dạ, thích lắm. Cám ơn bác.

— Sáng chủ-nhật, cháu sẽ được ăn nữa.

Sáng chủ-nhật nào, ông Carey cũng ăn một quả trứng luộc lúc uống trà để được khỏe mạnh làm lễ buổi chiều.

V

Dần dần Philip biết thêm về những người chung sống với cậu và nhờ những câu chuyện, có khi người ta không định nói cho nghe, cậu đã hiểu nhiều về chính cậu và về cha mẹ cậu trước. Ba cậu trẻ hơn bác cậu nhiều. Sau một thời-gian phục-vụ đặc lực ở bệnh-viện Luke, ông được vào ban quản-trị và lúc đó đã kiếm được nhiều tiền. Ông tiêu sài tự-do. Khi ông mục-sư bắt đầu tái-tạo giáo-dưỡng và yêu cầu em ông quyên tiền, ông ngạc nhiên khi nhận được những mấy trăm bảng. Ông anh, vốn quen thói dè-xèn và cần-tần-tiện, khi nhận tiền, có những cảm-nghị lộn-xộn trong đầu : ông ghen với em vì ông này đã có thể ủng-hộ nhà thờ được nhiều tiền, ông lại hơi tức mình vì cái lòng bác-ái có tinh-chất phổ-trương của em. Rồi ông Henry Carey lấy một bệnh-nhân, một thiếu-nữ mồ-côi trẻ đẹp rất nghèo, không có bà con gì nhưng thuộc dòng-

đôi qui-phái. Đám cưới có nhiều bạn bè sang-trọng tham-dự. Ông mục-sư mỗi lần đi Luân-Đôn ghé thăm em dâu, ông rất dè-dặt. Ông e-lệ đối với bà và cũng bực mình vì sắc đẹp của bà. Bà ăn vận quá lộng-lẫy đối với địa-vị người vợ một nhà giải-phẫu làm việc vất-và. Những đồ-đặc sang-trọng trong nhà, hoa cẩm khấp nơi kể cả về mùa đông, biểu-lộ sự lãng-phí mà ông rất phàn-nàn. Được nghe em dâu kể lại những cuộc vui mà bà đã dự, khi về nhà ông bảo vợ : người ta có mời thì rồi cũng phải mời lại. Ông trông thấy những chum nho trong phòng ăn giá rẻ nhất cũng phải 8 shilling một cân ; và trong bữa cơm trưa ông đã được mời ăn thứ măng đầu mùa mà ở vườn nhà ông hai tháng nữa mới có. Giờ đây, những lời ông tiên đoán đã thành sự thực. Ông cảm thấy sự khoả-trá của nhà tiên-tri khi trông thấy lửa và lưu-hoàng đốt cháy cái thành-phố không chịu cái cách theo lời cảnh-cáo của mình. Philip nay quả thực nghèo và việc bà mẹ nhiều bạn-bè sang-trọng giờ đây có ích gì đâu. Cậu nghe nói sự lãng-phí của cha cậu thực đáng tội và may-mắn là Thượng-đế đã cho mẹ cậu về chầu tiên-cảnh. Quan-niệm của bà về tiền không hơn gì một đũa trẻ nhỏ.

Khi Philip ở Blackstable được một tuần thì có sự biến xảy ra khiến bác cậu tức giận vô cùng. Một buổi sáng ông thấy trên bàn ăn có gói giấy nhỏ từ nhà bà Carey ở Luân-Đôn gửi bưu-điện về. Gói này để tên bà ta. Khi ông mở ra thì đó là một tá hình bà Carey. Hình chụp nửa người, chỉ rõ mặt và hai vai, tóc chải không gọn-gàng như trước và xõa xuống trán nên trông bà hơi khác ; nét mặt thì gầy-gò và mệt mỏi, nhưng không bệnh-tật nào làm mất được vẻ đẹp. Cặp mắt đen như chứa-đựng một vẻ u-buồn mà Philip không còn nhớ rõ. Khi thoát trông hình người em dâu mới chết, ông Carey hơi xúc-động nhưng sau đó ông thấy bối-rối. Hình có vẻ mới và ông không rõ ai đã bảo chụp. Ông hỏi Philip :

— Philip ơi, cháu có biết gì về những tấm hình này không ?

— Cháu nhớ mẹ cháu có nói đã chụp hình. Cô Watkin kêu thì mẹ cháu bảo là muốn thẳng con khi lớn lên có vật gì để nhớ lại mẹ.

Ông Carey nhìn Philip một lát. Nó đáp đồng-đặc rõ-ràng. Nó nhớ tất cả những lời nói, nhưng không hiểu gì.

Ông Carey bảo :

— Cháu nên lấy một tấm giữ trong phòng, còn thì ta sẽ cất đi.

Ông gửi một tấm cho cô Watkin, cô ta viết thơ và nói rõ tại sao có những tấm hình đó như sau :

Một hôm bà Carey đang nằm trên giường, thấy trong người dễ chịu hơn trước và buổi sáng bác-sĩ tỏ vẻ có hy-vọng. Emma âm thầm bé ra ngoài còn người làm thì ở cả nhà dưới. Bỗng bà Carey cảm thấy mình cô đơn và sợ rằng nửa tháng nữa, sau khi ở cũ, bà không thể khỏi được. Con gái bà mới

9 tuổi, làm sao nó nhớ được bà. Bà khổ tâm khi nghĩ rằng nó lớn lên rồi quên mất, quên hẳn cả mẹ. Bà thương con vô cùng vì nó vừa yếu ớt vừa tàn-tật và vì nó là con bà. Đã mười năm rồi, từ ngày lấy chồng bà không chụp hình. Bà muốn con bà sẽ biết mặt mẹ nó. Như thế nó không thể quên hẳn bà được. Bà biết rằng nếu bà gọi đứa trẻ gái bảo là muốn ngồi dậy thì nó sẽ ngăn cản hay gọi bác-sĩ, lúc đó bà hơi sức đâu mà giải-thích lý luận. Bà xuống khỏi giường, tự mặc quần áo. Bà nằm lâu ngày quá nên đứng dậy thấy đầu gối sụn xuống và bàn chân thì ngứa rần đặt xuống đất không chịu nổi. Nhưng bà cứ dậy. Bà không quen sửa tóc lấy nên khi đỡ tay chải đầu thấy mệt quá. Bà không thể sửa tóc được như đứa trẻ gái vẫn làm cho bà... Tóc bà mượt đẹp, ánh như vàng. Lông mày bà thẳng và đen nháy. Bà mặc một chiếc quần thâm và chọn cái áo dài bà thích nhất, cái áo bằng lụa Đan-Mạch trắng hời đơ rất hợp-thời-trang. Bà soi gương : mặt rất xanh nhưng vẫn tươi sáng. Vì làn da không bao giờ hiện màu đậm nên cái miệng đỏ xinh của bà lúc nào cũng nổi bật. Bà không thể nào được tiếng nức nở, nhưng bà cũng không còn thương hại nỗi cho mình, bà đã cảm thấy mệt quá. Bà choàng cái áo lông mà Henry đã tặng bà trong dịp lễ Giáng-sinh năm trước, lúc đó bà rất sung-sướng và hãnh diện vì nó. Bà lướt nhẹ xuống dưới nhà, trong lòng hồi-hộp rồi ra khỏi nhà không ai hay và lái xe tới tiệm chụp hình. Bà trả tiền chụp 12 tấm. Trong lúc chụp bà xin một ly nước, người phụ-việc thấy bà đau có đề-nghị hôm khác hãy lại nhưng bà không nghe, cứ gắng ngồi. Lúc chụp xong, bà lái xe về căn nhà nhỏ bé dơ-dáy ở Kensington, nơi mà bà ghét cay ghét đắng. Đó là căn nhà ghê-tởm mà bà sẽ chết ở đó.

Bà thấy cửa trước mở và khi lái xe lên thì người tớ gái cùng Emma chạy xuống thêm đỡ bà. Họ đã quá lo sợ khi thấy căn phòng bỏ trống. Lúc đầu họ tưởng bà tới nhà cô Watkin nên cho chị bếp tới đó xem sao. Cô Watkin và chị bếp cùng lại nhà và đợi ở phòng khách. Thấy bà về, cô vội chạy xuống, vừa lo sợ vừa trách móc ; nhưng vì đã vận-động quá sức nên bà Carey không chịu nổi nữa, bà ngã người vào hai cánh tay Emma để họ khênh bà lên lầu. Bà nằm bất tỉnh trong một thời-gian mà những người coi sóc e là quá lâu. Người ta cho mời bác-sĩ ngay nhưng ông ta không lại. Mãi đến hôm sau hơi đỡ một chút, bà mới nói qua cho cô Watkin nghe về chuyện hôm trước. Lúc đó Philip đang chơi dưới thêm bên giường mẹ, nhưng không ai để ý tới. Nó chỉ hiểu qua loa câu chuyện các bà nói với nhau, và chính ra nó cũng không biết tại sao lại còn nhớ được những lời đó.

— Tôi muốn khi cháu lớn lên, còn có vật gì để nhớ đến tôi.

Ông Carey phàn-nàn :

— Không hiểu tại sao bà ấy lại bảo chụp những 12 tấm. Chỉ 2 tấm cũng đủ.

VI

Ở nhà Cha xứ thì ngày nào cũng như ngày nào. Ngay sau khi ăn chiều tâm, Mary Ann đem vào tờ *The Times* mà ông Carey mua chung với 2 người hàng xóm. Ông xem từ 10 giờ đến 1 giờ trưa rồi người làm vườn đem sang cho ông Ellis ở Limes. Ông này xem đến 7 giờ tối thì chuyển cho cô Brooks ở Manor House; vì đọc sau nên cô này được giữ báo lại. Về mùa hè, mỗi lần làm mứt bà Carey thường xin cô một tờ để dạy lọ. Khi ông ngồi đọc báo thì bà đội nón đi mua đồ. Philip đi theo bà. Blackstable là một làng đánh cá. Dọc bờ lớn trong làng có cửa tiệm, ngân-hàng, nhà bác-sĩ và nhà của hai hay ba chủ ghe than. Chung-quanh bên là những phố-xá tồi-tàn của người nghèo và dân chài lưới. Vì họ không theo quốc-giáo nên không đáng kể. Khi bà Carey sắp gặp các mục-sư giáo phái khác ở ngoài đường, bà rẽ sang bên kia để tránh, và nếu không kịp tránh thì bà cúi mặt xuống đi thẳng. Việc có ba tiểu-giáo-đường, ở High Street là một điều điểm-nhục mà Cha xứ Carey không chịu. Ông không thể không nghĩ rằng đáng lẽ phải có luật-pháp để cấm dựng các tiểu-giáo-đường đó.

Mua sắm ở Blackstable không phải là một chuyện giản-dị, vì nhiều người không theo quốc-giáo, nhất là nhà thờ chính xứ lại ở cách thành-phố những hai dặm và cần phải mua bán riêng với những người đi nhà thờ chính. Bà Carey biết rõ là tục-lệ nhà Cha xứ có thể làm thay đổi đức tin của một nhà buôn. Ví dụ có hai người bán thịt đi nhà thờ chính; họ không hiểu cho rằng Cha xứ không thể mua bán với cả hai người cùng một lúc; họ cũng không bằng lòng về sự thu xếp đơn-giản của Cha xứ là giao-dịch 6 tháng với nhà này rồi 6 tháng khác với nhà kia. Người lái không được bán thịt cho Cha xứ luôn luôn đe sẽ không đi nhà thờ chính, còn Cha xứ thì đôi lần cũng bó buộc phải dọa rằng hẳn không đi lễ là làm và vô-lý hơn nữa, nếu hẳn thực-sự đi tiểu-giáo-đường, thì dù thịt của hẳn bán có ngon đến đâu, ông cũng bó buộc phải bỏ hẳn không mua. Thỉnh-thoảng bà Carey ngừng lại ở ngân-hàng để gửi thư cho người quản-trị tên là Josiah Graves; ông ta vừa làm trưởng-ban hát lễ, vừa làm thủ-quỹ, vừa trông coi nhà thờ. Ông người cao, gầy, mặt mỏng, mũi dài, và tóc thì bạc phơ nên Philip cho là già quá. Ông trông coi việc kế-toán trong địa-phận, tổ-chức những bữa tiệc cho ban hát và trường-học. Tuy trong giáo-đường không có đại-phong-cầm nhưng ở Blackstable người ta công-nhận là đoàn hát lễ do ông diu-dắt hay nhất ở Kent, cho nên khi có đại lễ như cuộc viếng thăm của đức Giám-mục để làm lễ Thêm-sức hay của Tu-viện-trưởng để thuyết-giáo về ngày Tạ-ơn Chúa, chính ông Josiah Graves lo-liệu các nghi-thức. Công việc này ông chỉ hỏi qua ý-kiến Cha xứ, rồi không ngần-ngại tự-tiện thi-hành, cho nên

mặc dầu Cha xứ luôn luôn muốn tránh sự rắc-rối, cũng rất bất bình vì cách làm việc của ông. Thực ra ông tự coi mình là một người quan-trọng nhất trong địa-phận. Ông Carey thường bảo vợ rằng nếu Josiah Graves không coi chừng thì có ngày sẽ bị quở trách. Nhưng bà Carey vẫn khuyên chồng nên nhân nhượng đối với Josiah Graves. Bà nói: hẳn có thiện chí đấy; còn việc hẳn không hoàn toàn lịch-sự thì cũng không phải lỗi tại hẳn. Cha xứ, tự an-ủi trong việc hành-đạo, nên cố nhịn; nhưng ông báo thù bằng cách lúc vắng Josiah Graves ông gọi hẳn là tên Bismarck coi nhà thờ.

Có một lần hai người cãi nhau to, và khi nghĩ lại chuyện đó, bà Carey rất khó chịu. Vị ứng-cử viện Bảo-thủ tuyên-bổ có ý-định nói chuyện trong một buổi mít-tinh tại Blackstable. Josiah Graves định dàn xếp để cuộc nói chuyện diễn ra tại sảnh-đường Hội-Thánh, nên đến nói với ông Carey để ông nẩy giới-thiệu vai lời. Hình như ứng-cử-viên muốn yêu cầu Josiah Graves làm chủ-tọa. Đó là điều mà ông Carey ông thể dung-thứ được. Ông có một quan-diểm vững chắc về sự tôn-kính dành cho giáo-sĩ; việc viên cai-quản nhà thờ lên làm chủ-tọa một cuộc họp trong khi có mặt Cha xứ ở đó là một điều mỉa-mai. Ông cho Josiah Graves biết rằng Cha xứ là một nhân-vật độc-tôn trong giáo-xứ. Josiah Graves đáp tụy Cha xứ là người đầu tiên thừa-nhận phạm-trật trong giáo-đường, nhưng đây là một vấn-đề chính-trị. Graves còn nhắc Cha xứ là Chúa đã dạy cái gì của César phải trả cho César. Về điểm này ông Carey bảo là qui-sứ có thể nhắc lời Chúa để làm lợi cho nó, chỉ ông mới có quyền về sảnh-đường giáo-hội và nếu ông không được mời làm chủ-tọa ông sẽ không cho phép sử-dụng nơi đó để tổ-chức một buổi mít-tinh chính-trị. Josiah Graves bèn bảo ông Carey rằng ông cứ làm theo ý muốn còn hẳn, hẳn thấy tiểu-giáo-đường Wesleyan cũng là một địa-điểm tốt cho cuộc họp. Ông Carey cũng bảo thẳng Josiah Graves rằng nếu hẳn đặt chân vào nơi dù là một ngôi đền nhỏ của bọn tà-giáo thì hẳn không còn xứng-dáng làm một người cai-quản nhà thờ của giáo-khu Thiên-Chúa nữa. Josiah Graves bèn từ bỏ các chức-vụ và ngay tối hôm đó, cho người đến lấy áo lễ của hẳn. Chị hẳn, cô Graves, người giữ nhà cho hẳn, và là thư-ký trong Câu-lạc-bộ Bảo-sanh, nơi cấp quần áo, tã lót, than và 5 shillings cho mỗi người có thai nghèo khó, cũng xin từ-chức. Ông Carey nói rằng từ đây ông mới chính là chủ nhà ông. Nhưng không bao lâu ông nhận thấy ông phải trông nom cả những việc mà ông không biết gì. Còn Josiah Graves, sau giờ phút tức giận, cũng nhận thấy hẳn đã mất cái thú-vị chính trong đời người.

Bà Carey và cô Graves rất buồn lòng về vụ xích-mịch này. Hai người viết thư riêng hẹn gặp nhau và quyết định tìm cách dàn-hòa. Rồi người thì nói với chồng, người thì nói với anh từ sáng đến tối; và vì họ khéo thuyết-phục nên sau ba

tuần-lễ, cuộc giảng-hòa có kết-quả. Đó là điều lợi-ích cho cả hai bên và họ cho rằng vì hai người đều kính yêu Chúa nên mới có thể xử hòa với nhau. Cuộc họp được tổ-chức tại sảnh-đường Giáo-hội. Vị bác-sĩ trong tỉnh được mời làm chủ-tọa còn Carey và Josiah Graves đều đọc diễn-văn.

Khi xong việc với người làm ở ngân-hàng, bà Carey thường lên lầu chuyện trò một lát với bà chị chồng. Trong khi hai bà nói chuyện về các việc trong giáo-xứ, chuyện Cha phó, chuyện cái mũ của bà Wilson - ông Wilson là người giàu nhất vùng Blackstable, mỗi năm kiếm được tới 5 trăm bảng và cưới một chị bếp làm vụng trong phòng khách ngoài phòng khách chăm-chú xem những con cá vàng tung-tăng trong một cái bình. Cửa sổ phòng khách này ít khi mở, trừ khi cần thay đổi không-khi vài phút về buổi sáng; hơi trong phòng khó thở mà Philip cho là nó có liên-hệ bí-mật đến vấn-đề ngân-hàng.

Rồi bà Carey nhớ ra là bà còn phải đến nhà hàng rau, nên hai bác cháu lại ra đi. Khi mua bán xong, họ xuống một phố ngách có những căn nhà nhỏ, phần nhiều làm bằng gỗ, nơi trú-ngụ của dân chài lưới (đó đây, một ngư-phủ ngồi trên ngưỡng cửa và lưới và những tấm lưới phơi ngoài cửa), rồi tới một bãi biển nhỏ, hai bên là những kho hàng, nhưng có thể trông ra biển. Bà Carey đứng đó vài phút nhìn biển màu vàng và đục (chẳng hiểu bà suy nghĩ gì), còn Philip thì kiểm những hòn sỏi mỏng để ném thia-lia. Rồi họ đi thẳng, nhìn lên nhà bưu-điện để xem mấy giờ, gặt đầu chào bà bác-sĩ Wigram đang ngồi khâu bên cửa sổ, đoạn về nhà.

Một giờ thì ăn trưa. Thứ hai, thứ ba, thứ tư có thịt bò chiên, thái nhỏ, và thứ năm, thứ sáu, thứ bảy có thịt cừu còn chủ-nhật thì ăn thịt gà. Chiều chủ-nhật, Philip học bài. Bác trai dạy Latin và toán tuy ông không giỏi hai môn đó, bác gái dạy Pháp-văn và đàn dương-cầm. Bà đốt Pháp-văn, nhưng về dương-cầm thì bà chơi cũng khá đủ để đệm theo những bài cổ-ca mà bà vẫn hát trong 30 năm nay. Ông Carey kể cho Philip rằng khi ông còn là Cha phó, bà đã thuộc lòng 12 bài hát và khi có người yêu cầu, bà có thể hát ngay tức khắc. Bà thường đứng yên hát khi có tiệc trà trong nhà. Ít người được gia-đình ông Carey mời tới dự tiệc. Khách khứa chỉ có Cha phó, Josiah Graves cùng cô em và vợ chồng bác sĩ Wigram. Tiệc xong, cô Graves thường chơi một hay hai bản *Songs Without Words* của Mendelssohn còn bà Carey hát những bài như *When The Swallows Homeward Fly* hay bài *Trot, Trot, My Pony*.

Nhưng gia-đình ông Carey không hay tổ-chức tiệc trà vì việc sửa-sạc rất phiền và khi tan tiệc, ông bà thường mệt mỏi. Họ thích uống trà trong gia-đình, xong thì đánh cờ. Bà Carey thường để cho chồng thắng vì ông không muốn thua. Tám giờ tối, họ ăn đồ nguội, toàn món ăn cũ, vì sau khi uống trà Mary Ann ngại

làm việc nên bà Carey phải dọn dẹp giúp. Bà Carey chỉ ăn bánh mì và bọ với ít trái cây nấu đường, nhưng ông Carey thì được một miếng thịt nguội. Ngay khi ăn xong, bà Carey rung chuông cầu nguyện còn Philip thì đi ngủ. Cậu không bằng lòng để Mary Ann phải cởi quần áo cho cậu và sau ít lâu, cậu đã dành được quyền thay mặc lấy. Chín giờ thì Mary Ann bưng đĩa trứng vào. Bà Carey biên ngày lên từng chiếc trứng và ghi tổng số vào một cuốn sổ. Đoạn bà đem đĩa trứng lên lầu. Ông Carey tiếp-tục đọc một cuốn sách cổ, tới lúc đồng-hồ điểm mười tiếng thì ông đứng dậy, tắt đèn và theo bà đi ngủ.

Khi Philip đến, ông bà thấy hơi khó định ngày tắm cho cậu. Nồi nấu nước hư nên ít có nước nóng, không thể để hai người cùng tắm một ngày. Ở Blackstable chỉ một mình ông Wilson là có phòng tắm riêng, Mary Ann tắm ở dưới bếp tới thứ hai để được sạch-sẽ từ đầu tuần-lễ Ông William Carey không thể tắm ngày thứ bảy vì ngày hôm sau ông bận rộn và tắm xong ông hay mệt, nên ông tắm vào thứ sáu. Cũng vì lẽ ấy nên bà thì tắm hôm thứ năm. Dĩ-nhiên còn có ngày thứ bảy là để cho Philip, nhưng Mary Ann cho biết chị không thể đốt lửa và tắm cho cậu tới đó vì chủ-nhật, chị phải nấu nướng, làm bánh và bận bao việc khác. Philip thì ông Carey thì còn phải giảng kinh. Nhưng ông lại muốn Philip phải được sạch sẽ ngày chủ-nhật. Mary Ann cho biết thà chị đi chỗ khác còn hơn là bị bắt buộc, chị làm việc đã 18 năm, không muốn làm thêm gì nữa và ông bà nên nề chị. Philip thì nói rằng cậu có thể tắm rửa lấy không cần ai cả. Thế là xong xuôi. Mary lại cho rằng Philip tắm một mình sẽ bẩn, thà không tắm còn hơn - và sau hết, dù là tới thứ bảy, chị cũng phải cố tắm cho Philip, không phải vì cậu cần đi lễ, mà vì chị không thể để một đứa nhỏ tắm không sạch.

(còn tiếp)

NGUYỄN-HUY-ĐÓN dịch

«CULTURE LIBRARY»

published by the Directorate of Cultural Affairs
Department of National Education

Already Published :

- SỬ-LIỆU VIỆT-NAM** (Documents on Vietnamese History)
by *Tuấn-Lý Huỳnh-khắc-Dùng*.
(Culture Library No 1, 246 pages) 25\$
- CÔ-ĐỒ HUẾ** (Huế, the Ancient Capital)
(History, Monuments, Sites and Anthology) by *Thái-Văn-Kiểm*
(Culture Library Nos 7-8, 487 pages, 53 illustrations and maps). 70\$
- ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : LỤC-TỈNH NAM-VIỆT**
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :
The 6 provinces of South Vietnam)
translated by *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.
Part I (Culture Library No 2, 152 pages). 20\$
Part II (Culture Library No 3, 132 pages). 15\$
- ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TỈNH THANH-HÓA**
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :
Province of Thanh-Hoa)
translated by *A-Nam Trần-Tuần-Khải*.
Part I (Culture Library No 4, 122 pages). 15\$
Part II (Culture Library No 5, 174 pages). 15\$
- ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :
Central Vietnam)
translated by *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.
a) *The Capital* (Culture Library No 6, 96 pages). 15\$
b) *Provinces of Quảng-Trị and Quảng-Bình*
(Culture Library No 9, 208 pages) 20\$
c) *Province of Thừa-Thiên*, Part I (Culture Library No 10, 144 pages) 15\$
Part II (Culture Library No 11, 152 pages) 15\$
Part III (Culture Library No 12, in press) 15\$
- On sale in all bookshops of the Capital and the provinces, in **THÔNG-NHẤT** (329 Bđ Trần-Hưng-Đạo, Saigon) and at the Directorate of Cultural Affairs (266 Công-Lý Street, Saigon).

TIN-TỨC VĂN-HÓA

A. TIN TRONG NƯỚC

1. LỄ SONG-THẤT 1963.

Ngày 7-7-63, Việt-Nam Cộng-Hòa hân hoan kỷ-niệm Ngày Song-Thất. Ngày này năm 1954, trong khung-cảnh vô cùng bi-đát của lịch-sử nước nhà, Chí-Sĩ Ngô-Đình-Diệm đã chấp-chánh đề đảm-nhiệm lấy vận-mạng của dân-tộc.

Từ ngày đó, với lòng ái-quốc vô-biên, với đức-độ liêm-khiết và tài kinh-luân thao-lược, Người đã khai-sáng một Kỳ-Nguyên Mới cho Việt-Nam, kỷ-nguyên của Tự-Do và No ảm. Nền Cộng-Hòa thành-lập, và những cơ-chế dân-chủ ngày được thêm kiện-toàn để bảo-đảm cho người dân một đời sống an-vui trong tinh-thần dân-chủ pháp-trị và tôn-trọng giá-trị con người.

Nhiều phương-lược mới đã được khai-sáng và áp-dụng để chống Cộng-sản xâm-lược, và đưa nước nhà ra khỏi tình-trạng chậm tiến muôn đời của những nước Á-Châu nghèo khó. Vì thế ngày Song-Thất 1963, chúng ta đã chứng-kiến những thành-quả rực-rỡ của một chính-sách chung của quốc-gia trên mọi lĩnh-vực của cuộc sống, và những thành-quả hùng-biện của những phương-lược ấy.

Quốc-sách ấp chiến-lược đã đến giai-đoạn trưởng-thành. 7.205 ấp hoàn-thành trên toàn-quốc, chiếm 2/3 tổng-số ấp dự-trù đã đem lại một khung-cảnh sống cho 2/3 dân-số. Hơn 6.000 ấp đã bầu cử Ban Trị-Sự, thực hiện mộng ước của những nhà Cách-mạng tiền-bối : đem dân-chủ pháp-trị về tận thôn ấp.

Ấp chiến-lược trong khi bảo-đảm ấm no và công-bằng xã-hội theo một thang giá-trị mới, là một thành-trị chống Cộng và Chậm tiến. Ấp chiến-lược còn là nơi trở về của những người lầm đường : Chính-sách Chiêu-Hồi được Tổng-Thống ban hành và trong 5 tháng, 7.500 người đã trở về quy chính. Họ là thành phần căn-bản của lực-lượng năm vùng, nhưng đã sáng-suốt sớm nhận-định được chính-nghĩa để trở về góp phần trong công-cuộc vận-động đời sống mới cho toàn-dân.

Từ miền thâm-sơn cùng cốc, đồng-bào Thượng từ trước sống dưới sự áp-bức của Cộng-sản cũng đã cương-quyết dứt khoát với Việt-Cộng, trước chính-sách

dân-tộc lành mạnh của Tổng-Thống. Họ đã đốt nhà, thu dọn gia-tài trên chiếc gùi trên lưng, dù Việt-Cộng đe dọa giết chóc, bỏ buôn rừng cũ chạy về miền xuôi. Về đây, họ tự-do như trước, nhưng không còn phải đói khổ.

Người đồng-bào Thượng thứ 200.000 đã trở về, và số người trở về còn lên nữa, để gia-nhập vào Cộng-đồng Thân-hữu của dân-tộc Việt-Nam dưới chính-thể Cộng-hòa Nhân-vị. (Theo tin Việt-Nam Thông-Tần-xã).

2. TÔNG-THỐNG CHỦ-TỌA LÊ KHAI-MẠC TRIỀN-LÂM THÀNH-TÍCH KIẾN-TRÚC.

Sáng 7-7-63, hồi 10 giờ, Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa đã chủ-tọa lễ khai-mạc Triền-lâm Kiến-trúc, tổ-chức lần đầu tiên ở Việt-Nam nhân-dịp lễ Song-Thất 1963, tại Viên-đình Tao-Đàn.

Tham-dự buổi lễ có Phó Tổng-Thống Nguyễn-Ngọc-Thơ, ông Trương-Vinh-Lễ, Chủ-tịch Quốc-Hội, ông Đình-Văn-Huân, Chủ-tịch Viện Bảo-Hiến, các vị Bộ-Trưởng; Đại-Tướng Lê-Văn-Tỵ, Tổng Tham-Mưu-Trưởng Quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa, ông Đờ-Trưởng Vũ-Tiến-Huân cùng rất đông các giới văn-hóa Thủ-Đô.

Nhiều nhân-vật Ngoại-giao và Lãnh-sự-đoàn cũng hiện-diện, trong số có ông Nielsen-Vương-Từ-Kiến, Đại-sứ Trung-Hoa Dân-Quốc.

Ông Cố-Vấn Chính-Trị tại phủ Tổng-Thống và Bà Ngô-Đình-Nhu cũng đã bắt-thần đến dự buổi lễ vào hồi 10 giờ 30.

Nhiều phân-đội Thủy-Lục Không-quân đã dàn chào Tổng-Thống lúc Người đến Viên-đình Tao-Đàn hồi 10 giờ.

Ông Trương-Công-Cừu, Bộ-Trưởng Đặc-nhiệm Văn-hóa Xã-hội, Đại-Tướng Lê-Văn-Tỵ và các Kiến-trúc-sư Ngô-Viết-Thụ, Cố-vấn và Lê-Văn-Lâm, Chủ-tịch Ban Tổ-chức Triền-lâm đã ra nghênh đón Tổng-Thống.

Trước hết, Kiến-trúc-sư Ngô-Viết-Thụ đọc diễn-văn nhấn mạnh rằng cuộc triền-lâm này trình-bày tổng-quát các thực-hiện của chánh-phủ trong vòng chín năm gần đây, trong lãnh-vực kiến-trúc, thiết-kế đô-thị và chỉnh-trang lãnh-thổ.

Kiến-trúc-sư Ngô-Viết-Thụ nói tiếp rằng trong công-cuộc này cũng như trăm ngàn công-việc khác, Tổng-Thống không những chỉ ra lời chỉ dạy, mà còn không quản ngày đêm "nghiên-cứu từ phương-pháp chỉnh-trang lãnh-thổ cho đến thiết-kế Đô-thị, hay cả mái nhà tranh nghèo của gia-đình nông-phu, hay cư-xá công-chức, các khu xã-hội, sao cho đúng với đường lối Nhân-Vị, vừa với tài-nguyên Quốc-gia, phù-hợp với phong-tục, lễ-nghi quê-hương".

Cuối cùng với lời lễ văn-hoa và gọi hình ảnh, Kiến-trúc-sư đã mô-tả bộ mặt mới của đất nước và những dấu hiệu-chứng tỏ nền thịnh-vượng của quốc-gia

khắp nơi trong nước, từ miền Cao-Nguyên đến miền đồng bằng Nam-Việt. Kiến-trúc-sư nói:

"Ngày nay du-khách đi từ Thất-Sơn, Tri-Tôn về Ba-Thê thấy những Công-trình Chính-trang vùng Ân-Long, Hạc-Phong, Vọng-Thê, núi Sóc, núi Trọi thấy dân nhờ những thị-trấn mới lập, đường-sá mới đắp, với thuyền tãi xi-măng từ Hà-Tiên về, qua Óc-Eo lên Long-Xuyên, không khỏi nhớ đến công của Tổng-Thống và Chánh-Phủ đã phục-sinh lại nền văn-minh Phù-nam cũ".

Tiếp lời Kiến-trúc-sư Ngô-Viết-Thụ, ông Bộ-Trưởng Trương-Công-Cừu nhấn-mạnh những công-cuộc thiết-kế đô-thị và chỉnh-trang lãnh-thổ thực-hiện cho đến nay đã bao-hàm một ý-nghĩa sâu-xa vì rằng dưới chế-độ Cộng-Hòa Nhân-Vị "con người không phải là một cá-nhân riêng-rẻ, một con số vô-danh trừu-tượng mà trái lại là một chủ-thể duy-nhứt liên-quan mật-thiết với gia-đình, với nhà ở, mảnh đất thửa vườn cần-thiết cho sự sống chung. Do đó, vấn-đề kiến-trúc dù nặng về kỹ-thuật, nghệ-thuật cũng như về nhu-cầu xã-hội vẫn phải luôn-luôn bảo-đảm sự này nở toàn-diện của con người trong thực-tại nội-tâm cũng như trong đời sống cộng-đồng và trong sứ-mạng thiêng-liêng cao-cả".

Đoạn, ông Bộ-Trưởng cho biết cuộc triền-lâm sơ-di thành-tựu được, phần lớn là nhờ Ban Tổ-chức, do ông Giám-đốc Nha Mỹ-thuật Học-vụ làm Chủ-tịch và sự trợ giúp của các cơ-quan Chính-phủ và các tổ-chức tư-nhân.

Cuối cùng, ông Bộ-Trưởng giới-thiệu Ban Tổ-chức và các cơ-quan tham-dự lên Tổng-Thống.

Huấn-từ của Tổng-Thống

Tiếp đó, Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa đã ban Huấn-từ như sau:

"Tôi rất vui-vẻ chủ-tọa lễ Khai-mạc triền-lâm thành-tích Kiến-trúc hôm nay, để nhấn-mạnh tầm quan-trọng của công-cuộc kiến-thiết quốc-gia.

"Cách đây chín năm, khi nước nhà vừa thu hồi độc-lập, lãnh-thổ bị phân chia, còn bao nhiêu áp-lực của Phong Thực Cộng-đe-đọa. Đương đầu với tình-trạng chậm tiến, chia rẽ và giặc xâm-lãng cộng-sản, chúng ta đã phải tập-trung nhân, vật, lực để chiến-đấu cho sự sống còn của dân-tộc. Do đó, việc thực-hiện các công-tác tân-tạo là một cố-gắng lớn-lao tỏ rõ ý-chí cương-quyết của chúng ta tiếp-tục công-trình lịch-sử của Tổ-Tiên.

"Ngày xưa, ông bà ta trong cuộc Nam tiến, một tay cầm kiếm, một tay cầm bay, cũng đã phải vừa chiến-đấu vừa xây-dựng non sông đất nước.

"Nhờ sự đoàn-kết đấu-tranh, ta đã thành-công trong giai-đoạn đầu của cuộc chỉnh-trang lãnh-thổ. Từ thành-thị đến thôn quê, chúng ta lần-lượt tu-bổ các vùng bị tàn-phá, định-cư cho đồng-bào miền Bắc lánh nạn cộng-sản, thiết-lập Dinh-diễn, khu Trù-mật.

“Đề phát-triển kinh-tế và nâng cao đời sống văn-hóa, xã-hội, các trường học phổ-thông, kỹ-thuật, Đại-học, các bệnh-viện, cư-xá, một số lớn các cơ xưởng kỹ-nghệ đã được xây cất liên-tục trong khoảng thời-gian qua. Về mặt giao-thông, chúng ta đã tái-lập và khuếch-trương hệ-thống đường bộ, đường thủy và đường hàng-không. Một kế-hoạch đại qui-mô đã thay đổi hẳn cuộc-điện của Nước ta và tạo điều-kiện cho sự tiến-bộ sâu rộng trong các lãnh-vực, trong đó một phần rất quan-trọng đã được thực-hiện, nhất là ở vùng thôn-quê do phong-trào phát-triển cộng đồng mà Thanh-niên Cộng-hòa là động-lực. Trực-tiếp ích-lợi cho Thủ-Đô, chương-trình dẫn nước sông Đổng-Nai, xây-dựng đập Đa-Nhim hiện đang xúc-tiến, sẽ hoàn-thành trong ngày gần đây.

“Trong công cuộc chỉnh-trang lãnh-thở và kiến-thiết, những kỹ-thuật-gia, kiến-trúc-sư, kỹ-sư chuyên-viên trong khu-vực tư, cũng như các nhà sản-xuất vật-liệu và trang-trí đã góp phần cộng-tác dồi-dào đắc-lực.

“Hơn một năm nay, cao-trào cách-mạng xây-dựng Ấp Chiến-lược đã cải biến toàn-điện đời sống thôn quê từ vật-chất đến tinh-thần, từ kinh-tế chỉnh-trị đến văn-hóa xã-hội. Cuộc vận-động lịch-sử này sẽ đem lại cho đồng-bào ta một đời sống mới, thỏa mãn các nhu-cầu chánh-yếu của mỗi người để tiến tới một xã-hội kỹ-nghệ và khoa-học phục-vụ nhân-vị và cộng-đồng.

“Những thành-công chín năm qua trong cuộc kiến-thiết nước nhà đi đôi với những thắng-lợi quân-sự do chủ-nghĩa chiến-tranh mới của chúng ta mang lại, khiến chúng ta phấn-khởi và tin-tưởng vào thắng-lợi cuối cùng của dân-tộc, bất chấp mọi gian-lao thử-thách.

“Nhân buổi lễ khai-mạc triển-lãm kiến-trúc hôm nay, tôi đặc-biệt khen ngợi thiện-chí và óc sáng-tạo xây-dựng của toàn-thể các kỹ-thuật-gia cũng như nhân-công, đã dùng viên gạch, phiến đá kiến-thiết nước nhà, và tôi cũng khen ngợi sự cố-gắng của ban tổ-chức và các cơ-quan tham-dự đã hoàn-thành cuộc triển-lãm này một cách mỹ-mãn. Trong chương-trình kiến-tạo chung, tôi cảm ơn các nước bạn đã giúp đỡ xú ta một cách hữu-hiệu”.

Thăm khu Triển-lãm

Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa và các nhân-vật hiện-diện, sau đó, đã được các kiến-trúc-sư, kỹ-thuật-gia, kỹ-nghệ-gia và giám-đốc xí-nghiệp hướng-dẫn đi thăm các phòng triển-lãm.

Cuộc viếng thăm bắt đầu từ Phòng Danh-dự rồi qua 25 phòng triển-lãm xếp đặt theo vòng cung của Viên-đỉnh Tao-Đàn.

Tại đây, dưới hình-thức những mô-hình, bức họa, tranh ảnh và sơ-đồ, người ta có thể thấy tất cả những công-cuộc chỉnh-trang lãnh-thở, thiết-kế đô-

thị và kiến-trúc đã thực-hiện hoặc đang dự-trù trong mọi ngành như công ốc, cư-xá, công-trường kỹ-nghệ v.v...

Trưởng Cao-đẳng Kiến-trúc và Kiến-trúc-sư-đoàn Việt-Nam cũng có phòng triển-lãm chung với các xí-nghiệp hỗn-hợp và các tư vụ kỹ-nghệ như Công-quản nhà máy gỗ Tân-Mai, Mỏ Than Nông-Sơn, các hãng dệt Vinatexco, Sicovina, Vimytex, nhà máy giấy Cogido, hãng Shell, v.v...

Các nhân-vật, sau cùng, đứng lại trước ba kiêu nhà do ba hãng tư-nhân trình-bày với mục-đích giới-thiệu vật-liệu xây cất làm hoàn-toàn bằng nguyên-liệu trong nước.

Tổng-Thống trở về Dinh Gia-Long vào hồi 11 giờ 30.

3. GIAO-CHỨC PHẢI Ý-THỨC ĐƯỢC VẬN-MẠNG CỦA* NƯỚC NHÀ.

Trong lễ khai-mạc Nghị-luận-hội của giáo-chức Việt-Nam sáng 14-6, ông Ngô-Đình-Nhự, Cố-Vấn Chính-Trị tại Phủ Tổng-Thống, nhắc-nhở rằng giáo-chức phải có ý-thức đảm-nhiệm lấy vận-mạng của nước nhà, và tranh-đấu để biến-chuyển vận-mạng đó cho hợp với quyền-lợi và nguyện-vọng chính-đáng của toàn-dân và nhân-loại.

Ông Cố-Vấn Chính-Trị nói tiếp rằng vận-mạng nước nhà không phải là một ý-niệm trừu-tượng, trái lại gồm những thực-tại thường ngày về mọi phương-diện trong đời sống của nhân-dân. Thực-tại đó, có hiện-tượng chậm tiến, hiện-tượng Cộng-sản và hiện-tượng chậm-tiến, đang bước qua tiến-bộ xã-hội, tiến-bộ kinh-tế.

Trong khung-cảnh đó, ông Cố-Vấn nói, nền giáo-dục Việt-Nam phải có tinh-thần tranh-đấu sát với thực-tại Việt-Nam và muốn thế, phải chiến-lược-hóa chương-trình giáo-dục.

Một vấn-đề trọng-đại

Trước 140 đại-biêu tham-dự Khóa Nghị-luận-hội do Tổng-Hội Giáo-Giới Việt-Nam tổ-chức tại trụ-sở số 2, Đại-lộ Thống-Nhất, ông Cố-Vấn Chính-Trị nhấn mạnh tính-cách trọng-đại của vấn-đề chiến-lược-hóa. Ông Cố-Vấn nói đây là vấn-đề vị-trí-hóa nền giáo-dục quốc-gia trong những hiện-tượng của nước chậm tiến trong công cuộc cách-mạng vận-động đời sống mới của dân-tộc.

Trước đó, ông Cố-Vấn đã đề-cập đến vai trò quan-trọng của giáo-chức trong quốc-gia chậm-tiến. Ông Cố-Vấn nói trong khi phụ-huynh hoàn-toàn bận-bịu và lo nghĩ cho cuộc sống hằng ngày, việc học-vấn của con cái cũng như chăm-sóc về đạo-đức đều phải trao trong tay của giáo-sư, giáo-viên cả. Vì thế, không những các giáo-chức cho con em những hiểu biết, những suy-luận tổng-quát, theo hệ-thống khoa-học chuyên-môn, mà còn phải dạy vẽ con em trong tình-trạng cụ-thể

của quốc-gia để khi học-tập xong có thể đem những điều đã học hỏi ra áp-dụng trong nội-dung của quốc-gia Việt-Nam.

Khóa Nghị-luận-hội mở trong ba ngày

Khóa Nghị-luận này do Tổng-Hội Giáo-Giới tổ-chức và quy-tụ 140 đại-biểu là những Chủ-tịch, Tổng thư-ký Liên-Chi Hội Giáo-Giới các tỉnh trên toàn-quốc. Buổi lễ khai-mạc đặt dưới quyền chủ-tọa của ông Cố-Vấn Chính-Trị, với sự tham-dự của rất đông quan-khách, trong số đó ta thấy có ông Trương-Vinh-Lễ, Chủ-Tịch Quốc-Hội, ông Đinh-Văn-Huân, Chủ-Tịch Viện Bảo-Hiến, các vị Bộ-Trưởng.

Khóa Nghị-luận-hội có đề-tài chính là « Chiến-lược-hóa nền giáo-dục Quốc-gia » và do Giáo-sư Trương-Văn-Chôm, Chủ-Tịch Tổng-Hội Giáo-Giới, làm Giám-Đốc.

Trong diễn-văn khai-mạc, ông Giám-Đốc cho biết về Khóa Nghị-luận-hội.

Ông nói :

« Trước tiên, chúng tôi sẽ được hân-hạnh nghe những lời giáo-huấn của Ông Cố-Vấn Chính-Trị, và kế tiếp là những tư-tưởng, những kinh-nghiệm cùng ý-kiến của Ông Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục, của Quý-Vị học-giả về các vấn-đề đường lối giáo-dục cách-mạng. Tất cả đều là những kim chỉ-nam cho tư-tưởng hành-dộng và nghiệp-vụ của giáo-chức chúng tôi trong tương-lai.

« Những vấn-đề sẽ được thuyết-trình nơi đây chắc-chắn là những đề-tài phong-phú nhất về giáo-chức chúng tôi căn-cứ theo đó mà học hỏi thảo-luận hầu tìm ra những nguyên-lý của toàn chân, toàn thiện, toàn mỹ, cứu-cánh của nền giáo-dục có giá-trị mà chính-phủ và nhân-dân đang theo đuổi để thực-hiện ».

Ông Giám-đốc cũng đề-cập đến sứ-mạng của giáo-chức ngày nay. Ông nói : « Giờ đây, không phải dạy văn-chương chữ nghĩa cho con em học-sinh mà hơn nữa, còn phải nhận-lãnh trọng-trách đào-tạo một thế-hệ thanh-niên mới, từ thế-xác đến tâm-hồn phù-hợp với cao-trào tiến lên của cuộc cách-mạng nhân-vị ».

Buổi lễ khai-giảng chấm dứt khoảng 10 giờ. Sau khi tiễn quan-khách ra về, các đại-biểu vào phòng tiếp-tục công-tác.

4. ÔNG CỐ-VẤN CHÍNH-TRỊ KHUYẾN-NHỦ CÁN-BỘ BẢO-VỆ BƯỚC TIẾN CỦA CUỘC CÁCH-MẠNG DÂN-TỘC.

Tại Trại Nhân-Trí-Dũng, Suối Lồ-ồ sáng 22.6.63, ông Ngô-Đình-Nhu, Cố-Vấn Chính-Trị tại Phủ Tổng-Thống, đã khuyến nhủ cán-bộ bảo-vệ bước tiến của cuộc cách-mạng và đấu-tranh dân-tộc hiện nay.

Ngô lời cùng với 238 khóa-sinh tham-dự khóa hội-thảo 12/3 về Quốc-sách Ấp chiến-lược và chính-sách Chiêu-hồi tại đây, ông Cố-Vấn Chính-Trị nói rằng

liền trong một năm học-tập và thực-hiện, « chúng ta đã gây ra trong quần-chúng trong cũng như ngoài nước, niềm tin-tưởng ngày thêm vững-chắc vào sự thắng-lợi của dân-tộc Việt-Nam ».

Ông Cố-Vấn Chính-Trị nói tiếp : « Trong lúc chúng ta đang tiến bước rõ-rệt về văn-hóa, phù-hợp với tình-trạng chậm tiến, và tiến bước trong lĩnh-vực quân-sự cũng như hành-chánh với một triển-vọng đầy hứa-hẹn, bổn-phận của cán-bộ là phải làm sao bảo-vệ bước tiến đó, đừng để một ai, dù trong hay ngoài nước, có thể cản trở đã tiến đưa chúng ta đến thắng-lợi cuối cùng ».

Nhấn mạnh rằng hiện nay chưa có một giải-pháp nào kiến-hiệu hơn cho vấn-đề quốc-gia như giải-pháp của Quốc-sách Ấp chiến-lược và với sự phong-phú hóa của cán-bộ, ông Cố-Vấn cho rằng cán-bộ phải dứt-khoát tư-tưởng, không được lưỡng-chùng hay có thái-độ rụt-rè trước những biến-cổ làm giảm bước tiến nói trên.

Một khóa có tinh-thần "gia-đình"

Khóa 12/3 này chỉ là một khóa hội-thảo ôn-tập và là một dịp cho các cựu dự-thỉnh-viên các khóa trước trao-đổi kinh-nghiệm, khai-giảng trước đây sau ngày và hôm nay là ngày bế-giảng dưới sự chủ-tọa của ông Cố-Vấn Chính-Trị.

Trong khi phúc-trình về Khóa Hội-thảo, Thiếu-Tướng Trần-Ngọc-Tám, Quyền Giám-Đốc Trung-Tâm Huấn-luyện, đã cho biết tất cả có 238 dự-thỉnh-viên tham-dự, trong số chỉ có 17 người là nhân-viên cao-cấp chưa tham-dự khóa nào mà thôi.

Trong tổng số nói trên, có 5 vị Tỉnh-Trưởng, 1 Phó Tỉnh-Trưởng, 23 Quận-Trưởng, 62 cán-bộ Trung-ương, 11 cán-bộ địa-phương, và 36 Sĩ-quan Tham-mưu Quân-đội, Bảo-an.

Tiếp đó, khi nêu những thắc-mắc chung của các dự-thỉnh-viên về ông Cố-Vấn chỉ-thị, ông Trương-Công-Cừu, Bộ-Trưởng Đặc-nhiệm Văn-Hóa Xã-Hội, thay mặt các thuyết-trình-viên, nhận xét rằng Khóa 12/3 này có tinh-thần gia-đình đặc-biệt. Sở-di vậy, theo lời ông Bộ-Trưởng, là vì họ đã dự nhiều khóa trước, quen tinh-thần vui-về trẻ-trung, cởi mở phấn-khởi.

Sau khi ông Cố-Vấn đã giải đáp những thắc-mắc của các dự-thỉnh-viên, một đại-diện đã lên bày tỏ cảm-tưởng và một đại-diện khác tuyên-đọc kiến-nghị kinh-đệ lên Tổng-Thống.

Buổi lễ bế-giảng được kết-thúc bằng một chương-trình văn-ngệ đặc-sắc do các dự-thỉnh-viên trình-bày.

5. LỜI KÊU GỌI CỦA ĐẠI-BIỂU 41 LIÊN-CHI-HỘI THUỘC TỔNG-HỘI GIÁO-GIỚI ĐẠI-DIỆN 18 NGÀN HỘI-VIÊN GỠI CÁC GIÁO-CHỨC VÀ SINH-VIÊN HỌC-SINH TOÀN-QUỐC.

Các đại-biểu của 41 Liên-Chi-Hội thuộc Tổng-Hội Giáo giới, đại-diện 18 ngàn hội-viên vừa gửi lời kêu gọi sau đây cho các giáo-chức và sinh-viên học-sinh toàn-quốc :

Tổng-Hội Giáo-Giới Việt-Nam

Thân gửi

Các bạn Giáo-chức Đại, Trung và Tiểu-học trên toàn-quốc,

Các em Sinh-viên, Học-sinh toàn-quốc,

Như các bạn Giáo-chức và các em Sinh-viên, Học-sinh đều biết : toàn dân Việt-Nam ta đang phải tập-trung hết mọi khả-năng vào cuộc chiến đấu quyết-liệt chống kẻ thù Cộng-Sản.

Cuộc kháng-chiến chống Cộng của Quân Dân ta đang trên đà thắng-lợi. Trên khắp các chiến-trường, địch-quân đều bị thất-bại. Nhưng chính lúc địch thất-bại là lúc chúng trở nên hung-ác, quỳ-quyết hơn bao giờ hết. Đã thất-bại về chính-trị, chúng tăng-cường hoạt-động quân-sự và giờ đây thất-bại về quân-sự, chúng lại quay ra mỳ chiến-dịch phá hoại nhằm gây hoang-mang chia rẽ trong hàng ngũ nội-bộ chúng ta. Vì vậy, không lúc nào bằng lúc này, chúng ta cần phải đề-cao cảnh-giác trước những âm-mưu đen tối của địch và nhất-định không để cho bất cứ ai, lời cuốn, lợi-dụng làm một việc bất hợp-pháp nào, với bất cứ một lý-do nào.

Chúng ta luôn luôn phải tâm-niệm rằng kẻ thù chính của Dân-tộc là Cộng-sản, bọn này đang dùng mọi thủ-đoạn để phá-hoại tiềm-lực chiến-đấu của ta. Dựa trên căn-bản nhận-định như thế, chúng ta sẽ giữ được sự suy-xét đứng-đắn để không lọt vào âm mưu chia rẽ, phá-hoại của địch.

Chúng ta tin-tưởng rằng bất-cứ sự mâu-thuẫn, thắc-mắc, hiểu lầm trong nội-bộ hàng ngũ chúng ta, dù có khó khấn đến đâu cũng đều có thể giải-quyết đôn-thỏa trên căn-bản công-bằng huynh-đệ, đoàn-kết, thông-cảm, chớ nhất-định chúng ta không thể vì một vài quyền-lợi có tính-cách riêng tư, vì tự-ái cá-nhân mà để cho kẻ thù chung lợi-dụng đó mà gây rối-rắm an-ninh, trật-tự Quốc-gia.

Chúng ta hẳn đều biết rằng Quốc-gia có tồn-tại thì Tôn-giáo, Đoàn-thể, Gia-đình và Hạnh-phúc của Nhân-dân ta mới còn, cho nên quyền-lợi Quốc-gia phải là quyền-lợi tối-thượng, tối thiêng-liêng.

Vì vậy, Tổng-Hội Giáo-Giới Việt-Nam hiện đang nhóm họp học-tập kỳ Đệ Tam Nghị-luận-hội Giáo-chức tại Trụ sở số 2 Đại-lộ Thống-Nhất Sài-gòn, với sự tham-gia của Đại-biểu 41 Liên-Chi-Hội đại diện 18 ngàn hội-viên trong toàn-quốc

thiết-tha kêu gọi toàn-thể các ban Giáo-chức cũng như các em Sinh-viên, Học-sinh bình-tĩnh tôn-trọng kỷ-luật Quốc-gia và cương-quyết đập tan mọi mưu-mô xuyên-tạc chia rẽ phá-hoại chỉ có lợi cho Đối-phương.

6. KHAI-MẠC KHÓA HỘI-THẢO KỲ THỨ 3 NGHIÊN-CỨU VỀ HOA-KỲ TẠI ĐÀ-LẠT.

Ngày 30-6-63, Khóa Hội-thảo lần thứ 3 nghiên-cứu về nền văn-hóa Hoa-Kỳ đã khai-mạc tại Lữ-quán Thanh-Niên tại Đà-Lạt, dưới sự chủ-tọa của ông Thị-Trường Trần-Văn-Phước.

Hiện-diện trong buổi lễ, có Giáo-sư Nguyễn-Đình-Hòa, Giám-Đốc Nha Văn-Hóa, đại-diện ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục.

Khóa Hội-thảo này do Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục tổ-chức, phối-hợp với Tòa Đại-Sứ Hoa-kỳ tại Việt-Nam và Hội Việt-Mỹ ở Đà-Lạt.

Tập-hợp 41 giáo-sư Anh-văn các trường Trung-học và sinh-viên Anh-văn các trường Đại-học Việt-nam, khóa Hội - thảo này kéo dài đến ngày 7-7-1963 để tăng-cường sự hiểu biết giữa hai dân-tộc Việt-Mỹ.

Đầu tiên, ông Klaus Loewald, đại-diện Sở Thông-Tin Hoa - Kỳ, đã giới-thiệu thành-phần các Giáo-sư Hoa-Kỳ thuyết-trình trong Khóa Hội-thảo.

Sau đó, Giáo-sư Nguyễn-Đình-Hòa, còn là Trưởng-Ban Văn-hóa Anh-Mỹ Trường Đại-học Văn-khoa Sài-gòn, cho biết từ 1957, Đại-học Văn-khoa Sài-gòn vẫn có 1 chứng-chỉ Văn-chương và Văn-minh Mỹ thuộc phần chương-trình Cử-nhân giáo-khoa Anh-văn. Giáo-sư Nguyễn-Đình-Hòa hy-vọng rằng những cuộc Hội-thảo tương-tự sẽ tăng-cường tình hữu-nghị giữa hai quốc-gia.

Đề-tài thuyết-trình gồm có các vấn-đề bối-cảnh lịch-sử Hoa - Kỳ, văn-chương Mỹ-Quốc, hệ-thống giáo-dục và công-dụng của nguyên-tử-lực . . .

Trong chương-trình, ngoài vấn-đề Hội-thảo, các dự-thình-viên có dịp du-ngoạn các thắng-cảnh địa-phương.

7. LỊCH NHỮNG KỲ THI CUỐI NIÊN-HỌC (KHÓA II) 1962-1963 TẠI TRƯỜNG ĐẠI-HỌC VĂN-KHOA.

Những kỳ thi cuối niên-học 1962-1963 (khóa hai) của trường Đại-Học Văn-Khoa, theo lịch sau đây :

A. Năm Dự-Bị : Nhiệm-ý Việt, Anh, Hán, Triết, Sử-Địa. Từ ngày 15 đến ngày 23 tháng 7 năm 1963.

B. Năm Dự-Bị : Nhiệm-ý Pháp. Từ ngày 22 đến ngày 27 tháng 7 năm 1963.

C Các Chứng-chỉ Cũ-Nhân :

	15-7 và 16-7-1963	
Văn-Chương Quốc-âm	15-7	16-7
Văn-Chương Việt Hán	17-7	18-7
Văn-Chương Trung-Hoa	19-7	20-7
Văn-Minh Việt-Nam	22-7	23-7
Ngữ-Học Việt-Nam	15-7	16-7
Luận-lý và Siêu-hình	18-7	19-7
Luân-lý và Tâm-lý	19-7	20-7
Lịch-sử Triết-học Đông-Phương	22-7	24-7
Lịch-sử Triết-học Tây-Phương	18-7	19-7
Nhân-Chủng-Học	26-7	29-7
Xã-Hội-Học	17-7	18-7
Anh-Văn Thực-Hành	22-7	24-7 25-7
Ngữ-Học Anh	25-7	26-7
Văn-Chương và Văn-Minh Anh	15-7	16-7
Pháp-Văn Thực-Hành	24-7	
Văn-Chương Pháp	26-7	27-7
Ngữ-Học và Văn-Phạm Pháp	29-7	
Văn-Minh Pháp	22-7	23-7
Lịch-sử Việt-Nam Thượng và Trung-cổ	24-7	25-7
Lịch-sử Cận và Hiện-Đại	25-7	26-7
Địa-lý Đại-cương	27-7	29-7.
Địa-lý Địa-Phương		

8. PHÁT-HÀNH LOẠI TEM THƠ « TOÀN DÂN BẢO-VỆ NON SÔNG ».

Kể từ ngày 7-7-1963, Sở Bru-Điện có bán một loại tem thơ « Toàn Dân Bảo-Vệ Non Sông » in 1 màu theo lối chạm nổi gồm 4 giá tiền: 0đ,30 - 0đ,50 - 3đ00 - 8đ00, bán tại các Bru-Cục.

Như thường-lệ, vào ngày phát-hành đầu tiên, Chánh Thủ-Cục Sài-gòn đã bán tem suốt từ 07 giờ 30 đến 21 giờ và dùng nhật-ấn « Ngày đầu tiên » để đóng trên tem thơ vừa phát-hành, theo lời yêu-cầu của các nhà sưu-tập Bru-Hoa.

9. SỞ TU-THƯ, DỊCH-THUẬT VÀ ẮN-LOÁT CẢI BIẾN THÀNH SỞ HỌC-LIỆU.

Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo Dục vừa ký ngày 10 tháng 6-1963 Nghị-định số 817-GD/PC/ND cải danh-hiệu Sở Tu-Thu, Dịch-Thuật và Ắn-Loát thành Sở Học-Liệu.

Sở Học-Liệu, do một Chánh-Sự-Vụ điều-khiển, được cải-tổ như sau :
Sở Học-Liệu có 4 phòng, mỗi phòng do một Chủ-Sự phụ-trách.

Phòng Kế-hoạch có nhiệm-vụ lập dự-án chương-trình hoạt-động thường-niên, phối-hợp và đôn-đốc các hoạt-động của Sở, lập tờ trình hoạt-động của Sở trình thượng-cấp, kiểm-soát các vấn-đề nhân-viên và vật-liệu, các công-văn và hồ-sơ, thực-hiện các công-tác tu bổ, kiểm-soát các cuộc gọi đấu-thầu và các sổ chi-thu, thanh-toán các chi-phí.

Phòng Tu-Thu phụ-trách thiết-lập và xúc-tiến chương-trình soạn sách và tạp-chí giáo-khoa cho các bậc Đại Trung và Tiểu-học, dịch sách sinh-ngữ và cổ-ngữ, đề-nghị thành-phần các Hội-đồng duyệt sách trình Bộ quyết-định, sơ duyệt các bản-thảo sách giáo-khoa và các bản dịch thử, trông coi Thư-viện của Sở.

Phòng Học-cụ trông coi việc thiết-lập và xúc-tiến chương-trình sản-xuất các học-cụ giáo-khoa, nhằm áp-dụng phương-pháp thính-thị ở học-đường, gìn-giữ các dụng-cụ máy móc và vật-liệu thính-thị của Sở, phổ-biến cách sử-dụng học-cụ giáo-khoa và cách sản-xuất những học-cụ rẻ tiền bằng những tài-liệu in sẵn hoặc qua những lớp Tu-nghiệp giáo-chức về ngành thính-thị, tổ-chức và điều-hành các lớp Tu-nghiệp về học-cụ giáo-khoa, phân-phối các sản-phẩm và dụng-cụ thính-thị cho các trường bằng cách bán, cho mượn hoặc cho mượn.

Phòng Ắn-loát và Mậu-dịch có hai Ban : Ban Ắn-loát và Ban Mậu-dịch.

Ban Ắn-loát phụ-trách lập hồ-sơ ắn-loát các sách và tạp-chí, theo dõi và đôn-đốc công việc ắn-loát các sách và tạp-chí, giải-quyết các vấn-đề thuộc kỹ-thuật ắn-loát, liên-lạc với các nhà in, tác-giả và dịch-giả trong việc sửa ắn-khảo.

Ban Mậu-Dịch quản-lý chương-mục đặc-biệt, kho sách của Sở bán sách và tạp-chí tại Sở, phân-phối sách và tạp-chí đi các nơi để bán và nghiên-cứu hệ-thống mậu-dịch hữu-hiệu.

10. VIỆC CHUYỀN-NGÂN HỌC-BỔNG ĐẶC-BIỆT (TƯƠNG-ĐƯƠNG VỚI ĐÀM-PHỤ 5/7) CHO DU-HỌC-SINH VIỆT-NAM TẠI NGOẠI-QUỐC VỀ NIÊN-KHÓA 1963-1964.

Hội-đồng Chuyền-ngân vừa ra thông-cáo cho biết thề-thức chuyền ngân, xin học-bổng đặc-biệt cho du-học-sinh Việt-Nam tại ngoại-quốc về niên-khóa 1963-64 như sau :

A. Chuyền-ngân

Du học-sinh Việt-Nam tại ngoại-quốc theo học các bậc học sau đây, được hưởng đặc-ân chuyền-ngân trên thị-trường chính-thức :

(a) sinh-viên các Đại-học-đường.

- (b) sinh-viên các trường Quốc-gia Cao-đẳng, hoặc các trường Cao-đẳng được thừa nhận dạy những môn học cần-thiết cho chương-trình kiến-thiết Quốc-gia.

1. *Thế-thức lập hồ-sơ :*

- (a) đơn (1 bản) theo mẫu in, do chính tay sinh-viên viết và ký tên.
 (b) bản chính chứng-chỉ học-trình hoặc chứng-chỉ kết-quả cuối năm hay chứng-chỉ lên lớp.
 (c) giấy chứng-nhận cư-ngụ tại Việt-Nam không quá 3 tháng của cha và mẹ (có thể nộp tại Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục). Nếu cha mẹ hiện ở Bắc-Việt (trên vĩ-tuyến 17) thì nộp tờ khai danh-dự không được cha mẹ tiếp-tế tiền bạc.

2. *Nơi thu nhận hồ-sơ :*

Du học-sinh cần phải nộp hồ-sơ xin chuyển ngân đầy đủ các giấy tờ cần-thiết tại Sứ-Quán Việt-Nam nơi cư-trú.

B. *Học-bổng đặc-biệt*

Áp-dụng thể-lệ hiện-hành, phụ-huynh du-học-sinh không có tổng-số lương đồng niên kể cả các phụ-cấp (nếu là công, tư-chức) hay tổng-số lợi-tức đồng-niên (nếu là tư-nhân thương-gia v.v...) đã khai với Sở Thuế-Vụ, theo những mức dưới đây, có thể nộp đơn xin hưởng học-bổng đặc-biệt :

- (a) không quá 240.000\$ V.N. (nếu có 1 con du-học tại ngoại-quốc).
 (b) không quá 280.000\$ V.N. (nếu có 2 con du-học tại ngoại-quốc).
 (c) không quá 320.000\$ V.N. (nếu có 3 con du-học tại ngoại-quốc).
 (d) không quá 360.000\$ V.N. (nếu có 4 con du-học tại ngoại-quốc).

1. *Thế-thức lập hồ-sơ :*

Người đứng đơn phải chính là cha, hoặc mẹ (nếu người cha đã quá-cổ), hoặc người giám-hộ hay thân-nhân đảm-nhận đài-thọ chi-phi chuyên-ngân (trong trường-hợp cha mẹ đã quá-vãng) của du-học-sinh.

Hồ-sơ xin học-bổng đặc-biệt gồm có :

- (a) đơn (1 bản) theo mẫu in.
 (b) giấy chứng-nhận do cơ-quan Thuế-Vụ cấp về số lợi-tức tổng-hợp hàng năm gồm tất cả các nguồn huê-lợi của chồng và vợ.

2. *Nơi thu nhận hồ-sơ :*

Phụ-huynh du-học-sinh có thể nộp hồ-sơ xin học-bổng đặc-biệt tại Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục (số 70 đường Lê-Thánh-Tôn Sài-gòn).

(a) Sinh-viên Việt-Nam du-học ở ngoại-quốc, và phụ huynh du-học sinh nên lo nộp hồ-sơ xin chuyển-ngân và hồ-sơ xin học-bổng đặc-biệt càng sớm càng tốt vì Hội-đồng Chuyên-ngân sẽ bắt đầu nhóm họp vào đầu tháng 8-1963 để cứu xét hồ-sơ.

(b) Hồ-sơ phải được đầy đủ các chứng-minh cần-thiết hầu tránh sự đòi hỏi bổ-túc làm mất nhiều thi giờ.

11. THỪA-THIỆN : TỒ-CHỨC TRẠI HÈ SINH-VIÊN TẠI BÃI BÈ MỸ-KHÊ (ĐÀ-NẴNG).

Viện Đại-học Huế đã tổ-chức một trại hè tại bãi bè Mỹ-Khê (Đà-Nẵng) dành cho trên 100 nam nữ sinh-viên xuất-sắc tại Phân-Khoa của viện trong niên-khoá vừa qua vào ngày 20-6-63.

Mục-đích của trại hè là nhằm giúp bồi-dưỡng sức khỏe cho sinh-viên sau một năm học, đồng thời giúp sinh-viên quen với đời sống tập-thể và cũng là để các sinh-viên có dịp trao đổi kiến-thức, hội-thảo các vấn-đề liên-quan đến sinh-viên và xã-hội.

Trại hè này kéo dài trong một tuần lễ. Các trại-sinh được đài thọ các phí khoản ăn uống cũng như di-chuyến. Tổng-phi tổ-chức trại hè là 100.000\$00 do Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục cấp một phần nửa và phần nửa còn lại do Viện Đại-Học Huế đài thọ.

12. 5.118 THÍ-SINH TRÚNG TUYỂN KỶ THI TÙ-TÀI PHẦN I TẠI NAM-PHẦN VÀ CAO-NGUYỄN TRUNG-PHẦN.

Về kỳ thi Tú-Tài phần I khóa I, có 27.801 thí-sinh ghi tên tại các Trung-tâm tại Nam-Phần và Cao-Nguyễn Trung-Phần. Trong số này, có 5.118 thí-sinh trúng tuyển.

Trung tâm Sài-gòn - Gia-Định có 4.069 thí-sinh trúng tuyển, trong số 20.751 thí-sinh ghi tên :

1.056 thí-sinh về Khoa-học thực-nghiệm (có 1 thí-sinh trúng tuyển tại Hội-đồng đặc-biệt Chí-Hòa thành-lập năm nay tại Trung-tâm Cải-huấn, dành cho các thí-sinh can-phạm),

2.270 thí-sinh về Toán,

743 thí-sinh về Triết và Sinh-ngữ.

Tại Cần-Thơ có 472 thí-sinh trúng tuyển và tại Mỹ-Tho có 462 thí-sinh trúng tuyển.

Tại Cao-Nguyễn Trung-Phần, có 115 thí-sinh trúng tuyển.

13. THẺ-LỆ GHI TÊN NHẬP-HỌC TẠI KHOA-HỌC ĐẠI-HỌC-ĐƯỜNG SÀI-GÒN TRONG NIÊN-KHÓA 1963-64.

Khoa-học Đại-học-đường đã công-bố các thẻ-lệ sau đây về việc ghi tên nhập học, niên-khóa 1963-64 :

I. *Điều-kiện* : Sẽ được thụ nhận vào Khoa-học Đại-học-đường Sài-gòn những học-sinh có bằng Tú-Tài phần II, không phân-biệt ban nào.

II. *Hồ-sơ* : Hồ-sơ nhập học gồm có :

(a) 1 đơn xin nhập học (có mẫu) ;

(b) 1 bản sao chứng-chỉ Tú-Tài phần II (mang theo bản-chính để Phòng Học-vụ kiểm-soát rồi trả lại) ;

(c) 1 bản khai-sinh hay thẻ vi khai-sinh hợp-pháp ;

(d) 1 giấy của Phụ-huynh hay người đỡ đầu cho phép nếu sinh-viên dưới 21 tuổi (có mẫu). Chữ ký phải được thị-thực ;

(e) 1 chứng chỉ hợp-lệ tình-trạng quân-dịch, chứng-chỉ giải ngũ hoặc miễn dịch (cho nam sinh-viên từ 19 đến 33 tuổi). Chứng chỉ tại ngũ (nếu là quân-nhân) ;

(f) 2 tấm ảnh khổ có 4x6 có biên rõ tên họ, ngày sanh ở mặt sau.

III. *Thời-hạn nộp đơn*

A. *Chứng-chỉ Dự-bị*

1. Từ 1-7-63 đến 13-7-63 (dành cho học-sinh đỗ Tú-tài II khóa I và những khóa trở về trước).

2. Từ 2-8-63 đến 10-8-63 (dành cho học-sinh đỗ Tú-tài II khóa II).

B. *Chứng chỉ chuyên-khoa*

1. Từ 15-7-63 đến 20-7-63 (dành cho sinh-viên đã đỗ khóa I).

2. Từ 1-8-63 đến 10-8-63 (dành cho sinh-viên đỗ khóa II).

Hồ-sơ không đầy đủ hoặc không đúng thời-hạn sẽ không được cứu xét.

IV. *Học-phi* : Học-phi sẽ nộp làm 2 lục-cá-nguyệt.

Học-phi của mỗi lục-cá-nguyệt cho chứng-chỉ gồm có :

Học-tịch	200\$
Thực-hành và diễn-giảng	120\$
Thư-viện	20\$
Ngoài ra mỗi sinh-viên còn phải đóng thêm tiền Bảo-vệ	50\$
sức khỏe và tiền bảo hiểm tại các phòng thí-nghiệm (Hai khoản tiền này chỉ đóng một lần cho cả năm và sẽ đóng vào kỳ đệ-nhất lục-cá-nguyệt).	25\$

Tiền dự thi mỗi khóa 300đ. cho mỗi chứng-chỉ và sẽ đóng khi nộp đơn thi.

Những sinh-viên muốn nộp hồ-sơ nhập học đều phải đích-thân đến phòng Học-vụ để lấy "Bá-cáo thu-ngân" mang sang phòng Thu-ngân Viện Đại-học Sài-gòn (số 3 Công-trường Chiến-sĩ) nộp học-phi lấy biên-lai mang về Phòng Học-vụ để làm thẻ sinh-viên.

Thẻ-thức này áp-dụng cho tất cả mọi sinh-viên dù đang xin học-bằng hay tái-cấp học-bằng. Nhà trường sẽ hoàn lại học-phi khi có Nghị-định chính-thức gửi về.

Về việc hoãn-dịch, miễn học-phi xin, học-bằng mới hay xin tái-cấp nhà trường chỉ nhận đơn, đề-nghị và chuyển đi sau khi sinh-viên đã được chính-thức ghi tên học.

Phòng Học-vụ nhà trường chỉ tiếp sinh-viên vào buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ.

14. LỊCH CÁC KỶ THI KHÓA 2 NĂM 1963 LẤY CÁC CHỨNG-CHỈ TẠI TRƯỜNG ĐẠI-HỌC KHOA-HỌC SÀI-GÒN.

Các kỳ thi khóa 2 năm 1963 lấy Chứng-chỉ Động-vật-học đại-cương và Toán-Lý-Hóa tại Trường Đại-học Khoa-học Sài-gòn tổ-chức theo lịch sau đây :

Thực-vật-học đại-cương	Ngày	17-7
Địa-chất-học đại-cương,		
Lý-Toán đại-cương và Cơ-học		
thuần - lý		18-7
Sinh-Lý-Học đại-cương		20-7
Lý-Hóa Vạn-vật		22-7
Lý-Hóa đại-cương		23-7
Toán vi-tích-phân		26-7
Hóa-học đại-cương		30-7
Toán-học thâm-cứu		1-8
Phương-pháp Toán trong Vật-lý		3-8
Hóa-học hữu-cơ cơ-cấu		12-8

15. NĂM NAY, LẦN ĐẦU TIÊN CÁC KỶ THI ĐẶC-BIỆT ĐÃ ĐƯỢC TỔ-CHỨC CHO HỌC-SINH MÙ, CÙI VÀ CAN-NHÂN.

Năm nay, Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã thi-hành những biện-pháp đặc-biệt để giúp đỡ các học-sinh mù, cùi hay can-phạm.

Sau khi cho chấp-thuận một hệ-thống duy nhất về chữ "Braille" cho Việt-ngữ, ông Bộ-trưởng đã cho phép các học-sinh mù dự thi bằng tiêu-học. Các kết-quả rất khả-quan, trong số 17 thí-sinh hiện-diện có 14 người đỗ (12 nam và 2 nữ).

Hiện đang nghiên-cứu các biện-pháp để giúp các học-sinh này tiếp-tục học vấn tại một trường trung-học, nếu họ muốn.

Ngoài ra, một trung-tâm thi tiểu-học đã được thiết-lập tại Trại Cùi Qui-Hòa (Qui-Nhơn) để dành cho bệnh-nhân cùi tại đây. Trong số 14 thí-sinh dự thi có 11 người được chữa dậu.

Biện-pháp thi-cử đặc-biệt này sang năm sẽ được mở rộng cho các bệnh-nhân cùi tại Bệnh-viện Chợ-Quán, Di-linh, Bến-Sân và Nha-Trang.

Còn về các can-nhân tại Trung-tâm Cải-huấn Chi-Hòa, Nha Giám-đốc Trung-học đã tổ-chức hai trung-tâm thi, một cho bằng Trung-học Đệ nhất cấp (39 thí-sinh, 5 người dậu) và một cho bằng Tú-tài phần thứ nhất.

Về kỳ thi Tú-tài phần thứ nhất, có 7 can-nhân thí-sinh.

16 KHÓA THI ĐẶC-BIỆT TRUNG-HỌC ĐỆ-NHẤT-CẤP 1963 SẼ ĐƯỢC TỔ-CHỨC NGAY 13-8-63.

Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã thông-cáo:

Khóa thi đặc-biệt Trung-học Đệ-Nhất-cấp năm 1963 được mở vào ngày 13-8-1963.

Tất cả những thí-sinh đã được ghi tên thi Trung-học Đệ-Nhất-cấp khóa ngày 24-4-1963, không trúng tuyển và không vi-phạm thể-lệ thi cử, đều được phép ghi tên thi khóa đặc-biệt kể trên.

Trước 12 giờ trưa ngày thứ Bảy 13-7-1963, các đương-sự phải nộp 1 phiếu báo danh mới cho trường phụ-trách đầu đơn khóa thi trước của mình.

Khóa trước, thí-sinh thi tại Hội-đồng nào, thì khóa này lại thi ngay tại Hội-đồng đó.

17. LỄ PHÁT THƯỞNG TẠI TRƯỜNG QUỐC-GIA ÂM-NHẠC VÀ KỊCH-NGHỆ HUẾ.

Lễ phát thưởng tại trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-ngệ Huế đã cử hành sáng 9-6-63 dưới quyền chủ-tọa của ông Nguyễn-Xuân-Khương, Đại-biểu chính-phủ tại Trung-nguyên Trung-phần.

Trong diễn-văn khai mạc, Linh-Mục Ngô-Duy-Linh, Giám-Đốc Trường Quốc-Gia Âm-Nhạc và Kịch-Nghệ, bày tỏ lòng tri-ân Tòng-Thống đã ban cho một ngân-khoản là 360.000 đồng để sắm các nhạc-khí dùng vào việc giảng dạy. Linh-Mục Giám-Đốc cũng cảm ơn Phái bộ Viện-trợ Kinh-tế Hoa-Kỳ đã cấp cho 4 triệu đồng để trùng-tu các cơ-sở của trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-ngệ và trường Cao-Đẳng Mỹ-thuật Huế.

Trong đáp từ, ông Nguyễn-Xuân-Khương tuyên-bố chính-phủ lúc nào cũng chú-ý theo dõi hoạt-động và nỗ-lực của mỗi tỉnh và lúc nào cũng sẵn-sàng trợ giúp các công-cuộc hữu-ích cho sự phát-triển quốc-gia.

Chương-trình văn-ngệ có phần nhạc-ngệ học-sinh và phần âm-nhạc trợ giúp của giáo-sư. Kế đó là lễ phát thưởng cho nhạc-sinh ngành Quốc-nhạc, ngành Tây-phương và ngành Vũ-thuật.

18. THỜI-HẠN GHỈ DANH DỰ THI VÀO LỚP DỰ-BỊ Y VÀ NHA-KHOA TẠI KHOA-HỌC ĐẠI-HỌC-ĐƯỜNG SÀI-GÒN.

Một kỳ thi tuyển sinh-viên vào lớp Dự-bị Y và Nha-Khoa (niên-khóa 1963-1964) sẽ mở tại Khoa-Học Đại-Học-Đường Sài-gòn.

I. Hồ-sơ dự thi gồm có:

1 đơn xin dự thi (có mẫu).

1 bản khai-sinh hay thể vi khai-sinh hợp-pháp.

1 bản sao chứng-chỉ Tú-Tài I (trình bản chính để kiểm-soát).

1 bản sao chứng-chỉ Tú-Tài II.

- nt -

1 chứng-chỉ hợp-lệ tình-trạng quân-dịch (cho Nam thí-sinh từ 19 tuổi trở lên).

2 tấm ảnh cỡ 4x6 (có ghi tên, họ, ngày sinh ở mặt sau).

Riêng về sinh-viên học tại Trường Đại-Học Khoa-Học trong niên-khóa 1962-1963, thì phải ghi rõ trong đơn Ban đã học, số ký-danh và chỉ định theo đơn chứng-chỉ đồ Tú-Tài I (nếu đồ hạng thứ, khỏi nộp chứng-chỉ) mà thôi.

II. Thời-hạn nhận đơn:

Đơn xin dự thi sẽ được thụ nhận tại Phòng Học-Vụ Trường Đại-Học Khoa-Học theo thời-hạn sau đây:

(a) Từ 1-7-1963 đến 13-7-1963 cho những thí-sinh đồ Tú-Tài II khóa 1-1963 và những khóa trở về trước.

(b) Từ 2-8-1963 đến 6-8-1963 cho những thí-sinh đồ Tú-Tài II khóa 11-1963.

Ngày thi sẽ thông-báo sau.

19. LỄ KHAI-GIẢNG LỚP ĐÀO-TẠO CÁN-BỘ Y-TẾ HỌC-ĐƯỜNG.

Lớp đào-tạo cán-bộ Y-tế Học-đường đầu-tiên đã được khai-giảng sáng 2-7-63 tại trường Sư-phạm Sài-gòn dưới sự chủ-tọa của ông Nguyễn-Đình-Hưng, Đồng-lý Văn-phòng Bộ Quốc-gia Giáo-dục trước sự hiện-diện của một số đồng-quan-khách.

Theo lời bác-sĩ Võ-Ninh-Hoa, Trưởng-ban Y-tế Học-Đường Bộ Quốc-gia Giáo-dục, đại-diện Ban Giám-đốc khóa huấn-luyện cán-bộ y-tế học-đường, thì khóa đầu tiên này, đặt dưới sự điều-khiển của những Bác-sĩ của hai Bộ Giáo-dục và Y-tế, gồm có 60 giáo-chức thuộc những trường Trung-học ở các tỉnh.

Trong mấy năm qua, tuy nền y-tế học-đường đã tiến-bộ khả-quan nhờ sự nâng-đỡ của các giới chánh-quyền liên-hệ và sự giúp-đỡ của những cơ-quan quốc-tế các nước bạn nhưng vẫn chưa theo kịp nhu-cầu của học-sinh càng ngày càng gia-tăng và nhứt là chưa lan rộng đến các tỉnh và vùng thôn-quê.

Các học-viên sẽ hấp-thụ, trong 10 ngày học-tập, những kiến-thức căn-bản về các khoa dinh-dưỡng, y-học phòng-chứng, vệ-sinh thường-thức và cứu-thương v. v... hầu góp phần đặc-lực hơn vào việc bảo vệ sức-khỏe của học-sinh nhứt là trong việc phòng-bệnh và trong những trường-hợp khẩn-cấp.

Trong giai-đoạn tới, Bộ Quốc-gia Giáo-dục sẽ mở những khóa huấn-luyện kế tiếp dành cho giáo-chức các trường Tiểu-học.

Trong bài diễn-văn khai-mạc, ông Nguyễn-Đình-Hưng đã nêu cao tinh-thần phục-vụ của giáo-chức trong việc đảm-nhận thêm một trách-vụ ngoài công-tác chuyên-môn thường xuyên của mình: nhân-viên y-tế học-đường.

Buổi lễ khai-giảng kết-thúc bằng một tiệc trà.

20. 2.117 THÍ-SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TÙ-TÀI II, KHÓA I.

Trong số 12.990 thí-sinh ghi tên dự thi Tú-Tài II khóa I trên toàn-quốc, đã có 2.117 thí-sinh trúng tuyển hẳn.

Các Trung-tâm Sài-gòn, Mỹ-Tho, Cần-Thơ có 1.490 thí-sinh trúng tuyển. Đà-Lạt 15. Tổng-số các thí-sinh trúng tuyển ở Trung-phần là 612, trong số đó, Huế có 393 và Nha-Trang 219.

21. ĐẠI-HỌC-ĐƯỜNG WISCONSIN (MỸ) TẶNG TRƯỜNG ĐẠI-HỌC LUẬT-KHOA SÀI-GÒN 50 CUỐN SÁCH LUẬT.

Ngày 3-7 ông Georges. F. Westerman, Giảng-viên Luật-khoa, đã nhân-danh Đại-học-đường Wisconsin trao tặng trường Đại-học Luật-khoa Sài-gòn 50 cuốn sách Luật.

Giáo-sư Vũ-Quốc-Thúc, Khoa-Trưởng trường Đại-học Luật-khoa Sài-gòn, đã tiếp nhận số sách nói trên, trước sự hiện-diện của các nhân-viên giảng-huấn và hành-chánh của trường Luật.

Ông Georges F. Westerman, hiện là giảng-viên của trường Đại-học Luật-khoa Sài-gòn đã đọc diễn-văn, nhắc lại nguyên-nhân việc trao tặng số sách này và tuyên-bố :

« Chúng tôi đều muốn đem lại cho quý-vị mọi sự giúp đỡ trong khả-năng của chúng tôi, trong sứ-mạng lớn-lao của quý-vị là đào-tạo các luật-gia trẻ tuổi. Vì chỉ có ở dưới một nền dân-chủ pháp-trị mà chúng ta có thể được hưởng tự-do và nhân-phẩm của mỗi cá-nhân, những thứ mà thế-giới Cộng-sản không có vì dưới chế-độ Cộng-sản chỉ có sức mạnh và hãi-hùng cai-trị con người mà thôi ».

Trong đáp từ, Giáo-sư Vũ-Quốc-Thúc ngỏ lời cảm ơn trường Đại-học Wisconsin và tất cả những Viện văn-hóa ngoại-quốc (Mỹ, Anh, Pháp, Đức...) đã trao tặng sách cho trường Luật Sài-gòn trong hồi gần đây.

22. HỌC-SINH NGHÈO CẨM TRẠI TẠI BÃI BIỂN THUẬN-AN.

Trại hè miễn phí, do Nha Xã-Hội Trung-Nguyên Trung-phần tổ-chức tại bãi biển Thuận-An (Thừa-Thiên), dành cho 100 học-sinh và trẻ em nhà nghèo liên-tỉnh Quảng-Trị, Thừa-Thiên, Quảng-Nam và Quảng-Tin đã khai-mạc chiều ngày 1-7 và kéo dài trong 15 ngày.

Mọi phí khoản di - chuyên và ăn ở cho trại-sinh đều do Nha Xã - Hội Trung-Nguyên Trung phần đài thọ.

Trước đây, vào ngày 24-6, Ty Tiểu-học Thừa-Thiên cũng đã tổ-chức trại hè miễn phí tại bãi biển Thuận-An dành cho 120 học-sinh tiểu-học hai tỉnh Thừa-Thiên và Quảng-Trị, trong 6 ngày.

23. ƯC-ĐẠI-LỢI VÀ TÂN-TÂY-LAN DỰ CẤP HỌC-BỔNG.

Chính-phủ Úc-Đại-Lợi và Chính-phủ Tân-Tây-Lan dự cấp một số học-bổng thuộc chương-trình Colombo về niên-khóa 1963-64 dành cho sinh-viên Việt-Nam.

Thông-cáo của Hội-đồng Du-học loan báo tin trên và cho biết thêm rằng học-bổng Úc-Đại-Lợi gồm có các môn học như Canh-nông, Kinh-tế, Điện, Cơ-khí, Giáo-dục hoặc một ngành khác do ứng-viên lựa chọn và được Hội-đồng Du-học chấp thuận.

Học-bổng Tân-Tây-Lan có các môn Canh-nông, Thú-Y, các ngành Kỹ-sư, Thương-mại, Kiến-trúc, Kỹ-nghệ thực-phẩm hay một ngành khác do ứng-viên lựa chọn và cũng phải được Hội-đồng Du-học chấp thuận.

Thời-hạn học là ba hay bốn năm tùy môn học.

Học-bổng gồm có kinh-phí cư-trú và chuyên-chở khứ hồi do Chánh-phủ Úc-Đại-Lợi và Tân-Tây-Lan đài thọ.

Muốn được hưởng học-bổng, các ứng-viên phải có đủ các điều-kiện sau đây:

- Nam hay nữ-sinh có ít nhất Tú-Tài toàn phần.
- Chưa tốt-nghiệp Đại-học.
- Nam ứng-viên không quá 19 tuổi năm 1963 (nghĩa là sinh từ các năm 1944, 1945 trở về sau).
- Nữ-sinh không quá 21 tuổi tính đến 31-12-1963.
- Các ứng-viên phải qua 1 kỳ khảo-sát Anh-ngữ trước khi được Hội-đồng Du-học tuyển lựa.

Các ứng-viên chỉ được xin cấp 1 trong 2 học-bằng (hoặc học-bằng Úc Đại-Lợi hoặc học-bằng Tân-Tây-Lan). Những đơn xin ghi cả 2 học bằng sẽ không được cứu xét.

Hồ-sơ gồm có: 1 đơn, 1 tờ khai lý-lịch (có mẫu tại Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục và Nha Tổng Giám-đốc Kế-hoạch), 1 bản sao khai-sinh, 1 bản sao văn-bằng Tú-Tài II và các chứng-chỉ Đại-học (nếu có), 1 bản chính học-bạ Trung-học, phải gửi đến Hội-đồng Du-học (Nha Tổng-Giám-đốc Kế-hoạch, 46, Bến Chương-Dương) trước ngày 25-7-63.

24. THẢO-LUẬN VỀ KHÓM-ƯỚC CHIẾN-LƯỢC.

Trong một phiên họp nhóm tại Hội-trưởng Ty Thanh-niên Đô-Thành tối thứ ba vừa qua, Luật-sư Nguyễn-Văn-Liên, Dân-biểu Quốc-hội đồng thời là Chủ-tịch Hội-đồng Liên khóm chiến-lược 1, 2, 3, Phường Hòa-Bình Quận I Đô-Thành, đã nói chuyện về việc thành-lập một khóm-ước cho Liên-khóm chiến-lược này.

Tham-dự phiên họp có các nhân-viên Ban trị-sự Liên-khóm, Ban Chấp-hành của 7 Chi-đoàn nhân-dân Liên-khóm, các Liên-gia-trưởng, gia-trưởng và các thân-hào nhân-sĩ.

Sau phần thuyết-trình đã có cuộc thảo-luận rất hào-hưng về bản dự thảo khóm-ước.

25. SẮP MỞ LỚP TỐI LUYỆN THI VĂN-BẰNG THỢ CHUYÊN-MÔN.

Hội kỹ-sư và kỹ-thuật-gia Việt-Nam sẽ mở vào đầu tháng 8 sắp tới lớp luyện thi Văn-bằng thợ chuyên-môn (Trung-học Kỹ-thuật Chuyên-nghiệp) dành cho các anh em thợ thuyền hiếu-học và thích traug-iỏi nghề-nghiệp.

Lớp này được tổ-chức thể theo chương-trình phát-triển kỹ-thuật của Hội, với sự bảo-trợ của cơ-quan Asia Foundation.

Muốn nhập học, các học-sinh công hay các thợ tuyền đang hành nghề phải đến Trường Trung-học Kỹ-thuật Cao-thắng, 65, đường Huỳnh-Thúc-Kháng, Sài-gòn, lấy mẫu đơn in sẵn, ghi tên vào và ghi rõ cả sinh-ngữ, rồi nộp tại nơi đó.

Cùng với đơn phải nộp giấy đang hành nghề hay đang học (cho biết ngành chuyên-môn) cùng học-phi, có ghi rõ trong đơn.

Chương-trình học chia ra đệ I lục-cá-nguyệt (từ tháng 8 đến tháng 12) và đệ II lục-cá-nguyệt (từ tháng 1 đến tháng 4). Mỗi ngày học từ 18 giờ đến 21 giờ trừ thứ bảy và chủ-nhật.

Trong đệ-nhất lục-cá-nguyệt, các học-viên sẽ học mỗi tuần các môn như kỹ-nghệ họa, kỹ-thuật học chuyên-nghiệp (Phay, nguội, điện, gò, rèn, tiện, ô-tô), kỹ-thuật tổng-quát, và thực-hành tại xưởng (ngày chủ-nhật từ 9 giờ đến 11 giờ).

Trong đệ-nhị lục-cá-nguyệt, các học-viên sẽ học Việt-văn, Công-dân, Toán kỹ-thuật, kỹ-thuật học chuyên-nghiệp, kỹ-nghệ họa, kỹ-thuật học tổng-quát và thực-hành tại xưởng (ngày chủ-nhật từ 9 giờ đến 11 giờ).

26. LỊCH CÁC KỶ THI CUỐI NIÊN-HỌC 1962-63 (KHÓA II) TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI-HỌC LUẬT-KHOA, VĂN-KHOA, KHOA-HỌC THUỘC VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ.

Viện Đại-học Huế cho biết các kỳ thi khóa 2 niên-học 1962-1963 của các trường Đại-học Luật-khoa, Văn-khoa và Khoa-học thuộc Viện này được tổ-chức theo lịch sau đây :

Đại-học Luật-khoa :

Năm thứ Nhất Cử-nhân Luật-khoa	Ngày 16-8-1963
Năm thứ Hai	-
Năm thứ Ba	-

Đại-học Văn-khoa :

Chứng-chỉ Dự-bị Văn-khoa	Ngày 12-8-1963
Chứng-chỉ Ngữ-học Việt-Nam	-
Chứng-chỉ Văn-chương Anh-Mỹ	-
Chứng-chỉ Văn-chương Pháp	-
Chứng-chỉ Ngữ-học Pháp	Ngày 16-8-1963
Chứng-chỉ Ngữ-học Anh	-
Chứng-chỉ Sử Tây-phương	-
Chứng-chỉ Đạo-đức và Xã-hội	-
Chứng-chỉ Văn-chương Việt-Nam	-
Chứng-chỉ Lịch-sử Triết	Ngày 19-8-1963
Chứng-chỉ Sử Việt-Nam và Đông-Nam-Á	-
Chứng-chỉ Văn-hóa Anh-Mỹ	-
Chứng-chỉ Văn-hóa Pháp	-

Chứng-chỉ Tâm-lý-học
Chứng-chỉ Luân-lý và Siêu-hình
Chứng-chỉ Hán-văn

Ngày 21-8-1963

-

-

Đại-học Khoa-học :

Chứng-chỉ Động-vật đại-cương
Chứng-chỉ Thực-vật đại-cương
Chứng-chỉ Dự-bị Y-khoa
Chứng-chỉ Lý-Hóa-Sinh
Chứng-chỉ Toán-Lý-Hóa
Chứng-chỉ Toán-Lý
Chứng-chỉ Cơ-học Thuần-lý
Chứng-chỉ Vật-Lý đại-cương
Chứng-chỉ Hóa-học đại-cương
Chứng-chỉ Lý-Hóa-Nhiên
Chứng-chỉ Địa-chất đại-cương
Chứng-chỉ Toán vi-tích-phân

Ngày 15-7-1963

19-7-1963

22-7-1963

-

-

Ngày 29-7-1963

-

-

Ngày 14-8-1963

-

-

Riêng ngày thi lên lớp của Trường Đại-học Y-khoa sẽ được ấn-định sau.

27. HỘI ĐỒNG DU-HỌC CẤP PHÁT 31 HỌC-BẰNG DU-HỌC TẠI HOA-KỲ.

Hội-đồng Du-học vừa ra thông-cáo cho biết về niên-khóa 1964-65, Hội-đồng sẽ cấp phát 31 học-bằng : 5 học-bằng của Bộ Ngoại-Giao Mỹ, 6 học-bằng của Trung-tâm Đông-Tây (East West Center) và 20 học-bằng "American Field Service".

5 học-bằng của Bộ Ngoại-Giao Hoa-Kỳ dành cho các ứng-viên đã tốt-nghiệp Đại-Học về du-học tại Hoa-Kỳ trong thời-hạn một năm.

Muốn được hưởng học-bằng này nam ứng-viên phải trên 33 tuổi và không được quá 40 tuổi.

6 học-bằng "East West Center" dành cho các sinh-viên ban Cao-Học và Cử-Nhân về theo học tại Hawaii trong thời-hạn 21 tháng. Muốn được học-bằng ban Cử-Nhân, ứng-viên phải có Tú-Tài toàn phần và 2 chứng-chỉ Đại-Học trước tháng 6 năm 1964.

Các nghệ-sĩ và nhạc-sĩ có đầy-đủ khả-năng về ngành chuyên-môn của mình cũng có thể xin hưởng học-bằng này.

Điều-kiện tuổi : Nam ứng-viên phải trên 33 tuổi và không quá 40 tuổi. 20 học-bằng "American Field Service" dành cho nam nữ học-sinh Trung-học từ 16 tới 18 tuổi về du-học tại Hoa-Kỳ trong thời-hạn một năm. Học-bằng này không tái cấp và sau một năm các du-học-sinh bắt-buộc phải hồi-hương.

Nam-sinh lớp Đệ Tam Việt hoặc Seconde Pháp và nữ-sinh lớp Đệ-Nhi Việt hoặc Première Pháp có thể xin hưởng học-bằng này.

Ứng-viên phải tự-túc về kinh-phi chuyên-chở và được trả tiền máy bay theo giá đặc-biệt. Ngoài ra, phải dự-trừ 150 Mỹ-kim để dùng vào các chi-phi vật cho ứng-viên.

Ngoài ra bản thông-cáo cho biết muốn xin hưởng các học-bằng kể trên, ứng-viên phải thông-thạo Anh-ngữ, qua một cuộc khảo-sát năng-lực về Anh-ngữ, và được Ủy-ban tuyển-trạch Việt-Mỹ giới-thiệu với Hội-Đồng Du-Học.

Muốn biết thêm chi-tiết, xin liên-lạc với Nha Tổng Giám-Đốc Kế-Hoạch và các Sở Thông-Tin Hoa-Kỳ Sài-gòn, Huế, Đà-Lạt và Cần-Thơ từ ngày 2 tháng 8 năm 1963 tới ngày 13 tháng 9 năm 1963.

Công-chức muốn xin hưởng học-bằng loại 1 và loại 2 nói trên cần phải xuất-trình giấy cho phép do ông Bộ-Trưởng, Đồng-Lý Văn-Phòng hoặc Tổng-Thor-Kỳ duyệt ký, mới được sát hạch Anh-ngữ.

28. THỪA-THIỆN : NGUYỆT-SAN • VÕ-TRANG • PHÁT-HÀNH SỐ ĐẦU TIÊN.

Nguyệt-San Võ-Trang do Ủy-ban Lực-lượng Nhân-dân Võ-trang Trung-phần xuất-bản, ra số đầu tiên tại thành-phố Huế vào ngày 1-6-63.

Chủ-nhiệm nguyệt-san này là ông Hoàng-Trọng-Bá, Chủ-tịch Tỉnh-Bộ Phong-trào Cách-mạng Quốc-gia Thừa-Thiên và thành-phố Huế.

Số đầu tiên, được phát hành 2.000 số, dày ngót 100 trang, khổ 18x22, gồm nhiều mục : xã-thuyết, tin-tức, văn-nghệ, v.v...

Được biết nguyệt-san này chỉ phát-hành riêng trong nội-bộ lực-lượng Nhân-dân võ-trang Trung-phần. Trụ-sở tòa-soạn đặt tại số 6 đường Trần-Cao-Vân, Huế.

29. PHÚ-YÊN : MỞ LỚP ĐÀO-TẠO ỦY-VIÊN GIÁO-DỤC TẠI ẤP CHIẾN-LƯỢC.

Ty Tiểu-Học Phú-Yên, sáng ngày 3-6, đã khai-giảng tại trường nam tiểu-học ở tỉnh-lỵ Tuy-Hòa lớp đào-tạo các ủy-viên giáo-dục tại ấp chiến-lược của tỉnh này. Buổi lễ khai-giảng đặt dưới quyền chủ-tọa của Trung-Tá Nguyễn-Hoài, Tỉnh-Trưởng Phú-Yên.

Đây là lớp đào-tạo các ủy-viên giáo-dục tại ấp chiến-lược đầu tiên của tỉnh Phú-Yên, tiếp-diễn trong 2 tháng, dành cho 28 học-viên. Sau khi tốt-nghiệp, mỗi học-viên trở thành ủy-viên giáo-dục thực-thụ phụ-trách các lớp học tại ấp chiến-lược và được hưởng thù-lao 600.000 hàng tháng.

30. KIẾN-PHONG : MỞ KHÓA ĐÀO-TẠO HIỆU-TRƯỞNG VÀ ỦY-VIÊN GIÁO-DỤC TẠI ÁP CHIẾN-LƯỢC.

Trung-Tá Đinh-Văn-Phát, Tỉnh-Trưởng Kiến-Phong, đã chủ-tọa lễ khai giảng khóa đào-tạo Hiệu-trưởng và Ủy-viên giáo-dục phụ-trách các lớp học tại áp chiến-lược của tỉnh này, tổ-chức tại tỉnh-lỵ Cao-Lãnh vào sáng ngày 10.6.63.

Khóa này, dành cho 10 học viên Hiệu-trưởng và 22 học-viên Ủy-viên giáo-dục, tiếp-diễn trong 2 tháng. Trong thời-gian thụ-huấn, mỗi học-viên được Cơ-quan Viện-trợ Kinh-tế Hoa-Kỳ đài-thọ 800đ. mỗi tháng về phí-khoản ăn uống.

Sau khi tốt-nghiệp khóa này, các học-viên trở thành Ủy-viên giáo-dục áp chiến-lược thực-thụ và được hưởng-phụ cấp mỗi tháng 600đ. cho mỗi người.

31. TÒA ĐẠI-SỨ MỸ TẠI SÀI-GÒN TÒ-CHỨC MỘT BUỔI THẢO-LUẬN VỀ VĂN-NGHỆ HOA-KỲ.

Dưới sự bảo-trợ của Tòa Đại-sứ Hoa-Kỳ, một buổi thảo-luận về đề-tài "Các ngành nghệ-thuật tại Hoa-Kỳ" đã được tổ-chức tại Thành-Phòng Sở Thông-Tin Hoa-Kỳ, 6 Lê-Lợi, Sài-gòn, vào tối ngày 27 tháng 6.

Thành-phần thuyết-trình-viên trong buổi thảo-luận gồm 5 nhân-vật Hoa-Kỳ hiện có mặt tại Sài-gòn. Mỗi vị nói vấn-tất về một đề-tài riêng trong địa-hạt chuyên-môn của họ, theo thứ-tự như sau:

- (1) "Các nhà văn trẻ của Hoa-Kỳ trong thế-kỷ 20", do ông Joseph Soldati, thuộc Lục-Quân Hoa-Kỳ.
 - (2) "Vũ điệu", do Bà Rufus Phillips.
 - (3) "Kịch-Nghệ": do ông Frank Beaver, thuộc Lục Quân Hoa-Kỳ.
 - (4) "Nghệ-thuật hiện-đại": do bà Kay Drachnik.
 - (5) "Âm-nhạc": do bà Harrison Shaffer, Jr.
- Ông Lawrence Pezzullo, thuộc Sứ-Quán Hoa-Kỳ, làm phối-hợp viên.

32. TRÌNH DIỄN ÂM-NHẠC BÌNH DÂN PHI-LUẬT-TÂN TẠI RAP ĐẠI-NAM.

Tối 12.6.63, tại rạp Đại-Nam, đã có buổi dạ-hội âm-nhạc bình-dân Phi-Luật-Tân do một nhóm nghệ-sĩ Phi-từ Manille đến trình-diễn, nhân dịp lễ Quốc-khánh Phi-Luật-Tân.

Trước một số khán-giả rất đông gồm có Ngoại-giao-đoàn và các nhân-vật chính-thức, Đại-sứ Phi-Luật-Tân Modesto Farolan đã giới-thiệu đoàn nghệ-sĩ với cử-tọa. Các nghệ-sĩ Phi phần lớn là các nhạc-sư tên tuổi tốt-nghiệp các trường Đại-học Hoa-kỳ và Phi-Luật-Tân và đã trình-diễn nhiều lần ở Phi-Luật-Tân và ở ngoại-quốc.

Kể đó, đoàn nghệ-sĩ Phi đã trình-diễn các bản nhạc thuần-túy Phi-Luật-Tân có ảnh-hưởng nhạc bình-dân, cùng một số các bản nhạc cổ-điển Tây-phương. Các nghệ-sĩ nước bạn đã được cử-tọa vô tay tán-thưởng nhiều lần.

33. BÁC-SĨ ERARD STAEDTLER, TÂN GIÁM-ĐỐC TRUNG-TÂM VĂN-HÓA ĐỨC, ĐÃ TỚI SÀI-GÒN CHIỀU QUA.

Bác-sĩ Erard Staedler, tân Giám-Đốc Trung-tâm Văn-hóa Đức tại Sài-gòn, đã từ Vọng-Các tới phi-cảng Tân-Sơn-Nhứt hồi 8 giờ chiều 26.6.1963.

Bác-sĩ Staedler trước đây là giáo-sư tại Viện Goethe tại Alexandria (Ai-Cập) trong 3 năm. Bác-sĩ tới Việt-Nam để thay thế Bác-sĩ Hutter điều-khiển Trung tâm Văn-hóa Đức tại đây. Bác-sĩ Staedler có bằng Tiến-sĩ Triết và Sử. Ông cũng đã nghiên-cứu về văn-chương Đức và Anh.

34. ĐẠI-HỘI THƯƠNG NIÊN CỦA HỘI THÂN-HỮU «VIỆT-ĐỨC».

Chiều 10.6.63, các hội-viên Hội Thân-Hữu «Việt-Đức» đã nhóm đại-hội tại nhà hàng Continental để nghe bản phúc-trình của Ủy-ban Giám-đốc hết nhiệm-kỳ và bầu Ủy-ban Giám-đốc mới. Nhân-dịp này, ông Ngô-Khắc-Tĩnh, Tổng Thư-ký đã cho biết về những hoạt-động của Hội Thân-hữu «Việt-Đức» trong năm qua và đã nhấn mạnh về mấy việc sau đây:

Cứu-trợ đồng-bào Thương-tị-nạn Cộng-sản 30.000đ.

Tổ-chức một buổi hòa nhạc cũng để giúp đồng-bào Thương-tị-nạn Cộng-sản 25.000đ.

Cứu-trợ đồng-bào nạn-nhân hòa-hoàn Vinh-Hội 25.000đ.

Quà tặng các chiến-sĩ chống Cộng nhân dịp lễ Quốc-khánh 26-10-62, 5 000đ.
Học-bổng của Hội: 3 học bổng 1.000đ., tổng-cộng là 27.000đ.

Sau đó, ông Lâm-Tổ-Bông, tổng thủ-quỹ, loan báo tồn-quỹ của Hội là 185.862\$51 sau khi đã thanh-toán tất cả các món chi. Cuộc bầu Ủy-ban Giám-đốc mới của Hội Thân-hữu «Việt-Đức» đã đem lại kết-quả như sau:

Ô.Ô. Nguyễn-Quang-Trinh, Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục.

Vũ Quốc-Thúc, Khoa-trưởng Luật-khoa.

Ngô-Khắc-Tĩnh, Dân-biêu, Phó Tổng thư-ký Quốc-Hội.

Dedo von Krosigk, Đệ-nhất Tham-vụ Sứ-quán Đức.

Kurt Prause, đại-biêu hãng Bayer.

Đinh-Văn-Khê, Giám-đốc báo «Tiếng Chuông».

Willi Ludwig, Cố-vấn Kinh-tế tại Sứ-quán Đức.

Auguste Philipp, Trưởng-ban Nghi lễ tại Sứ-quán Đức.

Trần-Ngọc-Trình, Thấu-khoán, Hội-viên Đô-thành.
E.P. Essig, nhân-viên Sứ-quán-Đức.
Nguyễn-Được, Giám-đốc Nha Kỹ-thuật Học-vụ.

Các nhân-vật mới được trúng cử sẽ họp nay mai để phân-phối các chức vụ trong Ủy-ban Giám-đốc.

Trong bữa tiệc thường lệ và trước khi bầu-cử Ủy-ban Giám-đốc ông Trần-Ngọc-Liên, Chủ-tịch sáng-lập Hội thân-hữu Việt-Đức đã loan tin ông nhất định từ-chức Chủ-tịch và mặc nhiên nhận chức Chủ-Tịch danh-dự theo đề-nghị của Nam-Tước Von Wendland, Đại-sứ Cộng-Hòa Liên-Bang Đức, hội-viên danh-dự Hội Việt-Đức.

35. KHÁNH-THÀNH TRUNG-TÂM TRIỀN-LÂM THƯƠNG-MAI VÀ KỸ-NGHỆ PHI-LUẬT-TÂN TẠI SÀI-GÒN.

Sáng 12-6-63, ông Trương-Vinh-Lễ, Chủ-tịch Quốc-Hội, đã khánh-thành Trung-tâm Triền-lâm Thương-mại và Kỹ-nghệ Phi-Luật-Tân tổ-chức tại bin-đình TAX ở Đại-lộ Nguyễn-Huê.

Hiện-diện trong buổi lễ, người ta nhận thấy nhiều nhân-vật, trong số có ông Ngô-Trọng-Hiếu, Bộ-Trưởng Công-Dân-Vụ, nhiều vị Trưởng Nhiệm-sở Ngoại-giao và Lãnh-sự, nhiều đại-biểu các cơ-quan và hiệp-hội ở Thủ-đô.

Trung-tâm Triền-lâm Thương-mại và Kỹ-nghệ Phi-Luật-Tân do ông Marinn Umali, Tùy-viện Thương-mại tại Sứ-quán Phi-Luật-Tân điều-khiển, trưng-bày các sản-phẩm như đồ tiêu-công-nghệ thực-phẩm, xi-gà, rượu chát Phi-Luật-Tân, v.v... Trung-tâm khai-mạc nhân lễ kỷ-niệm độc-lập Phi-Luật-Tân cử hành hôm nay. Nhân dịp này, ông Modesto Farolan, Đại-sứ Phi-Luật-Tân đã nhấn mạnh rằng việc thiết-lập Trung-tâm chứng-tỏ ý-chí của Chính-phủ Phi-Luật-Tân muốn bành-trướng mối giao-thương với Việt-Nam.

36. NHA TỔNG GIÁM-ĐỐC THANH-NIÊN TỔ-CHỨC CUỘC THI SÁNG-TÁC VĂN-NGHỆ CHIẾN-ĐẤU.

Nha Tổng Giám-Đốc Thanh-Niên vừa cho biết một cuộc thi sáng-tác văn-nghệ chiến-đấu sẽ tổ-chức "để phát-huy tinh-thần tranh-đấu bất-khuất của nhân-dân và nhất là của thanh-niên đang thề-hiến dưới mọi hình-thức nhằm hoàn-thành cuộc cách-mạng nhân-vị hiện nay". Chi-tiết cuộc thi như sau :

1. Các bộ-môn thi :

• *Truyện ngắn*: Không hạn-định số trang. Phải viết bằng lối văn giản-dĩ, sáng-sủa.

• *Kịch*: Thoại kịch hay kịch thơ. Đối thoại cần gọn-gàng, ý-nghị, súc-tích, ngắn nhất là 5 trang, dài nhất là 15 trang đánh máy.

• *Thơ*: Không hạn-định số câu. Có thể dùng tất cả các thể thơ.

• *Tân-nhạc*: Có thể là nhạc hùng, nhạc tình-cảm, nhạc kể truyện, trường ca... dài từ 32 đến 64 trường-canh, riêng các loại trường-ca và kể truyện thì không hạn-định số trường-canh.

2. Đề-tài chung :

Tác-phẩm dự thi phải :

- Phản-ảnh trung-thực cuộc cách-mạng toàn-diện đang tiến-bước tại các ấp chiến-lược.

- Nêu cao gương hy-sinh dũng-cảm của nhân-dân và nhất là Thanh-niên (Thanh-niên Cộng-hòa, Thanh-niên Chiến-đấu...) trong cuộc đấu-tranh hoàn-toàn Cách-Mạng Nhân-Vị.

- Ngợi-ca tinh-thần cách-mạng và những chiến-công của Thanh-niên (Thanh-niên Cộng-hòa Thanh-Niên Chiến-đấu...) trong công-cuộc xây-dựng và bảo-vệ ấp chiến-lược.

- Trình-bày nếp sinh-hoạt lành mạnh, đầy phấn-khởi của các đoàn-thề trong ấp chiến-lược.

- Nói lên ý-chí tự-túc, tự-cường của nhân-dân trong cuộc xây-dựng ấp chiến-lược.

- Diễn-tả đời sống thanh-bình của nhân-dân trong các ấp chiến-lược đã hoàn-thành. .

3. Giải thưởng

Truyện ngắn : Nhất 5.000\$ - Nhì 3.000\$ - Ba 2.000\$ - 8 giải khuyến-khích mỗi giải 1.000\$.

Kịch : Nhất 5.000\$ - Nhì 3.000\$ - Ba 2.000\$ - 4 giải khuyến-khích mỗi giải 500\$.

Thơ : Nhất 3.000\$ - Nhì 2.000\$ - Ba 1.000\$ - 8 giải khuyến-khích mỗi giải 500\$.

Tân nhạc : Nhất 5.000\$ - Nhì 3.000\$ - Ba 2.000\$ - 4 giải khuyến-khích mỗi giải 1.000\$.

Giải-thưởng sẽ trao bằng ngân-phiếu. Trong trường-hợp không có tác-phẩm xứng - đáng trúng các giải đã định, Ban Tổ-chức có quyền định lại giải thưởng.

4. *Lịch-trình các giải*: Hàng năm, mỗi tam-cá-nguyệt sẽ có một kỳ thi. Riêng năm 1963 chỉ có hai kỳ cho Đệ-tam và Đệ-tứ tam-cá-nguyệt tức là giải Quốc-Khánh (26-10-1963) và giải Sinh-Nhật Ngô-Tổng-Thống (3-1-1963).

5. *Thê-thức dự thi*: Tác-phẩm dự thi phải viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy cỡ 21 x 27 và phải là tác-phẩm chưa từng xuất-bản và phổ-biến. Mỗi tác-phẩm gửi 5 bản tới Nha Tổng Giám-Đốc Thanh-Niên, số 5 đường Đinh-Tiên-Hoàng, Sài-gòn, ngoài bì đề « Dự thi sáng tác văn-ngệ ». Tên, họ, bút-hiệu, địa-chỉ của tác-giả phải ghi trên giấy riêng bỏ vào phong bì nhỏ dán kín kèm trong phong bì lớn đựng tác-phẩm.

6. *Hội-đồng giám-khảo*: Hội-đồng Giám-khảo sẽ do Nha Tổng Giám-Đốc Thanh-Niên ấn-định với sự cộng-tác của trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-ngệ cùng các Văn-ngệ sĩ danh tiếng tại Thủ-Đô. Kết-quả sẽ được công-bố trên Đài Phát-Thanh và báo-chí.

7. *Thời-hạn nhận bài dự-thi*: Kỳ Đệ-tam tam-cá-nguyệt 1963 tức là kỳ thi giải « Quốc-Khánh » (26-10-1963), bắt đầu nhận bài từ ngày ra thông-cáo này cho đến ngày 15-9-1963. Muốn biết rõ chi-tiết có thể xin Điều-lệ cuộc thi ở các Ty, Thanh-niên tỉnh và Đô.Thành.

37. BA CHUYÊN-VIÊN CỦA TỔ-CHỨC Y-TẾ QUỐC-TẾ VIẾNG THĂM VIỆT-NAM.

Hai chuyên-viên của Tổ-chức Y-tế Quốc-tế là bác-sĩ Robson và ông Arbuthnot, Cố-vấn dinh-dưỡng và vệ-sinh công-cộng vừa tới Sài-gòn để giúp đỡ dinh-dưỡng và vệ-sinh công-cộng.

Ngoài ra, Bác-sĩ Angara, chuyên-viên của Tổ-chức Y-tế Quốc-tế, Cố-vấn khu-vực về quản-trị y-tế công-cộng sẽ từ Nam-Vang tới Sài-gòn vào ngày 20-6 sắp tới để tiếp-xúc và thảo-luận với các nhà chức-trách y-tế về chương-trình y-học phòng ngừa, phân-phối dược-liệu, phòng thí-nghiệm y-khoa và quản-trị y-tế công-cộng.

38. VIỆN UNG-THƯ CHỮA BỆNH BẰNG MÁY SIÊU-ÂM VÀ MÁY ĐIỆN CÓ LUỒNG SÓNG NGẮN.

Viện Ung-thư Quốc-gia đã bắt đầu tiếp-nhận bệnh-nhân (do các cơ-quan Y-tế gửi đến hay tự tìm đến) để điều-trị theo phương-pháp vật-lý trị-liệu bằng máy siêu-âm hoặc bằng máy điện có luồng sóng-ngắn.

Ngày giờ tiếp-nhận được dự-liệu vào mỗi buổi chiều thứ ba, thứ tư và thứ sáu trong tuần.

Những bệnh-nhân được chạy điện xong sẽ trở về bệnh-viện gửi nằm điều-trị (nếu do cơ-quan Y-tế gửi đến) hoặc trở về nhà (nếu tự-y tìm đến) vì Viện Ung-Thư Quốc-Gia chưa có chỗ cho bệnh-nhân nằm.

39. VINH-BÌNH: HAI GIÁO-VIÊN TIÊU-HỌC ĐƯỢC TRUY-TẶNG ANH-DŨNG BỘI-TINH NGÔI SAO BẠC CẤP SƯ-ĐOÀN.

Sáng 19-6-63, Thiếu-Tá Lê-Hoàng-Thao, Tỉnh-Trưởng Vinh-Bình, nhân danh Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-hòa, truy-tặng Anh-dũng Bội-tinh ngôi sao bạc cấp Sư-đoàn cho hai giáo-viên Cao-Văn-Đầy và Lê-Văn-Ánh. Buổi lễ truy-tặng huy-chương tđ-chức tại văn-phòng Ty Tiêu-học Vinh-bình ở tỉnh-lỵ Phú-Vinh, nơi quân thi-hải 2 cố giáo-viên, trước sự hiện-diện trên 1.000 nam nữ công-chức, cán-bộ địa-phương.

Hai cố giáo-viên Cao-Văn-Đầy và Lê-Văn-Ánh, phụ-trách hướng-dẫn đồng bào xây-dựng Ấp chiến-lược tại xã Đại-Phước, quận Càng-Long, bị Việt-Cộng bắn phi-dạn tử thương, trong lúc ngủ trong đồn Dân-vệ Trại-Luân cùng xã nói trên vào đêm 17 rạng ngày 18-6 vừa qua. Người ta được biết, còn có ông Đại-diện xã Đại-Phước và 3 Dân-vệ ở trong đồn nói trên bị trọng thương cũng vì phi-dạn của Việt-Cộng bắn vào đồn.

Sau đó, thi-hải hai cố giáo-viên được đưa về quê-quán thuộc quận Châu-Thành và quận Cầu Ngang (Vinh-Bình) an-táng.

Người ta được biết cố giáo-viên Cao-Văn-Đầy, năm nay 25 tuổi, giáo-viên Tiêu-học hạng tư, tốt nghiệp trường Sư-Phạm Vinh-Long đến phục-vụ tại Ty Tiêu-học Vinh-Bình từ ngày 15-10-1957, có vợ và 2 con. Cố giáo-viên Lê-Văn-Ánh, 25 tuổi, là giáo-viên phụ-khuyết phục-vụ tại Ty Tiêu-học Vinh-Bình từ ngày 17-10-1957, mới cưới vợ được hơn một tháng nay.

40. THÈ-LỆ TRANH GIẢI VĂN-CHƯƠNG « TINH-VIỆT » 1963.

Tinh-Việt Văn-Đoàn vừa cho biết thê-lệ dự cuộc thi văn-chương « Tinh-Việt 1963 » như sau:

Các tác-phẩm dự cuộc tranh giải phải viết bằng Việt-ngữ, hợp với một hay nhiều nguyên-tắc, nêu rõ ở « mục-dịch cuộc thi », chưa xuất-bản hoặc mới chỉ xuất-bản sau ngày 1 tháng giêng dương-lịch 1963.

Số trang tối-thiểu của mỗi tác-phẩm dự giải định như sau:

	Loại tiểu-thuyết	Loại khảo-cứu
(a) Nếu sách in rồi :	200 trang	120 trang
(b) Nếu đánh máy (cách dòng đôi) :	140 trang	80 trang

(c) Nếu viết tay : 240 trang 150 trang
(Đánh máy hay viết tay, dùng khổ giấy 21 x 27 hay tương-đương, viết một mặt).

Mỗi tác-phẩm phải gửi ba (3) bản. Mỗi người có thể gửi một hay nhiều tác-phẩm đề dự một hay cả hai loại giải thưởng. Tác-phẩm phải gửi đến văn-phòng Tinh-Việt Văn-đoàn số 290/11 Đại-lộ Công-Lý Sài-gòn, trước ngày 31-12-1963. Kết-qua sẽ được công-bố vào năm 1964.

Đoàn-viên thực-thụ của Tinh-Việt Văn-đoàn cũng như những vị được mời vào ban giám-khảo không dự thi.

Người ta được biết rằng Tinh-Việt Văn-Đoàn đặt ra hai loại giải thưởng mang danh hai nhà học-giả Việt-Nam và Quốc-tế :

(1) Giải thưởng Trương-Vinh-Ký, dành cho loại sáng-tác (tiểu-thuyết, thi ca, kịch bản).

(2) Giải thưởng Lecomte du Nouy, dành cho loại khảo-luận, phê-bình.

Mỗi giải thưởng định là hai mươi ngàn đồng (20.000\$00). Riêng về năm 1963, vì có các phần thưởng năm trước chưa phát nên sẽ có hai giải Trương-Vinh-Ký và hai giải Lecomte Du Nouy, tổng-cộng 80.000\$00. Những giải thưởng văn-chương của Tinh-Việt Văn-Đoàn có mục-dịch góp phần vào sự tiến-triển của Văn-chương học-thuật Việt-Nam, đề cao những giá-trị tinh-thần, phát-huy nhân-vị, tình-yêu gia-đình tổ-quốc, và nghĩa huynh-đệ nhân-loại.

41. THÀNH-LẬP HỘI CỰU DỰ-THÍNH-VIÊN QUỐC-SÁCH ẤP CHIẾN-LƯỢC.

Ngày 24-6-63, hồi 20 giờ, theo lời mời của Ban Giám-đốc Trung-tâm Huấn-luyện Cán-bộ Xây-đựng Ấp Chiến-lược, các cựu dự-thính-viên các khóa huấn-luyện, phần đông là các Liên-toán-trưởng, từ khóa I đến khóa XII/3, tại Thị-Nghè và Suối Lò-Ồ đã tới dự một phiên họp tại số 2 đường Tú-Xương Sài-gòn để bàn về việc thành-lập Hội Cựu Dự-thính-viên Quốc-sách Ấp Chiến-lược.

Có tất cả 110 vị Liên-toán-trưởng và cựu dự-thính-viên ở Sài-gòn và các tỉnh về tham dự. Buổi họp đặt dưới quyền chủ-tọa của các ông Trương-Công-Cửu, Bộ Trưởng Đặc-Nhiệm Văn-hóa Xã-hội, Thiếu-Tướng Trần-Tử-Oai và Thiếu-tướng Trần-Ngọc-Tám, Giám-đốc Trung-tâm Huấn-luyện.

Hội Cựu Dự-thính-viên Quốc-sách Ấp Chiến-lược nhằm mục-dịch đoàn-kết các cựu dự-thính-viên các Trung-tâm Huấn-luyện Thị-Nghè và Suối Lò-Ồ để bảo vệ và phát-triển công cuộc cách-mạng toàn diện của Quốc-sách Ấp Chiến-lược trong tinh-thần tương-thần, tương-ái.

Sau khi đã thảo-luận về bản điều-lệ và chương-trình hoạt-động của Hội, hội-nghe đã bầu một Ban Trị-sự lâm-thời gồm có các vị sau đây :

Chủ-Tịch : Ô Lê-Văn-Thới, Viện-Trưởng Viện Đại-học Sài-gòn.

Tổng Thư-ký : Ô Vũ-Quốc-Thúc, Khoa-Trưởng Đại-học Luật-khoa Sài-gòn.

Ủy-viên : Ô.Ô. Bùi-Xuân-Bào, Khoa-Trưởng Đại-học Văn-Khoa Sài-gòn,

Phạm-Hoàng-Hộ, Khoa-Trưởng Đại-học Sư-phạm Sài-gòn,

Trương-Văn-Chôm, Khoa-Trưởng Đại-học Dược-khoa Sài-gòn,

Nguyễn-Chung-Tú, Phụ-tá Khoa-Trưởng Đại-học Khoa-học Sài-gòn,

Nguyễn-Văn-Định, Phó Đô-Trưởng Hành-chánh,

Tôn-Thật-Trạch, Tổng Giám-đốc Công-vụ,

Đại-tá Hoàng-Văn-Lạc, Đặc Ủy-viên kiêm Trưởng-Ban Thường-vụ Ủy-ban Liên-Bộ Đặc-trách Ấp Chiến-lược,

Đại-tá Đinh-Sơn-Thung, Giám-đốc Nha Cựu Chiến-Binh,

Trung-tá Trương-Khuê-Quan, Giám-đốc Nha Xã-hội Quận-đội Việt-Nam Cộng-Hòa,

Thiếu-tá Cao-Đặng-Tường, Giám-đốc Trung-tâm Thực-hành Tâm-lý-chiến Quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa.

42. TÒA KHÂM-SỨ TÒA THÀNH TỒ-CHỨC LỄ TẠ ƠN CHÚA NHÂN DỊP ĐĂNG-QUANG ĐỨC TÂN GIÁO-HOÀNG.

Chiều 1-7-63, Tòa Khâm-sứ Tòa Thánh tại Sài-gòn đã tổ-chức cuộc lễ Tạ Ơn Chúa tại Nhà Thờ Chánh Tòa Sài-gòn nhân dịp Đăng-Quang của Tân Giáo-Hoàng Paul VI.

Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa và rất đông quan-khách Việt-Nam và ngoại-quốc đã đến dự lễ, trong số đó có Phó Tổng-Thống Nguyễn-Ngọc-Thơ, ông Trương-Vinh-Lễ, Chủ-tịch Quốc-Hội, ông Đinh-Văn-Huân, Chủ-tịch Viện Bảo-Hiến và các Bộ-Trưởng, Đại-sứ Viên-Tử-Kiện, Niên-Trưởng Ngoại-giao-đoàn cùng các đại-diện ngoại-giao tại Sài-gòn.

Tổng-Thống đến Công-Trường Hòa-Bình hồi 17 giờ 30. Sau khi chào Quốc-thiệu và duyệt các đơn vị dàn chào cùng với Phó Tổng-Thống và Đại-Tướng Lê-Văn-Tý, Tổng Tham-Mưu-Trưởng Liên-quân, Tổng-Thống được Đức Cha Salvatore Asta, Khâm-sứ Tòa Thánh, tiếp đón và hướng-dẫn vào Chính-điện.

Trong khi lễ cầu Thánh-Thê, Đức Cha Nguyễn-Văn-Bình, Tổng Giám-Mục Sài-gòn, đã xướng hát kinh « Te Deum » tạ ơn Thiên-Chúa.

Đức Tản Giáo-Hoàng Paul VI chính-thức đăng-quang trong một buổi lễ cử hành trọng-thê tại công-trường đền Thánh Phê-Rô, La-Mã, chiều Chủ-nhật vừa qua.

43. THÀNH LẬP "BAN QUỐC-GIA HỘT GIỐNG" ĐỀ KHẢO-CỨU VÀ CẢI-THIỆN SẢN-XUẤT HỘT GIỐNG.

Ông Trần-Lê-Quang, Bộ-Trưởng Cải-Tiến Nông-Thôn, vừa quyết-định thành-lập "Ban Quốc-gia Hột giống", nhằm mục-đích khảo-cứu và cải-thiện việc sản-xuất hột.

Ban này gồm có ông Tổng Thơ-Ký và các Giám-Đốc Nha chuyên-môn Bộ Cải-Tiến Nông-Thôn và chia ra làm 4 Tiểu-ban: Túc mẽ, Hoa màu phụ, Rau cải, Cây kỹ-nghệ và Cây ăn trái.

Ban Quốc-gia Hột giống cũng như các Tiểu-ban nói trên có thể mời các chuyên-viên ngoại-quốc, các nhà trồng tía sản-xuất giống và các đại-diện Bộ liên-hệ để tham-khảo ý-kiến mỗi khi cần.

Ban Quốc-gia Hột giống, trực thuộc Bộ Cải-Tiến Nông-Thôn, có nhiệm-vụ trao đổi những giống ngoại-quốc cần-thiết cho nhu-cầu canh-tác quốc-gia; thiết-lập và thi-hành chương-trình thí-nghiệm ở địa-phương những giống tốt sản-xuất trong xứ và những giống ngoại-quốc để minh-xác giá-trị của giống; phát-mình các giống mới có năng-xuất cao; kháng bệnh v.v... phù-hợp, với điều-kiện địa-phương; ấn-định thê-thức kiểm-nhận và tiêu-chuẩn các giống tốt; huấn-luyện cán-bộ về các vấn-đề liên-hệ đến giống v.v...

44. 7.205 ẤP CHIẾN-LƯỢC ĐÃ HOÀN-THÀNH TRÊN TOÀN-QUỐC.

Với sự cố-gắng không ngừng khắp nơi để thực-hiện quốc-sách ấp chiến-lược, tính đến ngày 25-6-1963 trên toàn-quốc đã có 7.205 ấp chiến-lược được hoàn-thành.

Số ấp chiến-lược hoàn-thành này, theo bản tổng-kê tình-hình tiến-triển công-tác xây-dựng ấp chiến-lược của Ban Thường-Vụ Đặc-trách Xây-dựng Ấp chiến-lược, đã quy-tụ 8.737.613 dân chiếm tỷ-số 61,96% tổng-số nhân-dân trên toàn-quốc (14.101.363 người).

So sánh với số ấp dự-trù thực-hiện trên toàn-quốc theo bảng tổng-kê là 11.270 ấp của 40 tỉnh Đô-Thành và các thành-phố Huế, Đà-Nẵng, Đà-Lạt, số ấp đã hoàn-thành chiếm gần 2/3 (63,93%) tổng số ấp dự-trù.

Ngoài số ấp hoàn-thành nói trên, tài-liệu còn cho biết rằng còn có 2.398 ấp chiến-lược đang xây-dựng theo đã tiến-triển chung của chương-trình thực-hiện.

Nếu nhìn về hơn 2 tháng trước ta thấy số ấp chiến-lược được thực-hiện tăng thêm 1.288 ấp: Số ấp chiến-lược lúc bảy giờ 11-4-1963 là 5.917 ấp, chiếm 53,10% số ấp dự-trù, quy-tụ 59% tổng-số nhân-dân trên toàn-quốc.

45. MẤY CUỘC TRIỀN-LÂM TẠI SÀI-GÒN VÀ BÌNH-DƯƠNG.

• Chiều 27-6-63, tại trụ-sở Pháp-văn Đồng-Minh-Hội, ông Nguyễn-Quang-Trình, Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục, đã khai-mạc cùng lúc hai cuộc triển-lâm tranh, một của họa-si Phạm-Ngọc-Hiền và một của cô Mohini Singh, em họ của Đại-sứ Goburdhun, Chủ-tịch Ủy-hội Quốc-tế Kiểm-soát Đình-chiến ở Việt-Nam.

Trong số các quan-khách tham-dự buổi lễ khai-mạc này, người ta nhận thấy có ông R. Goburdhun cùng phu-nhân, ông Đại-sứ Anh-quốc Hohler cùng phu-nhân, ông Tổng Lãnh-sự Indonesia cùng phu-nhân, nhiều vị cố-vấn Sứ-quán ngoại-quốc, và các nhân-viên của Phái-đoàn Ấn-Độ trong Ủy-hội Quốc-tế Kiểm-soát Đình-chiến.

Lần này, họa-si Phạm-Ngọc-Hiền trưng-bày 31 họa-phẩm cỡ nhỏ thực-hiện theo lối ấn-tượng. Cô Mohini Singh trưng-bày 36 họa-phẩm thực-hiện theo đủ lối: cổ-diễn, tân-thời, bán-tượng-trưng và trừu-tượng.

Hai cuộc triển-lâm này mở cửa cho tới hết ngày 3-7-63.

• Các Ông Nguyễn-Văn-Sáng, Đoàn-Tấn-Lợi và Vũ-Văn-Trang tổ-chức một cuộc triển-lâm về bướm tại Hội Việt-Mỹ với chừng 3.000 loại bướm mà họ đã sưu-tập được.

Cuộc triển-lâm mở cửa từ ngày 29-6 đến ngày 10 tháng 7 năm 1963.

• Sáng 29-6-63, ông Lê-Công-Chất, Phó Tỉnh-trưởng Hành-chánh, đại-diện Thiểu-tá Tỉnh-trưởng Bình-Dương, đã khai-mạc tại trường Tiểu-học quận lỵ Lái-Thiêu gian hàng Triển-lâm trái cây và sản-phẩm tiểu-công-nghệ của các ấp chiến-lược trong tỉnh.

Tại Triển-lâm có trưng-bày các trái cây như măng-cụt, sầu-riêng, chôm-chôm, dâu, bông-boong, mít tẻ, nữ thanh-long, các sản-phẩm tiểu-công-nghệ như đồ gốm, chén, sơn mài, guốc, các loại gà Hubbard, Pilch và heo thuộc giống Hoa-Kỳ.

Cuộc triển-lâm mở cửa đến hết ngày 1-7-63.

• Một cuộc triển-lâm ảnh được tổ-chức bắt đầu từ ngày 26-6-63 tại Phòng Thông-Tin Đô-Thành dưới quyền chủ-tọa của ông Đô-Trưởng Sài-gòn, đề trưng-bày tác-phẩm của 9 nghệ-si nhiếp-ảnh ở Sài-gòn.

Cuộc triển-lãm do Hội Thề-thao Nghĩa-An tổ-chức sẽ gồm có lối 170 bức ảnh đen trắng cỡ 30 x 20 phân và 20 bức ảnh màu của các nghệ-sĩ sau :

Các ông Lý-Lan-Siêu, Lý-Vinh-Quang, Nguyễn-Cao-Đàm, Nguyễn-Văn-Lan, Phạm-Văn-Mùi, Tào-Can, Đinh-Bá-Trung, Lê-Anh-Tài và Chen Hsieng Hichi.

Một số các bức-ảnh nói trên đã được tặng các giải thưởng quốc-tế trong cuộc triển-lãm nhiếp-ảnh ở Âu-Châu Mỹ-Châu và Á-Châu.

• Cuộc triển-lãm nhiếp-ảnh của Hội Nghĩa-An đã được ông Lưu-Văn-Thừa, đại-diện ông Đỗ-Trường khánh thành sáng 26-6-63 nay tại Phòng Thông-Tin Đô-thành.

Các tác-phẩm trưng-bày phần lớn của 9 nhiếp-ảnh-gia nổi tiếng là các ông Trần-Việt, Đinh-Bá-Trung, ARPS; Lê-Anh-Tài, ARPS, Lý-Vinh-Quang, Nguyễn-Cao-Đàm, ARPS, Nguyễn-Văn-Lân, ARPS, Phạm-Văn-Mùi, Tào-Can và Lý-Lan-Siêu, ARPS. Các nhiếp-ảnh-gia này đã triển-lãm ở Tân-Gia-Ba và đã thành-công rực-rỡ.

Ngoài ra, người ta còn nhận thấy các tác-phẩm của các hội-viên Hội-Nghĩa-An như các ông Đoàn-Quốc-Thanh, Đồng-Tử-Văn, Lâm-Kiệt, Lee Minh-Kay, Nguyễn-Thống, Phu-Toàn, Tchen Fong Ku, ARPS, Trần-Kiệt-Nô và Triệu-Văn, và của 2 hội-viên danh-dự: Ông Tchan Fou Li ở Hương-Cảng và ông Peng Seng Wu ở Tân-Gia-Ba.

Tất cả có 164 bức hình đen trắng cỡ 30 x 40 phân và lối 2 chục bức hình màu. Cuộc triển-lãm này mở cửa cho đến ngày 30-6-63.

• Sáng 3-7-63, cuộc triển-lãm tranh của họa-sĩ Thanh-Nhàn đã khai-mạc tại Phòng Thông-tin Đô-Thành. Họa-sĩ Thanh-Nhàn trình-bày 70 bức họa đủ loại: phong cảnh, chùa chiền, tĩnh vật... Cuộc triển-lãm mở cửa cho tới hết ngày 12-7-63.

Năm ngoái, họa-sĩ Thanh-Nhàn cũng đã mở cuộc triển-lãm tranh tại Phòng Thông-Tin Đô-Thành và đã bán được một nửa số họa-phẩm trưng-bày.

46. MẤY CUỘC DIỄN-THUYẾT VÀ HỘI-THẢO TẠI SÀI-GÒN VÀ ĐÀ-LẠT.

• Sáng 9-6-63 Bác-sĩ Trần-Si-Đôn, Giảng-sư Đại-học Y-khoa Sài-gòn, đã nói chuyện tại Trường Quốc-Gia Âm-Nhạc "Tại sao tôi thành Bác-sĩ".
Bác-sĩ Trần-Si-Đôn là người thứ tám nói chuyện trong chương-trình diễn-thuyết để giúp thanh-niên "Tìm một chí-hướng" do Tinh-Việt Văn-Đoàn và Văn-

Đàn Tuân-Báo tổ-chức. Diễn-giả cho biết vì một biến-cổ trong gia-đình nên đã quyết-tâm trở thành Y-sĩ.

Môn chính của năm thứ nhất Y-khoa là cơ-thể học. Diễn-giả cho biết đã miệt-mải về môn này và khi thi kỳ đầu được một điểm rất cao. Được khuyến-kích từ lúc đầu, và từ sự thích giải-phẫu người chết, "tôi đã chọn ngành giải-phẫu người sống".

Năm 1952, nộp luận-án về cơ-thể và giải-phẫu, diễn-giả cho biết ông ra trường, và liền được gọi nhập-ngũ với cấp bậc Trung-úy, Phục-vụ trong Quân-đội chừng 4 năm, ông được giải ngũ, và từ đó, ông hành nghề tư và phục-vụ Đại-học Y-khoa. Trong câu chuyện, diễn-giả đã cho biết về cách-thức hành nghề tư tại Việt-Nam cũng như chương-trình đào-tạo Bác-sĩ tại Đại-học Y-khoa Sài-gòn và những cái vui, cái buồn, cái tủi trong nghề.

Diễn-giả được ông Phạm-Đình-Tân Đoàn-Trưởng Tinh-Việt Văn-Đoàn và Văn-Đàn Tuân-Báo, giới-thiệu với thính-giả. Rất đồng thanh-niên, sinh-viên và quan-khách đến tham-dự cuộc nói chuyện này.

• Dưới sự chủ-tọa của bà Hohler, phu-nhân Đại-sứ Anh-quốc, ông Jacques Halpern, họa-sĩ, đã diễn-thuyết tới 10.6 63 tại Hội-quán Pháp-Văn Đồng-Minh-Hội về đề tài *Nghệ-thuật và bệnh điên*.

Trong số thính-giả người ta nhận thấy sự hiện-diện của Đại-sứ R. Goburdhun, Chủ-tịch Ủy-hội Quốc-tế và phu-nhân, ông Hohler, Đại-sứ Anh-quốc, ông Nguyễn-Xuân-Anh, Giám-đốc Dưỡng-trí-viện Biên-Hòa, nhiều bác-sĩ cổ-văn văn-hóa tại các Sứ-quán và giáo-sư Đại-học Sài-gòn.

Trước hết diễn-giả nói đến bệnh điên và với những lời lẽ di-dõm vạch rõ rằng hiện nay bệnh điên không có gì là "kinh-khủng" cả, trái với quan-niệm của thế-kỷ trước.

Diễn-giả nói: "Bệnh thần-kinh không có gì đáng sợ. Trong một xã-hội thông thường, nhiều người không điên còn đáng sợ hơn người điên vì lòng ích-kỷ, giả-dối và độc ác của họ..."

Sau đó, diễn-giả nói đến người điên và hội-họa. Diễn-giả thuật lại việc ông tiếp-xúc với một bệnh nhân thần-kinh ở Dưỡng-trí-viện Biên-Hòa đang học vẽ và được xem tác-phẩm của người này.

Diễn-giả nêu ra những đặc-tính trong một bức tranh do người điên vẽ để chứng-tỏ rằng khi người điên đem hết tâm trí vào việc sáng-tạo, hẳn có thể thoát khỏi cơn điên đại và đây là một cách chữa bệnh thần-kinh rất hay.

Nói về cuộc triển-lãm hiện nay tại Phòng Thông-tin đường Tự-Do, nơi có trưng-bày các họa-phẩm của bệnh-nhân Dưỡng-trí-viện Biên-Hòa, diễn-giả kêu gọi từ-tâm của thính-giả để mời họ mua những bức tranh ấy.

Diễn-giả nhấn mạnh rằng mua tranh đó tức là giúp cho người diên mau khỏi bệnh. Diễn-giả nói : « Bệnh diên là một vấn-đề sâu-xa của nhân-loại. Vấn-đề đau đớn đó làm cho mọi người chúng ta xúc-động, bất-luận thuộc tôn-giáo nào.»

Kết-luận, diễn-giả kêu gọi lòng bác-ái, từ-thiện và tình thương của mọi người đối với người diên.

• Hồi 17 giờ 30 chiều 20-6-63, Hội Cựu Chiến-sĩ Việt-Nam đã tổ-chức một buổi nói chuyện tại rạp Thống-Nhứt, đặt dưới quyền chủ-tọa của ông Ngô-Trọng-Hiếu, Bộ trưởng Công-Dân-Vụ. Trong số cử-tọa người ta nhận thấy có ông Vũ-Quốc-Thông, Viện-trưởng Học-viện Quốc-gia Hành-chánh, đại-diện các Nha Sở quân và dân-chính, các đoàn-thể cùng một số rất đông cựu chiến-sĩ.

Trung-tướng Nguyễn-Ngọc-Lễ, Chủ-tịch Hội Cựu Chiến-sĩ Việt-Nam đã trình-bày về hoạt-động của Hội Cựu Chiến-sĩ, sự liên-hệ giữa Hội Cựu Chiến-sĩ và Liên-hiệp Cựu Chiến-sĩ Thế-giới và kỳ viễn-du của Phái-đoàn Cựu Chiến-sĩ Việt-Nam tại Copenhagen.

Nói về lịch-sử của Liên-hiệp Cựu Chiến-sĩ Thế-giới, Trung-tướng Nguyễn-Ngọc-Lễ cho biết :

« Liên-hiệp Cựu Chiến-sĩ Thế-giới là một tổ-chức kết-hợp những Hội Cựu Chiến-sĩ, Thương-phế-binh và Nạn-nhân Chiến-tranh trên Thế-giới. Hiện thời Liên-hiệp quy-tụ được 167 Hội, thuộc 50 Quốc-gia, số hội-viên trên 20 triệu người.

« Liên-hiệp Cựu Chiến-sĩ Thế-giới được thành-lập năm 1950 do nỗ-lực của các Hội Cựu Chiến-sĩ 6 Quốc-gia : Bỉ, Hoa-Kỳ, Pháp, Ý-Đại-Lợi, Thổ-Nhĩ-Kỳ và Nam-Tur. Những đoàn-thể vừa trải qua cơn ác-mộng của Đệ-nhiệ thể-chiến ý-thức cần phải đoàn-kết với các chiến-hữu trên Thế-giới để tạo thành một lực-lượng tranh-đấu cho lý-tưởng Hòa-bình, Tự-do và Công-bình.

« Mục-dịch của Liên-hiệp Cựu Chiến-sĩ Thế-giới gồm có :

- Tổ-chức những sự tiếp-xúc liên-lạc thường xuyên giữa các Hội Cựu Chiến-sĩ và Nạn-nhân chiến-tranh các nước để tăng-cường tình đoàn-kết của Cựu Chiến-sĩ trên Thế-giới.

- Bảo-vệ quyền-lợi vật-chất và tinh-thần của Cựu Chiến-sĩ và Nạn-nhân chiến-tranh bằng mọi phương-tiện, trong giới-hạn luật-lệ và Hiến-pháp mỗi Quốc-gia

- Trưng-niệm đến các nạn-nhân đã hy-sinh vì chiến-tranh.

- Củng-cố nền Hòa-bình và an-ninh Quốc-tế dựa vào tinh-thần Bản Hiến-chương Cựu-Kim-Son và Bản Tuyên-Ngôn Nhân-quyền.»

Sau khi vạch rõ những hoạt-động của Hội Cựu Chiến-sĩ Thế-giới trên các lãnh-vực : phục hồi thương binh, lập pháp-quy cho Cựu Chiến-sĩ và Thương-phế-binh, phát-triển nông-thôn bảo-vệ nhân-quyền, xây-dựng cư-xá và kế-hoạch hóa về kinh-tế và xã-hội, Trung-tướng Nguyễn-Ngọc-Lễ nói đến những cơ-cấu tổ-chức của Liên-hiệp Cựu Chiến-sĩ và nhắc lại tiểu-sử của những nhân-vật sáng-lập. Cũng trong buổi nói chuyện này, một đại-diện Cựu Chiến-sĩ có tuyên-đọc một bản thông-điệp của ông Van Lanschot, Chủ-Tịch Liên-hiệp Cựu Chiến-sĩ Thế-giới, nhân dịp « Tháng Cựu Chiến-sĩ 1963.»

Sau buổi nói chuyện có chiếu một cuốn phim về các hoạt-động của Hội Cựu Chiến-sĩ Việt-Nam.

• «Ngành giáo-dục Việt-Nam đang có những bước tiến dài», Ông Nguyễn-Đình-Hòa, Giáo-sư diễn-giảng Văn-khoa Đại-học-đường Sài-gòn, đã tuyên-bố như trên trong buổi nói chuyện về «Chiến-lược ngành giáo-dục Việt-Nam» tại Hội Việt-Mỹ chiều hôm 21-6, mở đầu cho một loạt bài thuyết-trình giới-thiệu những khía-cạnh của nền văn-hóa Việt-Nam với các bạn ngoại-quốc. Những buổi nói chuyện này đặt dưới quyền bảo-trợ của Hội Việt-Mỹ.

Ông Nguyễn-Đình-Hòa cho biết tiếp là mục-tiêu của ngành giáo-dục Việt-Nam cũng giống mục-tiêu giáo-dục tại các nước khác, nghĩa là mở rộng kiến-thức để giúp thanh-thiếu-niên trở thành những công-dân biết nhận lãnh trách-nhiệm và tôn-trọng luật-pháp. Tuy nhiên, giáo-sư và sinh-viên cần phải nhận-dịnh hoàn-cảnh đặc-biệt xung quanh họ, và chương-trình giáo-dục cần phải được thích-hợp với tình-trạng hiện-thời của Việt-Nam, một nước kém mở-mang.

Sau khi nhắc qua hệ-thống tổ-chức giáo-dục tại Việt-Nam, Giáo-sư Nguyễn-Đình-Hòa, cũng là Phó Chủ-Tịch Tổng-Hội Giáo-Giới Việt-Nam, đã nhấn mạnh về những cố-gắng của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục để nâng cao trình-độ sinh-viên và cải-thiện môn giảng dạy. Với một ngân-sách 1.326.392.000 đồng, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đang huy-động mọi nguồn hoạt-động để đem lại cho thanh-niên Việt-Nam một nền giáo-dục tốt đẹp nhất.

Ông Nguyễn-Đình-Hòa, đồng thời là Giám-Đốc Nha Văn-Hóa Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, còn cho biết về sĩ-số trong toàn-quốc như sau : 1.450.679 học-sinh theo học tại 6.216 trường Tiểu-học ; 238.315 học sinh tại 417 trường Trung-học trong niên-học vừa qua.

Diễn-giả cũng cho biết có 17.929 sinh-viên Đại-học trong niên-khóa 1962-63, đây là không kể những sinh-viên tại các trường chuyên-nghiệp.

• Sáng 23-6-63, hồi 10 giờ tại thính-đường Sở Thông-tin Hoa-Kỳ, số 6 Đại-lộ Lê-Lợi, Ban Văn-hóa Tòa Đại-sứ Hoa-Kỳ có tổ-chức buổi nói chuyện về

"Khóa Hội-thảo Thanh-niên Thế-giới, năm 1963", do diễn-giả Lê-Minh-Son, học-sinh trường Chu-Văn-An, Đại-biểu Việt-Nam đã tham-dự khóa Hội-thảo.

Diễn-giả nói về lược-sử của cuộc Hội-thảo Thanh-niên Thế-giới, được tổ-chức do sáng-kiến của một thanh-niên của báo "Nữ-ước Diễn-dàn" và sự cộng-tác của các cơ-quan giáo-dục, các hãng hàng-không.

Thanh-niên của những nước tự-do, từ 16 đến 21 tuổi, học-lực từ lớp đệ-nhi trở lên, được mời tham-dự. Trong 17 năm qua, đã có 500 đại-biểu các nước tự-do đến Hoa-Kỳ tham-dự khóa Hội-thảo. Riêng năm nay có đại-biểu của 39 nước bạn, mục-dịch cuộc Hội-thảo là tạo cho thanh-niên các nước tự-do có cơ-hội trao đổi tư-tưởng và phát-triển sự hiểu biết giữa thanh-niên Hoa-Kỳ và thanh-niên các nước tham-dự.

Chương-trình gồm có phần hướng-dẫn đại-biểu các nước tiếp-xúc với nếp sống ở Mỹ, từ 23 đến 31 tháng 12. Giai-đoạn thứ nhì, từ 1 tháng giêng 1963 đến 1 tháng 3, các đại-biểu sống với gia-đình Mỹ, mỗi đại-biểu sống với 3 gia-đình, 20 ngày trong mỗi gia-đình, tại vùng dân-cư đông nhất. Mỗi ngày đều có cuộc bàn luận về những vấn-đề có sẵn trong gia-đình, và các cuộc hội-thảo công-cộng.

Phần thứ ba gồm có các cuộc thăm viếng Hoa-Kỳ trong 20 ngày. Các đại-biểu đã viếng nhiều vùng từ Connecticut đến Washington, có dịp tiếp chuyện cùng nghị-sĩ Mỹ; rồi đến Tiểu-bang Virginia, viếng những di-tích cuộc chiến-tranh giữa Nam và Bắc Mỹ, đến Miền Bắc viếng Tiểu-bang Pennsylvania, Massachussets, viếng Viện Đại-học Harvard.

Sở Báo-chí Sứ-quán Cộng-Hòa Liên-Bang Đức tại Sài-gòn đã tổ-chức trong thời-gian từ 25 đến 28-6-63, mỗi tối từ 20 giờ 30 tại Trung-tâm Văn-hóa Đức, 4 buổi nói chuyện bằng Việt-ngữ về ngày khởi-nghĩa 17 tháng 6 tại Đông-Đức.

Cách đây đúng 10 năm, ngày 17-6-1954 lực-lượng công-nhân ở Đông-Đức, nhất là Đông Bá-Linh, đã nổi lên chống lại chế-độ bóc lột của chính quyền Cộng-sản. Cuộc khởi-nghĩa tuy bị đàn-áp ngay nhưng đã gây một mối xúc động sâu-xa trên thế-giới.

Diễn-giả của các buổi nói chuyện này là ông Hoàng-Minh-Tuynh, Giám-đốc bán-nguyệt-san "Mai".

Chiều 24-6-63, trong một bữa tiệc của Hội "Lions" tại Nhà hàng Continental, ông Trần-Đình-Đệ, Bộ-Trưởng Y-tế, đã nói về những vấn-đề khó-khăn hiện nay của Bộ Y-tế, quan-trọng nhất là việc thiếu các bệnh-viện tối thiểu, tình-trạng thiếu an-ninh tại các vùng thôn quê và vấn-đề Đông-Y.

Ông Trần-Đình-Đệ tuyên-bố :

"Đề giải-quyết những vấn-đề ấy, Bộ Y-tế chỉ có những phương-tiên hạn-chế và những đồ trang-bị cũ-kỹ, trong khi mức sinh-sản của dân-chúng vẫn gia-tăng 2 phần trăm mỗi năm, và thanh-thiếu-niên bao giờ cũng tăng nhiều hơn hết".

Ông Bộ-Trưởng Y-Tế cho biết trong năm ngoái, có 20.983 giường tại các bệnh-viện trong toàn-quốc, so với 19.911 giường trong năm trước. Nhưng đối với số dân 14 triệu của nước ta, nếu một ngàn người cần có 2 giường bệnh-viện thì trong toàn-quốc phải có một số giường tối thiểu 28.000 giường. Như vậy, hiện còn thiếu 7.017 giường.

"Nếu tính theo giá mỗi chiếc giường là 40.000 đồng (kể cả việc xây cất bệnh-viện và mua đồ trang-bị), chúng tôi phải cần tới 280.680.000 đồng".

Về vấn-đề y-tế hương-thôn, ông Bộ-Trưởng cho biết hiện nay đã có 3.219 phòng y-tế được thành-lập và trang-bị đầy-đủ, thêm vào đó, có 3.206 trạm y-tế đặt tại các tổ-chức ngang với các thôn xã. Tuy nhiên, ông Bộ-Trưởng nhấn mạnh, "nói một cách tổng-quát thì chương-trình y-tế hương-thôn đã gặp trở ngại vì tình-trạng thiếu an-ninh tại các làng mạc".

Ông Bộ-Trưởng Y-tế cũng cho biết thêm nhiều vấn-đề khác của Bộ như đồ trang-bị quá cũ, vấn-đề dược-phẩm và sự thiếu-thốn về nhân-viên y-tế. Ông Bộ-Trưởng còn vạch rõ về chính-sách y-tế đã được áp-dụng trên toàn-quốc trong vòng mấy năm qua và nhấn mạnh về những chiến-dịch thường xuyên chống bệnh đậu mùa và bệnh dịch-tả Ông Bộ-Trưởng cho biết thuốc chích ngừa dịch-hạch đã được cung-cấp đầy-đủ cho dân-chúng Thủ-đô và các tỉnh, nơi đã xảy ra vài trường-hợp dịch-hạch. Việc chích ngừa lao bằng thuốc B.C.G cũng đã được thực hiện tại Hộ-sinh-viện Từ-Dũ và Bệnh-viện Hồng-Bàng từ năm 1957. Một chiến-dịch chích ngừa bệnh tê-liệt trẻ em cũng đang phát-triển.

Tối 26-6-63, nhạc-sĩ Phạm-Duy đã trình-bày tại khách-sạn "Catinat" trước một số đông người Việt-Nam và Hoa-Kỳ về nhạc-ngữ Việt-Nam.

Buổi nói chuyện tổ-chức trong khuôn-khở cuộc họp mặt hàng tháng của Hội Cựu Sinh-viên Đại-học Mỹ, có mục-dịch giới-thiệu nhạc Việt với người ngoại-quốc.

Nhạc-sĩ Phạm-Duy trình bày đề-tài "Nhạc-ngữ Việt-Nam" bằng tiếng Việt và ông Đỗ-Phước-Long, Chủ-tịch Hội Cựu-Sinh-viên Đại-học Mỹ phiên-dịch Anh-ngữ.

B. TIN NGOÀI NƯỚC

I. HAI SINH-VIÊN VIỆT-NAM ĐẬU BẰNG TIẾN-SĨ VẬT-LÝ-HỌC TẠI PHÁP.

Hai sinh-viên Việt-Nam tại Pháp, vừa đậu bằng Tiến-sĩ Vật-Lý-Học. Ông Trần-Thanh-Vân đã trình-bày hai luận-án sau đây: Luận-án thứ nhứt tựa là « La contribution à l'étude des corrections relatives à la fonction d'onde du deuteron et à la diffusion élastique électron-deuteron ». Luận-án thứ hai tựa là « Caractère élémentaire du photon dans la diffusion élastique électron-photon ».

Ban Giám-khảo đã đặc-biệt khen ngợi ông Trần-Thanh-Vân và chấm đậu bằng Tiến-sĩ Vật-lý-học với hạng « Tỏi danh-dự ».

Mặt khác, tại Ban Vật-lý-học ở Talence-Bordeaux, một sinh-viên Việt-Nam khác, ông Phạm-Văn-Hương, cũng đã đậu bằng Tiến-sĩ Vật-lý-học hạng « danh-dự » của Đại-Học-Đường Bordeaux

Hai luận-án mà ông Phạm-Văn-Hương đã trình-bày là: « L'influence des solvants sur le spectre infrarouge des carbures acétyléniques, propriétés acides et basiques de ces carbures » và « Les complexes donneur-accepteur d'électrons ».

Ông Phạm-Văn-Hương cũng được Ban Giám-khảo khen ngợi.

2. LỄ TRAO BẰNG DANH-DỰ ĐỆ NHẤT QUỐC-TẾ TRIỂN-LÂM MỸ-THUẬT SÀI-GÒN CHO HỌA-SĨ BEN ALLAL TẠI RABAT.

Chiều 15-6-63, một cuộc tiếp-tân đã được tổ-chức tại tư dinh ông Xứ-lý thường-vụ Sứ-quán Việt-Nam ở Rabat nhân dịp lễ trao bằng danh dự cho họa-sĩ Ben Allal, người đã trúng giải thưởng trong cuộc Đệ-nhất Quốc-tế Triển-lâm Mỹ-thuật tại Sài-gòn.

Một số đồng nhân-vật trong giới văn-ngệ Rabat đã tới dự cuộc tiếp-tân này, trong số người ta nhận thấy các vị đại-diện Bộ Thanh-Niên và Thông-Tin, cô Naima Khatib, Giám Đốc các Bảo-Tàng-Viện Maroc, v.v...

Ông Bửu-Kính, Xứ-lý thường-vụ Sứ-quán Việt-Nam tại Maroc, đã đọc diễn-văn ca tụng những triển-vọng trao đổi văn-ngệ giữa Maroc và Việt-Nam, và cho rằng giải-thưởng cấp cho ông Ben Allal là một điều hứa-hẹn và khích-lệ.

Nhân dịp này, họa-sĩ Ben Allal đã nhiệt thành cảm tạ ông Xứ-lý thường-vụ Việt-Nam và yêu-cầu chuyển lời tri-ân của họa-sĩ tới Ban Tổ-chức cuộc Triển-lâm và Ban Giám-khảo.

3. MỘT SINH-VIÊN VIỆT-NAM ĐẬU BẰNG CỬ-NHÂN QUẢN-TRỊ DOANH-NHIỆP TẠI ĐẠI-HỌC-ĐƯỜNG MICHIGAN.

Nguồn tin từ Hoa-Thịnh-Đôn cho biết trong bản danh-sách sinh-viên tốt-nghiệp năm nay tại Đại-Học-Đường Michigan (Hoa-Kỳ), người ta thấy tên ông Trần-Dân ở Sài-gòn, đậu bằng cử-nhân (B.A.) về môn Quản-trị doanh-nghiệp, hạng danh-dự.

4. MỘT QUAN-SÁT-VIÊN VIỆT-MAM THAM-DỰ KHÓA HỌP SÁP TỚI CỦA HỘI-ĐỒNG QUẢN-TRỊ TỔ-CHỨC LƯƠNG-NÔNG QUỐC-TẾ TẠI LA-MÃ.

Ông Nguyễn-Hữu-Tần, Cố-văn Tòa Đại-sứ Việt-Nam tại La-Mã, đã được cử tham-dự với tư-cách quan-sát-viên khóa họp thứ 40 của Hội-đồng Quản-trị Tổ-chức Lương-Nông Quốc-Tê, nhóm tại La-Mã ngày 24-6-63. Khóa họp trước của Hội-đồng này cũng đã nhóm tại La-Mã hồi tháng 10 năm 1962.

Nghị-trình của khóa họp này gồm có việc thảo-luận về các hoạt-động sắp tới của Tổ-chức Lương-Nông Quốc-Tê trên các lãnh-vực: chương-trình, lập hội, quản-trị và tài-chánh cùng việc chuẩn-bị cho kỳ Đại-hội thứ 12 của tổ-chức Lương-Nông Quốc-Tê tại La-Mã và việc đề-cử một Phó Tổng Giám-Độc cho Tổ-chức này.

5. MỘT THIẾU-NỮ VIỆT-NAM CHIẾM GIẢI NHẤT DƯƠNG-CẦM CỦA ÂM-NHẠC VIỆN BA-LÊ.

Một thiếu-nữ Việt-Nam, Cô Phùng-Vương-Lý, 17 tuổi rưỡi đã được Âm-nhạc-viện Ba-Lê tặng giải nhất ngày thứ ba vừa qua.

Năm nay Viễn-đồng được nhiều vinh-dự, vì trong số 13 giải nhất về Dương-cầm của Âm-nhạc-viện, có 4 thiếu-nữ Á-Châu chiếm giải.

Cô Phùng-Vương-Lý là học-trò của nhà dương-cầm Vlado Berlemutter. Ngoài Cô Lý, còn có 3 thiếu-nữ Á-Châu là 2 thiếu-nữ Trung-Hoa và 1 thiếu-nữ Nhật-Bản.

6. CHIẾU PHIM TÀI-LIỆU VỀ VIỆT-NAM TẠI LA HAYE.

Sứ-quán Việt-Nam tại Hòa-Lan đã tổ-chức chiếu hai cuốn phim tài-liệu về Việt-Nam hôm qua tại La Haye trước một cử-tọa gồm các thân-hào Hòa-Lan và ngoại-quốc.

Ông Ngô-Đình-Luyện, Đại-sứ trú xứ tại Luân-Đôn đã tới Hòa-Lan để tiếp đón các nhân-vật này với sự phụ-tá của Ông Phạm-Huy-Ty, Đệ-nhất Tham-vụ.

Sau buổi chiều phim, có cuộc tiếp-tân. Tối dự cuộc tiếp-tân, có nhiều công-chức cao-cấp Hòa-Lan, nhiều đại-diện ngoại-giao-đoàn, các doanh-nhân, các kỹ-nghệ-gia, các văn-nghệ-sĩ và đại-diện báo-chí Hòa-Lan và Ngoại-quốc.

7. ÔNG TÔN-THẤT-THIỆN ĐẬU BẰNG TÂN-SĨ CHÍNH-TRỊ-HỌC TẠI VIỆN ĐẠI-HỌC GENÈVE.

Ông Tôn-Thất-Thiện, cựu Tham-vụ Báo-chí tại Phủ Tổng-Thống, thông-tin-viên Việt-Tân-Xã tại Genève, vừa đậu bằng Tân-sĩ Chính-trị-học tại Viện Đại-học Genève.

Luận-án của ông đệ-trình hôm thứ Tư là « India and South East Asia 1947-1960 » (Ấn-Độ và những nước Đông-Nam-Á trong thời-gian 1947-1960), một đề-tài khảo-cứu về chính-sách của Ấn-Độ đối với các quốc-gia Đông-Nam-Á trong thời-gian nói trên.

Ban Giám-khảo đã ngợi khen luận-án của ông Tôn-Thất-Thiện và cho rằng đó là luận-án hay nhất từ 7 năm nay tại Viện Nghiên-cứu Quốc-tế ở Genève.

8. VIỆT-NAM THAM-DỰ HỘI-NGHỊ QUỐC-TẾ KỶ THỨ V VỀ GIÁO-DỤC ÂM-NHẠC TẠI ĐÔNG-KINH.

Ông Nguyễn-Phụng, Giám-độc trường Quốc-gia Âm-nhạc và kịch-nghệ Sài-gòn và Linh-mục Ngô-Duy-Linh, Giám-độc trường Quốc-gia Âm-nhạc Huế, tham-dự Hội- nghị Quốc-tế kỷ thứ V về giáo-dục âm-nhạc nhóm tại Đông-Kinh từ 3 đến 10-7-1963.

Hội-nghị nhằm mục-đích trao đổi văn-hóa giữa Đông và Tây-phương. Phái-đoàn Việt-Nam thảo-luận về đề-tài « Nhạc Tây-phương và nhạc cổ-truyền đối với nền giáo-dục âm-nhạc phổ-thông và chuyên nghiệp » và thuyết-trình về hiện-trạng của ngành giáo-dục âm-nhạc tại Việt-Nam.

Đây là một dịp cho những người hữu-trách giáo-dục âm-nhạc Việt-Nam theo dõi sự tiến-hóa của ngành giáo-dục âm-nhạc quốc-tế và thấu-thập kinh-nghiệm hầu ứng-dụng các phương-pháp sư-phạm tân-kỹ vào công cuộc phát-triển ngành giáo-dục âm-nhạc nước nhà.

8. MỘT NGHỆ-SĨ VIỆT-NAM CHIẾM ĐỆ NHẤT HUY-CHƯƠNG VÀNG TRONG CUỘC TRIỂN-LÂM QUỐC-TẾ NHIỆP-ẢNH TẠI NANTES (PHÁP).

Một nghệ-sĩ Việt-Nam, ông Nguyễn-Văn-Lân, đã chiếm đệ-nhất Huy-chương vàng trong cuộc triển-lâm quốc-tế nhiếp-ảnh tại Nantes (Pháp). Bức

hình do ông Lân gửi đến dự giải và chiếm Huy-chương vàng là hình một thiếu-nữ Việt-Nam, nhan-đề « Gracieuse » (tạm dịch : Duyên-dáng).

Ban tổ-chức cuộc triển-lâm quốc-tế nhiếp-ảnh năm 1963 Nantes đã nhận được cả thảy 4.413 bức hình của 1.300 nghệ-sĩ thuộc 42 nước gửi đến trưng bày.

Ông Nguyễn-Văn-Lân là một trong 9 nghệ-sĩ nhiếp-ảnh Việt-Nam đã tổ-chức một cuộc triển-lâm ảnh hồi tháng 11 năm 1962 tại Tân-Gia-Ba và đã được báo-chí địa-phương nhiệt-liệt khen ngợi.

Nghệ-sĩ Nguyễn-Văn-Lân hiện cũng đang tham-dự cuộc triển-lâm nhiếp-ảnh do hội Nghĩa-An tổ-chức tại Phòng Thông-Tin Đô-thành từ ngày 26 đến ngày 30-6-63.

9. ÔNG NGUYỄN-HỮU-CHÍNH TIẾP-XÚC VỚI GIÁO-GIỚI MAROC VÀ ALGÉRIE.

Sau khi tham-dự Đệ-nhất Hội-nghị chuyên-viên về tình-trạng giáo-giới Á-Châu họp ở Tân-Đế-Li từ 29-5-63 đến 6-6-63, ông Nguyễn-Hữu-Chính, Chủ-Tịch Ủy-Ban Văn-Hóa Giáo-dục và Thanh-Niên tại Quốc-Hội, với tư-cách nhân-viên Ủy-ban Chấp-hành Tổng-hội Giáo-giới Thế-giới, đã đến thăm Maroc và Algérie trong khoảng 10 ngày.

Tại hai này, Ông Nguyễn-Hữu-Chính đã tiếp-xúc với các cấp lãnh- đạo Bộ Quốc-Gia Giáo-dục và các nghiệp-đoàn giáo-giới. Các cuộc tiếp-xúc đã đạt được kết-quả tốt đẹp.

Đặc biệt, ông đã hội đàm với ông El H. Bennani, Chủ-Tịch Hội- đồng thành-phố Rabat, ông A. Benhamida, Bộ-Trưởng Quốc-gia giáo-dục Algérie, các nhân-viên trong Văn-phòng ông Bộ-Trưởng, và nhiều vị lãnh- đạo của Tổng Liên-Đoàn Công-nhân Algérie, trong số có ông Ziani, Thư-ký toàn-quốc của tổ-chức này, ông Ali Remli, Thư-ký toàn-quốc về Giáo-dục và Công-vụ, ông Mohammed Farès, Tổng-thư-ký nghiệp-đoàn giáo-giới Algérie.

Trên đường về, ông Nguyễn-Hữu-Chính đã ghé qua Ba-Lê để tiếp-xúc với ông Wilhelm Ebert, Giám-độc Văn-phòng Tổng-Hội Giáo-giới tại Ba-Lê, ông Henri Baude, Chủ-tịch Tổng-đoàn quốc-tế các hiệp-hội giáo-viên và ông Denis Forestier, Chủ-tịch Tổng-hội Tương-trợ Quốc-gia Giáo-dục.

10. VIỆT-NAM DỰ HỘI-NGHỊ QUỐC-TẾ HỌC-CHÍNH Ở GENÈVE.

Sáng-6-63, Phái-đoàn Việt-Nam do Giáo-sư Nguyễn-Quang-Trình, Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục, hướng-dẫn, đã rời Sài-gòn đi Genève dự Hội-nghị quốc-tế Học-chính kỷ thứ 26.

Hội-nghị này nhóm họp tại Điện Wilson từ 1 đến 12-7 đặt dưới quyền bảo-trợ của Cơ-quan Văn-hóa Liên-Hiệp-Quốc và Văn-phòng Quốc-tê giáo-dục.

Chương-trình nghị-sự gồm 2 vấn-đề :

- (a) Tô-chức việc hướng-học và hướng-nghiệp ;
- (b) Tranh-đấu chống sự khan hiếm giáo-viên Tiểu học.

Phái-đoàn Việt-Nam còn gồm các đoàn-viên sau đây : Ô.Ô. Trương-Văn-Chôm, Chủ-Tịch Tổng-Hội Giáo-giới Việt-Nam, và Nguyễn-Văn-Bừơng, Giám-Độc Tiểu-học tại Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục.

12. VIỆT-NAM THAM DỰ HỘI-NGHỊ QUỐC-TÊ VÀ HÒA-BÌNH THẾ-GIỚI QUA LUẬT-PHÁP TẠI ATHÈNES.

Một phái-đoàn Việt-Nam gồm có ông Lê-Tài-Triển, Chánh-Nhứ Tò Thượng-Thâm, Trưởng Phái-đoàn và Luật-Sư Vương-Văn-Bác, đã rời Sài-gòn chiếu qua để đi tham-dự Hội-nghị Quốc-tê và Hòa-bình Thế-giới qua Luật-pháp mở tại Athènes, thủ-đô Hy-Lạp, từ ngày 30 tháng 6 đến ngày 6-7-63.

Mục-dịch của Hội-nghị là tìm những biện-pháp có tính-cách thực-tiên và cụ-thể để phát-triển những nguyên-tắc ưu-tiên của Luật-Pháp tại các quốc-gia và kiểm-điểm những tiên-bộ đã thực-hiện được. Những đề-tài chính sẽ được thảo-luận tại Hội-nghị là :

- (1) Cơ-chế quốc-tê-pháp trong việc giải-quyết hòa-bình những vụ tranh-chấp quốc-tê.
- (2) Trọng-tài các biện-pháp khác để giải-quyết các vụ tranh-chấp quốc-tê.
- (3) Liên-Hiệp-Quốc và các tổ-chức địa-phương trong nhiệm-vụ khuyến-khích quyền ưu-tiên của Luật-Pháp.
- (4) Phát-triển kinh-tê và làm dễ-dàng mỗi giao-thương quốc-tê.
- (5) Vai trò của Luật-gia trong việc phát-triển quyền ưu-tiên quốc-tê của luật-pháp.
- (6) Những vấn-đề thời-sự như tài-giảm binh-bị, đình-chỉ thí-nghiệm vũ-khí nguyên-tử và các vấn-đề không-gian v.v...

13. VIỆN-TRƯỞNG VIỆN ĐẠI-HỌC SÀI-GÒN THAM-DỰ HỘI-NGHỊ QUỐC-TÊ HÓA-HỌC THUẬN-TÚY VÀ ỨNG DỤNG.

Giáo-sư Lê-Văn-Thới, Viện-trưởng Viện Đại-học Sài-gòn và Chủ-tịch Hội Hóa-Học Việt-Nam rời Sài-gòn chiếu 3-7-63 đi Luân-Đôn để trước tiên tham-dự Nghị-luận-hội thứ XXII của Liên-hiệp Quốc-tê về Hóa-học thuận-túy

và ứng-dụng và sau đó tham-dự Hội-nghị Quốc-tê Hóa-học thuận-túy và ứng-dụng thứ XIX.

Tại Hội-nghị này, Giáo-sư Lê-Văn-Thới sẽ trình-bày công-tác khảo-cứu về chất dầu rút trong vỏ cây bá-bình.

Nghị-luận-hội thứ XXII của Liên-hiệp Quốc-tê về Hóa-học thuận-túy và ứng-dụng họp từ ngày mùng 3 đến mùng 9 tháng bảy năm 1963. Tại Nghị-luận-hội này vấn-đề gia-nhập của Hội Hóa-học Việt-Nam là một trong những vấn-đề sẽ được đem ra thảo-luận.

Hội-nghị Quốc-tê Hóa-học Thuận-túy và Ứng-dụng thứ 19 sẽ nhóm họp từ ngày 10 đến ngày 17 tháng bảy năm 1963. Chương-trình nghị-sự của hội-nghị quốc-tê này gồm có 20 buổi họp khoáng-đại và các buổi trình-bày công-tác khảo-cứu khoa-học nhất là về địa-hạt hóa-học hữu-cơ.

14. VIỆT-NAM THAM DỰ KHÓA HỘI-THẢO VỀ THẢO MỘC CÁC VÙNG NHIỆT-ĐỚI Ở SARAWAK.

Ông Trần-Văn-Nào, Giám-Độc Thủy-Lâm tại Bộ Cải-Tiên Nông-Thôn đã rời Sài-gòn ngày 1-7-63 đi Kuching, thủ-đô Sarawak, để đại-diện cho Việt-Nam Cộng-Hòa tại khóa Hội-thảo về thảo-mộc các vùng nhiệt-đới ẩm-thập. Ông Trần-Văn-Nào sẽ thuyết-trình về sâm-lâm tại các rừng già nhiệt-đới.

Khóa Hội-thảo này khai-diễn từ ngày 2 đến 11-7-1963, dưới sự bảo-trợ của Cơ-quan Văn-hóa Liên-Hiệp-Quốc và Chính-phủ Sarawak.

Dự khóa Hội-thảo này, có các chuyên-viên về sâm-lâm và thực-vật-học các quốc-gia Úc, Brunei, Miên-Điện, Cambodge, Tích-Lan, Ấn-Độ, Indonésia, Mã-Lai, Tân Tây-Lan, Hòa-Lan, Bắc Bornéo, Hôi-Quốc, Tân-Gia-Ba, các đảo Salomon, Anh, Mỹ và Thái-Lan.

Sau khóa Hội-thảo, các đại-biêu sẽ đi Brunei để viếng thăm các rừng cầm ở Badas và Andulau, trong 4 ngày.

« COLLECTION CULTURE »

éditée par la Direction des Affaires Culturelles
Département de l'Éducation Nationale du Viêt-Nam

Déjà parus :

- SŨ-LIỆU VIỆT-NAM** (Documents sur l'Histoire du Viêt-Nam)
par *Tuấn-Lý Huỳnh-khắc-Dụng*.
(Collection-Culture No 1, 246 pages) 25\$
- CÔ-ĐO HUẾ** (Huế, Ancienne Capitale)
(Histoire, Monuments, Sites et Anthologie) par *Thái-Văn-Kiểm*.
(Collection-Culture Nos 7 et 8 réunis, 487 pages
avec 53 illustrations et cartes). 70\$
- ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : LỤC-TỈNH NAM-VIỆT**
(Monographie complète du Viêt-Nam Unifié :
Les 6 provinces du Sud Viêt-Nam)
traduit par *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.
Tome I (Collection-Culture No 2, 152 pages). 20\$
Tome II (Collection-Culture No 3, 132 pages). 15\$
- ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TỈNH THANH-HÓA**
(Monographie complète du Viêt-Nam Unifié :
Province de Thanh-Hóa)
traduit par *A-Nam Trần-Tuần-Khải*.
Tome I (Collection-Culture No 4, 122 pages). 15\$
Tome II (Collection-Culture No 5, 174 pages). 15\$
- ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**
(Monographie complète du Viêt-Nam Unifié : Centre Viêt-Nam)
traduit par *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.
a) *La Capitale* (Collection-Culture No 6, 96 pages) 15\$
b) *Provinces de Quảng-Trị et Quảng-Bình*
(Collection-Culture No 9, 208 pages) 20\$
c) *Province de Thừa-Thiên* : Tome I (Collect-Cult. No 10, 144 pages) . 15\$
Tome II (Collect-Cult. No 11, 152 pages) . 15\$
Tome III (Collect-Cult. No 12, à paraître) . 15\$
- En vente chez tous les grands libraires à Saïgon comme en province, chez
THÔNG-NHẤT, dépositaire général (329 Bd. Trần-Hưng-Đạo, Saïgon) et à la
Direction des Affaires Culturelles (266 Bd. Công-Lý, Saïgon).

TIN SÁCH BÁO MỚI NHẬN

Văn-Hóa Nguyệt-san đã nhận được sách báo mới sau đây của tác-giả hoặc của nhà xuất-bản có nhã-ý gửi tặng. Xin thành-thực cảm ơn và ân-cần giới-thiệu với bạn đọc thân-mềm.

MINH-TÂM BẢO-GIÁM ĐIỂN-CA, Nguyễn-Trác và Lê-Phục-Thiện phiên-dịch. In lần thứ ba tại Sài-gòn, 1963, 238 trang, giá 50\$.
Sách Minh-Tâm bảo-giám này, nguyên-văn bạng chữ Hán, biên-tập thành 20 thiên từ đời nhà Tống (960-1276), thu gộp những câu cách-ngôn, những bài minh-huân của các triết-gia, các danh-nhân từ đời Thượng-cổ Trung-Hoa qua các đời Chu, Hán, Đường, Tống, có liên-quan mật-thiết đến nền văn-hóa của dân-tộc ta về phương-diện đạo-đức và triết-lý.

Nhận thấy những bài trong sách nói trên có một giá-trị đạo-đức bất-biên, nên các vị dịch-giả là bậc túc-nho sáng-suốt và lão-thành không quản khó nhọc đã cẩn-thận chọn lựa và phiên-dịch rất sát-nghĩa 178 bài trong sách Minh-Tâm bảo-giám, « đúng với ý-nghĩa làm gương báu soi sáng cõi lòng, có ích-lợi thiết-thực cho việc tu-thân xử-thê ». Những bài này phần lớn gồm những danh-ngôn của các hiền-triết như Khổng-Tử, Lão-Tử, Mạnh-Tử, Trang-Tử, Chu-Tử, . . . của những danh-nhân như Thái-Công, Khổng-Minh, Tư-Mã Ôn-Công, Tô-Đông-Pha, . . . và của những sách Tứ-thư Ngũ-Kinh, Hán-Thư, Gia-Ngữ, v. v. . Theo lời dịch-giả, ngoài việc phiên-âm dịch-nghĩa hơn 5.400 chữ Hán, các vị « còn giải-nghĩa từng câu, từng bài và theo đúng ý-nghĩa nguyên-văn chữ Hán, dịch thành 178 bài văn vần theo các thể lục-bát, song-thất lục-bát, thơ Cổ-phong hay Đường-luật, làm thành sách Minh-Tâm bảo-giám thiết-dụng cho sự giáo-dục trong gia-đình hoặc tại học-đường ».

Trong lời giới-thiệu in trang đầu cuốn sách, Ông Nguyễn-Hữu-Chỉnh, Chủ-tịch Ủy-ban Văn-Hóa Giáo-Dục và Thanh-Niên Quốc-Hội, đã nhấn-mạnh : « Công-trình sưu-tầm, dịch-thuật của hai nhà Hán-học lão-thành không những

có một giá-trị đạo-đức hiển-nhiên, mà còn có một giá-trị văn - chương quan-trọng. Việc giải-nghĩa mỗi câu, mỗi bài một cách trung - thành với những nguyên-tác bằng Hán-văn, được tổng-hợp lại thành những bài văn vừa có giá-trị về phương-diện thi-ca, vừa có tác-dụng phổ-biến rộng-rãi và dễ-dàng, đã mang lại cho Minh-tâm bảo-giám điển-ca về trong sáng cần-thiết của một tầm gương báu soi sáng cõi lòng».

Xin đơn-cử sau đây mấy bài văn dịch thành văn thơ nhẹ-nhàng, bình-dị và lưu-loát để chứng-minh lời phê-bình nói trên :

- Ở nhà nói những chuyện hay,
Người ngoài nghìn dặm ứng ngay với mình.
- Ở nhà nói chuyện chẳng lành,
Người ngoài nghìn dặm tỏ tình chẳng ra.
- Kẻ sĩ muốn theo đường đạo-lý,
Phải gắng công quyết chí tiền lên.
Nếu còn thẹn cảnh nghèo hèn,
Vì ăn mặc xấu, chưa nên bàn cùng.
- Nếu không tin thật ở đời,
Sao làm nên việc, thành người hiển-lương.
Khác gì xe mất đòn ngang,
Sao mà đi được trên đường gấn xa

Sách này trình-bày sáng sủa, chú - thích đầy đủ, có in cả nguyên - văn chữ Hán, rất tiện cho bạn đọc tra cứu và tự-học thêm Hán-tự. Ngoài ra, còn in thêm nhiều tranh ảnh xưa có giá-trị (Chân-dung Khổng-Tử, Lão-Tử, bức danh-họa Thu-sơn, Đồi-nguyệt, v. v. . .)

Thư - từ và ngân - phiếu mua sách xin gửi về Ông Nguyễn - văn - Tý, (349, Đường Nguyễn-Thiện-Thuật, Sài-gòn).

TỰ CHỮA TRỊ NHỮNG BỆNH THÔNG-THƯỜNG. Bác-Sĩ Nguyễn-Ngọc-Bảy, do tác-giả xuất-bản tại Sài-gòn, 1963, 180 trang, giá 40\$.

Sau khi cho xuất - bản cuốn «Gái trai trước ngưỡng cửa hôn - nhân» (thuộc loại sách Y-Học Giáo-Dục Sinh-Lý), Bác-sĩ Nguyễn-Ngọc-Bảy cho ra mắt bạn đọc quyển sách trên (thuộc loại sách Y-Học Cẩm-nang), rất tiện-dụng cho các gia-đình muốn biết rõ những triệu-chứng để nhận-xét nhất, cùng những căn-bệnh và phương-pháp tự chữa trị những bệnh thông-thường (như bệnh sỏi, đau mùa, cúm, dịch hạch, dịch tả, ho gà, kiết lỵ, v. v. . .)

Sách trình bày sáng-sủa, hành-văn bình-dị, đọc dễ hiểu và rất nên có trong tủ-sách gia-đình.

ĐƯỜNG LÊN XỨ THƯỢNG. Bùi-Đình, Bộ Công-Dân-Vụ xuất-bản, Sài-gòn, 1963, 94 trang, giá 20\$.

Sách này là một thiên du-ký do tác-giả thuật lại một chuyến đi thăm vùng Thượng Ba-Tơ Quảng-Ngãi, và nhân dịp đi thăm đó, đã nghiên-cứu khá đầy-đủ về địa-lý, nhân-văn, phong-tục, kinh-tê . . . của đồng-bào Thượng trong miền. Tác-giả đã khéo xếp đặt thành nhiều chương-mục có mạch-lạc rõ ràng, giúp bạn đọc tìm hiểu thêm một dân-tộc anh em đương sát cánh chiến-đấu để phụng-sự và bảo-vệ quốc-gia.

TRAO ĐỔI VĂN-HÓA VIỆT-NAM NHẬT-BẢN. Đại-Đức Thiên-An Đoàn-Văn-An biên-khảo, Nhà sách Đông-Phương xuất-bản tại Sài-gòn, 1963, 146 trang, giá 25\$.

Tác-giả, đã từng lưu-học nhiều năm tại Nhật - Bản, biên soạn rất công-phu quyển sách khảo-luận này, nói về nguồn gốc cùng những mối tương-quan giữa hai nền văn-hóa Việt-Nam và Nhật-Bản. Tác-giả lại cố tìm hiểu những công cuộc khảo-cứu văn-hóa giữa hai dân-tộc và đề-ngợi một chương-trình trao đổi văn-hóa giữa hai quốc-gia Việt-Nhật.

ĐƯỜNG VINH-QUANG. Bruce Lee, Lê-Hùng-Tâm và Lê-Hùng-Chương dịch, nhà sách Ziên-Hồng xuất-bản tại Sài-gòn, 1963, 150 trang, giá 25\$.

Sách này dịch theo cuốn Boy's Life of John F. Kennedy, thuật lại thân-thể của vị đương-kim Tổng-Thống Hoa-Kỳ từ lúc nhỏ tới khi trưởng-thành : hồi đi học tới lúc nhập-ngũ, khi tham-dự chiến - tranh rồi sau ra làm chính-trị và đặc-cử Tổng-Thống. Cuốn tiểu-sử danh-nhân đó viết rất hấp-dẫn, lời văn dịch lại lưu-loát gọn-gàng. Những bạn đọc muốn lập - chí bền vững nên đọc sách này để suy-ngẫm trong khi xử-thê, góp sức với đời.

SỬ-MỆNH VĂN-NGHỆ HIỆN-ĐẠI. Albert Camus. Trần-Phong-Giao phiên dịch, Nha Giao-Điểm (Sài-gòn) xuất-bản, 1963, 96 trang, giá 30\$.

Sách này là bản dịch toàn-thể cuốn «Discours de Suede» của Albert Camus, gồm có hai bài diễn-văn đọc tại Thụy-Điền, khi tác-giả tiếp nhận giải thưởng văn-chương Nobel năm 1957, trong đó nhà văn-hào Pháp vạch rõ sứ-mệnh của người làm văn-ngệ thời hiện-đại. Cuối sách, dịch-giả có in thêm phần phụ-lục giúp bạn đọc biết sơ-lược về thân thể và những tác-phẩm chính của Albert Camus. Sách này cho xuất-bản rất hợp thời, có lẽ đáp-ứng đúng với sự khát-vọng của bạn thanh-niên ham phụng-sự văn-ngệ nước nhà.

HẢI-ĐẢO THẦN-TIÊN. Đặng-Trần-Huân phiên dịch và xuất-bản tại Sài-gòn, 1963, 280 trang, giá 48\$.

Dịch-giã đã lựa chọn và phiên-dịch 14 truyện ngắn quốc-tê của 14 tác-giã thuộc 6 quốc-gia (Marcel Aymé, Erskine Caldwell, Alphonse Daudet, Conan Doyle, Leonce Guerrerro, Somerset Maugham, John Steinbeck, v.v...). Lời văn dịch lưu-loát và truyện đọc hấp-dẫn.

LÀNH-MẠNH, tập sau khoa-học văn-hóa và xã-hội. Đã phát-hành số 82 ngày 1-7-63 tại Huế, 32 trang khổ lớn, giá 12 đ.

Nội-dung gồm những bài: Văn-chương Cao-Bá-Quát, Gương xưa: Chử Hiều, Hòa-bình trên trái-đất, Nhân nhủ, Ngày giỗ tại Việt-Nam, Ước muốn nằm bệnh-viện, Chơi súng săn, Chiến-pháp tam-tam-tứ, Khảo-luận Khoa-học và Sinh-ngữ, Mưa máu nặng, v.v...

SÁNG DỘI MIỀN NAM, nguyệt-san nghiên-cứu văn-hóa và xã-hội. Đã phát-hành số 48 tháng 6 năm 1963 tại Sài-gòn, 32 trang giấy tốt khổ lớn, giá 15 đ.

Nội-dung gồm những bài: Chín năm xây dựng, Chính-trang lãnh-thò, thiết-kế thị-thôn, Thiết-kê đồ-thị Sài-gòn, Huế, Đà-Lạt, Cư-xá Doanh-lý kiến-thiết, Sài-gòn mỗi ngày mỗi rộng, mỗi cao và mỗi đẹp, Lấn bước theo những khu nhà mới xây cất, Cư-xá Gia-cư Liêm-giá cuộc, Triền-lâm kiến-trúc 1963, v.v..

VĂN-ĐÀN TUẦN-BÁO số 35 (Bộ IV) từ 4 đến 11-7-63, đã phát-hành tại Sài-gòn, 34 trang khổ-lớn, giá 6 đ.

Nội-dung gồm những bài: Họ có xứng-đáng không? Trạng Quỳnh, một nhân-vật trào-phúng, Ý-nghĩa một bài thơ cổ: Tam quá Hải-Vân-quan, Thăng-cánh Phú-yên: Núi Nhạn, Nghề của tôi: Phóng-viên tòa án, Góp ý vào mục «Đi tìm một chí-hướng» và mục «Lời Thi-si», Tôi cộng-sự với Phan-Khôi, Hiện-thân của cô-độc: Nathaniel Hawthorne, Nhật-ký của cô An, v.v...

THỜI NAY số 91 phát-hành ngày 1-7-1963 tại Sài-gòn, 148 trang, giá 10 đ.

Nội-dung gồm những bài: Tân Giáo-Hoàng Paul V, Xã-giao vòng quanh thê-giới, Cái ngủ chiêm một phần ba đời người, Cô gái trong sương, Những mẫu chuyện vui đời sinh-viên, Nắm, một tai-họa và một nguồn lợi, Ma vẫn ở chung quanh ta? Họ sống dưới -30 độ, Dùng mặt trời làm vũ-khí, Bọ rày, kẻ thù số một của nông-dân, Văn-sĩ của Khu Harlem, Nil, dòng sông dài nhất, Khám-phá mặt-mã, Hãy thương hại cho đôi chân bạn, Dưới triều vua Arthur, v.v.

PHỔ THÔNG số 106 phát-hành ngày 1-7-63 tại Sài-gòn, 148 trang, giá 10 đ.

Nội-dung gồm những bài: Những người điên thời-đại, Dành thi giờ để học hỏi, Đảo Phú-Quý, Một người da đen có thê-lực, Ngâm-ngủi, Bức thư Paris, Diên-dàn sinh-viên đại-học, Âm-thanh và màu sắc, Xem triền-lâm hội-họa

mùa xuân, Đẽ không sợ, Đẽ không đau, Chỉ cách một dòng sông, Tiếng nói của gái và trai thê-hệ, v.v...

TIN SÁCH, nguyệt-san do Trung Tâm Văn-Bút Việt-Nam xuất-bản. Đã phát-hành số 12 (bộ mới) tháng 6 năm 1963 tại Sài-gòn, 32 trang, giá 5 đ.

Số này giới-thiệu những sách mới xuất-bản trong tháng. Ngoài ra, lại có những bài sáng-tác và phê-bình những sách mới ần-hành (Sinh-hoạt Văn Bút, Cùng tác biên, Phê-bình sách: Non nước xứ Quảng, Trong cơn yêu đầu, Sách-lược xâm-lăng của Cộng-Sản, Cũng đành).

BÁCH KHOA số 156 đã phát-hành ngày 1-7-1963 tại Sài-gòn, 132 trang, 10 đ.

Nội-dung gồm những bài: Đi tìm chủ-nghĩa xã-hội châu Phi, Thử tìm một đường hướng giáo-hóa trẻ em phạm-pháp, Heidegger và ý-nghĩa con người, Chuẩn-bị lên mặt trăng, Nhạc Việt ở xứ người, Lớp học trưa, Niềm khát-vọng của loài rêu, Buồn mây cao-nguyên, Con muỗi đêm nay, Tinh người thôn-nữ, Nền trung-học Hoa-kỳ, v.v...

MINH-TÂN nguyệt-san, cơ-quan chấn-hưng Không-học. Đã phát-hành số 2 (Bộ mới) ngày 25-6-63 tại Sài-gòn, 88 trang, giá 10 đ.

Nội-dung gồm những bài: Không-Lão với vũ-trụ-luận, Văn-hóa Việt-Nam và sự phát-triển Không-học, Bàn về mệnh và đạo trong Nho Không, Thử định lại quan-niệm và thái-độ học-tập, Nghiên-cứu về nguồn gốc hai nước Tân và Sở, Tổng vong tam-kiệt, Suu-tám những bài thơ hay, Evtouchenko, thi-si của cái đẹp, sự thực và tình yêu, Ngọn bút xuân-thu, v.v...

MAI số 23-24 (Bộ mới) đã phát-hành ngày 1-7-1963 tại Sài-gòn, 36 trang khổ lớn, giá 10 đ.

Nội-dung gồm những bài: Một công-quyền có thắm-quyền quốc-tê Kazantzakis và văn-học Hy-Lạp ngày nay, Baudelaire, Nhân-sinh quan của Trang-Tử, Văn-đề Kinh-Thánh với người Công-Giáo, Nền mở hồ-sơ các xí-nghiệp quốc doanh, Giữa hai vực thẳm, Phúc-Âm Nhược-vọng truyện, Độc-diễn, Nụ cười buồn, v.v...

CHẦN-HUNG KINH-TÊ, cơ-quan thông-tin suu-tám và nghiên-cứu kinh-tê. Đã phát-hành số 332, ngày 4-7-1963 tại Sài-gòn, 36 trang khổ lớn, giá 12 đ.

Nội-dung gồm những bài: Kiểm-soát Kinh-tê, Khu Kỹ-nghệ Biên-Hòa, Lá thư hàng tuần, Những điều-kiện căn-bản cho kỹ-nghệ phát-triển, Tương-lai

xi-nghiệp trong các nước khiêm-khai, Tình-hình sản-xuất gạch bông tại Việt-Nam, Phát-triển tiêu-công-nghệ, Tình-hình kinh-tê Indonesia, Cải-cách phương-pháp canh-tác, v. v. . . .

GIÓ NAM, nguyệt-san văn-hóa và nghị-luận. Đã phát-hành số 58 tháng 7 năm 1963 tại Sài-gòn, 56 trang khổ lớn, giá 8\$.

Nội-dung gồm những bài: Mừng Song-Thất, Tò-chức mới của nền hành-chính nông-thôn, Tuyên-truyền lợi-khí chính-trị mới, Lý-thuyết căn-bản của chánh-sách chiêu-hối, Nội-dung cuộc tranh-chấp giữa Nga-Sô và Trung-Cộng, Bãi cát đen, Một ngày công-tác, v. v. . . .

MINH-LÝ



phần phụ-trương

F. RAYMOND IREDELL

Tiền-sĩ Văn-chương

philosophical problems presented by taoism

A number of philosophical problems are presented by a study of early Taoism. By early Taoism, I mean the philosophy of men like Lao Tzu, Chuang Tzu, Yang Tzu, and others of the classical period as opposed to the more religious form of Taoism which developed later. The classical form of Taoism is important, not only for itself, but because of the influence it had on the development of Chinese Buddhism, especially Cha-na or Zen.

About Lao Tzu and Chuang Tzu we know relatively little, and perhaps nothing with any certainty. The dates traditionally ascribed to Lao Tzu are 604 to 531 B. C., but some historians have even doubted that such a person existed, or at least they have ascribed the work attributed to him, the *Tao Te Ching*, to a much later period, around 300 to 240 B. C. Some even suggest that it may be the work of several authors. The supposed meeting of Lao Tzu and Confucius they hold to be only legendary.

Chuang Tzu is supposed to have lived from 369 - 286 B. C., and Yang Tzu about 440 - 366 B. C. I do not intend however, to concern myself with the question of dates or authorship, I shall leave that to the historians. I prefer rather to turn my attention to the philosophical speculations contained in the two books, The *Tao Te Ching* and The *Chuang Tzu*, and to indicate some of the philosophical problems suggested by them.

For translations of the Chinese texts I have used among others two little books, G. G. L. Duyvendak's, *Tao Te Ching*, and Arthur Waley's, *The Way and Its Power* for Lao Tzu, and Lionel Giles, *Musings of a Chinese Mystic*, for Chuang Tzu.

Both Lao Tzu and Chuang Tzu present a monistic philosophy. That is, according to them, the ground of all being, the Tao, is something unitary. It is

a "Oneness" from which all particular things are derived as aspects or modifications. This world-ground must not be conceived as something static, but as a dynamic source of all else. It is a process whose nature is vague and intangible. Essentially, it seems to be an undifferentiated continuum which produces the myriad things of our ordinary experience. Lao Tzu says that Heaven and earth and the ten thousand things are born out of Being, and that Being is born out of Non-Being. Being and Non-Being, he wrote, have a common origin, and what they have in common is called the "Mystery of Mysteries". This formless principle, which existed before heaven and earth, was dependent on nothing. It is the source of all things under heaven. It produces them out of its own spontaneity. It is in all things as their pervading essence and to it they all return again. When asked, "where is the Tao?" the Taoist, like the Zen Buddhist, might reply that it is in the ant-hill in court yard, or in the bamboo grove at the foot of the hill. At its greatest, says Chuang Tzu it is infinite, yet there is nothing so small but Tao is in it.

The monism of the Taoists reminds one of the monism of Hindu and Buddhist thought. A passage in the Upanishads says - "All is Brahman." "That from whence these beings are born; that by which, when born, they live; that into which they enter at their death; try to know that - That is Brahman".

The Mahayana Buddhist likewise refers to the ground of all existence as the Dharmakaya, and, for the Madhyamika Buddhist, it is best described as the "void."

While the Taoists believe that the nature of the Tao is inexplicable, vague and intangible, they are insistent that it be thought as something dynamic, as a process, or flux. Chuang Tzu says it is like a galloping horse. It is a process of change and growth, and an alternation of the opposites, Yin and Yang. "The movement of the Tao", says Lao Tzu, "is to reverse." The Tao is not to be regarded as permanent, and the terms by which it may truly be described must not be concepts of anything fixed or static. The source of all seems to be a formless reality which gives birth to the definite, discrete, things we see about us. But their existence is a fleeting one and they disappear again into the ceaseless flux which gave them birth. That, I take it, is what Lao Tzu means by saying that the Tao does not disown them, but neither does it take possession of them. They are not anything to be retained. Like Clouds in the summer sky, they come into being, float across the landscape, and evaporate again leaving no trace behind. As the Zen Buddhist says, the birds leave no tracks in the sky.

Particular existences must not be conceived as something planned, nor must the process, which is reality, be conceived as moving with purpose towards

a goal. There is simply the eternal spontaneity of a formless energy which by chance produces now this and now that evanescent particular. "Tao never does, yet through it all things are done."

A first question, which I should like to raise, concerns the attempt to think reality as primarily a flux, a process, as something dynamic and not static. This type of philosophy we find in the speculation of Heraclitus, the Greek philosopher of the 5th Century B. C., who described reality as fire which is always in motion, with some fire going up and some coming down, but nothing abiding. We find it also in the élan vital of Bergson, the French philosopher.

But, we may ask, is there absolutely nothing in the Universe which abides and which can be described as permanent? As others have pointed out, the truth that there is a flux is not itself something which is in flux. As one of my Professors used to say, day and night cars are constantly passing through Harvard Square, but the truth that they are constantly passing, does not itself pass through Harvard Square. That the universal process is one of constant reversal or alternation is a static truth. Thus it is said that the Tao is always the Tao. It is the unchanging, unfailing source of changing things. It never grows old. It is timeless. The German philosopher, Hegel, suggested that the truth about reality is to be discovered by a dialectical process. An idea, if carefully examined, will be found to suggest another and contradictory idea. The truth does not lie in either of the extremes, but in their synthesis. So here, we find that we can hardly dispense with the idea that there is something in the Universe which does not change. Professor Whitehead has suggested somewhere that we must in our philosophizing learn to discriminate between what is only momentary, what endures, and what is permanent. The Taoists and other philosophers of flux have reminded us of an important aspect of reality, but they have not carried their analysis of reality far enough.

So, too, their insistence upon the fact that in some sense reality is one, is important, but they must not overlook the very evident plurality which is found in experience. Reality, as experienced, is not an undifferentiated continuum. If there is oneness, it is a whole of related parts or aspects. Some claim that this is something intuited. The monists, in any event, have never succeeded in explaining the nature of the process by which the One becomes or appears as many, nor the ground for their belief that there is no goal or purpose in the eternal process. Perhaps no conceptual description of this is possible and we must resort to intuition. To that suggestion I shall return later.

Meanwhile, I should like to explore some of the corollaries of the monistic philosophy of flux. The first has to do with the way of life for man. How should

man live if the Taoist views of the Universe are true? In the first place, he should seek to be in harmony with the Tao. He should not seek to resist its processes, but let it express itself spontaneously through him. Taoism is a kind of Naturalism. Man is a part of what we call Nature and will find his happiness by accommodating himself to his natural background. He should not try to reform it or mold it according to human standards. This is the meaning, I believe, of the principle of Wu Wei non-action - "Do nothing and nothing will be left undone." This principle has been interpreted to mean that one should engage in no unnatural action, but respond intuitively and spontaneously to the universal process and move along with it. One should not attempt to put human nature into a straight jacket by imposing upon it the artificial standards of Confucian ethics, nor by seeking happiness in the artificial pleasures of a complex society. One should strip himself of unnecessary desires and seek to live simply. The goal, so far as it can be attained, is a leisurely enjoyment of life. It is not surprising that the Taoists were apt to be recluses living by misty lakes or on cloud-hidden peaks.

But it is not enough to follow the principle of not wanting anything; one should also, as Liu Yutang suggests, seek not to be wanted. One should avoid the entanglements of society. The man who is wanted by others finds himself caught up in a round of unnatural and artificial activities which deprive him of his freedom to enjoy life.

Chuang Tzu tells of Tsechi's seeing what at first seemed to him to be a very fine tree. As he examined it more closely, however, he found that its branches were too crooked for building purposes, the trunk with its twisting grain made it valueless for coffins, and its leaves were inedible. It was, as Tsechi said, good for nothing, but it was for that very reason that no one had cut it down, and so its life was spared. A man, according to Chuang Tzu, might well follow this example of uselessness. The Taoist philosopher Yang carried this to the extreme. According to Mencius, "The principle of Yang Tzu is each one for himself. Though he might have benefitted the whole world by plucking out a single hair he would not have done it".

According to the Hui-Nan-Tzu, "Completeness of living, preservation of what is genuine, not allowing outside things to entangle his person" was the goal. Lin Yu Tang says of Taoism that "it was the most brilliantly wicked philosophy of self protection the world has ever seen".

In political philosophy Taoism taught the principle of *laissez-faire*. One should have as little government as possible. The ideal form of social life would be that found in a small village where the people would be contented

with their simple food and clothing, take pleasure in their rustic tasks, and have no desire to leave their own neighborhood.

Just as one should not seek complicated goals or pleasures, neither should he seek to preserve what particular values might have been attained. His attitude should be one of non-attachment. Since all that comes from the Tao is evanescent and will return to it again, the man who attempts to perpetuate a particular state of affairs is running counter to the Tao and his efforts will be self-defeating. As Duyvendak says, the Taoists hold that one who fails to realize this is foolishly active.

The attitude which results is one of fatalistic resignation to the course of events. It is well illustrated by Lieh Tzu's story of the old man and his horse. One day an old man lost his horse. His neighbors came to sympathize with him over his loss. "But" said the old man, "how do you know that this is bad luck?" In a few days the man's horse returned bringing with it a wild horse. Again the man's neighbors came, but this time to rejoice with him. "How do you know that this is good luck?" asked the old man. The next day the man's son tried to ride the new horse and was thrown and broke his leg. Once more the neighbors came to express their sympathy; but again the old man replied "How do you know that this is misfortune?" Shortly, thereafter, there was a war and, because of his injury, the boy did not have to go. As before, the neighbors came to rejoice with the father, but were met by the same response - "How do you know that this is a good?"

What are we to think of this naturalistic, individualistic, fatalistic way of life? If we accept it, it would seem that we must take the position that nothing really counts in life. There is neither good nor evil. The Taoist holds that he who follows the way in his actions should identify himself with the way. If he succeeds, he should identify himself with success, but if he fails, he should identify himself with failure.

But does such a philosophy do justice to human life with its struggle for an exalted standard of conduct, the perfection of human potentialities, the dominance of the environment to meet human needs, and the compassionate service of others? Is not the Taoist's conception of life too selfish and animalistic? Would man really find happiness in such a primitive mode of society as Taoism holds up as the ideal? Is man not troubled by a spark of "divine unrest"? Even village life, to be supportable, needs more of an economic basis than the Taoist ideal would seem to permit. Even to provide the bare necessities of food, clothing, housing and medical attention requires a

considerable amount of thought and effort and at least, the partial transformation of the crude environment. How much further should one go? The Confucianist would answer much further. Man, according to Confucianists, will never be fully happy unless he develops his human capacity for intellectual enjoyment. The unreflective life of a beast is not enough. Why be content to live as an animal when one can live as a cultured human being?

It is interesting to point out that according to the principles of the Taoist philosophy, Confucianism itself, with its striving after an ideal and absolute pattern of life would have to be accepted as an expression of the Tao. Why can one not say, then, that it is as good an expression of the Tao as the way of life preached by the Taoists? Who is to judge between them and on what basis?

Have we not again here an example of the dialectic at work? Does not each philosophy contain a part of the truth and should we not look for a larger synthesis which will do justice to each while transcending both? But does not this suggestion imply an absolute standard of truth and value?

The Taoist at this point might seek a way of escape through the principle of relativism. According to this notion; men are not all the same. Why try to force all to follow the same absolute standard as Confucius would have done? What is meant by *the right* or *the good*? Are there not different right ways or different goods depending upon men and circumstances? Chuang Tzu said that men live in houses, monkeys in trees, eels in the mud. If men were to try to live in the trees, it would make their teeth chatter, and if they tried to live in the mud, they would get lumbago. There is no *right* habitat. Each being has a form of abode appropriate to its own nature. So, again, he says that men eat meat; crows, mice; and owls, snakes; but there is no *right* taste. When the wind blows in the forest, some trees respond with a noise like a whip, others with the sound of water, others with a roar, but there is no *right* sound as a mode of response. Why should men all respond to the Tao in the same way?

Chuang Tzu tells the story of three rulers who were accustomed to meet together. The ruler of the north and the ruler of the south met in the center, the land of Chaos, who received them most hospitably. In order to repay his kindness the other two decided to do him a favor. They had observed that while all other beings had seven orifices for hearing, seeing, etc., poor Chaos had none. So they proceeded to dig one in him each day, but on the seventh day poor Chaos died.

Why, asks the Taoist, should we expect all men to be the same, to live by the same standards, or to find good in the same way? Undoubtedly, there is some truth in the relativistic point of view. There are some areas in which the principle applies, but is it a universal principle and does it hold of all things? Is it an absolute principle? To ask this question is, to reveal the dialectic at work again. To assert the absolute truth of the relativistic principle is to see that idea turn into its contradictory or other. It raises the question as to whether there are absolute as well as relative truths and values, and that is a question not easily settled.

This problem raises, in turn, a further one. In our discussions about the nature of reality how do we arrive at the truth? How do we know the Tao and its modes of expression? For the Taoist, we know the Tao in its ultimate nature not by sense perception, nor by conceptual analysis, but by an intuition, which is a kind of mystic insight. We know the Tao by the Tao which is in us. We know it, that is, because we are at one with it.

The Taoists have always insisted that the nature of the Tao is something ineffable. One may think of it as the mother of all things but its true name we do not know. Tao is merely the name we give it. "The Tao", says Chuang Tzu, "cannot be asked about, and to the question there is no answer". If someone answers in reply to a question about the Tao, that in itself is evidence he does not know the Tao. The Tao, we are told, is known by "sitting in forgetfulness". To sit in forgetfulness means ridding one's self of all sense perception and bodily feeling, and the discarding of all conceptual processes.

It would seem, if this is true, that Lao Tzu, Chuang Tzu and the other Taoists have already gone too far in their description of its nature. Have they not already told us too much about it? Do they really know the Tao? If they are correct, in asserting its ineffable nature, should they not, when asked about it, do as the Buddha did when asked by Kasyapa about the Buddha nature, simply twirl a flower?

Zen, like Taoism, has always insisted upon the inexpressible nature of reality and exemplifies this by its use of mondos and koans, and by its insistence that the truth cannot be communicated by speech. To try to do so is "as impossible as for a mosquito to bite an iron horse".

The followers of Taoism and Zen are undoubtedly right in calling our attention to those aspects of experience which can be known only in an immediate way. It is "impossible to describe the colors of a sunset to a man

born blind". By our words we can only "symbolize" realities which themselves must be known directly. Such aspects of experience as sense, the unity or togetherness of things in experience, the flow and the continuity of experience, are things which we do know in an immediate way. But does that mean that these things can in no wise be thought by concepts and symbolized by words? Because words are discrete and static; it does not follow that they cannot symbolize concepts which, although in a sense also discrete and static, nevertheless mean continuity and movement, and define relational patterns in the intuited.

As professor Hocking points out in his *Types of Philosophy*, intuition of the immediate is always in advance of conceptual analysis, it helps us to correct our concepts, it guides our syntheses of them, and enables us to judge as to their adequacy, but that does not mean that conceptual analysis must necessarily falsify or be of no value. The immediate, he suggests, needs interpretation to tell us *what* it is. In itself, it is inadequate to interpret its own nature. As Kant suggested, "Concepts without percepts are empty, but percepts without concepts are blind".

In our attempt to deal with the intuited whole of experience in its continuity and flux, we may, as Bergson points out, not always do justice to it, and our task of conceptual analysis may never be completed. It is our intuition which reveals this truth, but, nevertheless, conceptual analysis is valuable and a necessary supplement if we are to understand *what* we intuit. Here again, to resort to the principle of the dialectic, we apparently have two elements in knowledge neither of which may be neglected in our search for truth.

When we "sit in forgetfulness" we do experience something, but *what* it is may require conceptual analysis and construction to express its nature. Is *what* we intuit in such moments the real in itself or is it, perhaps, only an appearance or, perhaps, the content of a dream? You may remember that Chuang Tzu said that he had once dreamed that he was a butterfly flitting from flower to flower and sucking the honey. Then he awoke. But, ever after, he said, he found himself asking whether he was a man who dreamed that he was a butterfly, or a butterfly dreaming he was a man. Intuition itself seemed to be unable to settle the problem for him.

The questions I have raised are difficult ones, namely, whether reality is one or many, whether it is an absolute flux or also contains something permanent, whether truth and value are absolute or relative, whether man's happiness is found in an individualistic simplicity of life or a compassionate social

endeavor, and whether truth about reality is to be discovered by intuition or by conceptual analysis and construction. Perhaps in each case the truth, as the followers of the dialectic method suggest, does not lie in either of the extremes taken by itself but in a larger synthesis which includes both the alternatives. I certainly do not pretend to have the answers to these problems, but I find myself confronted by them as I study the teachings of the Taoists.

It may be, as Professor Nguyen Dang Thuc suggests, that the answer will be found not in mystic intuition nor in abstract reflective thought, but will rather be revealed to one as he engages in the active processes of a life dedicated to unselfish service. Such, at least, he says was the proposal of Trần Thánh Tông, the ancient Vietnamese scholar king of the 13th century, who sought to achieve a synthesis of the mystic insight of Buddhism and Taoism with the activist idealism of Confucius through a life of practical activity in the service of the state.

JUST OUT**SAY IT IN VIETNAMESE**

(Saigon: Kim-Lai Ân-Quán, 1963)

Hoa's Vietnamese Phrase Book revised to give you no deadwood, but only useful sentences and phrases.

134 pages. Index.

VN \$ 75.

SPEAK VIETNAMESE

(REVISED EDITION, 1963)

by
NGUYEN DINH HÒA, PH. D.

Based on the techniques of modern linguistics, this textbook, first published in Washington in 1955 and in Saigon in 1957, has now been revised in the light of book reviews and classroom experience.

The author is Associate Professor of Linguistics and English at the Faculty of Letters, University of Saigon.

VN\$ 100.

388 pages

Please order from the Publisher:
TEXTBOOK AND PUBLICATION SERVICE
DEPARTMENT OF NATIONAL EDUCATION
89, Le Van Duyet Street
SAIGON, VIETNAM

JEAN DONALDSON
Summer Institute of Linguistics
University of North Dakota

a study of the "nặng" tone in the northern dialect of vietnamese

1. Introduction. The available descriptions of the *nặng* tone are very abbreviated. Ly¹ has a chapter describing his instrumental study of the six tones in Vietnamese. This paper, in contrast, is a description of the *nặng* tone based on an aural perceptive study.

2. Procedure. This study was carried out with several Northern informants from the Hanoi area who used, for the most part, a reading pronunciation or slow, careful speech. After using stories and conversations initially, it was necessary for the purpose of a more complete study to add additional sentences which were checked with native speakers. The informants, not aware that my study was of the *nặng* tone, were requested to revise the sentences to such as would occur in normal speech.

Listening to a native speaker and to tape-recorded conversations and stories enabled me to obtain a general impression of the *nặng* tone in context which helped me to know how to proceed.

The first step of the procedure was to obtain sentences using the *nặng* tone with all possible adjacent tonal environments, including the test word's occurrence as sentence initial or sentence final. (*Chi, học, bạn, gọi, and được* were each considered in the above mentioned environments). Although this tone does not have a high percentage of occurrence in relation to the other tones,²

¹ Lê Van Ly, *Le Parler Vietnamien*, Huong Anh, Paris, 1948.

² From Emeneau's results on the frequency of occurrence of the various tones in connected discourse, *nặng* percentages in the four passages studied average only 11.7 percent. M. B. Emeneau, *Studies in Vietnamese (Annamese) Grammar*, University of California Press, Berkeley and Los Angeles, 1951, p. 37.

it occurred in all the tested environments, regardless of the type of word final phoneme in the test words (i. e., stop, nasal, vowel, or semi-vowel).

Secondly, words with *nặng* tone and *huyền* tone in identical and similar contexts were compared. (For example, *Cái này bùi lắm. Cái này bùi lắm*). This comparison was made after having noted that in context the level of the two tones is the same, as Ly notes in describing a musician-like impression of the tones.³

The next step was to listen to a series of two or more adjacent *nặng* tones within the wider context of a sentence. There is a tendency not to have a long string of *nặng* tones in normal speech, so a series of more than two are not common, although they can occur (as, *Tôi hân hạnh được gặp bà, Viện Đại Học, and Bộ Nội Vụ*). The sentences included all possible combinations with reference to the word-final positions: i. e., stop-final, nasal-final, vowel-final, and semi-vowel-final were each tested preceding and following words of all types. For comparison, a word with the *huyền* tone was included in the sentences.

Fourth, *nặng* words in isolation were observed in contrast with *huyền* words, which were otherwise identical. Stop-final *nặng* words were compared with similar words of both tones, since a stop-final never occurs on words with a *huyền* tone. (*bình, bịnh, bit, bì; mù, mụ, mục, mùn, mện, etc.*)

3. Results. Steps one and three demonstrated that no variation in the pronunciation of words having the *nặng* tone corresponds with change in tonal context - including *nặng* words in series-or with change in its position in the sentence. A variation was later noted in conversational speech, utterance medially, where the final glottal stop may be omitted, as has been observed in these contexts: *Bộ Nội Vụ, Bùì thị Xuân, and Viện Đại Học*, where the underlined word has been pronounced as *huyền*.

The level of *nặng* tone in context is identical with that of the *huyền* tone. (Example: *Tôi hân hạnh gặp bà.*) Ly notes from a musician-like concept that if *bằng* (mid-level tone) is fixed on Sol, BOTH *huyền* and *nặng* would be on Re. In isolation, my informant pronounces the *nặng* tone lower than *huyền*, except for words having a stop-final, which were pronounced on the same level as *huyền*. (Example: *bình, bịnh, bit, bì, bì*). Other native speakers do not consistently make this distinction, however.

Laryngealization may occur on the vowels of words having the *nặng* tone as, *chị* (çi ? i ? i ?); except for stop-final words. This is especially common

³ Ly, p. 108, sections 4 and 6.

in slow, precise speech, as Thomas mentioned⁴. On tapes and in the first few readings by my informants, the vowels were very frequently laryngealized. Later, as the informants became more accustomed to the procedure, this almost disappeared.

A glottal stop occurs word-final on words written with a nasal, vowel, or semi-vowel final,⁵ *chị* (çi ?), *gọi* (gọi ?). On words having a nasal final, this effects a double closure. That is, the oral closure, in effect a voiceless stop, is made simultaneously with the glottal stop, the tongue reaching the point of articulation as the vocal cords interrupt the airstream, *bạn* (ba ? 'n). The nasal may be pronounced after the double stop is released (ba ? 'n), especially in slow, careful speech.⁶ Even when the nasal is not pronounced, the vowel preceding the glottal stop is nasalized, and, being colored by the approach to the voiceless stop, which is articulated as a component of a double stop, it enables one to distinguish a word with an alveolar final from one with a velar final (as, *mạn* from *mang*).

The orthographic distinction between the *nặng* and *huyền* tones is not based on a pitch distinction in the Northern dialect. Phonemically, the pitch is the same in context. The distinction writes words without a phonetic stop-final with the *huyền* tone, and words with an unwritten glottal stop or a written (and phonetic) stop final - p, t, c, k, with the *nặng* tone⁷.

4. Summary. The *nặng* tone of the Northern dialect in context, therefore, would be pronounced on the same pitch as the *huyền* tone. When the word is not written with a final stop, the vowel is cut off by a glottal stop. In slow speech the vowel may be laryngealized, and if a nasal final is written, the vowel is nasalized and the nasal may be articulated following the release of the glottal stop.

⁴ David D. Thomas, "Lectures in Vietnamese Grammar for Intensive Vietnamese Course" Lecture 1, *Summer Institute of Linguistics*, unpublished. "In slow precise speech it (*nặng*) sometimes has glottalization in the middle of the vowel."

⁵ Ly, p. 116, section 6, mentions that the glottal stop is more apparent when the word ends with a vowel or a nasal consonant.

⁶ See *lạn* and *lận*, Ly, p. 117, numbers 33, 34.

⁷ The classing of stop final words with the *nặng* tone in the present orthography may result from the original combination of *sắc* and *nặng* tones suggested by Haudricourt (André G. Haudricourt, *De L'Origine des Tons en Vietnamien, Journal Asiatique CCXLII*: 1, 1954, pp. 69-82). *Sắc* is the only other tone having words ending with a stop.

Bibliography

- Vietnamese Basic Course, Vol. I, *Army Language School*, Monterey, California, May, 1955, p. 6.
- R. BULTEAU, *Cours D'Annamite*, Editions Larose, Paris, 1953, p. XVIII.
- M. B. EMENEAU, *Studies in Vietnamese (Annamese) Grammar*, Univ. of California Press, Berkeley and Los Angeles, 1951, p. 28.
- ANDRE G. HAUDRICOURT, De L'Origine des Tons en Vietnamien. *Journal Asiatique*, CCXLII : 1 (1954) pp. 69-82.
- NGUYEN DINH HOA, Double Puns in Vietnamese, A Case of "Linguistic Play", *WORD*, Vol. II No. 2, August, 1955, The Linguistic Circle of New York.
- *Quoc Ngu : The Modern Writing System in Vietnam*, Washington, D. C. 1955.
- LÊ VĂN LY, *Le Parler Vietnamien*, Huong Anh, Paris, 1948, p. 105-119.
- ROBERT B. JONES, JR., and HUYNH SANH TONG, *Introduction to Spoken Vietnamese*, Washington, D. C., 1957, pp. 3, 225.
- HENRI MASPERO, Etudes sur la Phonetique Historique de la Langue Annamite, *Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême Orient (BEFEO)* 12. 1-3, 1912.
- WILLIAM A. SMALLEY and NGUYEN VAN VAN, *Tieng Viet Cho Cac Giao-Si*, Unit One, Saigon, Vietnam, 1957, p. 28.
- DAVID D. THOMAS, "Lectures in Vietnamese Grammar for Intensive Vietnamese Course" Lecture 1, *Summer Institute of Linguistics*, unpublished.
- LAWRENCE C. THOMPSON, "Saigon Phonemics", *Language* Vol. 35, No. 3, pp. 454 - 476.

ici, les écrivains du Viet-nam !

Dans le cadre et en exécution du Projet majeur Orient-Occident de l'UNESCO, nous publierons sous cette rubrique les traductions en français ou en anglais des extraits de nos écrivains, poètes et prosateurs. Dans ce numéro, nous avons le plaisir de présenter à nos lecteurs deux extraits du *Trinh Trắng* de Đông-Hồ.

bài thơ nhân-loại

Những gì nữa có không. Không phải biết.
Biết có Ta. Và Ta có nhau đây
Thơ ta có. Và Thơ ta bất diệt,
Trùm thời Xưa, bao quát cả thời Nay.

Thơ ta chở Không-gian thuyền Vũ-trụ
Vượt Thời-gian, chỉ biết có đêm ngày:
Váng Nhật Nguyệt chuyền khắp ngôi tinh-tú,
Không mọc bên kia, chẳng lặn phương này.

Quả địa-cầu tròn quanh một khối,
Thì chi chia biệt có Đông Tây.
Thơ tuôn chung một nguồn Nhân-loại;
Lai-láng hồn Thơ bôn biển đầy.

Vộc nước ừng chung dòng suối mát;
Tâm chung trong biển sóng hương say.

Cùng soi chung một tâm gương trắng bạc.
Hình Thi-nhân lóng-lộng giữa khung mây.
Một ngôn-ngữ cất lên cùng điệu nhạc:
Lời Thiên-nhiên chim gió tiếng vui-vầy.

Rồi đem Thơ buộc tình thân-ái,
Người với Người Thơ tay nắm tay.

ĐÔNG-HỒ, *Trình-Trắng thi-tuyển*
(Sài-gòn: Xuất-bản Bốn-Phương, 1961).

LA POÉSIE DE L'HUMANITÉ

Que d'autres choses encore existent, peu importe ! Nous
n'avons pas à le savoir.

Mais, sachons que nous existons, nous les poètes qu'un
destin solidaire a réunis en ce monde,

Que nous avons, à nous, la poésie
Qui, impérissable, transcende le Passé et même le Présent.

Notre poésie, qui emporte la barque du Cosmos
Par-dessus et l'Espace et le Temps,
N'a que faire de connaître et la nuit et le jour
Le Soleil et la Lune, qui roulent parmi les constellations,
Ne se lèvent d'un côté, ni ne se couchent de l'autre.

La Terre, globe qui tourne sur lui-même,
N'a que faire d'opposer l'Orient à l'Occident.
Notre poésie, jaillie de l'Humanité, sa source commune
Répand à flots son Esprit, dont les quatre mers sont
toutes pleines.

Et nous, les poètes, en y puisant à pleines mains, nous
nous abreuvons de son eau fraîche;
Tous ensemble, nous nous baignons dans ses ondes
enivrantes ;

Tous ensemble, nous nous regardons dans le même
miroir, dans la lune argentée.
Qui nous renvoie, resplendissante, l'image du Poète
dans son cadre de nuages ;

Tous ensemble, nous parlons le même langage aux sons
mélodieux,
Le langage de la Nature en liesse, des oiseaux et du vent.

Et, l'un à l'autre rivés par les doux liens de la Poésie,
L'Homme et l'Homme-poète marchent, côte à côte, la
main dans la main.

Extrait du *Trình-Trắng* (Immaculata) du poète Đông-Hồ,
Saigon : Bốn-Phương, 1961.
(Traduction française de NGUYỄN-KHẮC-KHAM)

chinh chiến

*Đất mát trời thơm sông nhẹ nhẹ,
Trăng hiền mưa ngọt gió vương vương.
Đời nhìn âu-yếm, cười nhung lụa,
Vạn vật ru nhau giấc ngọc vàng.*

*Đất giận trời nghiêm sông lằng-lặng,
Trăng buồn mưa xót gió thê-lương.
Đời nhìn gay gắt, cười chanh ớt,
Vạn vật đũa nhau đèn chiến-trường.*

*Đất lệch trời nghiêng sông cuộn cuộn,
Trăng cuồng mưa loạn gió đau thương.
Đời nhìn hân-học, cười nanh vuốt,
Vạn vật giành nhau miếng máu xương.*

*Sợ chết, giết nhau giành lây sông ;
Giành nhau cho được sông huy-hoàng.
Yêu sông, giết nhau không sợ chết ;
Giành nhau cho được chết vinh-quang !*

*Ôi dền bao giờ chinh-chiến hết ?
Hỏi làm chi nhì ! Chuyện hoang đường.
Than làm chi nhì ! Đời ly-loạn,
Vạn vật từ xưa đã chủ-trương.*

ĐÔNG-HỒ, *Trình-Trắng thi-tuyển*
(Saigon : Xuất-bản Bốn-Phương, 1961.)

GUERRES ET CONQUÊTES

Oh! comme la terre paraît fraîche? le ciel, parfumé! et le fleuve, paisible!

Comme la lune paraît bienveillante! la pluie, avenante! et le vent caressant?

On s'échange des regards aimables avec des rires « de velours et de soie ».

Et, les uns les autres, on se berce pour s'endormir d'un sommeil « d'or et de jade ».

Oh! comme la terre paraît maussade! le ciel, austère! et le fleuve, taciturne!

Oh! comme la lune paraît triste! la pluie, chagrine! et le fleuve en peine!

On s'échange des regards irrités avec des rires de « citron et de piment »!

Et, farouches, on s'entraîne sur les champs de bataille!

Oh! comme la terre paraît se renverser! le ciel, s'écrouler et le fleuve tout en convulsions?

Comme la lune paraît en furie, la pluie en panique et le vent, en sanglots.

On s'échange des regards de haine avec des rires de « carnassiers et de rapaces ».

Et l'on se dispute à qui aura sa part d'os et de sang!

Dans la crainte de mourrir, on s'entretue à qui aura la vie sauve!

On lutte à qui l'aura toute magnifique!

Dans l'amour de vivre, on s'entretue sans craindre la mort.

On lutte à qui l'aura toute glorieuse!

Hélas! A quand donc la fin des guerres et des conquêtes?

Mais, à quoi bon nous le demander? C'est pure utopie!

A quoi bon nous lamenter? Ainsi, en temps de troubles,

Va la vie comme depuis toujours.

Extrait du *Trình-Trắng (Immaculata)* du poète ĐÔNG-HỒ,
Saigon: Bốn-Phương, 1961.

(Traduction française de NGUYỄN-KHẮC-KHAM)

QUAN-NIỆM và SÁNG-TÁC
THƠ
THEO LỜI THI-NHÂN VÀ HỌC-GIẢ PHƯƠNG TÂY

của ĐOÀN-THÊM

Cuốn sách quốc-văn đầu tiên tập-trung và phổ-biến những quan-niệm và sáng-tác thơ theo lời Thi-nhân và Học-giả phương Tây.

Viện Đại-Học Huế xuất-bản năm 1962

456 trang (giấy trắng mịn, khổ 20cm X 13cm,5), giá bán 75\$

Sách gồm 2 phần chính và 1 phần phụ-lục :

- Ý-kiến các thi-nhân (Thơ là gì, Hồn thi-nhân, Lĩnh-vực và mục-dịch thơ Các nguồn thơ, v.v...).
- Ý-kiến của các học-giả, triết-nhân, nhà phê-bình (ý-kiến tổng-quát về Thơ, Thiên-tài, thi-hứng và sáng-tác, v.v...).
- Phụ-lục : Danh-mục và tiêu-sử các thi-nhân và học-giả (có ghi tên trong sách này).